Tác Giả và Tác Phẩm

Cao Xuân Huy
(Tháng ba gẫy súng)

Tiểu sử
Sinh tháng 9.1947 tạii Bắc Ninh. Mất ngày 12.11.2010 tại California.

Tác phẩm
Tháng ba gẫy súng, Vài mẩu chuyện và một số truyện ngắn

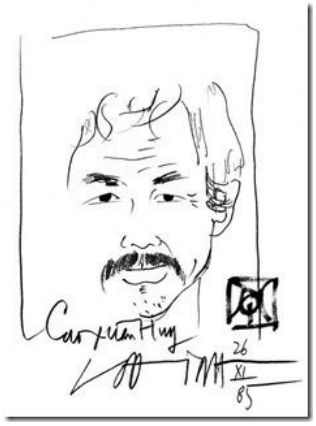

Cao Xuân Huy, phác họa bằng bút chì của Võ Đình, vẽ tại nhà Nguyễn Mộng Giác năm 1985, trong buổi họp mặt với Nguyễn Bá Trạc, Nguyễn Tất Nhiên, Bùi Vĩnh Phúc

Mục Lục

Giới thiệu "Tháng Ba Gãy Súng"…- Nguyễn Xuân Hoàng - 2
Cao Xuân Huy và một giấc mơ buồn!!! – Trần Nghi Hoàng – 4
Tản nạn với Cao Xuân Huy – Trần văn Thủy – 9
Thổ Ti – 15
Thư gửi nhà văn Cao Xuân Huy… (*1) **– Minh Nguyện - 17**
Những nơi người lính đã đi qua...- Phan Nhật Nam – 21
Nhớ về nhà văn Cao Xuân Huy – Bảo Ninh – 25
Tiểu sử Cao Xuân Huy từ Hà Nội (*2) **- 29**
Trước giờ ngưng bắn – Hoàng Khởi Phong – 30
Đọc Cao Xuân Huy (*3) **– Lưu Na - 40**

Phụ đính I:
Những chặng đường của Tạp chí Văn Học
Cao Xuân Huy, tác giả và… - Tháng Ba, ngó lại - Những trang văn xuôi…
Chiến tranh nhìn từ nhiều phía – Đời lính của Cao Xuân Huy - Gãy súng rồi gãy viết
Phỏng Vấn Cao Xuân Huy và Tháng Ba Gẫy Súng

Phụ đính II: Bút ký của Cao Xuân Huy *Tháng ba gẫy súng*

(Tim bài đọc: ở "Keyboard", nhấn nút "F5", đánh số trang, rồi "Enter")

Giới thiệu “Tháng ba gãy súng” của Cao Xuân Huy

Nguyễn Xuân Hoàng

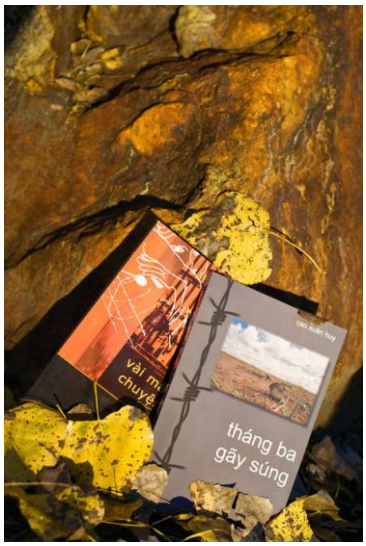

1. Giới thiệu “Tháng Ba Gãy Súng” của Cao Xuân Huy
Cuối tháng Giêng 85, cùng với một số đồng bào may mắn muộn màng khác ở đảo Bataan, chúng tôi có tên trong danh sách rời trại tị nạn Phi Luật Tân, lên đường đi định cư ở một thành phố miền đông bắc Hoa Kì, nơi tôi sẽ được gặp lại cô em út sau mười năm xa cách. ...

Cảnh vật mùa Đông ở Springfield đẹp mà buồn. Cây cối trụi lá trơ cành khẳng khiu in mờ nhạt trên một bầu trời xám xịt. Mặt đất phủ đầy tuyết trắng lạnh giá. Tuy vậy, tôi còn nhớ rõ trong lòng tôi tràn ngập một niềm hạnh phúc ấm áp. Giờ đây khi bước sang mùa Đông thứ hai, tôi nghiệm thêm một điều là không phải bao giờ tuyết cũng trắng sạch, cũng đẹp đẽ và cũng thú vị như cái cảm giác tôi đã có trong những ngày đầu. Dù sao, đó sẽ lại là một chuyện khác.

Tôi muốn nói, chính trong những tháng ngày thong thả tạm thời này, tôi có một niềm vui sướng là được đọc những trang viết đầu tay của một tác giả mà tôi chưa hề quen biết: *Tháng Ba Gãy Súng* của Cao Xuân Huy.

Tháng Ba Gãy Súng. Hình như tên gọi của truyện kể là điều trước tiên lôi cuốn tôi. Tựa đề của một cuốn sách vốn đơn giản. Tháng Ba Gãy Súng là sự đơn giản quyến rũ. Tháng Ba là tháng thọ nạn của miền Trung, khi cơn lốc đỏ từ miền Bắc lao xuống. Phải một thời gian sau nữa nó mới đổ ập tới Sài Gòn yêu dấu cái Tháng Tư Đen hãi hùng và thống khổ. Cao Xuân Huy đặt câu hỏi: Ai đã bẻ gãy súng của quân đội ta, những người lính dũng cảm, có thừa mưu trí và kinh nghiệm chiến trường? Ai đã làm cho người lính chúng ta bó tay, khi súng còn đó mà đạn đã hết ở trong nòng?

Tác giả cho thấy bên dưới những người và việc là sự mất niềm tin của người lính trận trước một số cấp chỉ huy, những đàn anh “khả kính” đã dứt bỏ hàng ngũ trong cơn quẫn bách để chạy lấy thân, còn thì sống chết mặc bay!

Tháng Ba Gãy Súng vẽ lại cơn hồng thủy của một cuộc chiến không thương tiếc, phủ chụp lên số phận của cả một dân tộc. Trên bờ cát lạnh lẽo của biến cố, người ta nghe thấy tiếng động của những vòng xích sắt nghiến lạo xạo trên sọ người.

Đó là cuốn sách chứa rất ít nụ cười nhưng rất nhiều máu và nước mắt; niềm vui thì khô cằn mà đau thương và bất hạnh thì màu mỡ phì nhiêu; tàn bạo và căm hờn là bình thường nhưng dịu dàng và thuận thảo là điều xa lạ.

Chữ nghĩa trong *Tháng Ba Gãy Súng* giản dị, tự nhiên và trong sáng. Nhưng người đọc biết rõ một cách mười mươi rằng để có được những dòng chữ tưởng chừng như dễ dàng đó, Cao Xuân Huy đã phải trả một giá khá đắt: sự thách đố của anh với tử thần trong những đường tơ kẽ tóc để đổi lấy phẩm giá làm người. Có thể nói Tháng Ba Gãy Súng đã được viết bằng một trái tim nóng bỏng trước khi được gọt dũa và trau chuốt bằng một bút pháp nghề nghiệp. Nhưng điều này không hề làm hạn chế sức sống của tác phẩm.

Những ai ham đọc sách đều biết rằng các nhà văn lừng danh trên thế giới như Flaubert, Hemingway, Dickens, Tolstoi… đều đã viết bằng một thứ ngôn từ tự nhiên và giản dị.

Trong một lần gặp gỡ tác giả, tôi hỏi anh tại sao lại xếp *Tháng Ba Gãy Súng* vào thể loại Hồi Ký mà không là Truyện Kể hay Truyện Ký, Cao Xuân Huy trả lời: “Bởi vì tôi đã không lồng vào đấy bất cứ một hư cấu nhỏ nào. Tôi viết lại hoàn toàn sự thật những điều mắt thấy tai nghe. Chỉ tiếc một điều là tôi đã không đủ khả năng để viết được tất cả những gì tôi cần phải viết”.

Thật vậy, văn chương vốn cần hư cấu, nhưng hiện thực tự nó cũng thừa sự lớn lao và sâu sắc mà một trí tưởng tượng khiêm tốn đôi khi còn nghèo nàn và nông cạn hơn. Nói cách khác, hư cấu trong một tác phẩm tuy cần thiết, nhưng hiện thực bao giờ cũng là nền tảng để từ đó hư cấu có thể thành hình và đứng vững.

Chính cái hiện thực này đã khiến cho ngòi bút của Cao Xuân Huy có được cái vẻ sắc sảo đặc biệt, đồng thời cũng làm cho *Tháng Ba Gãy Súng* giữ được cái vẻ tươi mát nóng bỏng mà mọi thứ hư cấu rắc rối không sao đạt được.

Và nghệ thuật của Cao Xuân Huy nằm ở chỗ làm cho tác phẩm của anh có được sức thuyết phục mạnh mẽ hơn cái nó vốn có trong thực tế.

Thích nhất là những mẩu đối thoại trong *Tháng Ba Gãy Súng*. Nó nguyên chất, nhưng không dư thừa và tầm thường. Nó chưa bị chảy qua cái máy lọc “văn chương triết lí” nào. Nó sống và chát. Và rất gần với chúng ta.

Trả lời câu hỏi động cơ nào khiến anh viết *Tháng Ba Gãy Súng,* Cao Xuân Huy nói: “Không ai là không quay lại nhìn chỗ mình vừa ngã, và cũng không ai là không quay lại nhìn đống phân mình vừa thải. Ngã là lỗi của chính mình và phân có thối cũng là phân của mình. Vậy mà tại sao cả chục năm nay vẫn không thấy ai dám quay lại nhìn cái lỗi đã làm cho mình ngã ngay trên đống phân của mình, ngoài những lời chửi bới và đổ lỗi cho người khác”.

Tất nhiên câu nói của anh còn có chỗ phải bàn thảo lại, suy nghĩ thêm, nhưng ở đây trong khung cảnh đặc biệt của Tháng Ba Gãy Súng, câu nói đó có cách lí giải riêng của nó.

Trước khi cầm bút viết lại những ngày tháng của lịch sử một trận chiến mà mình là một chứng nhân, Cao Xuân Huy đã là một sĩ quan chiến đấu thuộc một binh chủng lừng danh chiến trường mà mọi người chúng ta đều nghe tiếng: Thủy Quân Lục Chiến.

Chiến trường, sống và viết, Cao Xuân Huy có đủ những yếu tố đó để viết những trang văn xuôi nóng bỏng của mình.

Cao Xuân Huy nói: "Đất nước ta đâu phải là một bàn cờ mà hễ đánh thua ván này thì xóa đi xếp quân làm lại bàn khác, mà tướng vẫn là tướng, quân vẫn là quân, đâu phải những con xe, con mã, con chốt đã chết đều có thể dựng đầu dậy để làm lại một trận đấu mới!" Những suy nghĩ đó của anh không hề có ý định dừng lại ở chỗ chỉ là những điều viết ra để ngẫm nghĩ.

Khi trang cuối của *Tháng Ba Gãy Súng* được gấp lại, người đọc hình như vẫn cảm thấy còn một điều gì đó chưa xong chưa hết. Cái dấu chấm hết của mệnh đề sau cùng vẫn còn là một lời hứa hẹn sẽ mở ra một trang sách khác.

Dù sao những hình ảnh tàn nhẫn và khủng khiếp, những nỗi lo âu và hãi hùng vẫn còn đọng lại trong ta. Vẫn còn đọng lại trong ta những địa danh, địa hình, địa điểm quen thuộc của một vùng đất quê hương khô cằn, cả thời tiết của đất trời mà da thịt ta vốn từng chịu đựng, và nhất là vẫn còn đọng lại trong ta hình ảnh những con người – trong đó có chúng ta – với số phận hẩm hiu cô quạnh bị bủa vây trong cơn cuồng nộ của những biến cố bạo tàn…

Tất cả những người và việc ấy chừng như mới xảy ra ngày hôm qua, vẫn còn luẩn quẩn đâu đây…Với *Tháng Ba Gãy Súng*, Cao Xuân Huy đã viết được "những trang văn xuôi lương thiện và giản dị về con người", điều mà Ernest Hemingway gọi là "trên đời này thật không có gì khó khăn hơn".

Santa Ana, tháng Tư 1986

Cao Xuân Huy và một giấc mơ buồn!!!

Trần Nghi Hoàng

Chưa khi nào tôi nghĩ là mình sẽ viết về Cao Xuân Huy (CXH). Nhất là, lại viết về CXH trong một trường hợp khá tế nhị như thế này!
Tôi và CXH đã có với nhau ít ra dăm ba bữa rượu. Nhưng trong trí nhớ đầy ắp và hỗn loạn những màu sắc, những tình cảm tình tiết không biết phải bắt đầu và lần mò từ đâu trong cái quá khứ trùng trùng sóng gió của tôi, tôi còn nhớ hai bữa rượu với CXH. Một bữa ở Cao Sơn Nam Cali rất tình cờ và có nhiều nhân vật khác như Vô Thường (đã chết), Lê Uyên, bà Đặng Tuyết Mai và ông Hiển v.v... Bữa rượu thứ hai chỉ có CXH và tôi ở trong một cái công viên hoang dã, dường như tên là Long Park ở San Jose, Bắc Cali.
Từ bữa rượu ở Long Park San Jose đến nay đã hơn mười năm. Có thể là đã mười lăm năm. Hôm đó, Huy từ Orange County lên San Jose. Tưởng Năng Tiến đang bận làm việc. Tôi xách một chai Remy Martin, vài gói khô bò Mỹ, một bịch đậu phọng da cá (?) và Huy vào Long Park. Ba giờ chiều. Hai thằng ngồi tì tì chơi hơn nửa chai Remy. Một anh Mỹ đen mặc áo có phù hiệu Ranger tấp cái xe Wrangler màu đỏ vào chỗ gốc cây mà tôi và Huy đang ngất ngưỡng. Mặt trời bốn giờ chiều vẫn còn phừng phừng. Mặt tôi và Huy chắc cũng đang phừng phừng. Tay ranger nhảy xuống xe, hất cằm:
"Ê! Bộ mấy cha không biết là trong park cấm... nhậu sao?
Tôi cười cười đứng lên:
"Biết thì có biết chớ! Nhưng tụi tao đâu có... nhậu. Tui tao chỉ... uống rượu thôi mà! Làm một shot đi! Cognac nghe!"
Huy cầm chai cognac, rót vào cái ly giấy có vài cục đá. Tay ranger ngần ngừ trong một giây, bỗng toét miệng cười đưa tay đón ly rượu từ tay Huy:

“Mấy cha thiệt là... “
Tay ranger nốc ly cognac. Huy rót thêm một ly. Tay ranger chơi luôn một hơi. Huy nói:
“Ê! Ngồi xuống đi. Tụi tao bạn lâu ngaỳ gặp nhau, chỉ uống với nhau vài ly rượu và nhắc chuyện “quê nhà” ấy mà.”
Tay ranger khoát tay:
“Tụi mày ở đây chờ tao. Tao sẽ trở lại ngay.”
Tay ranger nhảy lên xe, phóng đi. Chừng đâu mươi, mười lăm phút sau, hắn ta trở lại với một “vali” beer lạnh, một bịch giấy đầy mấy thứ loan ngổn trên tay. Tay ranger quả tình muốn nhập cuộc chơi với tôi và CXH.
Tôi không còn nhớ rõ lắm câu chuyện giữa hai tên Việt tị nạn và một tên Mỹ đen ngày hôm đó. Chỉ nhớ mang máng là tôi và Huy đã nói với tên Mỹ đen về đất nước Việt Nam, về nỗi đau của những con người phải rời bỏ quê hương, về chủ nghĩa và “tụi” Cộng Sản mê muội chẳng biết phân biệt đâu là hạnh phúc cho người dân và tiến bộ an bình cho đất nước. Huy nói khá nhiều. Huy uống hào phóng. Khuôn mặt rám nắng. Mái tóc lởm chởm ngắn như vẫn luôn vừa cạo đầu từ hai tuần trước!
CXH là như vậy. Bổ bã và tình cảm... không phải tiểu tư sản, mà là giang hồ.
Huy đã đem cái giang hồ của một tay trung úy Thủy Quân Lục Chiến miền Nam giờ là... nhà văn lưu vong, để “tiếp đãi” một cán bộ văn hóa Việt Cộng đang thi hành nhiệm vụ!!!
CXH lái xe đi đón, vui vẻ trò chuyện với Trần Văn Thủy (TVT). CXH “tin” là TVT vẫn chưa biết Huy là con của trí thức văn nghệ sĩ nổi tiếng miền Bắc: Cao Nhị! Tôi thì tôi không tin như vậy. Tôi có thể đoan chắc là TVT đã biết CXH là con của ông Cao Nhị trước khi hai người gặp nhau. CXH gặp TVT có thể do tình cờ hay gạch nối Hoàng Khởi Phong (HKP). Nhưng TVT thì dễ gì trước khi ra khỏi Việt Nam, lên đường đi công tác, đã chẳng làm “home work” về những tên tuổi mà mình sắp gặp! Những tên tuổi có thể do William Joner chọn, cũng có thể do TVT đề nghị qua sự điều nghiên của những tay chuyên môn ở Chính Trị Bộ. Tôi không “tâng bốc” quá đáng về guồng máy điều hành và cai trị đất nước Việt Nam hiện nay của Đảng Cộng Sản Việt Nam đâu! Mà tôi tin đó là những điều “căn bản” nhất của guồng máy điều hành chặc chẽ này. CXH nói với TVT:
“Lúc ở tù, tôi không muốn liên lạc với bố, vì không biết ông cụ có nhận thằng sĩ quan “ngụy” này là con không, đồng thời cũng lại sợ ông cụ sẽ bị liên lụy vì có thằng con “có nợ máu với nhân dân”.(NĐHB, trang 61)

Tuy nhiên, bố của CXH đã tìm vào thăm Huy với một ba lô đồ thăm nuôi. Xin đọc tiếp:
“Trời! Có ngoài mơ ước của tôi không? Tôi được bố vào thăm! Bố đã đi tìm tôi! Mặc dù tôi không được gặp bố và cũng không nhận được cái ba lô “thăm nuôi”. Tôi đờ đẫn vì những hình ảnh mơ hồ về bố.”
TVT: Sau đó anh có nhận được cái ba lô không?
CXH: Cái ba lô thăm nuôi lúc đó là cả một gia tài lớn, tôi tưởng chỉ lớn với thằng tù là tôi, hóa ra cũng lớn cả với cán bộ trại, thành ra, trên nguyên tắc, và với bố tôi, tôi được nhận, nhưng trên thực tế, và với riêng tôi, tôi không nhận được. Bài học tập chính trị nằm lòng: “Cách mạng đã tha tội chết cho các anh…” Tôi thầm nghĩ, tha chết là mừng rồi, còn cái ba lô không “tha”, thì có sao đâu, phải không anh, chỉ nghĩ thương bố thân già lặn lội đường rừng, hăm hở đi tìm con, đến nơi, không được cho gặp, lủi thủi quay về, tôi buồn. Nhưng mặt khác, thấy bố không được “ưu tiên”, tôi lại mừng, vì điều này chứng tỏ bố không thuộc thành phần… “nhân dân”, và như thế, tôi không có “nợ máu” gì với ông cả, hên quá.” (NĐHB, trang 61)

Không thấy TVT có ý kiến gì sự vụ “cái ba lô thăm nuôi” mà CXH trên nguyên tắc là “được nhận”, nhưng trên thực tế là “không nhận được”! Chúng ta sẽ tìm thấy cái lối “lãng tránh vấn đề” một cách tài tình của TVT trong suốt tập sách “Nếu Đi Hết Biển”, về sau… CXH đã biểu tỏ hoàn toàn cái tính chất “Người” của Huy trong những lời tán thán về sự việc bố Huy đi tìm thăm anh. CXH hết sức xúc động khi biết bố tìm thăm mình dù rằng hai bố con đã không được

“phép” gặp mặt nhau. Tôi không hiểu được khi cán bộ quản giáo báo tin cho CXH biết là có bố Huy vào thăm, “ông cụ về rồi, có gửi lại cho anh một ba lô thăm nuôi”, nhưng sau đó đã tảng lờ việc đưa cho Huy cái ba lô do bố ruột của Huy đã lặn lội mang đến cho con mình, phải được “giải thích” như thế nào cho thỏa đáng???!!! Và “ai” sẽ là người có trách nhiệm và bổn phận giải thích những sự việc như thế này???

Chẳng phải Việt Cộng chiến thắng, chiếm được miền Nam, để mang “hòa bình, tiến bộ” đến cho toàn dân sau khi đã “thống nhất” lãnh thổ, là nguyên lý tối hậu đã được đề cao và tuyên truyền đó sao? Vậy mà những người tù đã bị quản giáo ăn chặn đồ thăm nuôi của gia đình tù mang đến, là sao? Quản giáo ăn chặn đồ thăm nuôi tù. Quan lại ăn chặn của dân, của lính. Các lãnh tụ chóp bu ăn chặn trên đầu trên cổ của đất nước. Như vậy, cuộc “cách mạng chiến đấu thần thánh” gì đó của Đảng Cộng Sản Việt Nam, là để làm gì???

Và CXH kể tiếp, về diễn tiến sự việc hai bố con CXH đã gặp nhau lần đầu như thế nào:

“Đang lao động thì cán bộ sai tôi vác ghế vào nhà thăm nuôi, khi gần đến nhà thăm nuôi, tôi bỗng nghe có tiếng hỏi phía sau lưng: “Beng đấy hả?” Tôi giật mình, chỉ có những người trong gia đình mới biết cái tên cúng cơm này. Tôi quay lại, một ông già tay khoác túi vải, tay cầm cái điếu cày, từ một nhánh đường mòn nhỏ ven đồi bước ra, long thong đi sau lưng tôi. Nhìn ông, tôi biết ngay là bố mình anh ạ. Nước mắt tôi tự nhiên ứa ra. . . . . Trong nhà thăm nuôi, một cán bộ trại đã ngồi sẵn. Như anh biết, bố tôi là người ít nói, và thú thật với anh, tôi cũng ít nói y như ông cụ vậy. “Mày có khỏe không?” “Dạ, con khỏe.” “Mày có nhận ngay ra bố không? “Dạ, con có nhận ra.” “Mày ăn thịt gà đi, thịt gà này chú Phùng Quán làm cho mày đấy.” “Mình có họ với chú Phùng Quán hả bố?” “Không, nhưng chú ấy xem tao như anh.” Tôi xúc động ứa nước mắt anh ạ, và cảm thấy hãnh diện về ông bố của mình, vì ông thân với Phùng Quán, một nhà thơ trong nhóm Nhân Văn Giai Phẩm, có những câu thơ tôi thuộc lòng từ ngày còn bé: “yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét; Dù ai cầm dao dọa giết, cũng không nói ghét thành yêu…” (NĐHB, trang 62)

CXH đã yêu những câu thơ lừng lẫy của Phùng Quán. Vì vậy, Huy đã hảnh diện về bố mình, vì ông bố Huy thân với Phùng Quán. Nhưng CXH đã trích lơ lững những câu thơ của họ Phùng. Tôi xin thêm: “. . . . Dù ai ngon ngọt nuông chìu; Cũng không nói yêu thành ghét…” Tôi tạm tin là “dù ai cầm dao dọa giết…”, CXH cũng sẽ không nói ghét thành yêu. Tôi cũng tạm tin là “dù ai ngon ngọt nuông chìu…”, Huy cũng sẽ không nói yêu thành ghét. Nhưng tôi có thể hình dung, mường tượng ra được CXH sẽ rất dễ mở lòng ra với những kẻ không đáng cho Huy mở lòng. Xin gửi CXH một đoạn trích từ trong “Ghi” của Trần Dần:

“Cư xử: Khi lên nghĩ tới khi xuống. Khi xuống nghĩ tới khi lên.
Phận dưới chớ có phạm trên.
“Bố mày, mày cũng không tin được”, câu chuyện LĐạt kể đáng nhớ.
Nhưng lại nên nhớ: cuộc sống rất bao dung.
Không nên kết bè, không nên vui thú với kẻ ham vui, không nên thân thiết với kẻ ham địa vị.
Dang tay thật rộng, yêu mến từ con người xấu nhất, nhưng đừng mở bụng cho tất cả mọi người xem, nhất là đừng mở bụng cho bọn địa vị, hưởng lạc.
Nhiều lắm, nhiều lắm.
Nói chung nhiều câu tục ngữ, ca dao cũ nói về tình đời, tôi đã nghiệm thấy rất đúng.”
(Trần Dần, “ghi”, td mémoire 2001, Paris. Trang 79)

Trần Dần là một trong những người có thẩm quyền nhất khi đưa ra những suy luận và kết luận về tình người hay tình đời trong xã hội Việt Cộng. Trần Dần đã tự dặn dò là, dù “yêu mến từ con người xấu nhất”, nhưng chớ có nên mở lòng ra với tất cả mọi người! Tôi thì xin thêm một câu: “Nhất là với những tay cán bộ Việt Cộng đang thì hành công tác như TVT”.

Trần Dần lại dặn dò (chính ông): Không nên kết bè, không nên vui thú với kẻ ham vui, không nên thân thiết với kẻ ham địa vị.

TVT là ai? Một người ham vui? Một kẻ ham địa vị? Tôi chỉ biết chắc chắn TVT là một cán bộ văn hóa của Nhà Nước và Đảng Việt Cộng đang thi hành công tác. Công tác "giao lưu văn hóa" với giới trí thức văn nghệ sĩ Việt Nam lưu vong. Công tác "lôi kéo khúc ruột ngàn dặm" về lại với Đảng và "Quê Nhà và Dân Tộc"!!!

Lê Đạt kể chuyện cho Trần Dần. Câu chuyện ra sao không thấy Trần dần kể lại. Nhưng Trần Dần chỉ ghi xuống cái câu để đời của Lê Đạt: "Bố mày, mày cũng không tin được!" Và Lê Đạt cũng lại là một trong những người có thẩm quyền nhất để nói về tình đời, tình người và tình Đảng Việt Cộng của cái Xã Hội Chủ Nghĩ Cộng Sản Việt Nam.

Đó là xã hội Việt Nam dưới sự lãnh đạo của Đảng và Nhà Nước Việt Cộng! Trần Dần triết lý từ bi nhà Phật yêu mến từ con người xấu nhất! Nhưng Trần Dần cùng lúc tự dặn yêu mến khác với tin tưởng! Vì chẳng thể tin tưởng ai trong cái xã hội chủ nghĩa Việt Cộng, nên yêu thì cứ yêu nhưng chớ có dại mà mở lòng mình ra cho người ta biết là mình đang suy gì nghĩ gì. Vì đấy là con đường chết!

Hãy nhìn cảnh bố con CXH gặp nhau lần thứ nhì, sau khi CXH ra tù:

"Hai hôm sau, khi được ra khỏi trại tù, tôi đến tìm bố ở một khách sạn ngoài Huế. Nhìn vẻ hoảng hốt của ông cụ khi thấy tôi trong bộ quần áo tù, ông hẹn tôi vội vàng là đến chiều ra cái quán cóc ở bờ sông Hương, tôi thấy thương bố quá.. . ." (NĐHB, trang 62)

CXH không đau lòng, tủi thân vì ông bố đã hoảng hốt khi thấy Huy đến tìm ông ở khách sạn trong bộ đồ tù! CXH thương bố quá! Ông bố CXH chẳng phải không tin ông, không tin ở thằng con "lính ngụy" tên "Beng" của ông (vì có gì để mà tin hay không tin trong hoàn cảnh này giữa hai bố con CXH!!!). Nhưng ông bố CXH đã không tin tưởng một chút nào ở cái guồng máy, cái xã hội mà ông từng sống trong và với nó trong bao nhiêu năm qua. Cái guồng máy, cái chế độ Việt Cộng không cần cảm thông và tìm hiểu bất cứ thứ gì trong các loại tình cảm của con người!!! Ông hoảng hốt là phải! Ông không là thành phần… nhân dân (chữ của CXH). Mà tôi tin nếu ông là thành phần…nhân dân, tức là thành phần máu thịt của Đảng, thì ông sẽ lại càng hoảng hốt sợ hãi hơn khi có thằng con "lính ngụy" ra tù tìm đến khách sạn thăm ông! Địa vị, quyền chức của ông lúc đó, nếu có, chẳng biết tai họa nào và lúc nào sẽ giáng xuống ông.

Chúng ta hãy cùng nghe CXH kể tiếp về bố:

"Buổi chiều tối, hai cha con ngồi nói chuyện với nhau. Tôi đã hơn 30 tuổi, đây là lần đầu tiên, hai bố con mới thật sự được nói chuyện với nhau. Đủ thứ chuyện lan man, nhưng tôi nhớ nhất câu hỏi của bố. Ông vừa cười vừa nói: "Mày ghét Cộng Sản lắm hay sao mà đi cái thứ lính ác ôn này?" Tôi nói: "Ghét thì con không ghét, có thù oán gì đâu, nhưng gặp đâu thì bắn đó". "Thế mày bắn luôn cả bố mày à?"…

(NĐHB, Trang 62 & 63)

CXH đi lính, đánh giặc không vì lòng thù hận, như anh sẽ nói ở một phần sau: "Vốn dĩ, tôi là người ghét chiến tranh. Tôi rất buồn chuyện anh em, vì ở hai miền của đất nước mà phải bắn giết lẫn nhau." (NĐHB, trang 64)

Vậy, CXH trả lời bố gặp Cộng Sản đâu thì bắn đó, có nghĩa là Huy bắn vào chiến tranh. Vì Cộng Sản là nguồn gốc và biểu tượng của chiến tranh. Những gì là đấu tranh giai cấp, đấu tranh tư tưởng. Đấu tranh ý thức hệ v.v…. Con người Cộng Sản luôn đặt để ra những mục tiêu, những đối tượng để gây chiến. Hãy nghe CXH "đặt vấn đề" với TVT, mà theo tôi, đây là một cách "đặt vấn đề với cái đầu gối" của chính mình (!):

"Những kỷ niệm về chiến trận, những kỷ niệm về tù đày thì nhiều, nhiều lắm. Vui buồn đều có cả. Nhưng điều đáng nhớ nhất lại không ở chuyện đánh trận hay tù đày, mà lại là chuyện không bảo vệ được lãnh thổ, anh ạ. Tôi kể anh nghe. Tết năm 74, tiểu đoàn tôi đang nằm ứng chiến ở Phú Bài, Huế, thì Trung Cộng đánh chiếm Hoàng Sa. Hoàng Sa thuộc lãnh thổ Quân Đoàn I, tiểu đoàn tôi là lực lượng trừ bị của Quân Đoàn, được lệnh chuẩn bị ra đánh lấy lại Hoàng Sa. .

. . . Gì chứ đánh nhau để bảo toàn lãnh thổ, lính tráng tụi tôi thằng nào cũng háo hức, tuy biết rõ rằng đi là chết, nhưng đánh nhau để giành lại đất nước, từ quan đến lính chúng tôi, thằng nào cũng hăm hở. Nhưng, ngay lúc đó, mặt trận trong nội địa miền Trung cùng lúc nở rộ, những cuộc tấn công lớn của các đơn vị Bắc Việt đã cầm chân chúng tôi. Để đối phó với các đơn vị Bắc Việt, chúng tôi đã không có lệnh xuất quân đến Hoàng Sa. Tin tức và hình ảnh về những chiếc tàu Hãi Quân trên đường ra cứu Hoàng Sa bị bắn chìm, những người lính đồn trú ở Hoàng Sa bị Trung Cộng bắt, rồi được trao trả từ tận… bên Tàu, làm chúng tôi thấy nhục. Nhục chứ anh, địa danh nào trong tay Miền Bắc hay Miền Nam thì cũng vẫn là của người Việt Nam. Hoàng Sa bị Trung Cộng chiếm, mà không lấy lại, tôi nghĩ, miền Bắc và cả Miền Nam, đều có tội với tổ tiên, với cha ông, dung túng cho đô hộ hay nô lệ Tàu hay Tây gì cũng tội ngang nhau. “Một ngàn năm nộ lệ giặc Tàu”, Hoàng Sa còn. “Một trăm năm đô hộ giặc Tây”, Hoàng sa còn. Ông cha ta chèo thuyền, going buồm mà vẫn bảo vệ được những hòn đảo nhỏ xíu ở tít tận mù khơi. Vậy mà bây giờ, quân đội hai miền tự nhận là thiện chiến nhất nhì thế giới, lại bỏ mặc một phần lãnh thổ lọt vào tay ngoại bang. Tôi hỏi anh chứ, chính anh, anh có thấy nhục không? Một trăm năm, một nghìn năm nữa, hay đến tận bao giờ chúng ta mới lấy lại được Hoàng Sa? Đã mất, hay sẽ còn mất thêm?. . . .” (NĐHB, trang 63 & 64)

Chẳng thấy TVT trả lời CXH là “có NHỤC hay không”. Chỉ thấy TVT tảng lờ câu trả lời, và chỉ hỏi CXH tiếp về chuyện có gặp ông Cao Nhị, bố của Huy nữa hay không!

Chuyện CXH có gặp ông bố Cao Nhị nữa hay không, nó quan trọng với CXH và không quan trọng với cái chia lìa, mất mát chung của cả một dân tộc. Mất Hoàng Sa là cái đau chung của cả dân tộc Việt Nam. Nhưng chưa chắc đó là cái đau của những con người Việt Cộng. CXH đã quên trong thời gian cuộc chiến Nam Bắc, cuộc chiến Cộng Sản và Cộng Hòa Việt Nam, Trung Cộng đang là đồng minh đồng chí của Việt Cộng. Sự vụ Trung Cộng tấn công Hoàng Sa và ngay sau đó Việt Cộng mở chiến dịch lớn cùng rộ tấn công các mặt trận Miền Trung, biết đâu lại là nằm trong chiến lược “song thủ hổ bác” hay làm rối trí và thất tán sự tập trung của quân đội Miền Nam???!!! Như vậy, đương nhiên là TVT không thấy NHỤC. Vì bằng chứng đã rõ, lãnh tụ Việt Cộng Miền Bắc đã tiếp tục ký “văn bản” dâng thêm những vùng đất sát biên giới Việt Hoa ở Bản Giốc cho Trung Cộng! Rồi Aûi Nam Quan, Vịnh Bắc Bộ? TVT làm sao mà thấy NHỤC, bởi vì sự vụ để cho Trung Cộng chiếm Hoàng Sa, hồi 1974; hay lãnh tụ Việt Cộng ký “văn bản” dâng thêm đất cho Trung Cộng từ bấy lâu nay và đã bị dấu diếm, phải chăng là một cuộc trao đổi, trả giá cho ván bài đồng minh tiếp sức để tấn chiếm miền Nam Việt Nam???

Điều đáng nói la,ø sự ngây thơ rất chân thành, hay chân thành một cách ngây thơ của CXH. CXH đã đặt câu hỏi với ít nhiều hãnh diện về sự thiện chiến của hai miền Nam Bắc Việt Nam thời đó. Phải chăng, CXH đã thoáng có một ý nghĩ trong đầu và muốn nói với TVT là phải chi quân đội của hai miền đất nước, “tụi mình” cùng “bắt tay” nhau, kéo ra Hoàng Sa cùng sống mái với quân thù Trung Cộng, chiếm lại đất đai của tổ tiên cha ông đã để lại cho chúng ta???!!!

“Giấc Mơ” của CXH đẹp làm sao!!! Nhưng đó chỉ là giấc mơ của một con người Việt Nam Nhân Bản và Yêu Nước và Ngây Thơ. Đó không phải là “Giấc Mơ” của những con người Việt Cộng!

Đối với những con người Việt Cộng, những con người Việt Nam say sưa với chủ nghĩa Marxism, chuyện “dân tộc” hay “đất nước” chỉ là thứ yếu! Chủ nghĩa Xã Hội Cộng Sản và mục tiêu “đại đồng thế giới” mới là trên hết. Hai chữ “dân tộc” và “đất nước”, với con người Cộng Sản, chỉ là một thứ chiêu bài, một thứ mồi “giả hiệu” để chiêu dụ những người Việt lưu vong thường thương nhớ nơi chôn nhau cắt rốn, một nơi mà mọi người Việt Nam lưu xứ tị nạn đều gọi là “quê nhà”.

CXH hỏi TVT là đến bao giờ chúng ta (???) mới lấy lại được Hoàng Sa!!! Một trăm năm, một nghìn năm nữa, hay . . . . sẽ còn mất thêm những phần đất khác! CXH dường như đã không nhớ đến Bản Giốc, đến biên giới Việt Hoa và những phần đất còn lại của đất nước Việt Nam mà những người Việt từ trong nước cho tới lưu vong ở hải ngoại chỉ mới biết cách đây dăm ba năm, là đã “được” các lãnh tụ Cộng Sản Việt Nam đồng tâm hiệp lực “ký văn bản” hiến dâng

cho Trung Quốc! Ôi! Những phần đất còn lại của Việt Nam, chưa biết số phận sẽ ra sao dưới sự cai trị, lèo lái của Đảng và Nhà Nước Việt Cộng. Vậy mà, CXH đã từng mơ giấc mơ hai miền Nam Bắc chúng mình tự hào là hai miền với hai đoàn quân thiện chiến nhất thế giới… sẽ "nắm tay nhau" cùng đánh đuổi Trung Cộng xâm lăng, giữ gìn quê cha đất tổ.

Bài viết này, mới đầu chỉ có tên là: "Cao Xuân Huy: Một Giấc Mơ". Nhưng giờ tôi quyết định thêm chữ "Buồn" sau ba chữ Một Giấc Mơ.

Tản mạn với Cao Xuân Huy
Trần Văn Thủy

Trong chuyến bay Boston-Las Vegas Quận Cam, tôi được biết Hoàng Khởi Phong sẽ ra đón tôi ở phi trường. Tại chỗ lấy hành lý, Hoàng Khởi Phong vui mừng vỗ vai tôi bảo: "Cao Xuân Huy cũng ra đón ông đấy, anh chàng phải chạy xe lòng vòng ngoài kia vì không có chỗ đậu "Chúng. tôi trở ra, một chiếc xe Jeep Grand Cherokee đen tập vào lề và anh chàng tài xe Thò đầu ra. Tôi bỗng nhận ra một nét quen thân mà không sao nhớ nổi. Khi về tới nhà, đặt va ly, Cao Xuân Huy nói với tôi: "Tôi giống một người mà ông quen thân ở Hà Nội đấy Tôi Là con trai ông Cao Nhị, bạn của các ông.!" Trời! Tại sao lại có chuyện lạ như vậy. Cao Nhị vốn là bậc đàn anh của chúng tôi. Trong làng điện ảnh, giới văn chương và báo chí Hà Nội ai mà chả biết ông. Ông viết văn, làm thơ, làm báo, đời sống giữa tung tưng, bọn trẻ chúng tôi rất quý trọng ông cảm mến và. Tôi biết tất cả những người con của ông hiện ở Hà Nội. Còn Cao Xuân Huy, cũng là con ông Cao Nhị, như từ trên trời rơi xuống, tôi chưa một lần nghe nói.

Trần Văn Thủy (TVT): *Cao Xuân Huy này, anh nói cho tôi nghe đôi điều về đường đời của anh.*
Cao Xuân Huy (CXH): Trước kia, tôi là trung úy Thủy Quân Lục Chiến của Quân Lực Việt Nam Cộng Hòa, bị bắt làm tù binh cùng đơn vị trong lúc rút quân khỏi Quảng Trị vào cuối tháng Ba năm 75, tại bờ biển Thuận An, Huế. Việc này tôi đã viết khá chi tiết trong quyển hồi ký "Tháng Ba Gay Súng". Cuối năm 79, tôi được thả ra khỏi tù vì hết khả năng lao động. Tôi vượt biên đến Mỹ cuối năm 83. Dọn nhà nhiều lần và làm nhiều nghề.

TVT: *Anh đi vào con đường văn viết bằng cách nào?*
CXH: Viết văn, có lựa chọn gì đâu mà bằng cách nào anh ơi, nó "rơi" vào mình thì mình phải "chịu" thôi, vậy mà cũng đã hơn mười năm rồi, chắc là nó dính với tôi luôn quá, anh ạ. Lúc mới đến Mỹ, ở nhờ nhà Hoàng Khởi Phong, người mà tôi coi như anh từ bé. Một hôm uống rượu với bạn mấy người cùng đơn vị cũ, nhắc lại những kỷ niệm trong cuộc lui binh ở Thuận An, kiểm điểm xem đồng đội ai còn ai mất. Anh Nguyễn Mộng Giác, tác giả "Ngựa Nan Chân Bon" lúc đó, cũng nhà ở chung, ngồi nghe. Sáng hôm sau anh Giác hỏi tôi sao không viết lại chi tiết, tôi đưa cho anh tập hồi ký viết tay, anh tự động mang đăng trên báo mà anh đang làm chủ bút. Từ đó tôi khơi khơi được gọi là "nhà dzăng".

TVT: *Viết văn và làm báo, động lực gì đã thúc đẩy anh cầm bút? Phải chăng là "gen" của ông già?*
CXH: Hình như có cái "gen" thật anh ạ. Khi còn đi học, điểm văn của tôi luôn luôn dưới trung bình, vậy mà bây giờ lại "viết văn". "Tháng Ba Gay Súng" tôi viết như một giải tỏa nỗi ám ảnh. Tôi tham dự cuộc chiến trong vai trò một người cầm súng, và sau thời cầm súng, lại thêm một thời bị cầm tù. Vượt thoát được đến Mỹ, tôi như ra khỏi cơn lốc xoáy kinh hoàng của một tương tàn cuộc. Những ngày cuối của cuộc chiến là một ám ảnh không thôi. Nên khi đã định thần lại, tôi phải trút bỏ những ám ảnh đó thì có thể ra, tôi mới có thể trở về đời sống tinh thần bình

thường được.

Quyển "Tháng Ba Gay Súng" lần đầu xuất bản, việc trình bày không được Ưng ý và có nhiều lỗi đánh máy, nên khi tái bản, tôi mua máy tính có thể mò về tự đánh máy và trình bày lấy. Từ trình bày sách sang báo là một bước ngắn. Dần dần tôi trở thành một tay trình bày sách, báo chuyên nghiệp. Và sau đó, một thời gian khá dài, tôi làm tổng thư ký tờ Văn Học, một tờ báo văn chương ở đây, ngoài ra, lúc rảnh thì viết truyện. Thế là, bỗng dưng tôi thành "đồng nghiệp" với bố tôi. Vì tôi được biết bố là một người làm thơ và làm báo.

TVT: *Đúng như vậy, ông già của anh là một tên tuổi quen thuộc, được quý trọng trong giới cầm bút ở miền Bắc. Hình ảnh nào về bố đã để lại trong anh?*
CXH: Hình ảnh duy nhất tôi có được về bố, là tấm ảnh bố mẹ chụp chung với ông ngoại tôi và một người cậu. Trong ảnh, bố là một thanh niên đẹp trai, tóc cắt ngắn, nét mặt sáng sửa hiền và. Khi di cư vào Nam tôi mới bảy tuổi, chưa gặp mặt bố lần nào, nghe mẹ nói, từ lúc đẻ tôi ra, như hình, tôi có được bố bế trên tay một lần. Năm 54, ông ngoại tôi bị đấu tố vì là thầy giáo và giỏi tiếng Pháp, nên cậu tôi di cư vào Nam, tôi mang theo. Mẹ ở lại Hà Nội nan ná đợi bố từ kháng chiến về. Hai cụ gặp nhau. Bố nói mẹ thuộc diện phải đi "tự lực cánh sinh" (đi "kinh tế mới" như dân Sài Gòn sau năm 75), chứ dù có đi kháng chiến, nhưng vì bố có gốc là con nhà tư sản, địa chủ, nên không thể can thiệp cho mẹ ở lại Hà Nội được.

Thế là năm 55, mẹ vào Nam. Cha con tôi có liên lạc với nhau qua những tấm bưu thiếp, đâu được vài lần thì bị cấm. Từ đó, tôi không còn liên lạc được với bố gì nữa, và khi mất liên lạc với bố, tôi đâu khoảng hơn mười tuổi. Bố ở lại Hà Nội, lấy vợ khác và có thêm con. Mẹ vào Sài Gòn, cũng lấy chồng khác và có thêm con.

TVT: *Rồi sao nữa? Cha con có tìm nhau không? Quan hệ cha con có gì ngăn trở sau ngày thống nhất đất nước?*
CXH: Lúc ở tù, tôi không muốn liên lạc với bố, vì không biết ông cụ có nhận thằng sĩ quan "Ngụy" này là con không, đồng thời cũng lại sợ ông cụ sẽ bị liên luy vì có thằng con "có nợ máu với nhân dân ". Không hiểu tên tôi, thằng con đi Nam, có trong danh sách những người không bố con của. Trong khi chính tôi, trong bản khai lý lịch khi đi lính, tôi đã phải khai "bố chết" để tránh những rườm rà với cơ quan an ninh quân đội. Tôi không biết tin tức gì về bố, và tuy rất thèm nhưng tôi không bao giờ chờ đợi có được một sự liên lạc gì giữa hai cha con.

Bất ngờ, thật bất ngờ anh ạ, khoảng năm 78, khi ở tù tại Thanh Hóa, đơn lim đang ở một nơi gọi là công trường *lòng hồ sông Mực*, Tôi được cán bộ quản giáo thông báo nguyên văn: "Anh có ông bố vào thăm, ông cụ rồi về, có gửi lại cho anh một ba lô đồ thăm nuôi." Trời! Có ngoài mơ ước của tôi không? Tôi đã được bố vào thăm! Bố tôi đã đi tìm tôi! Mặc dù tôi không gặp được bố và cũng không nhận được cái ba lô "thăm nuôi". Tôi đờ đàn vì những hình ảnh mơ hồ về bố.

TVT: *Sau đó anh có nhận được cái ba lô không?*
CXH: Cái ba lô thăm nuôi lúc đó là cả một gia tài lớn, tôi tưởng chỉ lớn với thằng tù là tôi, hóa ra cũng lớn cả với cán bộ trại, thành ra, trên nguyên tắc, và với bố tôi, tôi được nhận, nhưng trên thực tế, và riêng với tôi, tôi được nhận không. Bài học tập chính trị nằm lòng: "Cách mạng đã tha tội chết cho các anh ...".

Tôi thầm nghĩ, tha chết là mừng rồi, còn cái ba lô không "tha", thì có sao đâu, phải không anh. Chỉ nghĩ thương bố thân già lặn lội đường rừng, hăm hở đi tìm con, đến nơi, không gặp cho được, lui thui quay về, tôi buồn. Nhưng mặt khác, thấy bố không được "ưu tiên", tôi lại mừng, vì điều này chứng tỏ bố không thuộc thành phần ... "nhân dân", và như thế, tôi không có "nợ máu"

gì với ông cả, quá hẹn.

TVT: Vậy sau đó hai bố con gặp nhau lần đầu là vào dịp nào?
CXH: Lần đầu hai bố con gặp nhau là cuối năm 79, khi tôi ở trại tù Bình Điện, Huế. Lúc đó tôi đã được "ra lệnh tha" vì hết khả năng lao động, nhưng vì sát với ngày lễ nên bị giữ lại trong tù, nhập vào toán lao động nhẹ để không bị cắt phần ăn. Đang lao động thì cán bộ trại sai tôi vác ghế vào nhà thăm nuôi, khi gần đến nhà thăm nuôi, tôi bỗng nghe có tiếng hỏi phía sau lưng: "Beng đấy hả?" Tôi giật mình, chỉ có những người trong gia đình mới biết cái tên cúng cơm này.

Tôi quay lại, một ông già tay khoác túi vải, tay cầm cái Điếu cày, từ một nhánh đường mòn nhỏ ven đồi bước ra, phối thùng đi sau lưng tôi. Nhìn ông, biết ngay là bố mình anh ạ. Nước mắt tôi tự nhiên ua ra, cổ họng khô đi và như bị nghẹn, không nói được gì. Tiếng "dạ" của tôi hình như không thoát ra khỏi miệng. Bố tôi bảo: "Vào nhà thăm nuôi đã". Tôi đi mà lòng lâng lâng cứ như say rượu ấy. Cho đến bây giờ, tôi vẫn tự hỏi, làm sao chỉ nhìn từ sau lưng mà ông cụ nhận ra "thằng Beng", thằng con ông mới chỉ bế trên tay có một lần trong đời, lúc mới được vài tháng.

TVT: Anh kể tiếp đi.
CXH: Thăm nuôi trong nhà, một cán bộ trại đã ngồi sẵn. Như anh biết, bố tôi là người ít nói, và thú thật với anh, tôi cũng ít nói y như ông cụ vậy. "Mày có khỏe không?" "Dạ, con khỏe." "Mày có nhận ra ngay bố không?" "Dạ, con có nhận ra." "Mày đi ăn thịt gà, thịt gà này chú Phùng Quán làm cho mày đấy." "Mình có họ với chú Phùng Quán hả bố?" "Không, nhưng chú ấy xem tao như anh." Tôi xúc động ua nước mắt anh ạ, và cảm thấy hãnh diện về ông bố của mình, vì ông thân với Phùng Quán, một nhà thơ trong nhóm Nhân Văn-Giai Phẩm, có những câu thơ tôi thuộc lòng từ ngày còn bé: "Yêu ai cứ bảo là yêu, ghét ai cứ bảo là ghét; Dù ai cầm dao doa giết, cũng không nói ghét thành yêu ...". Gần Trong hai tiếng đồng hồ thăm nuôi, cha con tôi chỉ nói Vỏn vẹn có thế thôi Thời gian. Còn lại là của cán bộ trại, người cán bộ cứ Huyên Thuyên với bố tôi về Hà Nội.

Hai hôm sau, khi được ra khỏi trại tù, tôi đến tìm bố ở một khách sạn ngoài Huế. Nhìn vẻ hoảng hốt của ông cụ khi thấy tôi trong bộ quần áo tù, ông hẹn tôi vội vàng là đến chiều ra cái quán cóc ở bờ sông Hương, tôi thấy thương quá bố. Buổi chiều tối, hai cha con ngồi nói chuyện với nhau. Tôi đã hơn 30 tuổi, đây là lần đầu tiên, hai bố con mới thật sự được nói chuyện với nhau. Đủ thứ chuyện lan man, nhưng tôi nhớ nhất câu hỏi của bố. Ông vừa cười vừa hỏi: "Mày ghét Cộng Sản lắm hay sao mà đi cái thứ lính ác ôn này?" Tôi nói: "Ghét thì con không ghét, có thù oán gì đâu, nhưng gặp đâu thì bắn đó". "Thế mày bắn cả bố mày à ?"...

TVT: Trong thời gian chiến tranh, ở vị trí của người cầm súng, anh đinh ninh điều gì?
CXH: Có một điều, khoan hãy nói tôi đinh ninh điều gì. Ngoài ba mươi tuổi, tôi, ở lính hơn bảy năm và ở tù gần năm năm. Những kỷ niệm về chiến trận, những kỷ niệm về tù đây thì nhiều, nhiều lắm. Vui buồn đều có cả. Nhưng điều đáng nhớ nhất lại không ở chuyện đánh trận hay chuyện tù đây, mà lại là chuyện không bảo vệ được lãnh thổ, anh ạ.

Tôi kể anh nghe. Tết năm 74, tiểu đoàn tôi đang nằm ứng chiến ở Phú Bài, Huế, thì Trung Cộng đánh chiếm Hoàng Sa. Hoàng Sa thuộc lãnh thổ Quân Đoàn I, tiểu đoàn tôi là lực lượng trừ bị của Quân Đoàn, được lệnh chuẩn bị ra đánh lấy lại Hoàng Sa. Đơn vị thủy xa của Sư Đoàn đã từ Sài Gòn ra đến Đà Nẵng, tiểu đoàn tôi đã ở trong tư thế sẵn sàng, đợi lệnh xuống tàu. Thủy Quân Lục Chiến đi lấy lại Hoàng Sa là đúng "chỉ số" rồi. Gì chứ đánh nhau để bảo toàn lãnh thổ, lính tráng túi tôi thằng nào cũng hào hức, tuy biết rõ rằng đi là chết, nhưng để đánh nhau Gianh lại đất nước, từ quan đến lính chúng tôi, thằng nào cũng hăm hở.

Nhưng, ngay lúc đó, mặt trận trong nội địa miền Trung, cùng lúc nở ro, những cuộc tấn công lớn của các đơn vị Bắc Việt đã cầm chân chúng tôi, chúng tôi đã không có lệnh xuất quân đến Hoàng Sa. Tin tức và hình ảnh về những chiếc tàu của Hải Quân trên đường ra cứu Hoàng Sa bị bắn chìm, những người lính đồn trú ở Hoàng Sa bị Trung Cộng bắt, rồi được trao trả từ tận ... bên Tàu, làm chúng tôi thấy nhục. Nhục chứ anh, địa danh nào trong tay Miền Bắc hay Miền Nam thì cũng vẫn là của người Việt Nam, Hoàng Sa bị Trung Cộng chiếm, mà không lấy lại, tôi nghĩ, miền Bắc và miền Nam cả, đều có tội với tổ tiên, với cha ông, dung tung cho hay đô hộ nô lệ Tàu hay Tây thì tội cũng ngang nhau "Một ngàn năm. nô lệ giác Tàu", Hoàng Sa còn. "Một trăm năm đô hộ giác Tây", Hoàng Sa còn. Ông cha ta chèo thuyền, giong buồm mà vẫn bảo vệ được những hòn đảo nhỏ xíu ở tit tận mù khơi. Vậy mà bây giờ, quân đội hai miền tự nhận là thiện chiến nhất nhì thế giới, lại bỏ mặc một phần lãnh thổ rất nhiều vào tay ngoại bang. Tôi hỏi anh chứ, chính anh, anh có thấy nhục không? Một trăm năm, một nghìn năm nữa, hay đến tận bao giờ chúng ta mới lấy lại được Hoàng Sa? Đã mất, hay sẽ còn mất thêm?

Mà thôi, anh cũng định hỏi tôi tại sao có ông bố ở ngoài Bắc mà lại đi cái thứ lính đánh dữ ấy phải không? Giản dị lắm anh ạ. Vốn dĩ tôi là người ghét chiến tranh. Tôi rất buồn chuyện anh em, vì ở hai miền của đất nước mà phải bắn giết lẫn nhau. Tuy nhiên, vì yêu tự do và chống mọi hình thức độc tài, tôi đi lính. Mà đã đi lính, thì đương nhiên phải là lính "thứ thiệt". Tôi gia nhập vào một binh chủng chỉ nhận những người tình nguyện, chuyên những trận đánh lớn, dữ dội mang tính quyết định ở từng mặt trận. Thú thật với anh, tôi đánh trận thuộc loại cừ, và ở một đơn vị thiện chiến nhất nhì của miền Nam. À, anh vừa hỏi tôi đinh ninh điều gì trong vai trò người lính? Thưa anh, trong suốt thời gian ở nhà binh, tôi vẫn chỉ đinh ninh một điều, là sẽ có cuộc Bắc tiến, tiếp thu Hà Nội, và, như trong một câu hát: "giữa đoàn hùng binh có tôi đi hàng đầu". Ấy thế mà ...

TVT: Thế sau đó, hai cha con có gặp lại nhau không?
CXH: Bố có vào Sài Gòn thăm tôi mấy lần, nhưng tôi chỉ được gặp và loanh quanh với bố vài ngày. Lần cuối bố vào, tôi đang trốn vì bị công an lùng về tội tổ chức vượt biên. Chẳng cần phải nói lý do vượt biên, tôi chỉ vắn tắt với anh là tôi không có tiền "mua" một chỗ trong các vượt biên chuyến, và cũng không thể giao mạng cho mình ai được, nên phải tổ chức lấy cho chắc ăn . Khi bố và cả gia đình ngoài Bắc vào, tôi không dám đến gặp, vì công an vây luôn cả khách sạn chỗ bố ở. Khi đi, tôi tưởng sẽ không bao giờ còn được gặp bố nữa.

TVT: Bây giờ mọi chuyện đã dễ dàng, có anh thường xuyên thư từ cho ông già không?
CXH: Thế à? Mọi chuyện đã dễ dàng thật à? Tôi vốn lười viết thư, hơn nữa, thời buổi này, điện thoại là tiện nhất, phải không anh? Thỉnh thoảng tôi có gọi về Hà Nội thăm bố, nhưng ông cụ bảo Tốn tiền, chỉ nói vài câu là cúp máy. Mẹ hiện đang ở Úc, cứ thường xuyên Giục tôi gọi thăm bố. Mẹ vẫn bảo: "Chuyện tôi với bố anh là chuyện riêng của tôi với bố anh Còn bón. Phận của anh là anh phải thăm nom bố anh."

TVT: Ông già đã cao tuổi rồi, anh có tính làm một cái gì đó cho vui lòng bố không?
CXH: Tôi rất muốn, và bố cũng muốn, khi có điều kiện, đón ông cụ sang Mỹ chơi một chuyến, gọi là dối già ấy mà anh. Năm ngoái, tôi có về Hà Nội thăm bố. Bố tôi đã lớn tuổi, không còn khỏe, và không còn viết nữa. Tôi được biết là ngày trước, trong thời gian vụ Nhân Văn-Giai Phẩm, bố bị cấm sáng tác. Anh tưởng tượng, một người làm thơ, sức sáng tác dồi dao mà không được viết thì buồn biết là chừng nào. Dường như bố vẫn cứ làm thơ, thơ làm cho riêng mình. Bà bác tôi là người duy nhất thuộc tất cả những bài thơ bố làm, tôi muốn trong một quyển thơ cho bố, nhưng khi tôi về đến Hà Nội, bác tôi đã mất mấy năm trước rồi!

TVT: Cám ơn Cao Xuân Huy rất nhiều! Trước đây nghe mãi cái câu quả đất tròn ... Khi về Hà Nội, kỳ này tôi lại có có đế đến thăm ông anh của tôi. Ông ấy cũng hồn nhiên lắm lắm tếu,. Lúc

phụ nữ Hà Nội đua nhau du nhập một mặc váy, ông bài viết "Em ơi, Hà Nội váy!" chúng tôi mới bổ ngửa ra rằng ông ấy còn trẻ hơn tui mình.
Câu cuối cùng, anh có mơ ước gì về tương lai?
CXH: Mơ ước? Mơ quá đi chứ anh. Nhưng, đất nước đã thống nhất, đã hòa bình, vậy Ma Su thù hận vẫn còn trong lòng của những thế hệ dính dự vào cuộc chiến, nên chuyện tôi mơ ước được sống thoải mái bên cạnh bố trong những ngày cuối đời của ông , vẫn chỉ là mơ ước.

(Lake Forest, một buổi tối đông bạn bè)

Trích đoạn bài của Lê Đăng Hoàng: "Một vài suy nghĩ xung quanh bài viết của Trần Trung Đạo" Cái đáng tiếc nhất của quá khứ đối với chúng tôi là đã phải cầm súng bắn lại những người anh em của mình. Khi nhân viên quân sự cuối cùng của Mỹ rút khỏi Việt Nam, tháng 3 năm 1973, thì những gì đã xảy ra mới thực sự đúng nghĩa là cuộc nội chiến. Cũng phải thừa nhận rằng, có một cái gì đó thật là may mắn cho dân tộc Việt Nam, khi giai đoạn đó chỉ kéo trong khoảng 2 năm. Sẽ có nhiều người nhào nhào lên khi tôi đặt câu hỏi: tại sao ngày đó không có một bên nào muốn tìm giải pháp hòa hợp thực sự, mà chỉ nhảm nhảm nuốt gọn nhau bằng vũ lực.

Người cộng sản cực đoan thì cho rằng phải thống nhất để đưa cả nước lên chủ nghĩa xã hội. Người không cộng sản cực đoan thì cho rằng không thể chung sống với cộng sản, và nhân cơ hội đó phải ra sức hành quân tái chiếm lãnh thổ. Ai cũng la làng người kia vi phạm hiệp định. Có lẽ, những điều không may cho dân tộc Việt Nam lúc đó đã đến từ hai phía. Một đằng là từ chủ nghĩa cộng sản với lý thuyết đấu tranh giai cấp đã phủ nhận các giá trị truyền thống nhân bản của phương đông. Một đằng là từ phía những kẻ ngoại bang bám gót, mưu cầu tý lợi.

Tôi đã đọc và nghĩ rằng tâm sự của cựu trung úy, nhà văn Cao Xuân Huy, con trai cố nhà phê bình đáng kính Cao Nhị, cũng là tâm sự của nhiều chiến binh khác trong quân lực Việt Nam Cộng Hòa: "Có thù oán gì đâu, nhưng gặp đâu thì bắn đó "(Trả lời phỏng vấn của Trần Văn Thủy).. Anh cũng như chúng tôi, phát điên lên khi nghe tin mất quần đảo Hoàng Sa. Và không riêng gì những người lính như chúng tôi và các anh, mà cả tất cả người Việt Nam nào cũng vậy, kể cả những cấp cao sĩ quan của quân đội (Bắc) Việt Nam. Nhân đây, tôi xin mạn phép anh LTH - một người bạn tôi, trích ra đoạn ghi chép của anh về một câu chuyện có thật. Người kể lại cho anh nghe chính là ông cụ, người đã thân sinh ra anh:

"... Khoảng 1h30 đêm, Tân Sơn Nhất vẫn ồn ào bởi tiếng động cơ máy bay. Trụ sở của phái đoàn Việt Nam Dân Chủ Cộng Hoà, trong ban quân sự liên hiệp 4 bên nằm ở trại David dưới lớn cây lum. Vẫn còn nhiều phòng để đèn, có lẽ nhiều cán bộ vẫn chưa ngủ vì Trăn trở với công vụ riêng được giao. Ông cụ vẫn thức, tâm trạng đang xao động vì mới được cấp báo trên thông tin của BBC về việc Trung Quốc tấn công đánh chiếm quần đảo Hoàng Sa của ta. Chuông điện thoại vang lên. Người ở đầu dây bên kia nói:

"Chào anh L, anh xin lỗi vì đã làm mất giấc ngủ. Xin phép được tự giới thiệu tôi là đại úy ..., trợ lý của trưởng đoàn Việt Nam Cộng Hòa ... Mong anh thứ lỗi vì anh chưa được cho phép, nhưng chúng tôi hỏi xin số máy bên tổng đài thành phố và muốn trao đổi với anh một chuyện quan trọng. "

"Xin lỗi anh vào đề ngay được không?" Cụ ngắt lời.
"Chắc anh có nghe tin hải quân Trung Cộng ... à xin lỗi Trung Quốc đã đánh chiếm quần đảo Tây Sa" (Hồi đó gọi theo tên gọi Trung Quốc..)
"Tôi có nghe."

"Chúng tôi muốn đề nghị các anh để cho 2 đoàn miền Nam và miền Bắc ngày mai cùng ra một

thông cáo chung về hành động vi phạm pháp luật quốc tế này của Trung Quốc. Chúng ta đều là người Việt Nam, trước hành động đi lại vết xe đổ của biết bao Triều đại trước kia, nhà cầm quyền Trung Quốc lại một lần nữa muốn thách thức dân tộc Việt Nam ta. Tôi tin chắc các anh cũng như chúng tôi rất phần nộ trước tin này. Thật là có tội với cha ông nếu chúng ta để một tác đất của tổ quốc rơi vào tay ngoại bang. Chúng tôi mong các anh hãy đặt lợi ích dân tộc lên trên mọi định kiến về ý thức hệ nhau để bắt tay trong chuyện này. "

Ông cụ hơi ngỡ ngàng, sau giây lát, thấy cuộc điện thoại này mang một nghiêm chỉnh nội dung và với thái độ hoàn toàn vì tâm thành bình thường hay họ dùng thuật ngữ "Việt Nam Cộng Hòa", "Việt cộng" và " Bắc Việt ", Ben trả lời:" Tôi hiểu và chia sẻ với các anh về vấn đề này. Nhưng xin anh hãy để tôi trao đổi với trưởng đoàn và trả lời anh sau. "

Ông cụ nhạc máy trao đổi ngay với anh T (thủ trưởng của cụ). Lúc đó cả hai đều nhất trí rằng ra thông cáo chung với phía bên kia thì chắc chắn là không thể có được, nhưng trước sự kiện ngang ngành này của Trung Quốc ai mà không tức giận. Cuộc chiến đấu sắp Gianh được thắng lợi hoàn toàn, trong khi đó họ mồm leo leo anh em đồng chí rồi lại đâm ngay mũi dao vào sườn mình. Nhưng nguyên tắc của hoạt động ngoại giao đã buộc họ phải nén cảm xúc và nhất nhất Tuân theo nguyên tắc: hành động theo chỉ thị ở trên. Đêm đó ông cụ không ngủ được. Phần vì chờ xem anh T xong trao đổi với Hà Nội có ý kiến thế nào. Phần khác vì nỗi uất hận dân tộc, cùng với cái thứ tình cảm rất mơ hồ gọi là quốc tế cộng sản giang xé lòng trong.

Ngày hôm sau lúc gặp lại nhau ở phòng họp, ông cụ thấy anh T yên lặng lờ đi, dường như đêm qua 2 người không có chuyện gì trao đổi cả. Lại theo nguyên tắc, cụ cũng không hỏi gì. Sau này vào năm 1983 trong buổi lễ kỉ niệm 10 năm ngày ký hiệp định Paris, gặp lại anh T, lúc đó đã nghỉ công tác (nghĩa là sự kiện 1979 đã xảy ra rồi nên mức độ "an toàn" đã cho phép người ta cởi mở hơn về quá khứ) cụ hỏi lại câu chuyện ngày đó. Ông T ben sôi nổi nhắc lại:

"Dại cái mặt tôi, nghe lời anh, ngay lúc đó tôi gọi ra Hà Nội cho anh Sáu trao đổi với anh ấy về câu chuyện của thằng Ngụy (xin lỗi bạn đọc vì đây là từ ngữ của ông T) vừa gọi cho anh . Anh Sáu nghĩ một lúc rồi chậm rải dạy cho tôi bài học nhớ đời. Tôi cứ tưởng anh suy nghĩ lâu vì đây là vấn đề tế nhị nên phải hành động thận trọng, hóa ra anh suy nghĩ vì phải tìm cách để dạy cho cấp dưới thế nào là bài học quốc tế vô sản. Anh bảo: "Tôi hết sức thất vọng vì anh. Tại sao lại có thể ngây thơ chính trị đến như vậy. Vấn đề mất quần đảo Tây Sa tôi cũng rất đau lòng. Nhưng sau này lịch sử sẽ gộp cái tội đó với cái tội đi đêm với đế quốc Mỹ thỏa thuận trên lưng chúng ta để xét hỏi những kẻ mang tư tưởng Đại Hán, phi vô sản.

Còn hiện nay bắt tay với chính quyền bù nhìn tuyệt nhiên không được. Chúng ta đang tranh thủ sự giúp đỡ của anh em để giải phóng miền Nam, đưa vấn đề này ra lúc này không có lợi cho cuộc kháng chiến của chúng ta. Vũ khí khí tài lương thực đều đi theo ngả Trung Quốc, họ gây khó dễ cho chúng ta biết chiến trường thì khó khăn Nhường nào. Không nên tham bát bỏ mâm. Phải có cái nhìn toàn cục. Giải phóng miền Nam xong chúng ta có thể làm được mọi việc khác. Cán bộ cỡ anh phải hiểu điều đó chứ. "

Ông cụ ngam ngui. Cho đến ngày nay ông cụ vẫn ân hận 2 điều. Một là, nếu ngày đó hải quân Sài Gòn quyết chiến với Trung Quốc Gianh lại Tây Sa thì chắc chắn miền Bắc sẽ im lặng. Họ (Sài Gòn) hoàn toàn làm được vì ngày đó hải quân Trung Quốc còn rất lạc hậu, và trang bị không hơn gì hải quân miền Nam. Ngắt nỗi không ai nói với họ điều đó cả. Từ trên xuống dưới còn đang lo đối phó với miền Bắc. Hai là cái tòa án lịch sử mà anh Sáu nói đến đó, có lẽ phải hàng trăm năm nữa mới mở. Lúc đó chẳng những anh Sáu và chúng tôi đã thành người thiên cổ lâu rồi mà cả cái bộ luật vô sản mà chúng ta định dựa vào đó để thưa kiện cũng bị chôn vui từ đời nào đời nao. "

Thố Ti

(Thổ Tí đăng trong Văn
số 161, tháng 10-1996)

Sinh ra ở Việt Nam, nhưng lớn lên tại Mỹ nên tiếng Mỹ là ngôn ngữ chính của tôi. Khi rời Việt Nam tôi đã biết đọc biết viết, tuy tiếng Việt khá hơn bạn bè cùng tuổi, tôi thực ra chỉ có thể nói được những điều bình thường trong sinh hoạt hằng ngày. Tôi muốn học tiếng Việt nhưng bố bận vì sinh kế, không có thì giờ dạy con. Tôi muốn tìm hiểu văn chương Việt Nam. Bố là người viết truyện và đang làm cho một tờ báo văn chương trong cộng đồng người Việt ở đây. Bố nói văn chương Việt Nam bao la lắm, bố không biết bao nhiêu, vả lại vì ít thì giờ nên bố chọn cho tôi đọc tác phẩm của những nhà văn mà theo bố, là những khuôn mặt lớn của văn chương Việt Nam. Bố nói cứ rán đọc, bố sẽ hướng dẫn thêm.
Những quyển sách bố chọn, tôi đọc rất kỹ, kể cả lời nói đầu, lời tựa đến lời bạt, lời khép. Tôi đọc hết những sách bố đưa, dường như văn chương Việt Nam quyến rũ, nên dù vất vả tôi vẫn tìm đọc thêm những quyển trong tủ sách của bố. Những quyển này, giá trị văn chương không bằng những quyển bố chọn. Tôi hỏi bố, tại sao truyện in ra mà không cần văn chương. Bố nói ở bên này in sách dễ lắm, có tiền là có thể xuất bản một quyển sách. Khác với sinh hoạt văn học ngoại quốc, văn học của ta thiếu hẳn một ngành phê bình chuyên biệt vốn cũng là một ngành học tại các đại học ở đây.
Dựa vào những lời giải thích của bố, tôi không còn thắc mắc về những lời khen đối với tác phẩm không hay nữa. Và tôi mới hiểu tại sao, có những tác phẩm in luôn những lời khen chiếm một số trang không khiêm nhường trong quyển sách. Điều này làm tôi buồn.
Khi nói đến thơ, tôi mới nhận ra là bố không đưa cho tôi đọc một quyển thơ Việt Nam nào. Tôi hỏi, bố bảo thơ là tinh túy của văn chương, là cái gốc chữ nghĩa một nền văn chương. Tiếng Việt tôi chưa thông, làm sao có thể đọc thơ Việt được. Nhưng rồi bố vẫn đưa tôi một số quyển thơ và dặn chỉ nên đọc những quyển này. Đọc xong, tôi lại lén đọc thêm vài quyển khác. Quả thật thơ khó hiểu hơn văn. Tôi lại hỏi bố.
Bố nhìn tôi lắc đầu, giải thích “Với văn xuôi, con dễ nhận ra một câu tối nghĩa, nhưng trong thơ, một câu thơ khó hiểu sẽ khiến con suy nghĩ rất nhiều, đôi khi với những nhà thơ tài hoa ta có thể không hiểu thấu lời thơ, nhưng ta cảm nhận được tình cảm của câu thơ. Còn những người làm thơ như làm vè, những câu tối nghĩa ta sẽ không hiểu, không cảm nhận được gì, mà chỉ nhức đầu thôi”. Trong giới thơ văn Việt Nam, người ta có tĩnh từ “thơ hũ nút”, “thơ xóc lọ”. Và bây giờ, thời buổi kỹ thuật tiến vượt bực, những chuyên viên xóc lọ chuyển sang nhấn nút, khi làm thơ chỉ cần bấm một macro của cái computer là có thể chạy ra một loạt những bài được program sẵn, gọi là “thơ nhấn nút”; hoặc bẻ cong bẻ queo, đảo ngược đảo xuôi chữ nghĩa, gọi là “thơ bí hiểm”. Tôi tò mò, lấy quyển thơ mà tên tác giả đã quen thuộc với tôi.
Tác giả này tên Thố Ti. Tôi thường thấy tên ông trên một số tờ báo, và trong rất nhiều quyển

sách dù ông không phải là tác giả. Vậy thì tại sao quyển thơ của ông, bố lại không cho tôi đọc. Bài thơ nào tôi cũng thấy có những nét quen thuộc, khiến khi đọc, tôi nhớ đến những quyển thơ khác. Hình như thơ Việt Nam khác với thơ ngoại quốc, ở mỗi tác giả hay tác phẩm, thường có một không khí sáng tạo riêng. Thơ Việt Nam như mang chung một vài hình ảnh hay chữ nghĩa mà bố bảo là "nhai lại", "sáo mòn".
Tôi thắc mắc Thố Ti là gì, tên thật hay bút hiệu. Tôi lại hỏi. Bố bảo chữ Thố Ti này tiếng Việt không có, nó là chữ Tàu. Tôi loay hoay tìm hiểu, được biết thố là con thỏ, và ti nghĩa là mặc cảm thấp kém. Tôi không chắc lắm vì chữ Tàu, nhiều chữ tuy cùng một cách phát âm nhưng viết khác nhau nên nghĩa cũng khác. Mặc cảm thì tôi biết, còn con thỏ, thỏ với người Mỹ gợi nhớ đến sự táo bạo như những nàng bunnies của Playboy, nhưng con thỏ với người Việt Nam lại có ý là nhút nhát. "Nhút nhát và mặc cảm thấp kém." Thế tại sao lại lấy bút hiệu này.
Tôi càng thắc mắc, ông Thố Ti này chắc phải là một khuôn mặt lớn lắm mới có thể có tên trong nhiều quyển sách. Và thơ ông có vẻ như bao trùm tất cả những quyển thơ mà tôi đã đọc. Điều này càng làm tôi thắc mắc hơn, tôi lại hỏi bố.
Lần này thì bố nói là không được hỏi gì nữa, hiểu biết về văn chương Việt Nam của tôi đã tạm đủ để tự tìm hiểu lấy. Tôi biết bố giận vì tôi đã cãi lời, cứ đọc những quyển sách mà bố không muốn tôi đọc. Bố nhấn mạnh "Thố Ti không phải là một cái tên riêng, mà là tên chung của nhiều người, cái ông Thố Ti này chỉ là một khuôn mặt điển hình thôi".
Tôi ấm ức mãi trong đầu về cái tên Thố Ti này. Tên thật thì chắc không phải, vì có thấy ai họ Thố đâu, mà bút hiệu thì thật là kỳ cục. Và tại sao bố lại bảo đó là một cái tên chung của nhiều người? Trong khi có nguyên hẳn một quyển thơ mang tên ông? Nhưng rồi, chuyện ấm ức này cũng nhạt dần đi.
Cho đến một hôm, tôi thoáng thấy trong tiệm sách, quyển truyện của một nhà văn Trung Hoa, truyện Thố Ti Hoa, được dịch sang tiếng Việt là "Hoa Tầm Gửi".

***

Phụ chú:

(…trích dẫn trong
Chữ Nghĩa Làng Văn
Ngộ Không Phí Ngọc Hùng)

Tầm chương trích cú

Chinh phụ ngâm bản chữ Hán có câu:

Phụ *quyết* hề! *Cự hư*
Bão lan hề! Thố ti
Hà nhân sinh tương viễn

"Quyết" là con đại thử.
"Cự hư" là con hươu cao cổ.

Phụ đính :
Thố: con thỏ
Ti: mặc cảm
Thố ti hoa: Hoa tầm gửi

Thư gởi nhà văn Cao Xuân-Huy nhân đọc lại Tháng Ba Gãy Súng

Minh Nguyện

..... ngày..... tháng 8 năm 2004
Kính gởi nhà văn Cao Xuân-Huy,

Thanh-Liêm, Công-Nguyên ở Mỹ là bạn với Như-Hùng ở bên Úc, ba người này lại là những Trung đội trưởng cùng đơn vị với anh trong những ngày đất nước còn giặc giã tơi bời. Mùa hè này, ba người ấy đã gặp lại nhau và có ghé thăm ao bông súng nhà tôi, nơi cánh rừng nằm cạnh xa lộ 93, về hướng nam, cách thành phố Boston có hơn vài mươi dặm...

Bên cái băng bằng đá có bám chút rêu xanh, ba người lính cũ chăm chăm nhìn mấy ngọn giả sơn nằm bên bờ hồ róc rách dòng suối nhỏ, thả hồn về những năm tháng hành quân vùng địa đầu hỏa tuyến, tựa hồ chuyện mới hôm qua. Riêng với anh chàng Công-Nguyên, tôi có dịp quen biết lâu đến hơn sáu bảy năm rồi, và được xem lại những tấm hình mặc áo quần nhà binh ngày xa xưa ấy; nay anh đã trọng tuổi hơn nhiều nhưng vẫn phảng phất chút gì của cá tính bất cần đời, dù khi màu tóc trắng lấn sân khá hỗn trên mái tóc đen thưa thớt yếu dần...

Tôi được nghe họ nhắc tới anh rất nhiều, nhắc tới *Tháng Ba Gãy Súng*, nhắc về cách trả lời của anh qua cuộc phỏng vấn với Trần Văn Thủy trong *Nếu Đi Hết Biển* đăng lại trên talawas, nhắc về những ngày ở Houston (Texas) mới hồi đầu tháng bảy năm 2004 này, nhắc về hồi chuông điện thoại reo từ miền Nam nước Mỹ, nhưng vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, nơi cánh rừng có ao bông súng nhỏ đang có vài bông trắng nhụy vàng vừa nở, có bụi chuối già hương vừa mới phát, bụi trúc Phật màu xanh xanh nghiêng bóng bên bờ hồ, vài gốc thiên tuế tuổi đời còn non, năm ba dề lục bình vừa nhú nụ hoa màu tím phơn phớt lợt, mấy cánh bèo tai tượng đang xanh màu, lác đác năm ba chòm u du (một loại đưng lác vùng nước ngập mà bên này người Nhật, người Tàu nơi các nhà bán cây cảnh thường gọi tên là“thủy trúc”), tất thảy những gì tôi có nơi đây nó mang đầy cái chất quê mùa mà tôi hằng nâng niu ấp ủ.... và tôi mãi mê săm soi những vật tưởng chẳng ra gì ấy nhưng đối với tôi là những người bạn tri kỷ một thời, và có lẽ suốt đời , nên tôi hụt mất một dịp để nghe Bùi Công-Nguyên giới thiệu tên anh trên đường dây viễn liên xa ngàn dặm.

Tôi là một người nhà quê rặt anh à! Rặt từ chân lông đến vết nứt bàn chân. Rặt từ mái tóc luôn tươm mùi khét nắng đến cái dáng quê mùa muôn thuở. Rặt từ giọng nói “cá rô” thành “cá gô.” Rặt từ “co ro” thành “cò rò.” Rặt từ con “cúm núm” chúng tôi ưa gọi tên “gà nước.” Rặt từ lúc đi học trường làng chưa lần nào dám “cọp-dê” hay “đánh phép,” nhưng biết sợ đòn mỗi lần thầy tôi mở sổ điểm danh. Và đặc biệt tôi rất sợ những bữa “cơm chùa” vào các ngày rằm, ngày vía lớn, vì người lớn làng quê tôi hay nhắc chừng “ăn cơm chùa lớn bụng.” Còn nhiều đặc điểm nữa mà không tiện thưa cùng anh vì không khéo mình lại đi xa về một loại hình tự vẽ chân dung mình qua những dòng chữ lê thê này...

Sở dĩ tôi tự giới thiệu một chút về tôi như vậy để anh thấy những gì hai anh Nguyên, Hùng kể lại với anh về tôi lúc các anh gặp lại nhau sau 30 năm cuộc chiến đã tàn là một sự thật, không thêm không bớt chút nào. Tôi mang niềm vui nhà quê tựa như anh lúc nào cũng mang trong tâm hồn mình niềm hãnh diện màu áo lính ngày xưa. Cái chất quê ấy dù hơn mười mấy năm sống ở đây, sao tôi thấy khó mà thay đổi được. Nó là cái chất rồi anh à! Đã thành máu thịt của

mình. Và không ai làm thay đổi được cái chất đó dù có pha chế theo phương pháp khoa học ngày nay dưới bất kỳ dạng thức nào. Ví như *Tháng Ba Gãy Súng* của anh, mấy năm trước tôi được Bùi Công-Nguyên giới thiệu tác giả là bạn của Nguyên, nó là cái chất của anh. Tôi đọc thử. Chưa thấy thấm. Lúc ấy, có lẽ vì mới chân ướt chân ráo trèo qua những bờ bi, kinh rạch của dòng sống mới, nên trong bụng tôi còn lu bu cơm ghe bè bạn từ xứ sở quê nhà đang mang nặng bên hông, nên đọc như không đọc . Rồi sau đó khá lâu, khoảng vài ba năm, Bùi Công-Nguyên lại nhắc tên anh và *Tháng Ba Gãy Súng*, còn dặn "ông thử đọc lại vì có tui trong đó."

Thật sự, lúc ấy tôi cũng chưa có hứng để đọc lại anh Cao Xuân-Huy à! Vì một lẽ, tôi chưa thanh thản tâm hồn, đời sống với nhiều vật lộn, nên tôi cứ tự hứa với mình là sẽ có ngày rồi mình sẽ đọc. Và một lẽ khác là tôi quá sợ chiến tranh. Chiến tranh dù dưới bất cứ danh nghĩa nào tôi cũng sợ ráo trọi. Cuốn sách của anh là một phần còn sót lại của cuộc chiến hôm qua mà tôi còn hãi hùng. Nói gì cho xa xăm, sự có mặt của tôi và hằng triệu người khác rải rác khắp hoàn cầu, trong đó có các người bạn của anh cùng gặp lại tôi giữa cái nắng mùa hè khá nóng nơi này, cũng là do hậu quả của chiến tranh đó mà! Các anh ấy kể về những ngày trẻ dẫn lính qua những bãi chiến năm xưa. Còn tôi thì lại nhớ về những cánh đồng, ao vũng, đìa bàu nở đầy những bông hoa ngát thơm hương đồng nội cỏ. Chỉ riêng có mỗi cái là được sống theo sở thích thôi, đâu phải dễ, phải không anh? Vả lại, tôi nghĩ đâu có gì gấp gáp cho bằng manh áo miếng cơm nơi xứ xa lạ cảnh, lạ người này... Và rồi tôi có đọc lại thật, nhưng vẫn chưa thấy thấm được bao nhiêu...

Đến mấy tháng gần đây, khi tuổi tôi lại già theo năm tháng, tóc bạc màu pha chút nắng hanh vàng, và da nhăn tóp với nhiều chấm đen da mồi điểm xuyết trên gương mặt khô cằn, như một dịp nhớ về 30 năm trước, lúc trận chiến sắp tàn, tro than cũ giờ chắc cũng tàn theo năm tháng, và bụi thời gian đã chôn chặt những ký ức lại chồng chất dày thêm, tình cờ tôi mới mò vô talawas, và lại thấy đứa con của anh đang giỡn nơi căn gác hẹp ấy. Và tôi bắt đầu lại từ đầu, tò mò đọc những dòng chữ của anh liên tục cả tuần. Nhưng thú thật với anh, tôi chưa dám có ý nghĩ gì về đứa con mà anh cho rong chơi trên đó, chỉ rù rì với Bùi Công-Nguyên trong những bận chúng tôi cùng làm cu-li với nhau ở một hãng in giấy bên ngoài thành phố. Lúc bấy giờ tôi mới hỏi Nguyên:

"Ông nghĩ sao về Cao Xuân-Huy?"

Nguyên không phải suy nghĩ: "Cao Xuân-Huy là bạn tôi."

Không. Tôi không có ý hỏi như vậy. Mà tôi muốn hỏi ông về *Tháng Ba Gãy Súng* của Cao Xuân-Huy?

Trong tiếng máy đóng sách chạy rầm rập, chúng tôi cùng làm việc chung trong dây chuyền bỏ giấy vào các hộc máy và nương theo tiếng máy chạy inh tai ấy mà bàn về cuốn sách của anh. Thú thật, tôi nói với Nguyên là tôi biết sợ Cao Xuân-Huy, sợ cái dũng và sợ cái tài kể chuyện bằng những trang chữ viết. Tôi không nghĩ anh là nhà văn như nhiều người vẫn thường có thói quen hễ ai có viết sách đều là nhà văn. Tôi không tin những người viết sách thể tất là nhà văn. Tôi luôn luôn nghi ngờ về điều ấy. Vì nếu anh là nhà văn, có lẽ văn của anh chưa chắc đã hay đến thế, nhất là những câu đối thoại từ đầu đến cuối.

Tôi xin mở thêm ở đây một dấu ngoặc để hỏi anh một chút về điều này. Tại sao các tác phẩm đầu tay của các nhà văn bao giờ cũng là những tác phẩm để lại nhiều dấu ấn trong lòng người

đọc?

Theo tôi, sở dĩ có hiện tượng ấy là vì các tác giả khi bắt đầu viết những dòng chữ đầu tiên ấy, là lúc họ chưa phải là nhà văn. Về sau này khi trở thành nhà văn rồi, họ không còn hấp dẫn nữa là vậy. Một người con gái đẹp trời cho cái nét đẹp tự nhiên với dáng vẻ bình thường, nó đẹp gấp ngàn lần khi phải qua nhiều cuộc phẫu thuật thêm môi thêm mắt. Văn chương là một sự trau chuốt nhưng không phải sự trau chuốt nào cũng làm cho những tác phẩm của các tác giả trở nên hấp dẫn và giá trị.

Chắc anh sẽ cười tôi nói sao mà lạ quá vậy. Anh thử chiêm nghiệm lại xem, trong giới văn chương mà anh có nhiều cơ hội hơn tôi nhiều, anh đã tiếp cận trong suốt mấy mươi năm trời nay, có tác giả nào viết được những câu đối thoại giống như anh không? Hay chỉ là lối đối thoại rặt màu văn chương hư cấu, gượng ép, cầu kỳ và nhiều lúc còn tệ hại hơn nữa là nó giống như đôi đào kép đang yêu nhau trên sân khấu với túp lều tranh hai quả tim vàng từ đời năm thìn bão lụt... Tôi nói thật đấy! Chỉ nội cái mục đối thoại thôi, nếu anh là nhà văn thứ thiệt, chắc anh cũng không thoát khỏi cái lối mòn trau chuốt những lời nói vô duyên nhất trong văn từ của mình... Tôi không rành về nghệ thuật viết văn nhưng tôi biết chắc văn đối thoại là một trong những câu văn khó viết vô cùng. Có lẽ vì thế mà tôi hay nghĩ ngợi văn hay là văn viết như thật.

Về phương diện văn chương tôi không dám lạm bàn thêm đứa con của anh, vì dường như ai ai cũng biết nó và ai ai cũng biết anh là người khai sinh ra nó. Phần này đã có các nhà phê bình văn học đầy tài năng và một bụng lý thuyết họ sẽ lo. Và bây giờ nghe đâu anh lại là chủ biên một tờ báo *Văn-Học*, được nhà văn Nguyễn Mộng-Giác vừa chuyển giao, tôi lại càng nên tránh nói về đứa con của anh trên phương diện văn chương nghệ thuật. Không khéo lại làm trò cười cho bàng-quan thiên hạ. Và ngay cả lá thư không gởi này cũng là một việc làm đáng lẽ không nên làm nếu không có Công-Nguyên và Như-Hùng có chút gì gắn bó với những ngày *tháng ba gãy súng*. Tôi nói vậy để anh rõ về ngọn ngành lá thơ mà tôi đang viết cho anh và cũng để anh an tâm là lá thơ này sẽ không mong gì hơn là chỉ Nguyên-Hùng-Huy-Liêm cùng đọc, không phải làm phiền nhiều bạn đọc khác trên các diễn đàn dưới đất cũng như trên trời, và đặc biệt, tôi hy vọng nó sẽ không bao giờ có mặt trên tờ báo *Văn-Học* mà anh đang làm chủ biên, chủ bút...

Đọc đến đây, có lẽ anh sẽ hỏi tôi, “Vậy chớ ông đọc văn tôi với trạng thái nào? Trạng thái một người đọc bình thường hay trạng thái một người lính già?” Không, thưa anh Cao Xuân-Huy. Tôi không đọc văn anh với tâm trạng người đọc hay người lính già, mà với một người mà hơn ba mươi năm về trước không có cơ may như anh. Hay nói đúng hơn là tôi lại có cơ may khác hơn anh là tôi ở một nơi chốn yên bình nhứt, và vì thế tôi cảm thấy mình xấu hổ nhứt trước những gì anh đã kể lại trên những trang sách. Tôi xấu hổ vì tôi nhát gan hơn anh, tôi không dám anh hùng như anh, hay nói cách khác là tôi sợ chết hơn anh nhiều. Giữa một văn phòng có đủ tiện nghi với máy điều hòa không khí giữa Sài Gòn, so với một người trung đội trưởng đang dìu dắt đơn vị mình trong những ngày di tản, ai hùng hơn ai, chắc anh đã rõ. Những ngày “tháng ba” ấy, tôi và nhiều người đang ở Sài-Gòn như tôi, họ làm gì? Có lẽ tôi nên mượn câu thơ mới nhất của Trần Hoài-Thư để nói về một địa danh có tên gọi Sài-Gòn thuở ấy:

“Sài-Gòn có mùa hạ dài hơn mùa đông
Nên Sài-Gòn có mắt em xanh da trời tháng sáu
Sài-Gòn có thật nhiều quán cà-phê quán cóc
Nên bàn ghế Sài -Gòn đầy ắp tình nhân

.....
Sài-Gòn buổi chiều trời hay nổi cơn giông
Nên những hiên nhà là những hiên tình hò hẹn
Sài-Gòn có những con bồ câu cúc cù trên hàng dây điện
Nên Sài-Gòn vẫn là nơi hò hẹn của hai kẻ yêu nhau
Sài Gòn ít khi thấy được ánh hỏa châu
Nên đêm đêm Sài Gòn bình yên giấc ngủ
Để em đến trường như con sáo nhỏ
Để người lính trở về, có chỗ dừng chân
Để mãi mãi Sài-Gòn là những bâng khuâng..." [1]

Sài-Gòn những ngày tôi có mặt giống như câu thơ Trần Hoài-Thư đã mô tả. Đọc sách anh, nhìn lại mình, tôi thấy tôi trước nhứt là như thế. Phải nhận ra cái kém cỏi của mình để học cái gan dạ của những người lính trên Ban-Mê-Thuột, trên đường liên tỉnh lộ số 7 từ Pleiku dẫn về Cũng-Sơn, Sơn-Hòa,Tuy-Hòa, Phú-Yên miền duyên hải và những người lính trong "tháng ba gãy súng" chứ? Phải không anh???

Cuốn sách của anh là một bài học cho tôi rất nhiều. Tôi đã học được ở đó nhiều điều mà tôi mãi băn khoăn, từ cái nhỏ đến cái lớn, từ cá nhân bé nhỏ đến tập thể rộng lớn bên ngoài, từ trong đời sống thường của một thường dân đến lãnh vực bao quát một thời kỳ qua bài học lịch sử trước đó và sau này... Và tôi có thể nói rõ lại một điều là tôi rất sợ cuốn sách ấy khi tôi ngồi một mình giữa đêm thâu mở lại từng trang sách. Bởi một lẽ giản dị là, mỗi lần lật lại từng trang giấy in đầy những dòng chữ như một hồi ức ấy của tác giả, cũng chính là một loại bùa lỗ ban, là một cái kính chiếu yêu, nó làm những bóng ma trong tôi phải chùng lại mọi cựa quậy, mọi xưng tụng. Những bóng ma của thời trẻ trong tôi, cũng như khi bây giờ vào buổi xế chiều này, khi chạm phải những trang sách của Cao Xuân-Huy là tôi biết ớn lạnh, rùng mình! Và tôi đọc sách của anh với trạng thái của một người ngoài màu áo lính mà anh và các bạn cùng đơn vị đã khoác nó lên mình, của một người vô danh tiểu tốt sống lủi thủi ở một vùng quê mùa xa lắc xa lơ, một người nhà quê có một làng mạc chìm trong chiến tranh mấy mươi năm qua nhiều thời kỳ bồng chống nhau tản cư chạy loạn và cũng như nhiều bà con làng quê, tôi biết sợ chiến tranh, cho dù chiến tranh đến dưới bất cứ danh nghĩa nào, từ bất cứ phía nào, vào bất cứ thời nào, và bất cứ đời nào!!!

Tôi hy vọng, với thời gian năm, ba trăm năm sau hay một, hai ngàn năm sau, *Tháng Ba Gãy Súng* của anh cũng chỉ là một chuyện đời xửa đời xưa được kể lại như bao chuyện đời xưa khác mà chúng ta đã đọc qua lịch sử. Lịch sử nói chung và chiến tranh nói riêng, đến một lúc nào đó, sau khi những người chủ xướng ra nó đã chết mất đất từ hơn cả trăm, cả ngàn năm rồi, lịch sử và chiến tranh lúc bấy giờ chỉ còn là một câu chuyện đời xưa không hơn không kém!!!

Trân trọng

Minh-Nguyện (một người đọc già)

© 2004 talawas

[1]Trích bài thơ "Sài-Gòn trong trí nhớ," trong thi phẩm Người Lính của Trần Hoài-Thư do Thư-Quán Bản Thảo ấn hành, tháng 7 năm 2004, Hoa-Kỳ.

Những nơi người lính đã đi qua...

Phan Nhật Nam

Huy và tôi đã rất thành thật luôn khi tự xác nhận và nói với người khác: Chúng tôi không là "nhà văn" trong nguyên nghĩa tức là những người dùng văn chương như một cách thế tiên khởi chính thống. Chúng tôi đã nói như thế vì chữ nghĩa chỉ đến sau khi cây súng và bộ áo quần lính đã không giải quyết gì được, nếu không nói một cách khác: Đấy chính là đầu mối của tất cả mọi vấn đề (bế tắc) và cũng là nguyên nhân gây nên nên tình huống không xuôi thuận giữa bản thân với hoàn cảnh. Nhưng cũng khó khăn thay, chúng tôi lại không có cuộc đời nào khác ngoài những tháng năm trong lửa đạn (khác chăng là người chịu dài ngày, người gánh ngắn hạn) với những nơi chốn buộc phải đi qua, sống cùng, chết với. Như con người không có, không còn một nơi nào khác ngoài mặt đất. Cũng bởi không thể ứng xử theo một chọn lựa nào khác nên khi nói đến chuyện chữ nghĩa, văn chương thì hình như động tới một mối đau với cách bỡn cợt, mỉa mai tệ hơn nữa là một sự vô ích. Tôi kể lại những nơi chốn đã sống qua thêm một lần như một nén hương để tiễn đưa Huy...

1- Cửa Việt, Quảng Trị...

Mùa Đông năm 1967, hướng 6400 ly giác trên địa bàn, Tiểu Đoàn 9 Nhảy Dù rời căn cứ Cửa Việt của Hải Quân Mỹ theo trục chính Bắc lúc trời vừa qua sáng. Trăng lạnh soi lên mặt biển lóng lánh sáng bốc khói sóng mờ đục. Những đợt sóng nhỏ đập vào thành xe M'track của Thủy Quân Lục Chiến Mỹ chuyển đoàn quân đi lầm lũi trong ánh sáng của ngày chưa tới. Vượt khỏi làng Diêm Hà Nam vừa chạm tới bờ rừng dương liễu của làng Diêm Hà Trung kịp nhận xa xa sông Bến Hải vạch đường mờ nhạt giữa bãi bờ cát xám thì cùng lúc khám phá thấy những bóng người lê lết bò ra từ những khối đụn nâu đen rải rác dọc bãi biển… Đám sinh vật người đưa hai tay lên trời đồng lên tiếng kêu rên thảm thiết.. Bộ đội lính ơi.. Bộ đội lính ơi.. Đồng bào mền khôn cả.. Lính cộng hòa ơi.. Tập trung tất cả lại, trời sáng dần giúp anh nhận rõ hầu hết là con trẻ, người già, hoàn toàn không có đàn ông thanh niên. Và trong số dẫu là những người nữ gầy gò trong độ tuổi trung niên hay trẻ hơn nhưng không ai mặc áo lót mà chỉ với vạt áo dài phủ xuống thân hình luôn ở vị thế bò và quỳ bởi không có chiếc quần che hạ thể. Anh tự nói thầm câu vô nghĩa: Có người dân nào cùng khốn và đau thương hơn thế nầy khi nhìn vào những "căn nhà" mà những con người kia vừa chui ra: Đấy là những mui thuyền úp trên bãi cát, trên mặt cát ẩm ướt trải những manh chiếu tơi tả rách nát.. Mỗi gia đình gồm mấy con người ngồi bó gối trên manh chiếu nát như thế từ bao ngày qua. Nhưng sự bình yên khốn khổ cuối cùng cũng không còn khi pháo từ bên bờ Bắc sông Bến Hải bắt đầu dội xuống! Không phải pháo vài quả, vài tràng nhưng dồn dập ào ạt từ nhiều vị trí với đạn 130 ly đầu nổ công phá.. Lính nhẩy nhanh xuống những hầm hố đào vội. Dân chỉ biết chui vào lại những căn chòi mong manh. Có những mui thuyền bị đạn pháo bắn tung lên như rác vụn với những xác người bay bay.. Bộ đội cộng hòa ơi.. Cứu đồng bào bộ đội cộng hòa ơi. Ngồi dưới chiếc hố dã chiến anh úp nón sắt che kín mặt ủ vào hai gối, thầm nói như một lời thú tội: Ai cứu được ai trong đạn pháo bây giờ?!

Tháng 1, 1973, Tiểu đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến của Huy từ Hương Điền, Thừa Thiên được lệnh lên đường tiến chiếm Cửa Việt, Quảng Trị được đặt tên Mục Tiêu T. Ngoài vũ khí đạn dược mỗi người lính phải mang thêm trong ba-lô năm lá cờ để sẵn sàng cắm lên vị trí sẽ chiếm

được. Cuộc hành quân có tính cách thần tốc, thời gian được ấn định thật chi ly chỉ vỏn vẹn hai-mươi bốn giờ từ 7 giờ sáng ngày 27 đến 8 giờ sáng ngày 28 tháng 1 – Ngày ký Hiệp Định gọi là Tái Lập Hòa Bình Việt Nam ở một nơi xa nửa vòng quả đất. Đúng 7 giờ 58 phút sáng ngày 28 tháng 1 nghĩa là trước Lệnh Ngưng Bắn có hiệu lực hai phút quân miền Nam làm chủ được chiến địa.. Ngưng bắn! Ngưng bắn! Đ..má.. không bắn nhau nữa.. Bắn làm đ.. gì giờ nầy nữa mấy bác!!… Xông lên.. Chạy lên.. Không vũ khí chỉ có những lá cờ cầm tay và bao thuốc lá chìa trước mặt.. Hút đi mấy cha .. Đánh đá cái chó gì mà đánh dữ vậy..Hút đi.. Đây là thuốc quân tiếp vụ đ.. phải là thuốc của đế quốc Mỹ.. Không có tẩm thuốc độc đâu.. Tôi hút trước cho mấy cha yên tâm. Lính nói tiếng Nam, tiếng Trung, giọng Quảng chen lẫn âm sắc Hà Nội, Nam Định. Có người lính nước mắt chảy dài nói trong tiếng khóc ghìm xuống..Đ..m giờ trước mà bắn trúng nhau thì thật là khốn nạn. Chết vô duyên, lãng xẹt. Hiệp định Hoà Bình ký ngày 28 tháng 1 năm 1973 giúp người lính hai bên biết được điều vô nghĩa tàn nhẫn của chiến tranh. Chết khốn nạn. Chết vô ích. Nhưng “hòa bình” chỉ kéo dài được đến chiều tối. Khoảng 9 giờ cùng ngày 28, lệnh Không Được Tiếp Xúc phải tuyệt đối thi hành và người lính tiếp tục đào xuống sâu hố cá nhân, giao thông hào để đề phòng bị tấn công sau hòa bình. Phía Bắc quân cũng im bặt, những người lính âm tiếng Bắc, mời thuốc lá ban sáng đã hoàn toàn vắng mặt. Nửa đêm ngày 28 rạng 29 chiến tranh lại bắt đầu. Người lính vừa bóp cò vừa chảy nước mắt ghìm tiếng thét căm phẫn.. Đánh nhau làm gì nữa trời ơi?!! Từ dưới hố cá nhân được đào sâu thêm trong những “giờ hòa bình” Huy nhìn lên bầu trời tối đen với những ngôi sao lấp lánh trên cao.. Anh cũng muốn gào lên lên câu hỏi tương tự và tuôn trào giòng nước mắt giận dữ. Cũng chẳng biết giận ai. Anh nói tiếng nhỏ qua máy truyền tin.. Đ.. m không được bắn hoảng, kể từ giờ phút nầy chỉ còn tự túc cá nhân chiến đấu, không yểm trợ, không tiếp tế, không tải thương để khỏi mang tiếng vi phạm lệnh ngưng bắn, để bảo vệ hòa bình mà hiệp định vừa mang lại. Trên toàn cầu nhiều giới người gồm những nguyên thủ quốc gia, chính khách, nhà tu, những kẻ vận động, yêu chuộng công lý hòa bình đồng nâng ly chúc mừng thắng lợi của hiệp định trong tiếng chuông nhà thờ ngân vang mừng hòa bình đã đến với con người thế giới nói chung, ba nước Đông Dương, Việt Nam nói riêng! Từ 28 đến 31 tháng 3 Huy đại tiểu tiện một chỗ trong hố cá nhân bởi chiếc cần ăng-ten của máy truyền tin PC 25 vừa nhú ra khỏi mặt đất đã bị cắt cụt bởi một tràng thượng liên vô cùng chính xác. Cuối cùng đại đội của Huy rút lui về phía sau theo chiến xa của Thiết Đoàn 20 mở đường máu giữa trùng vây của một trung đoàn lính Bắc Việt mới được tăng cường thay thế đơn vị bộ đội đã hút chung điếu thuốc lá, khóc với lính cộng hòa trong sáng ngày 28. Đại đội Huy phải bỏ lại trận địa nhiều xác chết và thương binh - Những đồng đội vừa chết trong trận đánh sau hòa bình. Có người lính chết trong túi còn nửa điếu thuốc lá hút dở. Điếu thuốc của một bộ đội miền Bắc mời ngày hôm kia chưa kịp hút hết thì đã vội nhảy xuống hầm..

2- Huế, Thừa Thiên.

Mùa hè 1972, từ Mang Cá, thành nội Huế bản doanh của Bộ Tư Lệnh Tiền Phương Quân Đoàn I, cũng là tiền trạm của Lữ Đoàn 2 Nhẩy Dù, đơn vị tăng phái cho mặt trận Trị-Thiên đang trong hồi nguy ngập, anh đi bộ ra hướng Hồ Tịnh Tâm. Qua khỏi khu hồ vuông vức anh rẽ phải hướng về Đường Mã Khái. Những năm thơ ấu trước 1950, anh thường theo Mẹ đi trên lối nhỏ nầy về nhà Cậu Cả. Lối đi ngày ấy một bên được chắn bởi hàng rào lá chè đan dày và một bên là con rạch nhỏ lác đác những lá tre vàng khô lay lắt chuyển động, thân cây tre theo gió cạ vào nhau gây nên tiếng kĩu kịt rì rầm bí ẩn. Thuở ấy dẫu buổi trời đang nắng gắt, con đường luôn xanh um bóng mát làm đậm thêm mùi cây lá mục rã dưới rạch nước sẫm màu rêu. Ngày ấy đứa bé luôn có cảm giác nôn nóng khi đi đến căn nhà thoang thoảng mùi thơm của nhiều loại hoa chưa biết hết tên; vườn nhà cậu trồng nhiều cây nhưng đứa bé chỉ lưu tâm về cây trứng cá bên giếng nước sai trái chín đỏ lẫn với quả xanh mọng nứt mùi mật vo ve rì rào những con ong nhỏ, và cây khế với chùm trái căng vàng lẫn trong tàng lá lấm chấm những cánh hoa trắng. Cây khế là nơi chị Ng bế con mèo đứng chụp hình, tóc xõa xuống trán che dấu sẹo nhỏ, dáng điệu nhu mì hiền thục. Đứa bé rất thương yêu người chị vì chỉ có chị mới che chở cho nó khi bị cậu

la rầy.. Thằng R còn nhỏ thầy đừng la em tội nghiệp, nó không cha mới vô đây ở với nhà mình.. Chiếc ảnh của chị treo nơi căn nhà ngang lợp tranh tường quét vôi trắng xôm xốp ẩm ẩm. Căn nhà trên đứa bé không được phép lên bởi là nơi thờ Phật, nó chỉ được nhìn vào từ chỗ đậu xe hơi đến chiếc ghế gỗ lót da nơi cậu ngồi hút thuốc uống trà dưới bức ảnh của anh D. Anh đi học bô-da bên Tây theo ý kiến gợi nên từ mẹ. Chỉ mấy phút của chuyến đi ngắn anh sống hết, đủ với cảnh sắc, mùi vị, hương thơm của những ngày thơ ấu luôn cho anh nguồn vui, mối an ủi nụ cười bất chợt trong những cảnh huống khắc nghiệt nhọc nhằn.. Cậu ơi! Con đây.. Nhà có ai không. Cánh cửa gỗ khóa chặt, sân đất ngổn ngang xác lá và những luống hoa tơi tả, trốc gốc, héo tàn. Anh nhìn quanh quất nghe ra âm âm gờn gợn điêu tàn của chốn không người, lần sụp vỡ không khả năng, cơ hội hồi phục. Anh nhảy qua khung cửa gỗ, đi lên lối nhỏ của hơn hai mươi năm trước, đến trước chiếc xe phủ bạt kín, nhìn vào căn hầm đất đắp nổi.. Hình dạng người ngồi bó gối im lặng.. Cậu ơi.. Cậu ơi.. Con đây.. Con R, con O Tám.. Hình người chuyển động bò ra.. Những ngón tay rờ rẫm trên chiếc áo lính.. Con hả.. Cả nhà đi hết rồi.. Chỉ còn lại cậu.. Chị Ng và mợ đâu cậu. Mợ, chị và hai em đi vào Đà Nẵng, chung quanh ni ai cũng đi hết.. Họ đi vì sợ như Mậu Thân, xóm ni năm đó có mấy người bị giết.. Họ đem lấp dưới mương trước nhà mình. Mậu Thân con từ Quảng Trị vào Huế thì bị thương ở Cửa Thượng Tứ nên không về nhà thăm cậu, mợ và chị được.. Cậu biết, có mấy người lính nhảy dù vô ở nhà mình, cậu có hỏi về con.. Con biết chuyện đó, đó là lính của tiểu đoàn con nhưng khác đại đội. Vì đại đội con kẹt ở Cửa Thượng Tứ nên con không về thăm cậu được, đứng trên thượng thành nhìn về phía nhà mình tưởng cảnh cậu mợ, chị và hai em không ai lo lắng, chăm sóc.. Anh nhắc lại trận đánh như muốn làm nhẹ phần hối hận về một bổn phận thiếu sót. Anh trở lại ý định sẵn có: Con đưa cậu vô Đà Nẵng ở với chị H.. Ông cậu nói nhỏ nhưng dứt khoát: Hôm nay giỗ bà, cậu làm giỗ bà với bát cơm và chút muối mè. Không hương đèn, cậu tụng kinh cho Bà không cần lên bàn thờ Phật. Hôm nay Bà đưa con về nhà với cậu là để nhớ Bà. Cậu không đi đâu nữa. Cậu ở lại với Huế. Một trái hoả tiễn loại địa không 122 ly từ đâu rơi xuống nổ bùng ngay giữa sân.. Anh ngã chụp lên người ông cậu nghe rõ cơn run rẩy của người già qua da thịt của mình. Anh xa Huế từ năm đó đến nay. Không rõ cậu, mợ anh đã chết lúc nào, ở đâu sau 1975. Chị Ng và hai con cũng không biết có còn không sau lần di tản khỏi Huế tháng Ba, 1975.

Tháng Ba, 1975. Huy và những người lính Tiểu Đoàn 4 Thủy Quân Lục Chiến từ căn cứ An Lỗ trên Quốc Lộ I đường đi Quảng Trị rút về Huế dửng dưng. Qua ngã ba An Hòa, cửa ngõ dẫn về Huế đã gần 12 giờ khuya. Đến cầu Bạch Hổ, tại chòi gác ở gần cầu, Huy thấy một người lính Nghĩa Quân quần áo súng đạn rất chỉnh tề đang đứng gác. Huy ngạc nhiên hỏi với giọng đùa: Giờ này còn đứng gác cái mẹ gì ở đó, cha nội? Em không nhận được lệnh gì hết. Lệnh cái con c.. Tiểu đội trưởng mày đâu? Một người lính già tay xách khẩu súng chạy lại. Dạ tôi. Huy nói như gầm: Huế bị bỏ rồi, ông còn gác cái gì nữa. Tôi là trung úy ra lệnh tan hàng, về lo mang vợ con đi gấp nghe không! Dạ.
Huy gom lính đi tiếp thấy thêm cảnh tượng.. Một bà già đứng ở cửa một túp lều bên vách tường thành Phú Văn Lâu, một tay cầm đèn dầu, tay còn lại quẹt nước mắt liên hồi, nhìn đám lính khẩn thiết tang thương. Huy hỏi bà cụ: Mệ muốn đi theo tụi con không? Mệ không có tiền! Huy nói nhanh: Tụi con cho mệ tiền, hay mệ đi chung với tụi con. Bà già khóc nhỏ, buông xuôi: Chừ hết kịp rồi con ơi! Huế đang là một thành phố chết và đang là một thành phố bị bỏ ngỏ. Cả thành phố chỉ còn lại vài ba ngọn đèn đường, cái sáng cái tối. Đạn pháo Việt Cộng nã đều vào cầu Trường Tiền (cũ) và khách sạn Hương Giang. Đó đây người ta đang đạp xe ba bánh, xe xích lô đi hôi của. Đi lối cầu mới thì được an toàn, nhưng Huy quyết định dẫn lính đi lên lối cầu Trường Tiền (cũ) mặc dù cầu đang bị pháo. Một chút lãng mạn trong người Huy nổi dậy, chẳng gì cũng chỉ còn là lần chót. Ngay đầu cầu, một chiếc M-48 nằm chình ình, máy vẫn còn nổ mà không có người. Lên đến giữa cầu, Huy nói với mấy người lính đệ tử: Quay lại nhìn Huế lần chót bay, chắc chắn là mình sẽ không đánh ra tới đây để lấy lại đâu. Một nỗi buồn dâng lên trong lòng, Huy không khóc ra tiếng nhưng nước mắt doanh tròng. Bao nhiêu gian truân, bao nhiêu xương máu, bao nhiêu xác người, bao nhiêu mồ hôi nước mắt của bạn bè, của anh em

đồng đội đã đổ xuống cho vùng địa đầu nghiệt ngã này. Đồ tiếp liệu trong thành Mang Cá dư sức cung cấp cho Lữ đoàn Huy ít nhất là ba tháng, tại sao không cho lính Thủy quân Lục Chiến vào Thành Nội để tử thủ ở đấy? Ờ mà tử thủ làm gì? Tội chó gì lại nghĩ đến chuyện ở lại đánh nhau để chết oan mạng! anh nghĩ lan man trên đường triệt thoái ra khỏi Huế. Qua hết cầu, Huy gặp đại úy Chiêu, tay cầm chai rượu chát khổng lồ, túi đút chai rượu mạnh. Bao nhiêu tủi hờn, căm hận, buồn bực biến mất nhanh như viên đạn ra khỏi nòng súng. Huy và những người lính ngồi quây tròn giữa ngã tư đầu cầu Trường Tiền nhậu không mồi, không nước đá.. Huy đập vỡ cổ chai bia rót từ đầu xuống.. Thích thú vì từ bé đến lớn chưa bao giờ được tắm bằng bia. Đại đội trưởng của Huy không biết từ đâu tới cho biết điểm hẹn đã thay đổi vì những kho đạn, kho xăng ở bến phà Thuận An đã bị cháy, không biết vì pháo kích hay vì đặc công. Điểm tập trung mới là bến phà Tân Mỹ. Đến bến phà Tân Mỹ khoảng 6 giờ sáng. Người đã tập trung ở đây rất đông nhưng phương tiện qua sông lại không có một cái. Bao nhiêu ghe, thuyền nằm hết ở bờ bên kia phá Tam giang. Khoảng 11 giờ đại đội Huy vượt xong phá Tam Giang. Hơn 12 giờ trưa đơn vị được lệnh di chuyển ra bờ biển. Vừa lên hết đụn cát cạnh làng Huy đã thấy ngay một chiếc tàu thật lớn mang số HQ-801 thừa sức chứa cả lữ đoàn đã đợi sẵn ở gần bờ không biết từ bao giờ.

Nhưng Huy và những người lính thuộc đơn vị thủy quân lục chiến, nhiều người lính của những binh chủng, đơn vị khác không bao giờ lên được chiếc tàu hy vọng kia mà phải leo lên một chiếc xà lan khác để hứng chịu hoàn cảnh.. Những cái xích sắt nghiến nát những đầu người. Tiếng máy nổ và tiếng nước vỗ đã át đi những tiếng thét tiếng la và có thể, cả tiếng vỡ của những cái đầu, nhưng không có gì có thể che lấp được những mảnh quần áo và mầu đỏ của máu cuộn theo chiều quay của xích sắt. Màu đỏ của máu và những mảnh vải cuộn theo suốt lộ trình khoảng một trăm thước. Màu đỏ của máu và những mảnh quần áo chắc chắn còn dính cả thịt còn trồi lên, trồi lên xen lẫn với bọt nước.. Cuối cùng Huy phải bỏ đường lên tàu thủy để trở lại đường bộ.. Nhưng đường bộ phải chạy qua những cái chốt của lính cộng sản, chưa bao giờ bọn người này được bắn sướng tay đến như vậy. Mỗi tràng đạn ít ra cũng phải trúng vài ba người. Nhưng ai ngã mặc ai những người chạy vẫn cứ chạy.. Lại có rất nhiều người tự tử. Bây giờ họ không tự tử từng người, từng cá nhân mà họ tự tử tập thể. Không rủ, không hẹn và hầu như họ đều không quen biết nhau trước hoặc có quen biết đi nữa, bạn bè đi nữa họ cũng không thể nhận ra nhau trước khi cùng chết với nhau một lúc. Dòng người của đơn vị Huy đang chạy, một người tách ra ngồi lại trên cát, một người khác cũng tách dòng người ra ngồi chung, người thứ ba, người thứ tư, người thứ năm nhập bọn, họ ngồi tụm với nhau thành một vòng tròn nhỏ, một quả lựu đạn nổ bung ở giữa..

Phần trên đây tôi viết theo trích dẫn trong Tháng Ba Gãy Súng của Huy. Tôi có thể trích dẫn thêm nhiều chi tiết khác.. Nhưng quả tình tôi thấm mệt, kiệt sức. Trong bãi máu bờ biển Thuận An Tháng Ba năm 1975 có nhiều người tôi quen thân.. Không phải chỉ ở đơn vị Thủy Quân Lục Chiến ... mà rất đông, rất đông người khác nữa. Có người tôi không gặp lại từ hơn ba mươi-lăm năm nay. Nay lại là một tháng Ba để đủ ba–mươi sáu năm mà vẫn không thể nào quên. Không thể quên được kể cả sau cái chết. Đau hơn cái chết.

Tôi viết những dòng cuối cùng nầy tại nơi mà đã có một thời làm việc chung với Huy, trên màn ảnh máy computer tôi sử dụng vẫn còn Email Address và Icon riêng của Huy.

Tháng Ba – 2011
(Đã in trên Hợp Lưu 113, số tháng 3&4-2011)

Nhớ về nhà văn Cao Xuân Huy

Bảo Ninh

Cho đến nay tác phẩm của các nhà văn Việt Nam hiện sống ở Mỹ tôi đọc chưa được bao nhiêu. Gặp gỡ tác giả càng ít có dịp, lại hay những lúc đông đảo, chuyện phiếm là phần nhiều. Nhưng nếu đã thực trò chuyện được với nhau rồi thì khó quên. Như là với nhà văn Cao Xuân Huy, chỉ một lần và đã cả chục năm, mà nhớ mãi.

Năm ấy, còn đang cày ở tờ Văn Nghệ Trẻ, buổi chiều, trước cổng báo, tôi vẩn vơ đứng đó hút thuốc ngó trời thì một ông đi tới. Nhã nhặn ông hỏi tôi có phải Bảo Ninh không. Nghĩ đấy là một ông đến gửi truyện ngắn, tôi đáp vâng song lại xin lỗi rằng vì không phải biên tập viên nên không có quyền nhận bản thảo. Ông đó mỉm cười bảo là mình chẳng nhà văn nhà báo gì cả, rồi tự giới thiệu : " Tôi là Huy, ở Mỹ về thăm nhà, có lá thư với chút quà anh Khánh Trường gửi anh ". Tôi sang tiệm cà phê ở vỉa hè bên kia ngồi đợi ông Huy ấy về qua nhà lấy thư. Nhà số 19 phố Trần Quốc Toản, ngay kề số 17 của báo Văn Nghệ.

Tôi không khỏi ngạc nhiên. Với tôi không ai là Việt kiều hết, người Việt là người Việt, nhưng, dù không có ý phân biệt, mà ai vừa " ở bển " về thoáng nhìn tôi biết. Còn ông này thì đã tự giới thiệu mình là như thế tôi lại chẳng thấy ra là thế. Không như tôi song cũng là như tôi thôi. Như thiên hạ. Trang phục, đầu tóc, giọng nói, cách nói. Cố nhiên, có một cái gì đó, nhưng là cái gì ? Thư của nhà văn Khánh Trường chỉ mấy dòng, hỏi han sự viết lách và mời dịp nào qua Mỹ thì tới chơi Hợp Lưu. Chót thư anh viết : *ông đưa Huy dạo phố Hà Nội, như hồi nào tôi với ông. Huy viết Tháng Ba Gãy Súng*. *Ông đọc chưa ?*

Ra đây là nhà văn Cao Xuân Huy ? Dạo đó, ở " quốc nội " chắc là còn rất ít độc giả nghe danh nhà văn này. Như là tôi thì chỉ mới vừa đọc xong cuốn sách của anh cách đấy chừng một tháng, ấn tượng vẫn như đang nóng rát trên tay.
Đến khi đó chúng tôi như sực nhớ ra, mới bắt tay nhau. Tôi nói vừa đọc cuốn của anh. Anh nói cũng vậy đã đọc tôi. Anh bảo, " quyển tôi viết không phải tiểu thuyết, nó là hồi ký, nên đọc rồi thì anh biết trong chiến tranh tôi thế nào, là ai, cũng như do đọc anh nên tôi biết ngày đó anh là bộ đội tác chiến trên Cao Nguyên ".

Anh nói thế, ý là muốn ngay từ đầu rành mạch ra với nhau. Tôi cũng thích như vậy. Thẳng ra với nhau thì mới không xa lạ. Mà chúng tôi thì không xa lạ. Mặc dù trong chiến tranh, lực lượng tổng trừ bị của quân đội Sài Gòn từng lên ứng chiến ở Tây Nguyên chỉ Dù mũ đỏ và Biệt Động mũ nâu chứ không thấy có Mũ Xanh, nhưng vẫn có thể coi rằng hai chúng tôi là chỗ " quen biết " đã từ gần ba chục năm về trước. Giờ đây, gặp mặt. Một cái tiệm cà phê nho nhỏ, bên lề một con đường đẹp và yên ắng của Hà Nội.

***

Đã chiều muộn. Tiệm đông dần lên và bắt đầu nhạc nhọt. Huy nói căn phòng của ông già anh ngay kia, nhưng để bữa khác mời qua chơi, bữa nay mình kiếm chỗ nào. Mà hay nhất là được chỗ còn lưu dấu Hà Thành năm 54. Biết một chỗ như vậy, tôi chạy xe máy chở anh tà tà dọc Phố Huế, Hàng Bài, vòng quanh Bờ Hồ. Rồi dừng ở nhà Thuỷ Tạ. Đa phần người ta đến đấy giải khát, kem que kem cốc, nhưng ở đấy cũng có quầy rượu. Huy nói tửu lực xuống nên bấy lâu chỉ bia, song bữa nay, giữa Hà Nội, bên hồ Gươm, thì đúng là phải thứ gì nặng ký, để tụi mình, thuở nào nón xanh mũ cối giờ đây đầu bạc thù tạc coi sao. Chúng tôi gọi một chai và ra

ngồi ở bàn kê bên lan can kề mép nước. Thật may, Thuỷ Tạ tối ấy thưa khách, như là chỉ có hai chúng tôi với mặt hồ.

Mỗi khi có bạn từ trong Trung trong Nam tôi thích rủ ra Bờ Hồ, làm vài ly và ngồi ngắm cảnh, như là một nếp quen mà cũng là ẩn chút niềm tự hào của người Hà Nội đối với người phương xa. Nhưng mà Cao Xuân Huy phải đâu người phương xa. Năm 54 anh đang ở Hà Nội, tôi thì tận trong Vinh. Đình chiến, anh vào Sài Gòn, tôi ra Thủ Đô. Ngược chiều nhau và đối nghịch nhau, chỉ có điều, vào cái năm cắt đôi đất nước ấy chúng tôi mới là hai đứa bé, tôi 2 tuổi, Huy 7 tuổi. Tôi theo cha mẹ, Huy theo người cậu.
Giờ đây, ngồi bên nhau, cạch ly, chúng tôi chuyển xưng hô, không anh tôi nữa, mà ông tôi. Anh hơn tuổi, nhưng năm đó chưa là Huy " râu " như về sau này, còn tôi tuy năm mươi mà đã tựa sáu mươi nên coi như ngang bằng. Thoạt tiên, bởi tôi hỏi thăm nên anh kể tôi nghe về đời sống và sức khoẻ của nhà văn Khánh Trường, về công việc, sự phát triển xuống lên thăng trầm của tờ Hợp Lưu. Nhưng kể sơ thôi, những gì không biết anh nói không biết. Tôi thích những người có cái đức đối ẩm bạt thiệp kiểu như anh. Không nửa vời, sẵn sàng la đà tới bến, nhưng chậm rãi, nhâm nhi, bình thản, không xỉn, chí ít là không xỉn lộ ra trong hình dong và cử chỉ, nhất là không bao giờ xỉn ra nơi đầu lưỡi.

Hôm đó, do mới đọc tác phẩm của anh, một tiểu thuyết vừa rất thích rất chịu lại vừa rất không thích rất không chịu, nên định bụng gạn hỏi, bàn luận, tranh luận, nhưng rồi tôi thôi. Không phải ngại đụng, cũng không vì anh nhất mực nói cuốn sách không phải tiểu thuyết, mà vì tôi thấy anh thực sự là một trong số khá hiếm những nhà văn không ưa ý kiến ý cò nói ra lời những chuyện văn chương thi phú, nhất là văn chương của cái bản thân mình. Miễn sự văn chương, thì bù lại, chúng tôi giàu chuyện đời để kể với nhau. Tuy nhiên, so trong hai người, đời tôi ít chuyện hơn, hoặc có thể nói là một kiểu đời dễ kể hơn. Cũng nhiều buồn vui sướng khổ, song đại khái những người đồng thời với mình thế nào thì mình thế nấy.

***

Còn nhà văn Cao Xuân Huy có thể nói là ngay từ nhỏ đời đã có nhiều cá biệt. Năm 54 anh theo bên ngoại di cư vào Nam, trong khi đó thì ông thân sinh là cán bộ kháng chiến từ Việt Bắc trở về Hà Nội, cha con không gặp mặt. Năm đấy anh bảy tuổi, còn nhỏ nhưng không phải là quá nhỏ, nên nỗi niềm tha hương dù không triền miên day dứt như ở các bậc phụ huynh trong gia đình. song vẫn âm thầm ẩn khuất. Anh nói với tôi rằng mình là " ma xó" Sài Gòn, yêu vô cùng, am hiểu vô cùng thành phố và con người của thành phố, thế nhưng suốt thời thơ ấu qua tuổi thanh niên, luôn nặng cảm giác cô đơn bước đi trên đường phố. Đời sống tuy không vất vả, nhưng dù gì cũng một thân phận kiểu như nửa mồ côi nên tính nết không như người đồng trang lứa. Ở trường ở lớp nhiều bạn mà ít bạn thân, và mặc dù rất lặng tính lại thường bị thầy bà coi là tên học trò ba gai... Tôi vốn không giỏi nói nhưng giỏi nghe. Còn Huy, nói năng chậm rãi, ngắt quãng nhiều và buông lửng nhiều, song tối hôm ấy thực sự là anh đã trải lòng. Cảnh hồ Gươm trong khuya, không gian đậm hơi thở của thời xa xưa, thì giờ rộng rãi, thong thả, rượu ngon, bạn nhậu, đấy là cõi tâm tình của người đàn ông. Thêm nữa, sự tương phản tới mức đối chọi nhau trong số phận tôi và anh, nhất là ở những mốc thời gian đỉnh điểm của thế cuộc và của đời người, chẳng những không đẩy xa mà trái lại, khiến chúng tôi xích gần nhau hơn.

***

Năm 1954 cả hai còn nhỏ chưa nhớ gì mấy. Nhưng năm 1970, 1971, rồi Mùa hè đỏ lửa 1972, rồi Tết hoà bình Quí Sửu, và nhất là 1975, thì từng ngày một, sâu đậm trong lòng. Ngày 10

tháng Ba năm 75 tôi ở đâu, Huy ở đâu. Ngày 26 tháng Ba, 29 tháng Ba... Ngày 30 tháng Tư. Buổi trưa hôm ấy, tôi vào Tân Sơn Nhất, còn Huy thì trong trại tù binh ngoài Quảng Trị. Vỡ trận ở cửa Thuận An, anh cùng với hầu hết đồng ngũ thuộc lữ Thuỷ quân lục chiến bị bắt ngay từ cuối tháng Ba. Và vì là sĩ quan, cấp trung uý, nên cứ thế một mạch hết trại này qua trại khác ra Bắc vào Nam cho tới năm 1981.

Tôi, những năm đó, " ba lô lộn ngược xuôi tàu Bắc Nam ", thỉnh thoảng dừng các ga xép, cũng trông thấy ở đường ray kế bên đậu dài một dãy toa chở " ngụy đi học ". Nhưng nhìn vậy thôi, bàng quan, hầu như chẳng nghĩ ngợi gì. Về quãng đời ấy của mình Huy nói lướt đi, chỉ điều gì tôi muốn biết rõ hơn thì anh mới chậm lại, kể kỹ, nhưng một cách dửng dưng ơ hờ, như thể đời một ai khác. Tôi nghe, cố mường tượng. Tôi muốn cảm nhận, dù là không thể, tâm thế của con người ta trong cảnh ngộ ấy, nhất là của người như Cao Xuân Huy, người mà hẳn rằng khi ấy đã là một nhà văn tiềm ẩn.

Những năm đầu sang Mỹ, anh kiếm sống qua nhiều nghề rất khác nhau. Cũng ổn, nhưng mà không ham. Những người bạn từng cùng anh chung sức thuở ban đầu do vẫn tiếp tục với nghề sửa xe hơi, nghề sửa đồ điện, nghề tư vấn pháp lý v.v. đều đã dần phát đạt, một số trở nên giàu có, nhưng anh thì đã bỏ hết để theo cái nghiệp nhọc nhằn viết văn làm báo. Nhưng làm báo, qua nhiều tờ, anh chỉ chân trợ lý biên tập : gõ máy chữ, sửa bài, lên trang. Lặng thầm anh dồn tâm lực cho việc viết văn, cái việc mà anh nói là " để được sống lại một lần nữa những chặng đời đã qua ". Nhưng sống lại trong tâm tưởng đã chẳng dễ dàng gì, trải được ra trên giấy lại càng khó. Đòi hỏi phải rất kỳ khu. Rất chậm, đầy cay cực, viết rồi xoá, viết rồi xé. " Mất công tự đày ải mình, cho vui " - anh bảo vậy.

Tôi nhìn. Người đàn ông vừa từ Mỹ về thăm quê nhà, cùng tôi ngồi đây nhẩn nha trò chuyện đâu có còn chút gì là trung uý Huy trẻ tuổi và bạt mạng hồi nào. Những năm dài quân ngũ, những trận ác chiến từng trải qua trên hầu khắp Vùng Một khốc liệt, tất cả đã lùi xa, chí ít là cũng cách qua vạn dặm trùng khơi giữa hai bờ đại dương và giữa hai thời đại. Xa biệt ra, khuất tầm gợi nhớ, chắc hẳn cũng giúp nhiều cho sự quên lãng. Mà với những ai cuộc đời và số phận tựa trung uý Huy thì việc quên đi dĩ vãng là sự rất cấp thiết để sinh tồn, để quân bình tâm hồn và an bài cuộc sống. Thế nhưng, nhà văn Cao Xuân Huy đã không thể. Chẳng những không làm sao quên đi được, anh còn từng ngày trên trang giấy sống lại với quãng đời ấy, từng trận đánh, từng người bạn đồng ngũ và cả từng người lính đối phương mà tự tay mình đã bắn hạ.

Tại sao ? Viết, kể, dựng dậy những chuyện vừa kinh khủng vừa cũ xưa ấy để làm gì chứ ? Tôi nghĩ là rất nhiều người đã lên tiếng hỏi hoặc đã thầm hỏi thế khi đọc tác phẩm của anh. Chắc hẳn cũng đã từng không ít người băn khoăn hỏi vậy khi đọc, chẳng hạn, " Mặt trận phía tây yên tĩnh ", " Đất trắng ", " Câu chuyện của Paco " v.v. Đấy là câu hỏi thật tình và đương nhiên, thốt lên tự đáy lòng độc giả, mà tôi đồ rằng nhất là của những độc giả thực sự thấu hiểu và đồng cảm với những tác phẩm văn học nghẹt thở ấy. Tuy nhiên đấy lại là điều các tác giả không thể giải đáp. Nếu có bị buộc phải trả lời, họ cũng sẽ không cách sao diễn đạt nổi, thậm chí cho chính bản thân mình hiểu, nông nỗi thế nào lại cứ nhất định những chuyện ấy mà viết.
Mỗi nhà văn là mỗi khối mâu thuẫn, thường nghe nói vậy. Thực ra con người ta ai mà không thế, tuy nhiên đúng vậy, rõ ràng nhất là các nhà văn. Và theo tôi thì tột cùng mâu thuẫn, hẳn sâu vào trang viết, là những nhà văn kiểu như các tác giả những cuốn tiểu thuyết kể trên. Các nhà văn ấy viết về chiến tranh không chỉ bằng những trải nghiệm mật thiết nhất mà cả bằng cảm hứng mãnh liệt nhất, như thể dâng hiến cho tình yêu, thế nhưng từng dòng và toàn bộ cuốn sách của họ lại toát lên vô hạn độ lòng căm hờn chiến tranh. Hiển nhiên họ tha thiết với

đời sống hoà bình, song con mắt nhà văn lại luôn buộc họ phải nhìn thấy dưới nền bằng phẳng xanh tốt của thảm cỏ hoà bình ken dày những di cốt của chiến tranh, và ác hại hơn thế, nhan nhản những mầm mống của chiến tranh. Khối mâu thuẫn nặng chịch và chằng chéo đó là bi kịch chung của các nhà văn dành đời văn của mình cho "đề tài " chiến tranh.
Là bi kịch chung, nhưng lại rất riêng. Mỗi nhà văn mỗi cuộc chiến khác nhau, mỗi cảnh ngộ chiến trận khác nhau, mỗi trận tuyến, mỗi lớp đồng đội và đối phương khác nhau. Và tất nhiên, tác phẩm của họ được thưởng thức hết sức riêng, hết sức khác nhau từ mỗi độc giả.

***

Đọc tác phẩm của nhà văn Cao Xuân Huy, thú thực, tôi luôn nhìn thấy lại trước mắt mình cảnh tượng quân sĩ đôi bên giao tranh quyết liệt vào những thời khắc cuối cùng của cuộc chiến, ở Lăng Cha Cả, ở cửa số 5 sân bay Tân Sơn Nhất, ở Bộ Tổng Tham mưu. Về phía quân ta, đồng đội của mình thì cố nhiên tôi hiểu, không hiểu hết nhưng hiểu. Đây là tôi muốn nói về phía đồng đội của Huy.
Vào thời khắc cuối cùng ấy, khi ông Minh đã đầu hàng, khi đám Thiệu Kỳ Khiêm với bầy đoàn tướng tá, lũ ăn trên ngồi trốc béo trục béo tròn hưởng lộc chiến tranh đã cao chạy xa bay, còn lính tráng tốt đen thì đã quăng súng tan hàng, nhưng rất nhiều sĩ quan cấp thấp, thiếu uý, trung uý lại nhất định kháng cự đến cùng, để tiếp tục bị giết, bị thương, bị bắt. Tại sao ? Có nhiều sự giải thích, đều đúng, nhưng không giúp tôi quên hẳn đi được cái bi kịch đau xót, thảm thương và điên rồ đó.

Họ là ai, những thiếu uý, trung uý ấy. Đọc và gặp Cao Xuân Huy, tôi nghĩ họ là lớp thanh niên có số phận đặc biệt bi kịch. Theo một nghĩa nào đó, họ đứng giữa hai làn đạn. Xong tú tài, vào trường võ bị rồi ra trận, Cao Xuân Huy và hầu hết các sĩ quan trẻ bạn hữu của anh (trong Tháng Ba Gãy Súng) chọn binh chủng " lính bốn chữ " hạng nhất dữ dắn. Tại sao ? Anh chẳng thù hận gì những người anh phải quyết liệt đối đầu. Thù gì chứ, ông già tôi, các em tôi, họ hàng, đồng hương tôi cả mà - anh bảo vậy. Còn cái chính thể mà anh phải đưa thân, thậm chí xả thân bảo vệ, thì anh đâu có ưa gì. Không ưa, là nói nhẹ, trong tác phẩm của anh cái chính thể đó, đặc sệt xấu xa tồi bại phản trắc. Vậy thì tại sao ?
Nhưng tác phẩm văn học không bao giờ hàm trong nó một sự lý giải chủ quan của tác giả về ngay chính cái hiện thực mà ông ta viết ra. Nhà văn không phải là chính trị, không phải nhà sử học, không phải nhà thuyết giáo, nhà đạo đức, không phải ông thầy giáo, và cuốn tiểu thuyết nhà văn viết ra chỉ diễn đạt những điều chỉ có thể diễn đạt bằng tiểu thuyết. Một nhà phê bình đã viết đại ý như vậy.

Cuốn tiểu thuyết của nhà văn Cao Xuân Huy tôi nghĩ chính là như thế. Nó không giải thích gì với tôi, nhưng nó thôi thúc tôi không ngừng nghĩ, nghĩ thêm, nghĩ nữa, về cuộc chiến tranh mà mình mãi mãi và luôn luôn nghĩ tới.

***

Sau lần gặp nhau ở Bờ Hồ tôi không còn dịp nào gặp lại nhà văn Cao Xuân Huy. Nhưng tôi đọc được thêm nhiều hơn của anh. Có một trang thế này, viết về Tết hoà bình Quí Sửu, mà tôi lại thấy như là anh kể lại buổi tối đó của hai chúng tôi.

" ... Mới vừa choảng nhau trí mạng, nhưng sau khi hai bên đã hoàn toàn ngưng bắn, lính tráng ùa lên phía trước, ôm nhau hò hét:
Hết đánh nhau rồi! Hết chiến tranh rồi!

Cố không khóc nhưng nước mắt Toàn cứ ứa ra, không kềm được. Nhưng việc gì phải kềm chứ! Toàn mặc cho nước mắt trào. Có tiếng nghẹn ngào bên canh : " Anh khóc đấy à ?" Toàn quay qua, một người bộ đội nước mắt cũng đang nhòe nhoẹt. Chẳng nói chẳng rằng, cả hai ôm chầm lấy nhau…"

Nguồn: Phongdiep.net

***

Cao Xuân Huy

Nhà văn Cao Xuân Huy sinh tháng 9 năm 1947, quê nội ở Bắc Ninh, quê ngoại ở Hà Nam. Sau hiệp định Geneve cắt đôi Việt Nam năm 1954, gia đình ông cũng bị chia hai. Cha ông ở kháng chiến về Hà Nội, chị ông ở lại Hà Nội với bố. Ông theo mẹ di cư vào Nam.

Tháng 2 năm 1968 Cao Xuân Huy đi lính Thủy quân lục chiến Việt Nam Cộng Hòa. Sau năm 1975 đi cải tạo. Tháng 9/1979 ra , vượt biên năm 1982, đến năm 1984 định cư tại California Hoa Kỳ.

"**Tháng ba gãy súng**" là cuốn hồi ký được viết năm 1985, ghi chép lại những diễn biến của mặt trận Thừa Thiên- Huế đến khi tác giả bị bắt làm tù binh. Cuốn sách đã được tái bản đến 10 lần và có mặt trên 58 thư viện lớn trên toàn thế giới. Trong trường thiên tiểu thuyết "**Mùa biển động**" của nhà văn Nguyễn Mộng Giác, ông cũng đã xin tác giả Cao Xuân Huy đưa y nguyên câu chuyện này vào tác phẩm.

Năm 2005, nhà văn Cao Xuân Huy làm chủ biên tạp chí Văn học kế tục sự nghiệp của nhà văn Nguyễn Mộng Giác đến tháng 4 năm 2008 Văn học phát hành số 236 thì đình bán vì lý do chủ biên bị ung thư mắt, sức khỏe suy yếu trầm trọng nên không thể cáng đáng tờ báo. Ngày 12/11/2010 nhà văn Cao Xuân Huy đã từ trần sau một thời gian dài bệnh nặng, tác phẩm cuối cùng ông xuất bản là tập truyện ngắn "**Vài mẩu chuyện**".

Tài liệu tham khảo : Văn Chương Việt

Trước giờ ngưng bắn
Hoàng Khởi Phong

1- Chúng tôi giao tình đã ba mươi năm có lẻ. Thời đó là thời của những cuộc xuống đường Phật Giáo nhằm chống lại sự cai trị của một chế độ mà người ta gọi là bạo quyền, gia đình trị của họ Ngô. Khi mà dân chúng đã vùng dậy, mọi tầng lớp xã hội đã đứng lên từ học sinh tới thợ thuyền, từ trường học tới chùa chiền, và vào phút chót lại có những ông tướng cùng quân đội dưới quyền ủng hộ thì chế độ phải đổ. Mãi nhiều năm sau và ngay cả bây giờ có lẽ cũng cần có những người viết sử, đúng thật là những người chép sử ghi lại thời gian 1963, cái thời khoảng dù muốn hay không cũng đã là một trong những dấu mốc lịch sử của thời cận đại.
Tôi vẫn nghĩ là kết quả của năm 1963 không tránh được. Nhưng những chính quyền sau chính quyền nhà Ngô cũng chẳng hơn gì. Bởi đó mà năm 1975 nổ ra như một trái bom nguyên tử. Sức tác hại ngay lập tức thì mọi người đã biết, ảnh hưởng dây chuyền của nó thì ngày nay chúng ta sẽ phải tẩy xóa, tháo gỡ trong vòng một hai thế hệ.
Năm 1963, Cao Xuân Huy là một học sinh đệ tam mười sáu tuổi đầu. Khỏi nói thì cũng biết anh đã tham gia những cuộc biểu tình nồng nhiệt như thế nào. Còn tôi hai mươi tuổi chẵn với một cái lon chuẩn úy còn mới tinh khôi trên cổ áo. Huy học với các em tôi, nên vì vậy mà Huy gọi tôi là anh. Ba mươi năm sau ở xứ người, giờ đây anh gọi tôi là bác, xưng em y như ba mươi năm trước. Nói như thế có nghĩa là giữa tôi và Huy là hai người anh em họ… Hồng Bàng.

Trong ba mươi năm giao tình đó, có những lúc anh em xa cách, hoặc là vì hoàn cảnh chiến tranh, chúng tôi đều là lính mỗi người một phương. Thời gian gần đây có một thời khoảng ngắn chúng tôi ít đi lại vì những sự hiểu lầm hơn là những xung khắc có tính cách chí tử như nhân cách hay là chính trị chẳng hạn.
Năm 1970, hai anh em cùng trú đóng ở Pleiku, Huy được gọi đi thụ huấn. Chúng tôi tạm xa nhau từ đó. Huy ra trường đội nón xanh, đóng tại địa đầu Quảng Trị, mùa hè năm 72 về Sài Gòn với một cái nạng trên người. Chưa lành hẳn thì trận chiến trở nên khốc liệt trước khi ngưng bắn. Cả hai bên đều muốn chiếm đất, giành dân. Trên cái mảng da beo của đất nước, bên nào cũng muốn cắm được nhiều cờ. Khi nói về giai đoạn xa nhau này, Huy luôn giữ được nụ cười thật trẻ thơ, y như những năm còn đi học…

*

2-…Chiều tối ngày 26-1-73, đang nằm võng lơ mơ sau bữa cơm chiều. Đại Đội Trưởng của tôi đi họp khẩn trên Lữ Đoàn, người thì chưa thấy về mà tiếng đã oang oang trên máy truyền tin. Tôi nhận lệnh cho đơn vị sửa soạn đại đội hành quân, cuốn lều, thu võng. Mọi chi tiết sẽ cho biết sau khi nào Đại Đội Trưởng về tới. Tôi biết là có chuyện lớn. Mấy hôm nay thôi thì máy mắt, lùng bùng ở lỗ tai, toàn là những điềm gở chẳng có gì là phấn khởi. Bên tai tôi bọn lính

sửa soạn thôi thì náo loạn, tít mù. Tối mịt ông xếp về. Ghé vào tôi ông ấy nói:
“Bằng mọi giá mình phải lấy được Cửa Việt trước khi ngưng bắn có hiệu lực.
Tôi hỏi khi nào thì ngưng chiến có hiệu lực?
“8 giờ sáng ngày 28-1-73.
Tôi tính nhẩm còn hơn ba mươi tiếng nữa. Rán giữ mạng, giữ cái củ cải để còn về mà du hí với đào địch, trước khi có một… cái gọi là vợ…
Tại tuyến xuất phát tôi được biết chi tiết hơn. Bọn tôi có năm đại đội để tấn công một Trung Đoàn có vị trí phòng thủ sẵn. Thành phần trừ bị chỉ có một đại đội làm cảnh. Như vậy bên ta có một tiểu đoàn rưỡi, thay vì phải có cỡ năm tiểu đoàn để làm một nhiệm vụ như thế này. Kệ mẹ nó, tới đâu hay tới đó chớ chẳng lẽ bây giờ khóc nhè hay sao?
Năm đại đội mỗi đại đội chia nhau một mục tiêu phụ. Tràn qua được mục tiêu phụ này sẽ hợp làm một để tiến đánh Cửa Việt, trung tâm điểm của cuộc hành quân, mà thượng cấp đã nói là bằng mọi giá phải cắm được cờ của quân ta tại địa điểm này. Bọn tôi được phát mỗi người hai lá cờ to… bằng hai bàn tay chéo. Một cái mang trong người, một cái bỏ ở ba lô.
Tôi coi nửa đại đội, hơn tám mươi người lính dưới quyền. Tụi tôi tràn qua mục tiêu phụ không mấy khó khăn. Địch chết ở đây trong mũi tấn công của tôi cũng đến bảy, tám chục mạng. Tụi tôi cũng mẻ chút đỉnh, nhưng lệnh là phải tiến. Những người tử trận và bị thương cứ để tại chỗ, ngưng bắn rồi tính sau. Tính tôi có vẻ vô tâm nhưng trong chiến trận không thể vô tâm được. Vô tâm là kể như mang tính mạng mình và thuộc cấp ra bán rẻ cho địch rồi còn gì nữa. Do đó khi đã tràn qua mục tiêu phụ tôi để lại bốn trự lục soát phía sau, để khỏi có cảnh bị địch quân từ những chỗ nấp tiến ra bắn mình từ phía sau lưng.
Chuyện cứ như là xi-nê. Mấy ông nội để lại này phát giác ra được một cái hầm, vồ được bốn cậu, thế rồi tuần tự trước sau có hơn bốn chục cậu ra hàng trong cả chục cái hầm ngụy trang cẩn thận. Bốn thằng ông nội của tôi cũng phát hoảng. Nhưng không, những người anh em bên kia ngoan ngoãn biết điều, bỏ súng vào một đống như đống củi, hai tay để sau gáy ngồi xếp hàng tư, mắt không biết vui hay là buồn nhìn ra ngoài khơi, nhìn tới phía súng đang nổ rát mặt người. Không có cả dây trói thành thử bốn tên lính của tôi cũng đành đứng gác tứ phía chờ tiểu đoàn bộ tiến lên giải giao về phía hậu tuyến.
Năm giờ chiều. Bọn tôi gom đại đội thành một mũi tấn công. Thật ra làm gì có thì giờ để chỉnh lại đội ngũ. Năm mũi tên nhỏ hướng về một điểm chung. Địa ngục cuối cùng phải chăng là đây. Tôi nhủ thầm nhiều lần phải sống để mà về, nhưng người tôi như say khói súng, cứ lao đi về phía đằng trước. Lính lếch thếch theo sau. Chập tối tụi tôi đục được vào phòng tuyến của địch một miếng. Tôi thấy cũng đã đủ chỗ cho cắm một lá cờ, đó là chưa kể tới những mũi nhọn khác. Lệnh cho lính ngừng lại, phòng thủ ngay tại công sự của địch. Đêm nay may ra được ngủ yên. Tám giờ sáng mai là có thể yên tâm đứng hút thuốc, chấp bọn chúng cả ngàn thằng đứng quanh. Làm gì được nhau nào. Ngưng bắn rồi, nó có làm gì thì tôi cũng mặc mẹ nó. Kiểm điểm lại đàn em tôi, sáng nay tại tuyến xuất phát ông Đại Đội Trưởng một nửa, tôi một nửa, mỗi người dẫn một cánh hơn tám chục người. Tôi còn lại được hơn hai chục trự. Những ai không có mặt giờ này hoặc là đã chết hoặc là đã bị thương. Mong rằng đã có người chiếu cố ở phía sau.
Nửa đêm, trời lúc mưa, lúc tạnh, những làn hơi nước bốc lên mù mù. Trời với đất làm như cũng đồng cảm với người. Mặt trăng hạ tuần khi tỏ, khi mờ làm như lây với cái “… Hồn tử sĩ gió ù ù thổi. Mặt chinh phu trăng dõi dõi soi. Chinh phu tử sĩ mấy người. Nào ai mạc mặt, nào ai gọi hồn…”.

Vẫn như chuyện xi-nê. Một bộ đội Cộng Sản có lẽ ở chỗ mục tiêu mà tụi tôi đã tràn qua ban ngày, mãi tới bấy giờ mới về tới phòng tuyến sau lưng. Hắn không biết công sự phòng thủ đã đổi chủ. Hắn mang một cái máy truyền tin to tổ bố, hắn vất xuống đất nghe đánh huỵch. Hắn chép miệng chửi thề:
- “Địt mẹ tụi Ngụy làm tớ rách cả áo. Đồng chí nào xin hớp nước coi”.
Tôi nhịn cười không được, bật cười trong bóng đêm. Hầm tối như bưng nên tên này vẫn chưa

hay biết gì, hắn chửi thêm một câu nữa.
- "Địt mẹ cười cái gì. Chạy trối chết, lẩn như trạch từ chiều tới giờ mới về được…"
Tôi kê khẩu M-16 ngay mang tai cậu ta nổ chơi một phát. Cu cậu chỉ còn có nước đưa tay chịu trói. Bọn tôi ngồi dựa vách hầm, ngủ gà ngủ gật chờ sáng, chờ lệnh tấn công sau cùng trước khi lệnh ngừng bắn có hiệu lực.
Gần sáng bắt đầu tấn công tiếp. Tụi tôi mở thêm những đợt xung phong. Thật khó mà có thể nói cho hết cái không khí, cùng cảm nghĩ của tôi lúc đó. Có điều tôi có cảm giác là tôi sẽ đứng vững được đến sáng, đến tám giờ sáng, đến khi mọi người buông súng để cho lệnh ngưng bắn có hiệu lực. Cứ nghe tiếng súng cá nhân của địch bắn về phía chúng tôi thì biết là chúng có nhiều tay súng hơn chúng tôi vài lần. Không hiểu ở những mũi dùi khác của TQLC thì sao. Tình hình này không hiểu tụi tôi có chịu đựng nổi tới khi mặt trời mọc hay không? Lại thêm số đạn mang theo có hạn, nhiều binh sĩ của tôi đang bắn về phía Cộng Sản bằng súng và đạn đã tịch thu của họ.
Ngày đó là một ngày nhiều sương khói. Đã hơn bẩy giờ sáng mà còn tù mù tăm tối. Đột nhiên mặt trời ló ra sau những đám mây. Cảnh vật như đang từ cõi âm ty, chợt thấy những ánh sáng của dương trần. Tới lúc đó tôi mới thấy tụi tôi hoàn toàn ở vào vị trí bất lợi. Địch ở trên cao, bố trí thành hình vòng cung. Tụi tôi ở dưới thấp, lấn được vào vòng cung một khoảnh lọt thỏm vào trong như là đang ở trong một cái rọ.
Còn hơn bốn mươi phút nữa mới tới 8 giờ sáng. Súng của địch bắn như mưa rào, mà mình bắt buộc phải nằm chịu đòn. Lợi dụng tối trời còn có thể tấn công, chứ bây giờ sáng tỏ mặt người thì chỉ có nước nằm chịu trận. May mà mặt trời ló ra trễ, chứ ló sớm là tụi tôi đi… ỉa.
Tôi cố thu nhỏ người lại đằng sau một đụn cát. Đạn vun vút bay qua vị trí tụi tôi. Tôi độ chừng những người bộ đội bên kia chắc có lẽ cũng có tâm trạng chờ ngưng bắn như tôi nên họ cũng không phản công. Ai mà lại thích chết trong cái giờ thứ hai mươi lăm này. Tất nhiên họ phản công thì tụi tôi lãnh đủ, nhưng họ cũng phải lãnh… không thiếu, nếu muốn đánh bật được tụi tôi ra khỏi vị trí đã chiếm. Tụi tôi thì không thể tấn công. Còn họ thì cũng không thể phản công.
Nửa giờ sau cùng đó dài như một thế kỷ. Tôi nhớ là tôi thu mình như một con tôm, đầu gục xuống, thỉnh thoảng liếc mắt nhìn cái đồng hồ tay. Tám giờ kém năm phút, tôi đưa thử cái que lên cao dò xét. Cái que vừa nhô lên chưa đầy một gang đã bị đạn tiện đứt. Tôi bảo tên lính truyền tin:
"Mày to họng, chút nữa đúng tám giờ mày gào lên cho chúng nó biết đã đến giờ… thôi bắn".
Tám giờ đúng thằng bé gân cổ lên gào. Tiếng súng có vẻ thưa dần. Vài phút sau tiếng súng im hẳn. Lạ một điều tai tôi ù vì súng đạn của đôi bên, thế nhưng tôi nghe rất rõ tiếng gió sớm mang lại cái âm thanh vi vu của gió lùa qua những hàng dương thấp, cùng với tiếng rì rào của sóng biển vọng từ xa lại. Tôi dặn thằng nhỏ:
"Mày đưa thử một ngón tay lên coi, một ngón thôi. Nhớ là ngón trỏ của bàn tay phải, để lỡ có bề gì về được còn có hy vọng giải ngũ."

Thằng nhỏ rụt rè đưa ngón tay lên. Vài phút sau thấy không có gì, cậu nhỏ nhô người đứng dậy. Tôi cũng nhỏm lên. Trước mắt tôi, chỉ cách một khoảng không đầy hai mươi thước, và ở trên cao hơn chừng ba thước, những người anh em bên kia đã đứng dậy hết. Họ có chừng hơn hai trăm người. Đứng lố nhố đen ngòm một khoảng cỡ vài ngọn đồi cát. Tôi phất tay cho lính đứng dậy hết. Tụi tôi còn được hơn hai chục mống.
Một tên lính của tôi đi thẳng tới chỗ địch, vài người bộ đội vây lấy nó. Tôi vội vàng cho lính hờm súng sẵn. Nhưng không, tên lính móc gói thuốc lá ra mời, những người mà mới năm phút trước đây còn bắn về phía tụi tôi sối xả. Tôi cũng tiến lên. Ta và địch ôm nhau. Không khóc nhưng nước mắt chẩy lặng lẽ trên khuôn mặt của những người lính, cùng những người bộ đội. Tên bộ đội ôm lấy thân người tôi trông như một chú bé còn búng ra sữa, lớp lông măng mầu hung hung chưa kịp nhú ra thành râu dưới cằm. Tôi nghĩ thầm, ngữ này mười tám tuổi là cùng. Tên này chắc có máu khôi hài. Nó xoa đít tôi, miệng hỏi một cách khá đều:
"Cái đuôi anh giấu ở đâu?".

Vừa tức, vừa buồn cười. Tôi cũng cười đểu trả lời:
“Đuôi tao để ở đằng trước chứ không phải đằng sau.”
Mãi tới lúc đó tôi nhìn thấy một lá cờ treo trên cột cẩn thận, mầu đỏ như sắc máu tươi vừa mới chẩy ra khỏi thân thể. Ngôi sao vàng chói lọi như nhẩy múa trong bầu trời xám xịt. Tôi hối mấy tên lính trở lại để treo cờ. Tụi tôi moi ra những cái cờ to bằng… hai bàn tay ra cột vào những bụi dương thấp, mọc lòa xòa trên những ngọn đồi cát chập chùng. Tôi ngán ngẩm chẳng muốn treo lá cờ tôi mang trong người. Một tên có lẽ là chính trị viên của họ cười mỉm khi nói với tôi:
“Cứ trông cảnh tượng này thì biết chính nghĩa đang thuộc về ai.”
Tôi dằn lại kịp chứ không thì nó đã nhận một cái đế súng vào mặt. Mà nếu như tên này nhận một cái đế súng vào mặt, thì chắc chắn tôi sẽ lãnh nguyên một tràng AK vào người.
Quân hai bên ngồi xuống cát nói chuyện với nhau, mời nhau hút thuốc. Tôi vẫn trói giữ người bộ đội bị bắt tối qua vì chui lộn vào hầm của tụi tôi. Nói thiệt với bác lúc đó tôi như mơ, nhưng nhìn chung quanh thì rõ ràng là thật. Bộ đội đông hơn tụi tôi cả chục lần. Giờ này mà họ giở quẻ thì thật là tụi tôi đi… đái. Khoan nói tới chuyện nhân số họ đông gấp mười, chỉ nói về vũ khí giờ đó mà đánh nhau thì trong bọn tôi sẽ có vài người bắn súng… miệng.

Buổi chiều đầu tiên ngưng bắn, họ thổi cơm rồi mời tụi tôi ăn. Tụi tôi đâu còn cái gì để mà bảnh, không một cái ba lô nào còn, tất cả đều cháy rụi. Lính ta ngồi xen kẽ với bộ đội, cơm ăn vào miệng tôi cũng chẳng biết ngon hay không? Cái cảm giác nó mơ hồ, lãng đãng và… kỳ cục. Thần trí tôi lâng lâng suốt cả ngày, cho tới khi chiều xuống, nhìn ra khơi sao thấy lòng mình buồn buồn, trống trải. Chẳng phải vì tôi khát máu thích bắn giết gì. Ngẫm lại mấy năm vừa qua, bom đạn đã tha cho tôi, nhưng có biết bao nhiêu người bạn đã không còn hiện diện trên cõi đời này. Đừng nói đâu xa, sáng nay ở tuyến xuất phát có tám mươi anh em, đêm đầu tiên ngưng bắn quanh tôi chỉ còn có hai chục lẻ nằm lọt thỏm trong một đơn vị của họ hơn hai trăm con người. Còn họ. Sáng nay trước giờ đụng độ họ có bao nhiêu người. Họ đã mất bao nhiêu người?
Đêm ập xuống, hai chục anh em tụi tôi co lại. Trăng đêm nay lấp ló trên trời. Cái mầu trăng cũng úa vàng và bệnh hoạn. Gần nửa đêm ngưng bắn đầu tiên, đã có tiếng súng nổ từ phía một cánh quân bạn. Tụi tôi cũng ăn một quả không giật. Tôi còn biết làm gì hơn là cho lính phòng thủ chu vi, và nằm thao thức chập chờn cho đến sáng. Cảm giác của tôi ngay lúc đó khó có thể nói được. Nó lâng lâng như người say sóng chứ không hân hoan tủi tủi mừng mừng. Cả người tôi ngầy ngật như hâm hấp sốt. Thú thật với bác tôi cũng không chú trọng lắm tới vấn đề danh từ. Da beo cũng thế, mà tại chỗ cũng vậy. Có cái gì khác đâu nếu như ai ở đâu ở yên đó. Đừng có lấn đất giành dân là được rồi.
Trong đêm ngưng bắn đầu tiên đó gió rít lên. Làm như là gió có vẻ không muốn ngưng chiến. Gió ở đâu mà nhiều đến thế. Hệt như những oan hồn uổng tử do bom đạn của cả hai bên, ở dưới âm ty hiện về than khóc cho hòa bình đến quá chậm. Gió luồn qua những triền núi từ phía Tây, len lỏi giữa những thung lũng, quất lên những ngọn đồi khiến cát bay mù mịt.
Tôi chập chờn nửa thức nửa ngủ. Sáng tinh mơ đã tỉnh dậy. Bên kia, một lá đại kỳ to bằng hai cái chiếu bay phần phật trong gió. Lá cờ ngạo nghễ, mới tinh mầu đỏ rực rỡ, với ngôi sao vàng chói lọi. Lá cờ được sửa soạn từ hồi nào, đã được tính toán đúng với thời điểm xuất hiện. Không một đơn vị trưởng nào lại điên cho dựng một cái cột cờ nơi chốn hành quân. Như vậy trong đêm qua khi tôi nửa thức nửa ngủ thì người anh em bên kia hàng rào đã chơi chúng tôi một quả ra gì, qua sự xuất hiện của cái cột cờ lừng lững mọc lên giữa một ngọn đồi cát thấp. Giữa tiếng gió làm lá cờ bay phần phật, giữa cái u u, minh minh của đêm chưa tàn và ngày chưa rạng, mầu đỏ của lá cờ làm cho tôi lạnh cả gáy, tỉnh cả người.
Tôi cuống cuồng hô lính đi kiếm cờ. Cờ với lại chả quạt. Tôi nghĩ ngay lập tức cái trò ăn mảnh này thì tụi tôi yếu thấy rõ. Chơi bằng súng với đạn thế mà coi bộ dễ chịu. Cái trò cắm cờ này thì đào đâu ra cờ bây giờ. Nửa giờ đồng hồ sau tụi tôi moi được một cái cờ to bằng hai… bàn tay chéo. Một thằng lạc đà kiếm được một cái que. Thôi thì có còn hơn không. Cái cờ không nhìn

đến thì thôi, nhìn đến thì chỉ muốn ra phơ cái cờ bằng hai cái chiếu kia ra làm trăm mảnh. Nó đỏ rực rỡ quật vào mặt mình từ tuốt đàng xa những cái tát trái muốn bật ngửa.
Sau này trở về chỗ đóng quân có tính cách lâu dài. Tôi vì tự ái cũng có, vì sĩ diện cũng có, tụi tôi cố kiếm cho được một cái cờ có kích thước sáu tấc, một mét so với cái cờ cách đó không xa với kích thước là hai mét, ba mét. Khỏi phải nói thì bác cũng biết là tôi nghĩ gì. Đã thế gió Lào quất suốt ngày nên chỉ một tháng sau cờ của bọn tôi tua ra như những cái bao bố tời. Cờ của họ lúc nào cũng tươi rói, rực rỡ, ngạo nghễ bay trong nắng và gió.
Lính tráng của cả hai bên cắm cờ khắp nơi, từ trong rừng cây ra tới những cồn cát, từ những ngôi nhà bỏ hoang tới những túp lều ở tạm. Khôi hài nhất là quanh vị trí đóng quân để cho khỏi phải thay cờ hoài hủy, mấy ông chiến tranh chính trị của ta đã lấy những tấm tôn cắt thành hình lá cờ bay, trên đó vẽ màu vàng với ba sọc đỏ. Cờ làm bằng tôn mà lại còn uốn hình gợn sóng ra dáng đang tung bay trong gió trông mới diễu làm sao. Qua vài cơn mưa, cùng với ít ngày nắng dữ là mầu mè bay hết, trông thấy muốn cười cũng không cười nổi, bác ạ…Thật đúng là sáng kiến hết thuốc chữa của chiến tranh chính trị.
Trở lại với đêm ngưng bắn đầu tiên vừa tỉnh dậy. Một người bộ đội mang đến cho tôi một tối hậu thư, mà người gửi là Trung tá Phạm văn Đính, nguyên Trung Đoàn Trưởng Trung Đoàn 56, Sư Đoàn 3 Bộ Binh. Trung đoàn này đã đầu hàng địch vào đầu mùa hè 72. Tối hậu thư đó cho tôi biết là tôi phải rút khỏi nơi này, hay là trở về với “nhân dân”, như ông ta đã làm trong năm 72. Nếu không tôi sẽ bị tấn công, kể cả tấn công bằng chiến xa.
Để hỗ trợ cho tối hậu thư này buổi trưa tôi nhìn thấy hai chiếc T-54 chạy loăng quăng gần chỗ tôi đóng quân. Cát bay mù trời, chiến xa chạy tới chạy lui như những con cua khổng lồ từ biển bò vào. Hai chiếc chiến xa đậu trên hai ngọn đồi cát thấp, cách chỗ tụi tôi không đầy một trăm thước. Tôi soát lại thấy tụi tôi còn có một ống M-72 duy nhất…
Giờ của tối hậu thư là 12 giờ đêm nay. Đêm thứ hai kể từ lúc ngưng chiến có hiệu lực. Tôi còn biết làm gì hơn là chờ. Và nên nhớ là chờ với một cái lệnh không được nổ súng. Đứa nào nổ súng là ra tòa án quân sự cấp kỳ. Trong bóng tối của đêm ngưng bắn đầu tiên, tôi trằn trọc suy nghĩ. Từ vị trí một sĩ quan cấp thấp, tôi nhìn ngược lên trên trong hàng ngũ chỉ huy, tôi cảm thấy tụi tôi có thể ra tòa thật sự chứ không nói dỡn. Bởi vì đã ngưng bắn rồi, ai cũng sợ trách nhiệm. Tôi như một con hổ đã bị lọt vào trong một hẻm núi, trước mắt là cái hố sâu, sau lưng là những tên thợ săn reo hò tở mở, đèn đuốc thì sáng rực cả một góc rừng.

Khoảng tám giờ tối hôm đó tụi tôi được lệnh rút. Mà dường như Cộng Sản cũng để cho tụi tôi rút một cách an toàn. Chứ nó đánh thật thì tụi tôi chỉ còn… củ cải và hai trái lựu đạn để chọi tụi nó mà thôi. Mang có mấy trăm viên đạn thì đã tố cạn láng trong suốt ba mươi giờ chiến đấu cật lực. Đã có lúc tụi tôi phải mượn súng… Tầu bắn Chệt rồi. Không thể tiếp tế nổi trong hoàn cảnh và địa thế… da beo, da cọp, nửa dơi, nửa chuột này.

*

3 - Tôi lại rút về sau sông Thạch Hãn, cách đó khoảng một cây số. Đêm lại nghe mấy thằng thợ hát nhà quê bốc thơm đời lính, nghe thối không chịu nổi. Mấy cái thằng nhà quê, thất học, lại không biết gì về đời lính, mà cứ ca tụng đời lính này sẽ chỉ làm cho người lính xa lạ hơn, nhơm nhếch hơn, xấu xí hơn. Thế mới biết cái chiến tranh chính trị của chúng ta nó là một cái gì đó chẳng ra làm sao cả…
Tụi tôi đóng giữa những cồn cát, xa xa lơ thơ mấy cái lều tranh, mấy nóc nhà của dân tị nạn Cộng Sản chán trại tị nạn mò về dựng lều ở tạm. Cái hồi đó gió ở đâu mà nhiều thế. Gió Lào nóng như điên, gió Trường Sơn lại lạnh đến độ bác tha lỗi, nó teo cả cái đó lại. Ban đêm mỗi lần đi tiểu mò muốn chết mới thấy của nợ. Mà đúng là của nợ thật, hăm lăm hăm sáu tuổi đầu. Sinh lực thì đang ở vào cái lúc phương cương nhất, đêm đêm nằm xem những trái hỏa châu thỉnh thoảng vọt lên trời cao, nở ra trong đêm tối soi sáng những ngọn đồi cát, những bụi cây rừng. Đẹp thì có đẹp nhưng mà buồn và chán không chịu nổi.
Đã thế lại còn điên tiết lên vì những bài ca tụng lính rẻ tiền của các cậu Hùng Cường, Nhật Trường, ủng oẳng vang lên từ mấy cái radio nhỏ bằng bàn tay của mấy thằng em nằm gần. Có

lần tôi ngứa mắt đá mẹ nó cái radio văng đi. Mẹ kiếp đang nằm phơi súng mà cứ ra rả cái kiểu "…Anh ở đâu thì em đó…" hay "…Anh là lính đa tình…" thì thật đúng là giết người ta mà không cần bóp cò súng rồi còn gì nữa.
Vị trí đóng quân của hai bên cách nhau đâu có xa gì cho cam. Buổi chiều khói thổi cơm của cả hai bên trông thấy rõ mồn một. Cả hai bên cùng lấy nước ở một khúc sông, một dòng suối hay là một con lạch. Buổi chiều nhiều khi nghe trong gió tiếng bộ đội Cộng Sản đánh bóng chuyền reo hò vang cả một góc núi. Thế có lộn tiết không? Hai bên cách nhau có một cái hàng rào kẽm gai sơ sài, lính gác hai bên mặt đối mặt chỉ cách nhau chưa đầy ba thước.
Gọi là hàng rào cho nó oai, chứ thật ra nó mong manh giống như hồi nhỏ chơi trò chiến tranh, vẽ một đường phấn xuống đất là đã có địa giới cho cả hai bên bắn súng miệng rồi.
Cả hai bên án binh bất động trong vài ngày đầu. Tình cảnh như thế mà bảo tôi không vi phạm e rằng cũng khó, huống hồ là mấy thằng trời đánh. Những vi phạm ban đầu mới chỉ liên quan đến cờ với lại chả quạt. Bên này nhổ cờ của bên kia, bên kia nhổ cờ của bên này. Tố qua, tố lại mãi thì có ngày vi phạm bằng súng. Thôi thì có chơi có chịu.
Cứ nhì nhằng như thế cho tới năm 75, ngày quân ta mất Ban Mê Thuột. Tới đó thì bác đã biết những gì bác đã làm trong cơn mê. Phần tôi thì cơn mê ập tới lẹ đến nỗi bây giờ gần hai mươi năm qua đi, tôi vẫn còn tưởng như nó mới xẩy ra không lâu…

…Cái tháng tư năm 75 đó nó đến một cách kỳ cục. Lạ một điều là trước khi có những cơn giông thì bầu trời làm như oi ả, im phăng phắc. Trong chiến trận cũng vậy, trước khi bom đạn nổ ra tơi bời hoa lá thì những ngày cuối tháng hai cho tới đầu tháng ba 75 hầu như chỗ tôi đóng quân là một chỗ thanh bình. Đêm đêm nằm ở nơi gió cát địa đầu, tụi tôi lắng nghe tình hình chiến sự vùng hai qua mấy cái đài BBC, VOA thổ tả, khỉ gió. Đánh chác cái mẹ gì mà lạ thế này.
Đùng một cái tụi tôi được lệnh bỏ vị trí hành quân rút về phòng thủ Huế, rồi từ Huế lại di tản… chiến thuật về Thuận An. Ở Thuận An chính mắt tôi đã nhìn thấy những điều mà tôi không bao giờ quên được. Cái cảnh chen lấn để xuống tầu Hải Quân ở ngoài bãi biển(1). Đến bây giờ tôi vẫn còn uất vì cái khoảng thời gian ngắn ngủi này. Uất vì chẳng hề nghe các… đại bàng ra lệnh đánh gì cả. Có được bắn phát nào đâu. Mà rồi cũng chẳng thấy… đại bàng với lại… mặt trời gì cả. Qua cái máy truyền tin lệnh của mấy đại ca chỉ là… rút, rút và rút. Điệu này thì đến cả cái ruột của bọn tôi người ta cũng sắp… rút ra luôn. Nằm cứng ở bãi biển nhìn chiến xa của mình trong cơn hoảng loạn, chạy cán bừa lên lính của mình. Máu của bên ta do bên ta gây ra đỏ ngầu một vũng biển, nhiều xác người lềnh bềnh…

Bọn chúng đến vồ tụi tôi trọn gói ngay tại bờ biển. Tụi tôi được áp tải ngược trở lại phía Bắc, giam giữ trong những doanh trại cũ của Cộng Sản, bỏ lại đằng sau trong khi truy kích quân ta. Ai thì tôi không biết, chứ riêng tôi thì Sài Gòn vẫn còn, miền Nam vẫn còn. Xui thì bị bắt, năm 73 đã từng trao đổi tù binh của hai miền. Ăn cơm nhà pha Việt Cộng một thời gian thử coi răng của mình có cứng không.
Ở tù ai mà chẳng buồn, nhưng rồi cũng chẳng sao, sẽ có ngày về làm lại. Trong thời gian này tụi tôi được coi là tù binh, được chúng đối xử theo quy chế giam giữ tù binh, ăn uống đầy đủ bẩy trăm gram gạo một ngày. Có một buổi tối một tên chính trị viên Cộng Sản tới nói chuyện với tù binh tụi tôi. Trại này giam giữ những tù binh có cấp bậc từ trung úy tới trung tá. Tên chính trị viên này hỏi:
"Trong số các anh có ai đã từng tham gia một hoạt động nào có ích cho Cách Mạng?
Bẩy, tám cánh tay rụt rè đưa lên. Tên chính trị viên chỉ một người và hỏi đã làm gì thì được viên sĩ quan của mình trả lời ông ta là trung tá, coi Quân Tiếp Vụ đâu ở Huế hay là Đà Nẵng gì đó, ông chống lại ông Diệm. Tên chính trị viên này nói một cách mỉa mai:
"Như thế là các anh tranh ăn chứ không phải là hoạt động cho Cách Mạng".
Hắn chỉ một người thứ hai và hỏi đã làm gì, người này nói là đã đi theo bộ đội kêu gọi binh lính ra đầu hàng khi họ đánh chiếm Đà Nẵng, tên chính trị viên này trả lời là:

“Như thế là anh theo đuôi chứ không phải là Cách Mạng. “
Mấy cánh tay dơ lên rụt rè bây giờ lại rụt rè hạ xuống. Tôi được gọi lên làm việc, sau phần khai lý lịch tên chấp pháp hỏi tôi là đã tham gia bao nhiêu cuộc hành quân. Tôi trả lời là một. Hắn hỏi tiếp là đi lính lên tới Trung úy mà sao lại chỉ có một cuộc hành quân mà thôi. Tôi trả lời là tôi hành quân từ ngày mới ra trường cho tới bây giờ cuộc hành quân vẫn chưa chấm dứt. Hắn hỏi tiếp đã giết bao nhiêu quân Cách Mạng? Tôi trả lời có đếm đâu mà biết.

Thời gian đó tôi đinh ninh rằng miền Nam sẽ mãi mãi còn đó. Tôi bị bắt cùng binh sĩ. Thầy trò, anh em, trông xuống, quân nhân các đơn vị khác nhìn vào thì phải cố mà giữ mình cho bảnh. Tuyệt không để cho Cộng Sản mỉa mai cái kiểu tranh ăn với lại theo đuôi. Nó nhơm nhếch, mất tư cách. Chẳng gì cũng là quan hai Thủy Quân Lục Chiến. Đây là lúc phải cho chúng thấy phẩm giá của mình, phong thái của mình. Kỳ dư mọi chuyện khác hậu xét. Tụi tôi bị bắt đâu được một tháng. Ngày ngày chúng đánh đòn cân não, mở máy phóng thanh nghe điếc cả tai. Tất nhiên là đài của chúng nó nên nhờ vậy mà tôi không tin quân ta lùi chi mà lẹ thế. Mới hôm trước Qui Nhơn là ải địa đầu, hôm sau bộ chúng có cánh hay sao mà bay qua khỏi Tuy Hòa, nhẩy vô tới tận Nha Trang làm chủ. Án một cánh quân ở đèo Đại Lãnh thì chúng có mọc cánh cũng phải rụng đuôi mới có thể làm khó Nha Trang được. Lúc này mà tụi chúng cho bọn tôi nghe đài BBC hay VOA chắc là sẽ có thêm khối người tự tử.

Ngày 30-4-75. Tôi đang ngồi lơ mơ nghĩ ngợi vớ vẩn về tình trạng rối mù của trận chiến. Cái loa quái ác ở ngoài đang thuật chuyện chiến trường, mà cứ y như là ký giả Huyền Vũ trực tiếp truyền thanh đá banh không bằng. Lúc này tôi hút thuốc lào đã nhuyễn lắm. Tôi vê một điếu thuốc cho vào nõ. Tay kia cầm một cái đóm đã châm lửa. Đột nhiên trên loa phóng thanh nghe rõ mồn một tiếng Tổng Thống Dương văn Minh hạ lệnh cho quân đội thôi chiến đấu, chờ bàn giao đơn vị, doanh trại cho Cộng Sản.
Thế là đầu hàng rồi còn gì nữa. Còn đâu là Sài Gòn, niềm hy vọng cuối cùng của tất cả chúng tôi. Chúng tôi mới bị bắt chỉ trong vòng một tháng, thế mà đã ra nông nỗi này. Cái điếu cầy tuột ra khỏi tay rơi xuống đất mà tôi không hay, lửa trên cái đóm cháy tới tận ngón tay mới biết. Nước mắt tôi ràn rụa. Tôi bỏ vào nằm vật trên giường, chìm đắm trong một nỗi tuyệt vọng vô bờ. Việc ở tù thì bác cứ đọc cả chục quyển hồi ký của những sĩ quan đi học tập cải tạo là đủ biết. Tôi chỉ muốn nói thêm một việc đó là những người làm ăng ten trong tù. Tất nhiên là phải có. Nhưng có một lần… Tôi phải chuyển phòng, cái tên nằm giường bên cạnh đeo tôi như bóng với hình. Một đêm kia tôi tỉnh dậy đi đái, tên đó cũng theo tôi đi đái. Trong lúc cả hai đang… vẩy, nó nói với tôi nhẹ như hơi thở:
“Anh Huy ơi, có làm bất cứ cái gì cho em làm theo, kể cả trốn trại. Tụi nó muốn em theo dõi anh. Anh phải cẩn thận.”

Việc đó cho tôi biết có những người cam tâm làm ăng ten để được về sớm. Cái vụ về sớm do làm ăng ten này tôi cũng nghi lắm. Đã có thằng hèn muốn làm ăng ten tình nguyện như thế, thì tội gì mà cho về sớm. Cho nó hưởng một chút ơn mưa móc để mà dùng bề lâu, bề dài có khi còn tốt hơn là phải tuyển một thằng khác. Vả lại cũng cần phải cho tù căm thù, nghi ngờ lẫn nhau thì cai tù dễ nắm tình trạng trong tù hơn.
Tuy vậy cũng có những người bị bắt làm ăng ten như cái anh chàng đứng đái với tôi chẳng hạn. Khó có thể từ chối khi mạng mình ở trong tay người, nhưng tôi nghĩ có thiếu gì người nhận mà không làm. Tất cả do bản chất con người hèn hay không hèn mà ra. Cũng phải nói thêm là còn do biết dùng hay không biết dùng cái đầu… Trong những quyển hồi ký sau này tôi đọc được ở đây, có nhiều quyển… tức cười lắm. Nhưng tôi nghĩ chẳng nên làm mất hòa khí… Như bác đã biết năm 1954 tôi vào Nam với mẹ. Cha ở lại ngoài Bắc, ông có tham gia Nhân Văn Giai Phẩm nhưng không phải là một tên tuổi lớn mà cũng đã nhòe cả người ra. Năm 80, tôi nhận được giấy tha. Cũng trong thời gian này bố tôi là một cán bộ hoạt động trong ngành văn hóa. Ông được đi công tác Quảng Trị, nên nhân đó mà đi thẳng tới Huế đón gặp tôi.

Ngày xa đất Bắc tôi mới có sáu bẩy tuổi gì đó, chưa gặp mặt cha. Cha con xa nhau gần ba mươi năm mới gặp lại lần đầu. Tôi từ nhà giam ở Bình Điền mò ra, năm năm trong câm nín, năm năm trong u hoài. Gần ba mươi năm… cha và con, cha và con. Tôi gặp lại bố tôi ở Huế, hai cha con đi ăn chè tại một quán chè bên bờ sông Hương. Con sông này mấy năm nay hình như con nước trôi cũng… chậm chạp, lững lờ hơn trước.
Hai bố con đang ăn. Ông cụ buông thìa nhìn tôi hỏi:
"Chắc là mày ghét Việt Cộng lắm hay sao mà đi cái thứ lính ác ôn thế này?"
Tôi trả lời ngay lập tức:
"Ghét thì không ghét gì, nhưng mà bắn được thằng nào đỡ thằng ấy".
Ông bố tôi trầm ngâm một chút rồi hỏi:
"Như vậy là mày bắn cả bố mày à"?
Tôi cũng trả lời ngay lập tức:
"Bắn chứ, ở ngoài mặt trận thì phải bắn để mà sống chứ, với lại có biết ai là bố đâu"?
Đó là lần duy nhất hai bố con gặp gỡ nói chuyện. Tính ra từ năm 54, tôi theo mẹ vào Nam cho tới khi xuống ghe vượt biên hai bố con nói được có vài câu lại chẳng ra làm sao cả… Tôi không phải không muốn dịu dàng với người đã sinh ra tôi. Bố tôi thì như bác đã biết, đã tham gia Nhân Văn Giai Phẩm thì chắc cũng chẳng ưa gì Cộng Sản. Nhưng cái hoàn cảnh gặp nhau nó kỳ cục quá. Chính tôi đã không được sửa soạn tâm lý, lại cộng với những năm tháng trong tù bề gì cũng đã ảnh hưởng tới phản ứng sốc nổi của tôi. Những dòng chữ muộn màng do bác ghi lại tại đây, ông bố tôi cũng sẽ không bao giờ được đọc. Thôi, hãy đậy nó lại, viết ra chẳng giúp được ai mà chỉ làm cho tôi vỡ ra thêm một lần nữa…

*

4- Năm 84 hai anh em chúng tôi gặp lại sau hơn mười năm xa cách.
Lúc này Huy đã có vợ con, đã đem được vợ con sang Mỹ sau một chuyến vượt biên đầy bất trắc. Chúng tôi ở chung với nhau trong một khoảng thời gian khá dài. Trong khoảng thời gian này tôi nhìn người em mà không phải là… em với thật nhiều đau sót.
Thoạt kỳ thủy Huy làm sơn sửa xe bị đụng với một người bạn nhà binh cũ. Mặt mũi lúc nào cũng đầy bụi sơn. Có một lần khi tôi đến thăm tại chỗ làm việc tôi thấy Huy đang chui ở gầm xe. Tất nhiên đi làm lao động ở xứ người thì ai cũng như ai, nhưng tôi vẫn cảm thấy ở Huy có cái gì bực bội. Vài tháng sau Huy đi sửa chữa tủ lạnh với người bạn học thời thơ ấu. Lại mình trần trùng trục, trời nắng chang chang đi khênh những cái tủ lạnh cũ. Làm thợ vịn nào có khó gì ngoại trừ cái sức đủ để hai người khênh một cái tủ lạnh từ trong nhà ra tới xe truck.
Vài tháng sau Huy bỏ việc tủ lạnh. Lần này anh mặc đồ đẹp đi làm văn phòng phụ tá pháp lý. Kỳ này chung, cả hai cùng làm chủ… Cha chả, làm chủ coi bộ vậy mà khó. Cái nghề phụ tá pháp lý này lúc nào cũng đòi hỏi người ta ngọt như mía lùi, mà ông em tôi thì mặt lúc nào cũng lừ đừ như ông Từ giữ đền. Cọ sát với nghề vài tháng nữa Huy lại bỏ.
Người bạn cùng làm chủ với Huy và cũng là người bạn đồng thuyền, do Huy tổ chức khi vượt biên kiên nhẫn theo nghề phụ tá pháp lý. Bây giờ anh ta có gia tài nghe đâu cũng cả triệu đô la kể cả nhà cửa, xe cộ, nhẫn hột soàn… Nghe đâu bây giờ anh ta bắt đầu mon men đi làm… chính trị. Ở ngoại quốc này chúng ta làm chính trị dễ, yêu nước cũng dễ, làm văn chương cũng dễ. Lấy nhau cũng dễ, bỏ nhau cũng dễ. Làm thương mại cũng dễ, khai phá sản cũng dễ. Nói tóm lại ở đây cái gì cũng dễ, chỉ trừ có một tấm lòng chân thật là hơi… khó chút xíu.
Có một dạo Huy hay tụ họp với những người bạn nhà binh cũ. Người ta có thể đuổi Huy ra khỏi Quân Đội, đạo quân mà Huy đã giữ vai trò những người tiền đạo rồi cũng tan biến đi. Nhưng không bao giờ người ta có thể lấy lại cái chất Quân Đội ra khỏi con người Huy. Anh như bị ám ảnh bởi lá cờ.

Lá cờ đã phủ vào mặt biết bao nhiêu bằng hữu. Dạo ở tù, có nhiều tên quản giáo lấy cờ của Miền Nam may quần đùi. Đã có nhiều sĩ quan trẻ phản đối và bầy tỏ lòng bất phục, cho dù có bị hành hạ, biệt giam. Những phản ứng này đã làm cho những tên quản giáo phải thôi không dám

khinh khi những người thất thế. Lá cờ như một ám ảnh không bao giờ nguôi trong lòng Huy. Dần dần tôi biết ông em tôi đang vận động xây một cái cột cờ trong khu buôn bán.
Cột cờ xây xong, mời mấy ông…tướng tới dự lễ khánh thành, thì được mấy ông Quảng Lạc này cho biết hễ có ông A thì không có ông B. Chính những ông tướng A, B, C này là những người nhờ cái cờ này mà đã mang lại biết bao nhiêu lợi nhuận nơi quê nhà. Bây giờ sang đây lá cờ đã không còn cung ứng được chút nào tiền bạc cũng như địa vị thì các vị đó lẩn.
Tôi rất muốn nói với Huy một điều là hãy để lá cờ đó nằm yên trong tâm khảm. Nếu nó linh thiêng thì nó đã khắc trong trái tim ta, không cần phải vẽ lên áo dài, vẽ lên cà vạt. Cũng không phải cần vẽ lên trán đi biểu tình như một trò hề rẻ tiền nào đó. Dựng một cái cột cờ thì dù muốn hay không, cũng có vài anh hoạt đầu thò mặt vào ăn có. Những người thiện chí thật dần dần bỏ đi.
Bây giờ ở đâu người ta cũng thấy vo ve những lời nói rỗng tuếch, những khẩu hiệu đã cũ như một món đồ chơi bị vất trong các kẹt tủ. Lịch sử cũng như thời gian không bao giờ đứng lại. Chỉ có những con người đứng lại bám chặt vào một cái cọc của lịch sử, ôm riết lấy một cái mốc thời gian. Những con người đó giống như lớp rêu xanh mướt, nhờn nhờn và bẩn. Những lớp rêu này chỉ làm mục cái mốc thời gian hay cái cọc của lịch sử không hơn kém. Những con người bám chặt vào quá khứ này lúc nào cũng hò hét. Lạ một điều họ không bao giờ biết là chính họ đang bị thời gian cũng như lịch sử đào thải.
Hôm khánh thành, có làm lễ rước quốc kỳ và quân kỳ. Ông em tôi quần áo nhà binh bảnh chọe, trông cứ như…lính thật. Đến khi thượng kỳ Huy thấy là cờ trong tâm khảm của Huy nhỏ, treo ngang với lá cờ của tiểu bang. Trên cao hơn một chút là lá cờ Mỹ to và ngạo nghễ bay trong gió. Từ đó tôi không thấy Huy nói gì về những ngày thứ hai có làm lễ thượng kỳ, hát quốc ca. Những người có lòng thật lại từ từ lẩn vì…ngượng. Cái dòng xe hơi dài bất tận đã át đi những lời ca trong nhịp sống vội vàng.
Tôi rất nhiều lần muốn nói với Huy, là lịch sử không bao giờ đứng yên. Trên đà đi tới của lịch sử rất có thể một lá cờ khác sẽ xuất hiện. Lá cờ mới này sẽ thay thế tất cả những lá cờ đã cũ. Nhưng với Huy tôi hiểu được một điều cho dù sẽ có thể có một lá cờ mới, đủ sức quy tụ mọi thành phần dân chúng từ Nam ra Bắc thì trong tận đáy lòng Huy, vẫn sống mãi lá cờ đã phủ lên mặt rất nhiều đồng đội.

***

5-Những năm gần đây ông em tôi chơi… bạo. Ông đi làm báo, viết văn. Quyển “Tháng Ba Gẫy Súng” không phải là một kiệt tác văn chương, nhưng là một kiệt tác của lòng thẳng thắn, và sự chân thật. Huy viết về những năm tháng sau cùng trong cuộc đời quân ngũ của Huy. Huy viết về cái xấu và tốt của chính Huy một cách thản nhiên, không rào đón, không phóng đại. Huy không bao giờ tự nhận là đang làm văn chương. Nhận hay không nhận thì cái đó thật ra cũng chỉ có giá trị tương đối. Nếu nghĩ rằng văn chương chính là đời sống được thể hiện trên giấy, thì Huy đang sống lại một lần nữa đoạn đường chiến binh anh đã trải qua trong suốt tuổi thanh xuân của anh.
Trí nhớ của anh về những phút vinh quang thì ít. Bởi vì đời của một người lính thật sự, một người lính đã tan nhà, vỡ nước thì làm gì có được nhiều phút vinh quang. Có điều những nhục nhằn thì dường như lúc nào cũng đeo đuổi, ám ảnh Huy, y hệt như lá cờ to bằng…hai bàn tay chéo. Những nhục nhằn này đã chiếm hầu hết toàn bộ đời sống Huy khi còn ở quê nhà. Sau “Tháng Ba Gẫy Súng” anh đang chép lại một hồi ký khác, vẽ lại một đoạn đời khác: Đó là toàn bộ trận đánh Cửa Việt, mà một phần thật nhỏ hình ảnh đã được dùng để viết nên những giòng chữ này. Sẽ là một toàn cảnh của trận đánh với sự đóng góp của những nhân chứng hiện còn sống và đang có mặt rải rác nơi đây.
Cầu mong Huy sớm hoàn thành tác phẩm thứ hai này. Chúng tôi giao tình với nhau đã ba mươi năm có lẻ. Trước kia Huy gọi tôi là anh, bây giờ vẫn vậy. Nhưng tôi hiểu tôi thật không xứng với chữ anh này.

California, tháng Bẩy 1993
[Trích Cây Tùng Trước Bão, Nxb Thời Văn 2001]

* Trích hồi ký “Tháng Ba Gẫy Súng” của Cao xuân Huy, do nhà xuất bản Văn Khoa phát hành vào năm 1986.

***

Ghi chú thêm về Cao Xuân Huy trong đời sống hiện tại, 1993

Từ khi chúng tôi gặp lại nhau nơi đất khách quê người, tôi và Cao Xuân Huy gặp nhau thường xuyên, vì chúng tôi là anh em họ… Hồng Bàng. Có một thời gian chúng tôi chung sống với nhau dưới một mái nhà trong thị xã Garden Grove. Thời gian này ngoài vợ chồng Cao Xuân Huy, còn có bố con Nguyễn Mộng Giác. Năm 1985, tờ Văn Học được hình thành từ căn bếp của ngôi nhà này. Và cũng tại căn nhà này Cao Xuân Huy hoàn tất những trang bản thảo đầu tiên của cuốn ”Tháng Ba Gẫy Súng”, với sự khích lệ của Nguyễn Mộng Giác và tôi. Có một thời gian dài bằng hữu tự khắp nơi về chơi, và ngôi nhà này hệt như một trại tị nạn.

Ngày chúng tôi ở chung với nhau, hai cháu gái con Huy đứa lớn còn đang học Tiểu Học, đứa nhỏ mới tập nói bi bô, giờ đây cả hai đã là những thiếu nữ đầy tương lai. Cháu lớn đã hoàn tất 4 năm dự bị y khoa, và cháu nhỏ thì đã sắp xong Trung Học. Thu nhập chính của gia đình có được, do sự cần cù nhẫn nại của Minh, vợ Huy đảm trách. Phần Huy, anh đi làm buổi đực, buổi cái, bữa có, bữa không. Cái gì Huy cũng làm, cái gì cũng không làm, thành thử gia đình Huy sống một đời sống không dư giả, nhưng không khí gia đình lúc nào cũng đầm ấm, yên vui.

Có một thời gian Huy làm kỹ thuật cho báo Người Việt. Mỗi ngày tôi và Huy thấy nhau một lần, thế nhưng có khi cả tuần không có chuyện để nói. Tôi biết tự đáy lòng Huy vẫn là một người lính đúng nghĩa. Anh sống với quá khứ nhiều hơn hiện tại. Bất kỳ ai trước kia đội nón xanh của TQLC cũng là bạn của Huy. Chính vì quảng giao như thế, anh viết rất chậm, bởi vì những người lính cũ gặp lại nhau, có bao giờ thiếu những cữ nhậu long trời lở đất. Đã có lần anh bị phạt cấm lái xe trong vòng 6 tháng, cùng với 1,800 đô la về tội lái xe với một lượng rượu khá cao trong người. Anh viết càng chậm hơn nữa vì anh viết rất kỹ, mỗi truyện ngắn sửa đi sửa lại năm lần, bẩy lượt.

Anh đang chúi mũi vào một cuốn tự truyện, mà tôi tin rằng sẽ tạo được một chấn động mạnh hơn ”Tháng Ba Gẫy Súng”, bởi vì trong cuốn tự truyện này người đọc sẽ được nhìn thấy Cao Xuân Huy, trong hai tư cách nhà văn và người lính. Cuốn tự truyện khởi đi từ một “lý lịch trích ngang”, của một người lính thất thế bị cầm tù. Để từ đó bước trở thành một nhà văn lưu vong, trong một cộng đồng tị nạn mà mọi điều đều có thể làm giả, kể cả nhà văn. Tôi tin chắc cuốn sách sẽ mang đến cho người đọc nhiều sự thật, về những “hiện tượng” văn học hải ngoại trong thời gian xáo trộn gần đây. Phải chi tôi là “anh thật” của Huy, tôi sẽ lạm dụng vị trí của tôi, để thúc Huy viết cho xong cuốn tự truyện của anh. Nếu cuốn sách đó chưa hoàn tất, Huy khó có thể bình tâm làm bất cứ một công việc gì.

Tôi và Huy biết nhau từ ngày Huy còn học Trung Học. Thoắt một cái hơn ba chục năm đã qua đi, cả hai chúng tôi đã bước qua tuổi “tri thiên mệnh”. Quãng đời còn lại của chúng tôi không còn dài, tôi tin rằng Huy đã trải qua một cuộc đời nhiều sóng to, gió lớn, giờ đây con cái đã lớn, anh sẽ tìm được sự bình an trong tâm hồn, để hoàn tất những gì anh còn đang bỏ dở.

Đọc Cao Xuân Huy

Lưu Na

Nguồn: Ảnh chụp của Lưu Na

Cuối cùng rồi mình cũng đọc quyển hồi ký ấy, quyển hồi ký gắn liền với một cái tên suốt 25 năm dài. Làm như người ấy tái sinh với tên cũ dài hơn: Cao Xuân Huy Tháng Ba Gãy Súng. Muốn hiểu tính cách của con người tái sinh ấy ra sao thì cứ đọc phần Cao Xuân Huy trả lời Trần Văn Thủy trong Nếu Đi Hết Biển, nhưng nếu muốn biết anh đã viết những gì sau hồi ký đó thì cũng hơi nhọc nhằn. Mình nhớ đã từng đọc Cao Xuân Huy ở đâu đó. Tìm lại, thấy anh có truyện/bài đăng rải rác trên Tạp chí Văn Học, một vài tạp chí khác, và trên mạng.

Cao Xuân Huy viết ít. Trong sáng tác, chuyện ít nhiều không làm nên giá trị của tác phẩm, nó chỉ làm đậm thêm hoặc phai mờ đi một tên tuổi với những tác phẩm đã tạo thành. Nhiều mà dông dài thì thà ít. Dài mà rườm rà thì thà ngắn. Cao Xuân Huy không những viết ít mà còn viết ngắn và viết đơn giản. Điều hơi lạ là không hiểu sao sau khi đọc những truyện ngắn ngắn ấy mình lại cứ liên tưởng đến một bộ truyện dài: Sông Côn Mùa Lũ của Nguyễn Mộng Giác. Ngạc nhiên, và buồn cười.

Khác biệt giữa những truyện thật ngắn đó và một truyện thật dài thì quá nhiều. Sông Côn Mùa Lũ dùng sự thật tạo nhân vật giả, dựa vào lịch sử để sáng tác. An. Lãng, và Huệ, v.v… là của Nguyễn Mộng Giác. Những truyện ngắn của Cao Xuân Huy dùng nhân vật giả để trưng bày sự thật, dựa vào sáng tác để nhìn lại một góc lịch sử mới vừa qua. Cao Xuân Huy dùng cái riêng để gợi đến cái chung, từ cái hư cấu vẽ ra cảnh thực. Người lính là của lịch sử, con người là của lịch sử. Nhân vật là nhân vật chung của thời đại, bất cứ người lính nào người tù nào cũng thấy đời mình trong đó, bất cứ người dân nào lứa tuổi nào cũng thấy phận mình trong cái tang thương chung.

Truyện dài cho phép mình nhẩn nha suy ngẫm, ngắm nghía từng nhân vật với từng cá tính tâm tình, tách biệt và biến chuyển của mỗi tâm hồn theo với biến động xã hội và thời gian. Sông Côn Mùa Lũ cho mình thấy suy nghĩ, tâm tư, và xúc động nữa, của An, từ thuở mới lớn cho đến khi quá tuổi trưởng thành; một Nguyễn Huệ từ thuở còn đến học với giáo Hiến cho đến khi

xa vời trên ngai… Truyện ngắn Cao Xuân Huy không có nhân vật để nhớ, không có biến chuyển để theo. Đọc xong chỉ thấy ngậm ngùi hay thông cảm, hay thấm đọng một niềm đau chung cho một hoàn cảnh, tình huống. Chỉ biết gật gù đồng cảm.

Với những khác biệt sờ sờ ra như vậy, đâm nghĩ ngợi về những gì anh đã viết và cách anh viết. Thì ngắn và đơn giản!!! Nghĩ ngợi mà vẫn không tránh được đối chiếu.

Sông Côn Mùa Lũ viết về những con người của một thời vàng son tao loạn đã qua: thời Nguyễn Huệ và nhà Tây Sơn. Những truyện ngắn của Cao Xuân Huy khi gom lại cũng tương tự trong tầm vóc nhỏ hơn, viết về người lính thời chiến tranh Việt Nam. Tao loạn, và dù xã hội cũ không hoàn chỉnh nhưng vẫn là một thuở vàng son, trong đó những người lính Cộng Hòa dù thua dù mộng không thành cũng từng làm bạt vía kẻ thù. Những truyện ngăn ngắn ấy đứng riêng một mình thấy đơn điệu. Bên cạnh trường thiên chúng trở thành những trang rời, những chương nhỏ của bộ trường thiên Chiến Tranh Việt Nam, vì trọng tâm vẫn là người lính - trong cuộc chiến, lúc tàn cuộc, khi sa cơ, và trong lòng chế độ cộng sản.

Cao Xuân Huy chỉ viết chuyện người lính. Nhưng người lính của Cao Xuân Huy mang thân phận con người tầm thường chứ không anh hùng không sắt thép, không hy sinh đẫm máu hay cao cả bạo tàn. Những người lính ấy cũng biết buồn biết sợ biết tủi nhục. Phản ứng của họ trong những hoàn cảnh khắc nghiệt chính là nét tâm lý sâu sắc trong thân phận con người. Bị chà đạp thì phản ứng lóe lên như ánh chớp nhưng phải tắt trước nòng thép lạnh để giữ thân (Ngu như lợn)_*còn sống được nhờ biết sợ*. Ráng giữ nhân phẩm mà thành ra đánh bạn vì *miếng tồi tàn* (Miếng ăn). Về làm phó thường dân cũng muốn liều mà đành không thể "ăn quịt chơi lường" (Trả lại tiền)… Những điều anh viết đưa ra một cái gì rất thật của người lính, tưởng như sờ chạm vào được. Sông Côn Mùa Lũ, Nguyễn Mộng Giác cũng đưa ra hình ảnh một Quang Trung Đại Đế - Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ như một người bình thường của số phận: Huệ phải lập chánh cung và An phải lấy Lợi. Cũng đành, nhưng chiếc áo đăng quang phải chính tay An vẽ kết, không thể nào khác. Tình yêu và số phận chi phối vua và dân như nhau. Thật dài và thật ngắn, cả hai tác giả đều "con người hóa" những biểu tượng anh hùng.

Viết ngắn, nhưng Cao Xuân Huy khéo dùng chi tiết trong truyện của mình. Sông Côn Mùa Lũ, Nguyễn Mộng Giác không cho Huệ nói được một lời yêu, chỉ cho Huệ chạm tay vào má An lúc giã từ mà tình yêu như đã được khẳng định. Cái tình không nói ấy lơ lửng trong không gian suốt bề dài của truyện. Với An, khi cho An thảng thốt ngập ngừng "đừng anh Huệ…" thì tình tuyệt vọng như đã mơ hồ xuất hiện trong cái lúng túng bối rối của cô gái mới lớn vừa đối mặt với tình yêu. Đó là với 2,000 trang chữ. Trong vài trang chữ, Cao Xuân Huy đưa ra cái nhìn đọng lại vài giây của cô gái đứng đường trong "Trả lại tiền" để nói - và nói lên được tình cảnh xã hội và lòng người với nhau qua cuộc bể dâu. *Những ngày ấy biết bao thương xót*. Một đồ sộ một đơn giản, cả hai tác giả đều đưa vào tác phẩm của mình những chi tiết vụn vặt không mấy ai để ý mà khi đã được nêu ra thì đọc thấy thấm thía.

Truyện ngắn của Cao Xuân Huy làm mình liên tưởng Sông Côn Mùa Lũ chính ở tính cách tinh tế đó.

Liên tưởng thôi, chứ không thể so sánh cái đồ sộ công phu với cái vắn vỏi đơn giản. Cũng như nói chuyện lịch sử hay sự thật chỉ là bàn cho tới nơi một cảm nhận của người đọc mà thôi. Gán cho Cao Xuân Huy chuyện cao cả quá coi chừng bị mắng là vẽ rắn thêm chân. Vì chữ và lời của Cao Xuân Huy giản dị lắm. Văn khô khan không xúc tích, đọc văn thì không có ấn tượng gì nhưng nếu phải chỉ ra một lời văn rườm rà một chi tiết dư thừa hay một bố cục lỏng lẻo chắc khó. Chữ, nó là cái tĩnh, khi Cao Xuân Huy viết xong nó thành cái động - hình ảnh đối thoại và dẫn giải nối liền pha trộn. Ngay cả phút suy tư cũng là hình ảnh lồng trong cảm xúc (Vải bao

cát). Đọc Sông Côn Mùa Lũ có cái thú là vừa đọc văn vừa đọc truyện, vừa thưởng thức vừa ngẫm nghĩ, chữ nối chữ. Đọc Cao Xuân Huy không có khoảng trống đó, một phần vì ngắn, nhưng chính yếu vì cách viết: hình ảnh sự kiện lướt lướt qua trước mắt, âm thanh nối nối qua tai, không có bề dầy thời gian cho nhân vật và sự việc.

Cách viết ấy có cái hay: đọc không phải là đọc mà là xem một đoạn phim ngắn, một cảnh nào đó của một cuốn phim: "Hành phương nam" cứ như một đoạn ngắn của phim "Chân trời tím"… "Trả lại tiền" đọc vào là "nghe" được đôi lời dẫn nhập, vài cái phác họa là thấy ra một cảnh trước mắt với hoặc lời dẫn giải hoặc lời đối thoại nghe rất thực: "dzậy có nhiêu," "không thì nhiêu," chữ "bao" là chữ câm khi phát ra tiếng. "Người muôn năm cũ", cứ mỗi chữ "Cô Hiền" là mỗi lời êm êm buồn buồn phát ra từ cái radio nghe trong đêm *Mẹ Việt Nam rất đau buồn vì có những đứa con sinh Bắc tử Nam*… Cũng có lúc mình liên tưởng, như "Miếng ăn" làm mình nghĩ đến cô gái già trong "40 Year Old Virgin" giới thiệu đứa nhỏ là con của con gái mình vì không muốn nói mình là bà ngoại. "Chờ tôi với" có đối thoại rất hay và lạ - lời chồng lên lời, thấy trước mắt mình cảnh hai đứa trẻ cùng nói một lúc về cùng một đề tài nhưng mạnh mày mày nói mạnh tao tao nói. Thú vị.

Nhưng thú vị nhất với mình là nét cười cợt và như có một niềm hãnh diện, nhạt nhòa, cái sự quyết không hèn trong mọi hoàn cảnh. Cái quyết ý đó cảm mà không thấy ở chỗ nào, chỉ bàng bạc đó đây ở những điều không nói những chữ không viết. Để hiểu, phải trở lại với tính cách của tác giả qua những lời đã nói.

Với Trần Văn Thủy trong "Nếu đi hết biển", "tôi" khóc vì có Bố thăm, tôi hãnh diện vì Bố quen Phùng Quán, tôi sợ không đến gặp lúc Bố vào Nam vì công an bao vây, tôi đánh giặc cừ, ở binh chủng thiện chiến, và tôi còn tưởng Bắc tiến… Tóm lại, Cao Xuân Huy nói tôi chỉ là một người dân tầm thường nhưng làm trai cho đáng nên trai (!!), một thái độ kiêu ngầm. Bên cạnh những nhà giáo khoan hòa như Trương Vũ, Nguyễn Mộng Giác, Nhật Tiến, Cao Xuân Huy biểu lộ một phong cách trượng phu: trọng bổn phận, có ý thức trách nhiệm chung, và thẳng thắn rốt ráo (về mình, với người).

Với Lê Quỳnh Mai, (phỏng vấn Cao Xuân Huy), tính cách và thái độ đó càng đậm nét:

Lê Quỳnh Mai: *Là một trong những nhà văn hải ngoại có mặt trong* Nếu Đi Hết Biển*. Tại sao ông quyết định nhận lời mời phỏng vấn của tác giả Trần Văn Thủy?*

Cao Xuân Huy: Giản dị thôi. Tình trạng sách báo ở hải ngoại không vào được trong nước, đây là dịp để tôi có thể nói cho người dân trong nước những suy nghĩ của mình về cuộc chiến vừa qua. Rõ rệt là quyển sách này đã được rất nhiều người trong nước đọc. Nhân việc trả lời này, tôi đã nói được chuyện quân đội miền Nam đang chuẩn bị lấy lại Hoàng Sa ngay lập tức sau khi bị Trung Cộng chiếm hồi đầu năm 1974, nhưng đã bị bộ đội miền Bắc cố tình cầm chân để Hoàng Sa hoàn toàn lọt vào tay Trung Cộng. Hơn nữa, tôi thích đạo diễn Trần Văn Thủy, dù chưa gặp mặt, qua hai cuốn phim "tài liệu" *Chuyện tử tế* và *Hà Nội trong mắt ai*. Hai cuốn phim này là hai cái tát vào mặt chế độ. Tôi cũng muốn nhân đó mà tát vào mặt đảng Cộng Sản Việt Nam một cái chơi.

Xác đáng, rõ ràng, và thẳng thắn - không thể nào khác.

Trượng phu và kiêu, tính cách thấy qua lời nói cũng ẩn hiện trong tác phẩm.

Kiêu, nên dễ hiểu tại sao Cao Xuân Huy không gắn huy chương không tô vẽ chiến công cho nhân vật của mình. Người lính của Cao Xuân Huy cũng như chính tác giả, phải là mình, chỉ là

mình. Sự thật có chỗ đứng của nó, nhân vật của Cao Xuân Huy tuy hư cấu nhưng có đặc tính thật, những con người bình thường gặp nhau trong binh đoàn thiện chiến với mẫu số chung là can đảm, trung thành, trọng nghĩa, và trọng luật chơi. Trượng phu, nên không kể thành bại, chỉ cần sống xứng đáng và không thể hèn. Truyện của Cao Xuân Huy có những người lính bình thường chiến đấu một cách can trường và bất khuất lúc sa cơ, gợi nên nét kiêu dũng thầm lặng. Kiêu dũng, mà chỉ cảm được thôi, nó lơ lửng trong không gian như mối tình của Huệ và An trong 2,000 trang chữ, vì Cao Xuân Huy có nói gì đâu trong truyện của mình. Tác giả chỉ cho nhân vật của mình cười cợt - khi xông pha đối mặt kẻ thù, lúc ngã xuống, và khi bị chà đạp trong tù. Cười cợt bất cứ lúc nào có thể. Không nói chuyện cao cả anh hùng, không viết lời xưng tụng, Cao Xuân Huy chỉ dùng cái cười cợt để biểu lộ quyết ý không hèn của người lính. Đây mới là chỗ độc đáo.

Độc đáo thì có độc đáo, nhưng không đã. Cứ thấy như mình bị tác giả ăn gian vì phải suy đoán một tính cách, ngẫm nghĩ một cảm nhận. Cái cười cợt không chỉ của nhân vật mà còn của chính tác giả, như viết chỉ là *viết láo mà chơi*. Phải chăng tác giả đã tự giới hạn mình?

Chọn lọc và cô đọng, Cao Xuân Huy là cây viết sắc sảo. Nhưng là khi viết in ít, viết ngăn ngắn, trong một đề tài. Biết cái sắc sảo đó có còn khi viết nhiều hơn, viết rộng hơn, và trong một tác phẩm dài hơi? Trong lúc chờ câu trả lời đành phải chịu *xem láo chơi*.

03/15/2010

***

Phụ đính I :

Những chặng đường của Tạp chí Văn Học

Hoàng Khởi Phong

Gửi hương hồn Cao Xuân Huy và Nguyễn Mộng Giác

Khi tôi viết những dòng chữ này, thì ở Nam California gia đình và thân hữu của nhà văn Nguyễn Mộng Giác đang tiến hành những nghi thức cuối, tiễn anh về nơi an nghỉ cuối cùng. Trước đây gần hai năm cũng tại địa điểm này, cũng những thân hữu này, đã tiễn đưa nhà văn Cao Xuân Huy trong chuyến đi chót cùng của đời anh. Nguyễn Mộng Giác là chủ nhiệm kiêm chủ bút đầu tiên và Cao Xuân Huy là chủ nhiệm kiêm chủ bút cuối cùng của tạp chí Văn Học, một nguyệt san văn chương, xuất hiện ở hải ngoại từ năm 1985 cho tới 2008, khi Cao Xuân Huy lâm vào căn bệnh hiểm nghèo và không thể cáng đáng nổi việc điều hành tờ báo. Nói như thế có nghĩa là tờ Văn Học đã không còn hiện diện trong cõi đời này vài năm, trước khi những người chủ trương quan trọng nhất của tờ báo vĩnh viễn nằm xuống.

***

Để viết về Văn Học, tôi phải nhắc tới một tờ báo khác với một cái tên dài hơn là Văn Học Nghệ Thuật, và cũng phải nhắc tới căn nhà đầu tiên tôi mua vào năm 1983, trên đường Dapplegrey, thành phố Garden Grove. Đó là một căn nhà 4 phòng ngủ, và đàng sau có một cover patio rất rộng. Khi mua căn nhà này gia đình tôi chỉ có hai bố con tôi và hai người cháu trai. Tôi không thể hình dung được nửa năm sau, vợ chồng con cái Cao Xuân Huy từ một thành phố ở phía Bắc Cali dọn xuống miền Nam.

Huy và tôi vốn là hai anh em họ “Hồng Bàng”, đã biết nhau từ khi Huy học trung học, và ngay cả sau này khi đã vào quân đội, Huy đã từng ăn dầm nằm dề ở nhà tôi. Năm 1971 ở Pleiku, Huy đi phù rể với nhiệm vụ chụp hình cho đám cưới của tôi, nhưng rút cục tôi không có một

tấm ảnh nào trong ngày cưới. Chẳng những thế tôi còn mất cả chiếc máy ảnh đi mượn, bởi vì anh còn mải uống rượu với những người bạn thân của anh và tôi từ Sài Gòn lên.

Do đó đầu năm 1984 khi anh dọn xuống Nam Cali, nhà tôi tất nhiên là nơi trú ngụ ban đầu cho vợ chồng con cái anh. Chỉ vài tháng sau khi Cao Xuân Huy đổ bộ từ phía Bắc xuống, tới phiên bố con Nguyễn Mộng Giác thiên đô từ Texas qua.

Tôi và Nguyễn Mộng Giác vốn là bạn văn từ những năm đầu thập niên 70, nên khi anh dọn qua Nam Cali, nhà tôi chính là nơi anh sẽ tạm trú trong lúc chân ướt chân ráo mới đến. Rút cục căn nhà đó có một thời gần giống như một trại tị nạn, với số người lớn nhỏ cả thẩy 16 người, và được phân phối như sau: Hai bố con tôi một phòng, bố con Nguyễn Mộng Giác một phòng, vợ chồng Cao Xuân Huy một phòng, hai người cháu tôi một phòng. Còn tất cả những cậu con trai bị dồn hết vào trong cái patio được làm thành một phòng ngủ tập thể. Trong thời gian này điều phiền nhiễu nhất cho chúng tôi chính là chỗ đậu xe, bởi vì vỉa hè trước cửa nhà tôi nhiều lắm chỉ có thể chứa được bốn chiếc xe, kể cả driveway, trong khi những người trong nhà có tới bẩy chiếc xe, đó là chưa kể tới khách khứa văn nghệ của Giác và tôi, cùng với khách nhà binh của Cao Xuân Huy nườm nượp ra vào. Nhất là những dịp cuối tuần, chúng tôi làm phiền hai bên hàng xóm hầu như suốt từ chiều Thứ Sáu cho tới khuya Chủ Nhật. Thời gian này Cao Xuân Huy chưa chính thức viết, tuy nhiên anh đang ngấm ngầm viết những dòng đầu của cuốn hồi ký làm nên tên tuổi nhà văn Cao Xuân Huy sau này, đó là cuốn “Tháng Ba Gẫy Súng”.

***

Tháng Ba năm 1985, nhà văn Nguyễn Bá Trạc từ San Jose xuống thăm chúng tôi, anh mang xuống miền Nam một không khí sôi nổi như con người anh. Trong lúc ngồi quán cà phê với tôi và Nguyễn Mộng Giác, cùng quan sát cộng đồng biểu tình với rừng cờ quạt biểu ngữ, Nguyễn Bá Trạc nói với chúng tôi có lẽ bọn mình nên làm một cái gì đó, một tờ báo chẳng hạn. Nguyễn Bá Trạc đã từng một mình chủ trương tờ Thời Luận ở trên San Jose, đây là tờ báo sớm nhất trong vùng Bắc Cali từ năm 79, nhưng không thể trụ nổi vì thời gian đó việc buôn bán của người Việt trên San Jose chưa mấy phát đạt, mà tờ Thời Luận là một tờ báo tựa vào quảng cáo nên không thể tồn tại. Do đó tôi trả lời Nguyễn Bá Trạc là tôi không mặn vụ làm báo quảng cáo. Tối đó tại nhà tôi ngoài các gia chủ Nguyễn Mộng Giác, Cao Xuân Huy, Hoàng Khởi Phong còn có thêm Nguyễn Bá Trạc cùng hai thân hữu nữa, chúng tôi bàn thô về một tờ báo văn học thuần túy.

Sau khi Nguyễn Bá Trạc quay trở lại San Jose, Nguyễn Mộng Giác và tôi càng ngày cang nung nấu ý nghĩ về tờ báo thần túy văn học này. Trước đó hai năm tờ báo văn chương thuần túy là tờ Văn Học Nghệ Thuật do hai nhà văn Võ Phiến và Lê Tất Điều chủ trương sống lây lất chưa đầy mười số thì phải đình bản, và hiện nay trên thị trường chữ nghĩa của người Việt hải ngoại còn duy nhất một tờ Văn, do nhà văn Mai Thảo chủ trương.

Lần họp thứ hai cũng ở nhà tôi, có nhiều anh em văn nghệ hơn, nhưng tựu trung có hai ý kiến: Một là tìm cách quy tụ hết tất cả những cây viết thành danh, bầy hàng tất cả những người hiện đang sống bên ngoài đất nước trên trang bìa tờ báo. Ý kiến thứ hai dường như thiểu số tuyệt đối, vì chỉ có mình tôi cho là không cần các tên tuổi lớn, chỉ cần trong vài số đầu chứng tỏ cho độc giả thấy đây là một tờ báo văn học thuần túy. Ban đầu với những cây viết mới có thể không gây được tiếng vang, nhưng đó là tờ báo, mà những người chủ trương trân trọng từng bài thơ, từng mẩu chuyện. Tôi chủ trương tin vào chính mình, viết cho tới không sớm thì muộn độc giả cũng mở vòng tay đón nhận tờ báo.

Rút cục tờ báo xuất hiện với sự tham dự của khá nhiều cây bút đã thành danh ở trong nước. Với sự hiện diện của nhà văn Võ Phiến ở vị trí chủ nhiệm, tờ báo là sự tiếp nối, hay khác đi là

sự tục bản tờ Văn Học Nghệ Thuật, và hầu như tất cả mọi thành viên đều cho là với cái tên này, ít nhất tờ báo không mang vẻ cạnh tranh với tờ Văn của nhà văn Mai Thảo. Vị trí chủ bút do nhà văn Lê Tất Điều đảm nhiệm, và Nguyễn Mộng Giác là tổng thư ký. Đó là bộ ba thực sự điều hành tờ báo, phần tôi là chủ nhiệm trên phương diện pháp lý, nghĩa là có bổn phận hàng năm khai thuế. Ngoài ra nhà văn Nhật Tiến tuy không giữ một chức vụ nào, nhưng nhà anh là nơi mỗi tháng nhóm chủ trương họp một lần, ăn với nhau một bữa cơm, nhận báo mới, và đồng thời chọn chủ đề, phân chia bài vở cho số sắp tới. Sở dĩ chọn nhà anh Nhật Tiến vì ông chủ nhiệm Võ Phiến ở hướng Bắc tại Los Angeles, chủ bút Lê Tất Điều ở phía Nam tại San Diego, nhà tôi thì đang là trại tị nạn, và nhất là chị Phương Khanh với các cháu gái con anh chị Nhật Tiến sẽ đãi nhóm chủ trương một bữa ăn đích đáng.

Chỉ sau vài số báo, Văn Học Nghệ Thuật được các cây bút hải ngoại tới tấp gửi bài tham dự, cũng như sự trợ giúp tài chánh của những người coi văn chương như là một ăn tinh thần. Khoa học gia Trương Vũ, là một thí dụ điển hình. Trương Vũ là người của khoa học, ông làm việc tại NASA, nhưng đã có những đóng góp đáng kể cho văn học Việt Nam ở hải ngoại. Năm 1995, hai mươi năm sau khi chiến tranh tàn, nhà xuất bản Cub Stone ở tiểu bang Massasschusset dự định ấn hành một tuyển tập văn học về hậu chiến Việt Nam, quy tụ nhà văn của Việt Nam ở trong nước và nhà văn Mỹ. Chính nhờ sự đóng góp của Trương Vũ trong thành phần chủ biên, khi tuyển tập “The Other Side of Haven” ra đời, nó có thêm tiếng nói của tám cây bút Việt Nam ở hải ngoại, cùng xuất hiện với mười hai cây bút Việt Nam ở trong nước và mười tám cây bút Hoa Kỳ. Nói tóm lại sau khi chiến tranh tàn được hai chục năm, đây là một tác phẩm quy tụ nhà văn của ba phe tham chiến, đã từng tận lực bắn giết nhau ngoài mặt trận. Không riêng gì Văn Học nhận được sự trợ giúp hết lòng của Trương Vũ, sau này khi tờ Hợp Lưu ra đời, anh cũng là một người lúc nào cũng mở hầu bao cứu cấp, mỗi khi hai tờ Văn Học và Hợp Lưu gặp phải những cơn khủng hoảng tài chánh.

***

Tròn một tuổi do những hoàn cảnh cá nhân, lại xa xôi cách trở nhà văn Võ Phiến và Lê Tất Điều rút ra khỏi ban chủ biên, tờ Văn Học Nghệ Thuật đối diện với lần lột xác đầu tiên, trở về với cái tên dự định ban đầu là Văn Học. Trong lần cải tổ này Nguyễn Mộng Giác ở vị trí chủ nhiệm kiêm chủ bút, tôi đảm nhiệm phần vụ cũ của Nguyễn Mộng Giác, nghĩa là tổng thư ký cho tờ báo.

Về công việc thì Nguyễn Mộng Giác vẫn gánh vác nhiều hơn cả, vì anh đang “viết thuê” cho một tờ báo chuyên về quảng cáo, nên có nhiều điều kiện lo cho tờ Văn Học hơn tôi. Thời gian này tôi vẫn là một người làm thợ tiện ca ba, nghĩa là đi làm từ 11 giờ đêm tới 6 giờ sáng, mỗi khi về tới nhà tôi lăn quay ra ngủ tới một, hai giờ chiều mới trở dậy, đi lấy thư với hy vọng có thêm nhiều độc giả dài hạn, có thêm tiền để lo trả nợ nhà in, mua thêm tem để gửi báo. Và rồi mỗi tháng một, đôi lần tôi và Cao Xuân Huy ôm một đống báo ra bưu điện. Tôi cũng có nhiệm vụ trả lời thư tín của thân hữu và bạn đọc.

Riêng về Cao Xuân Huy, anh không còn là một người lính thuần túy như trước kia, lòng tiếc thương đồng đội cũ, càng ngày càng dìm anh lún sâu vào con đường chữ nghĩa. Đêm đêm khi tôi lên đường kiếm ăn trong xưởng tiện, thì ánh đèn trong phòng riêng của vợ chồng, con cái anh vẫn còn le lói, và tôi biết anh đang ráo riết hoàn thành những trang cuối của cuốn hồi ký viết về sự sụp đổ của miền Trung và nỗi uất hận của những người lính một đời thiện chiến, giờ đây ngơ ngác trước những mệnh lệnh chết người.

Năm 1987, để sửa soạn đón gia đình qua đoàn tụ, Nguyễn Mộng Giác thuê một căn chung cư ở Tustin. Anh cũng đón ông Võ Thắng Tiết từ Alaska về chung sống. Tưởng cũng nên nhắc lại ông Võ Thắng Tiết chính là tu sĩ Từ Mẫn, giám đốc nhà xuất bản Lá Bối trước kia. Sau năm 75

dù không muốn ông cũng phải trở về đời sống bình thường. Năm 1980 ông vượt biên cùng chuyến tàu với gia đình nhà văn Nhật Tiến. Khi đến Mỹ ông chọn nghề làm cua ở Alaska trong ba, bốn năm liền, rồi tích lũy vốn liếng trở về Cali dựng nhà xuất bản Văn Nghệ. Giờ đây sau hơn ba chục năm sống rải rác khắp năm châu, giả như người Việt có một dòng văn học Việt Nam ở hải ngoại, thì phải nói ông Võ Thắng Tiết là một trong những người có công đầu. Bởi lẽ nếu không có bệ phóng của nhà xuất bản Văn Nghệ, thì có thể giờ đây rất nhiều tác gả ở hải ngoại vẫn còn chìm trong bóng tối. Gần hai chục năm sau khi hoàn cảnh buộc phải ngưng hoạt động, nhà xuất bản Văn Nghệ còn tồn lại một kho sách, với mấy trăm đầu sách văn chương và biên khảo. Ông Võ Thắng Tiết cũng xuất bản những cuốn sách vì nhu cầu giải trí, thị hiếu của độc giả, và đồng thời cũng là một nguồn thu không nhỏ để nuôi sống những cuốn sách văn học. Nhưng những đầu sách này được in dưới nhãn của nhà xuất bản Đồng Văn, không phải Văn Nghệ.

Năm 1988 vợ và con gái út của Nguyễn Mộng Giác được đoàn tụ, để được toàn tâm toàn trí lo cho gia đình sum họp, Nguyễn Mộng Giác có ý định rút lui ra khỏi ban chủ biên. Đây là một biến cố lớn của tờ Văn Học, đến độ Trương Vũ từ DC phải đích thân bay về Cali, với ý định thuyết phục Nguyễn Mộng Giác vẫn để tên trong ban chủ biên, còn công việc điều hành thật sự do Cao Xuân Huy và tôi sẽ làm thay. Nhưng anh Giác quyết liệt rút ra, và đề nghị tôi thay thế cho anh Giác. Ban đầu tôi định từ chối, vì nghĩ mình không đủ uy tín. Mặc dù trước đó không lâu cuốn hồi ký "Ngày N+..." của tôi đã gây được một tiếng vang đáng kể trong giới cầm bút, và trước đó một năm cuốn hồi ký "Tháng Ba Gẫy Súng" của Cao Xuân Huy được coi như là một hiện tượng của văn học hải ngoại.

Ngoài ra tôi chưa kể tới những trói buộc về sinh kế cho bản thân tôi cùng con và hai người cháu đang ăn học ở Mỹ, đồng thời vẫn phải yểm trợ tài chánh cho toàn bộ gia đình ở quê nhà. Thời điểm đó sau khi đổi tên và thành phần chủ biên Văn Học đã đứng vững được ba năm, với gần bốn chục số báo và ý kiến của Cao Xuân Huy cũng như Trương Vũ là phải duy trì tờ Văn Học gằng mọi giá, mà nhân sự thì chỉ còn hai người có thể cáng đáng là Cao Xuân Huy và tôi. Cuối năm 1988, nếu tôi nhớ không lầm thì Văn Học số 38, thành phần chủ biên giờ đây sẽ gồm: Hoàng Khởi Phong chủ nhiệm kiêm chủ bút, Cao Xuân Huy tổng thư ký, họa sĩ Khánh Trường lo phần trình bày. Nguyễn Mộng Giác, Trương Vũ và Nhật Tiến trong thành phần cố vấn.

Nhìn chung thì ba người trong ban chủ biên giờ đây đều là cựu quân nhân của QLVNCH, mà trong đó Cao Xuân Huy là sĩ quan TQLC, Khánh Trường thuộc binh chủng Nhảy Dù và đã từng ở trong Đại Đội của Phan Nhật Nam là ĐĐT, và tất nhiên cả ba người "lính tẩy" chúng tôi không hề có ý định làm một tờ báo mà nội dung cũng như hình thức, quá nghiêm chỉnh và quý phái như hai vị tiền nhiệm vốn là nhà giáo. Ngay trong số đầu trách nhiệm, tôi cho đăng tải truyện ngắn "Pháo đài trên sông Zyangty" của nhà văn Trần Vũ, một cây bút mới thành danh cư ngụ ở Pháp. Nội dung truyện ngắn này quả là một trái bom, vì nó chứa đựng những pha làm tình của hai chị em ruột, sau khi vượt biên mà người chị vì muốn cứu mạng người em, đã bị dầy vò, vùi dập bởi hàng chục tên hải tặc.

Số kế đó Văn Học đăng tải truyện ngắn "Có yêu em không" của Khánh Trường. Nội dung của truyện ngắn này còn bạo liệt hơn cả truyện Trần Vũ, khi một người lính mang xác đồng đội về nhà, trong lúc gia đình lo tang lễ và quàn xác người chết ở dưới, thì trên gác xép người lính đã làm tình với em gái của người quá cố. Sau hai truyện ngắn này dư luận của giới văn nghệ rộn hẳn lên. Bản thân tôi khi chọn đăng tải hai truyện ngắn này không phải vì mối quan hệ đặc biệt với hai tác giả, mà vì đó là hai truyện ngắn hay, và tôi vốn không coi tình dục là một cấm kị trong văn chương.

Sau hai truyện ngắn này Nguyễn Mộng Giác mời tôi và Cao Xuân Huy đi uống cà phê, anh cũng cảnh báo chúng tôi là muốn thay đổi nội dung và hình thức tờ Văn Học thì nên từ từ, không thể gấp gáp quá e rằng sẽ gặp những phản ứng ngược từ chính những nhà văn đang cộng tác. Trong lần gặp gỡ này tôi đã dấu Nguyễn Mộng Giác vài lá thư của các văn hữu kết án nặng nề nhóm chủ biên mới. Trong phần thư tín với các văn hữu, tôi đã trả lời thẳng thừng về việc không viết tắt những chữ vốn được coi là kỵ húy trong văn chương Việt Nam. Tôi nghĩ rằng văn chương dù có ngôn ngữ riêng, nó cũng phải phần nào dung chứa ngôn ngữ đời thường, vả lại người đọc khi đọc đến những chữ viết tắt đó, ai cũng biết nghĩa đích thực của nó, thì không vì một lý do nào phải viết tắt. Tất nhiên khi quyết định đăng tải những đoạn văn này, tôi cũng đã cố gọt bớt những chữ quá thô tục, nhưng dứt khoát Văn Học không viết tắt bất cứ một chữ nào.

Để không khí nhẹ đi phần nào, hai số kế tiếp Văn Học giới thiệu những cây bút trẻ mới xuất hiện trên vòm trời chữ nghĩa và đang sinh sống ở Pháp và ở Úc, tiếc là ở Canada trong thời điểm đó không quy tụ nổi các cây bút trẻ xuất hiện đủ cho một số báo, nên không thể làm một số riêng biệt cho vùng đất này.

Cũng trong thời gian này ở trong nước, ông Nguyễn Văn Linh tuyên bố mở cửa về kinh tế và cởi trói cho văn nghệ, đã làm thay đổi bộ mặt thiếu sinh động của văn học trong nước, chuyên về minh họa. Chỉ trong một thời gian ngắn văn học trong nước trúng mùa bội thu, trên khắp các cánh đồng. Ở bất cứ bộ môn nào cũng có những thành tựu với các tác phẩm không còn viết theo chiều hướng cũ. Đã có những tác giả ở trong nước quay lưng lại với loại văn chương minh họa đã ngự trị suốt nửa thế kỷ trên những tờ báo chuyên về văn học ở trong nước. Văn Học là tờ báo đầu tiên ở hải ngoại đã lên tiếng cổ võ cho những tác phẩm này, và sử dụng cụm từ "văn chương phản kháng" đối với các tác phẩm của những nhà văn, nhà thơ đích thực trong giai đoạn này. Từ số 45 cho tới số 48, Văn Học đang tải rải rác một số truyện ngắn và thơ được sáng tác trong buổi phôi thai, ngay khi lời tuyên bố của ông Nguyễn văn Linh vừa ráo miệng, để sửa soạn cho số 49 và 50 là hai số chuyên đề về "văn chương phản kháng" ở trong nước. Hai số báo đó vô hình trung là mục tiêu đánh phá Văn Học, của những tờ báo coi hiện tượng này chỉ là phản kháng giả, hay là một đòn đánh phủ đầu của nhà nước đối với giới cầm bút cả trong cũng như ngoài nước. Tuy Văn Học không chính thức trả lời những bài viết đầy ngôn ngữ quy chụp, nhưng một số tác giả khác không phải trong nhóm chủ trương đã gửi về Văn Học những bài viết giá trị nhận định về hiện tượng này, như là một hình thức gián tiếp trả lời cho những công kích đầy ác ý. Và nếu đúng là chế độ ra đòn như thế, thì quả thật những người cầm bút ở hải ngoại đã trúng đòn, vì cuộc tranh cãi ban đầu ngôn ngữ còn chừng mực, nhưng càng về sau càng tệ hại, đến độ giữa một số anh em cầm bút, đã có thời giao tình với nhau, sau hai số báo này đã không thể hàn gắn được, không thể ngồi chung với nhau trong bất cứ một cuốn sách nào.

Ngoài Văn Học là tạp chí văn chương chính thức công nhận hiện tượng văn chương phản kháng ở trong nước, một số các cây bút độc lập ở rải rác khắp nơi quy tụ lại thành lập nhà xuất bản Lê Trần, mà tác phẩm duy nhất: "Trăm Hoa Vẫn Nở Trên Quê Hương" đã quy tụ được 27 nhà văn ở hải ngoại, viết về hiện tượng này, và đồng thời trích đăng tác phẩm của 69 nhà văn, nhà thơ, kịch tác gia và kịch bản điện ảnh mà tác phẩm của họ gây xôn xao trong nước trong giai đoạn đầu cởi trói cho văn nghệ này. Hầu như tất cả các cây bút chủ chốt của tờ Văn Học đều đóng góp cho cuốn sách này. Nói cho cùng đây là những bài còn dư lại của hai số chuyên đề 49 và 50, nhưng đó cũng là một hình thức trả lời cho những người đã chỉ trích Văn Học hàng năm trời ròng rã, với những luận điệu quy chụp, thậm chí còn vu khống.

Năm 1990, tôi bị thất nghiệp. Ở đây tôi xin trình bày về tài chánh của tờ Văn Học, hay bất cứ một tờ báo thuần túy văn chương nào cũng lỗ. Ngoại trừ tờ Văn của Mai Thảo, được một nhà in hào phóng in báo với giá tượng trưng chỉ bằng nửa giá in thị trường, và những người hâm mộ

nhà văn Mai Thảo ở rải rác khắp nơi hết lòng ủng hộ. Tất cả những may mắn đó giúp cho Mai Thảo sống khá ung dung với hai nguồn tài chánh chính là tiền già và tiền bán báo. Với tờ Văn Học tuy không lời, nhưng với 700 độc giả dài hạn, lúc nào nó cũng đủ tiền in, tiền tem. Phần lời là báo bán lẻ tại những tiệm sách rải rác trên toàn nước Mỹ và Canada. Nhưng có nhiều tiệm sách không chịu thanh toán nếu như tờ báo không có người đến kiểm kê số báo tiêu thụ hàng tháng. Tại Texas có một tiệm sách suốt hai năm trời không chịu thanh toán tiền báo và sách do Văn Học phát hành, cho tới khi ông chủ bán tiệm cho người khác, thì số tiền báo đã bán được khoảng hai ngàn đô la coi như bị xù.

Ở đây Văn Học lúc nào cũng mang ơn chị Thụy Khuê, người đại diện cho Văn Học ở Pháp và Âu Châu, thỉnh thoảng chị gửi cho một khoản tiền, mà tôi nghĩ cho dù có bán hết báo mà chị nhận phát hành, cũng không thể được con số đó. Dù gì chăng nữa thì tờ báo coi như hòa, nhưng thỉnh thoảng có những khoản chi bất thường ngoài vụ in ấn, thí dụ một bạn văn thường xuyên gửi bài vở cộng tác, bỗng một hôm đến chơi với anh em vài ngày, thì khoản đãi đằng cơm tây, rượu chát trong thời gian đó phải móc từ túi ông chủ nhiệm.

Tôi đã làm thợ tiện được hơn mười năm, việc thất nghiệp ở Mỹ là chuyện bình thường, nếu chịu khó tìm tòi thế nào cũng có việc lại, nhưng nhân dịp này tôi muốn thay đổi không khí cho bản thân mình, muốn bỏ nghề và thử tìm một con đường nào gần hơn với việc viết lách, nên tôi dồn hết tiền bạc mà sở cũ trả cho tôi đâu khoảng mười ngàn, lên San Jose bỏ thêm vốn vào nhà in Lam Sơn của một ông bạn đã hoạt động được mười năm, tưởng chừng sẽ có lúc chính tôi sẽ đứng ra in tờ Văn Học. Vì quyết định dời lên phía Bắc của tôi, Văn Học lại một phen sắp xếp lại đội hình. Trương Vũ lại một phen từ thủ đô bay về, lần này Trịnh Y Thư là chủ nhiệm kiêm chủ bút, Cao Xuân Huy vẫn là tổng thư ký. Trịnh Y Thư là một khuôn mặt mới của Văn Học. Anh đang du học ở Mỹ thì xảy ra vụ 75, anh có bằng MA và đang làm việc cho một công ty lớn, với số lương hậu hĩnh hơn trăm ngàn đô la một năm. Không phải vì Trịnh Y Thư khá giả mà anh bị anh em dồn anh vào chỗ phải chi tiền. Trịnh Y Thư là một người dịch rất hay, anh là một trong những người dịch Milan Kundera đầu tiên, và "Đời nhẹ khôn kham" là một bản dịch cực kỳ hay cuốn tiểu thuyết của nhà văn gốc Tiệp này. Thời gian này vì ở xa, tôi không có điều kiện để quan sát kỹ những thăng trầm của tờ Văn Học.

Việc làm tiệm in của tôi rút cục không khá, năm 1991 tôi một mình băng qua sa mạc Mojavie để tiến sang Texas, tìm một nơi lập nghiệp mới. Trong một năm trời tôi di chuyển qua đủ bốn thành phố lớn nhất của tiểu bang này là Houston, Dallas, San Antonio và Austin, làm đủ các nghề vớ vẩn. Khi thì đứng bán ở cây xăng, khi thì đứng bán cho các tiệm tạp hóa Stop and Go hay tiệm Seven - Eleven. Có lúc lại làm một loại việc khá giống như bốc vác cho một hãng sản xuất phụ kiện điện tử. Năm 1992 khi tôi quay trở lại nam Cali thì mới biết Văn Học lại một lần nữa sắp xếp lại đội hình. Lần này nhà văn Nguyễn Mộng Giác quay trở lại vị trí chủ nhiệm, Trịnh Y Thư là chủ bút, Cao Xuân Huy không thay đổi.

Một năm sau tôi chính thức đi làm báo và phụ trách trang Văn Học Nghệ Thuật cho tờ nhật báo Người Việt, mà lẽ ra tôi đã làm một nhân viên của tờ báo này từ số đầu tiên ra đời từ năm 1978. Tôi nhận chức biên tập viên cho tờ báo này, với mục đích có nhiều thời gian để bắt đầu viết bộ trường thiên Người Trăm Năm Cũ. Tờ Văn Học vẫn hàng tháng có một bữa cơm chung, để các người chủ trương nhận báo mới, hàn huyên với những bạn văn từ khắp nơi về thăm Nam Cali. Bữa cơm chung này trước kia thường được tổ chức ở nhà Nhật Tiến, giờ đây nó được tổ chức tại nhà Nguyễn Mộng Giác. Đó là căn nhà anh Giác đã mua và ở cho đến khi qua đời.

Đầu thế kỷ 21, khi Internet phát triển cực độ, các trang web ra đời. Các cây viết trẻ đầy sung mãn và am hiểu tường tận kỹ năng điện toán, đã thiết lập hàng chục trang web chuyên về văn học. Đồng thời lứa độc giả văn chương của người Việt ở hải ngoại lớp thì qua đời, lớp thì làm

biếng vì tuổi tác, đã khiến cho các tờ báo chuyên về văn học càng ngày càng tiến gần đến việc đình bản các tờ báo in.

***

Năm 2003, một buổi trưa Nguyễn Mộng Giác và Cao Xuân Huy đến chỗ tôi làm việc. Anh Giác có ý định cho tờ Văn Học đình bản, nên bàn với Cao Xuân Huy và tôi. Tôi chưa có ý kiến gì thì Cao Xuân Huy đã khẳng khái đứng ra nhận trách nhiệm chăm nom cho tờ Văn Học. Và anh đã chăm nom cho nó cho tới khi anh qua đời.

Tất nhiên trong giai đoạn khó khăn này, lại chỉ có một mình xốc vác cho tờ báo, nên Văn Học trước tiên để tiết kiệm tiền in và tiền tem, thay vì phát hành mỗi tháng một số 120 trang, thì giờ đây hai tháng phát hành một số dầy tối thiểu là 200 trang và có khi lên tới 250 trang. Trong cơn ngắc ngoải của tờ báo, vẫn là Trương Vũ đã hết lòng khích lệ, yểm trợ cho Cao Xuân Huy. Số Văn Học cuối cùng sau rất nhiều lần trì hoãn đã ra đời vào cuối năm 2008. Thế có nghĩa là một mình Cao Xuân Huy xốc vác tờ Văn Học trong suốt bốn, năm năm sau cùng.

Mặc dù không ở Mỹ lúc Cao Xuân Huy qua đời, song tôi biết khá tường tận diễn tiến căn bệnh của Cao Xuân Huy. Huy phát giác ra mình có một cái u trong mắt một cách tình cờ, khi đang đánh mà chược với tôi vào năm 2007. Đang xoa bài, đột nhiên anh dụi mắt, rồi lấy tay che đi một con mắt vài lần, rồi quay qua nói với tôi: “Sao kỳ quá, con mắt phải của em chỉ nhìn thấy từ ngực bác trở xuống”. Hôm sau Huy đi khám mắt, hai ông bác sĩ Việt cho hai định bệnh khác nhau, một ông bảo là nấm, một ông bảo là có u nhưng không biết lành hay dữ. Nguyễn Thành Quan là bạn thân của Huy và tôi từ hồi nhỏ, và đã từng là sĩ quan trợ y của QLVNCH thấy vậy chen vào: “Ngày mai mày đi khám lại ở UCLA Medical Center cho chắc ăn”. Hai ngày sau Huy cho biết các bác sĩ của UCLA xác nhận đó là u độc, và ở đây sẽ dùng xạ trị để chữa. Tính Huy ít nói, trong hai tuần chờ đợi đi điều trị anh vẫn đến xoa mà chược tại nhà tôi, và không bao giờ có vẻ mặt tư lự hay lo âu. Có điều anh dấu tất cả mọi người là căn bệnh của anh là một căn bệnh hiếm, hàng ngàn người bị ung thư mới có một người bị ung thư gần mắt, và quan trọng hơn hết là nếu may mắn xạ trị có thể khỏi luôn, nhưng nếu không chữa được tuyệt nọc thì nó có thể chạy thẳng lên óc, hay xuống gan.

Xạ trị xong vài ngày, anh lại có mặt tại nhà tôi trong những canh mà chược. Cứ như vậy trong hơn hai năm liền một tuần hai, ba canh mà chược. Các bạn hữu của Huy ai cũng nghĩ là sức khỏe của Cao Xuân Huy hoàn toàn bình phục. Bề gì thì cũng là Trung oái TQLC, sá kể gì ba cái cancer vớ vẩn. Khoảng giữa năm 2010, sau khi tái khám định kỳ Huy cho tôi biết anh bị di căn xuống gan. Khi nói về án tử của mình, anh không hề đổi sắc, và vẫn một tuần hai cữ mà chược ở nhà tôi. Thời gian này tôi đang sửa soạn làm đám cưới cho con trai tôi. Hai bố con tôi phải về Việt Nam, vì cô vợ chưa cưới của cháu là người Việt. Đám cưới diễn ra ở Sài Gòn vào ngày 31-10 năm 2010.

Huy bắt đầu được hóa trị vào giữa tháng 7. Anh cho biết sẽ có hai đợt hóa trị, mỗi đợt là 6 tuần, mỗi tuần một liều. Bọn chúng tôi nín thở nhìn Huy mỗi tuần đi chữa bệnh. Trong sáu tuần của đợt hóa trị đầu, tôi không thấy Huy bị những phản ứng xấu như rụng tóc, xuống cân& Và đặc biệt là anh có một tinh thần bằng thép, sống hệt như những ngày trai trẻ, không hề một phút băn khoăn lo lắng về bệnh trạng của mình. Sáu tuần lễ đầu qua đi, anh vẫn nhởn nhơ cười đùa với bằng hữu. Anh vẫn tự mình lái xe lên nhà tôi chơi bài. Hết đợt đầu, anh được nghỉ một tuần để sửa soạn hóa trị đợt hai, cũng sáu tuần lễ nhưng liều lượng gấp đôi. Đầu tháng 10, tôi phải về Việt Nam, lúc đó Huy đã chịu hai liều của đợt hai, ngoài vẻ mặt bình thản bên ngoài, tôi biết anh đau đớn dữ dội bên trong, vì có lần tôi hỏi Huy về bệnh trạng trước khi tôi sẽ đi xa thì được

anh cho biết: “Người ta cứ nói đau xé gan xé ruột, không ăn thua gì vì em đang đau xé từng thớ thịt, bất cứ một thớ thịt nào từ trên đầu xuống tới chân giống như bị một bàn tay vô hình xé vụn ra”. Có một điều lạ là anh không bao giờ lộ vẻ đau đớn, đặc biệt là trước mặt vợ và hai cô con gái, lúc nào anh cũng cười và còn bông đùa cho không khí trong nhà bớt căng thẳng.

Ngày 15 tháng 10 năm 2010 tôi chia tay với Huy để về Việt Nam làm đám cưới cho con trai. Trong một bữa cơm tiễn tôi đi tại nhà Nguyễn Kỳ Hùng, cả hai vợ chồng Huy cố tham dự. Lúc này anh đã không lái được xe, khi chia tay ra về tôi thấy Huy lảo đảo, nhưng anh gạt phắt tay của một người bạn có ý định dìu anh đi. Anh nói với tôi giản dị: “Khi bác sang chắc là em không còn hiện diện trên cõi đời này. Thôi chúc bạn mọi điều tốt lành”. Đáng lẽ tôi là người sẽ phải nói những lời chúc tụng sức khỏe cho Cao Xuân Huy, thì anh đã chúc tôi trước, mà qua nội dung những lời cuối của anh, những lời chúc tụng của tôi sẽ trở thành vô nghĩa. Sau khi tôi đi khoảng mười ngày thì Huy mất. Anh sinh năm 1947, mất năm 2010 hưởng thọ 63 tuổi.

***

Năm 2005 Nguyễn Mộng Giác bị ung thư, anh đi mổ lần đầu. Từ đây sức khỏe của Nguyễn Mộng Giác không còn như cũ. Năm 2008 anh về VN để chịu tang cùng an táng bà mẹ, trước khi lên máy bay về lại Mỹ anh bị đột quỵ, rồi kế đó anh bị mổ lần thứ hai vào năm 2009. Những năm cuối cùng của anh giống như là ngọn đèn sắp cạn dầu mà còn bập bùng trong gió. Gần đây anh phải vào ở trong một nhà dưỡng lão, vì không thể tự mình săn sóc cho mình, thành thử chị Diệu Chi có nhà mà hầu như không ở, cứ lẩn quẩn nơi anh nằm bệnh. Mới đây trong dịp trở lại Mỹ vào tháng 4 và tháng 5 năm 2012, tôi hai lần điện thoại để ghé thăm, nhưng không một ai bốc điện thoại trả lời. Tôi cũng lái xe đến bất ngờ hy vọng có ai ở nhà, để tôi chuyển lời thăm hỏi, song không một ai có nhà. Sau cùng việc gì đến đã đến, Anh qua đời vào ngày 3 tháng Bẩy, năm 2012 tại nhà riêng, hưởng thọ 72 tuổi.

***

Sau cùng xin thông báo với các độc giả của tờ Văn Học:

Địa chỉ của tòa soạn hiện nay đã dời lên thiên đường từ năm 2008. Để tiện việc điều hành tờ báo, mới đây hai vị chủ nhiệm đầu tiên và sau cùng cũng đã dời về đó. Cho dù trong khi sống, nhà văn Nguyễn Mộng Giác và Cao Xuân Huy có thể làm phật lòng một số người, vì quan điểm văn chương, hay chính trị. Nhưng nghĩ cho cùng, sự khác biệt về quan điểm không bao giờ là một tội lỗi, càng không thể là một tội ác. Nghĩ cho cùng một nhà giáo hết lòng với học trò của mình, một nhà văn hết lòng với độc giả của mình, một người lính hết lòng với nhiệm vụ của mình sẽ có một chỗ ở nơi thiên đường. Nếu như thiên đường là một nơi có thật.

Sài gòn 8 tháng 7, 2012

Cao Xuân Huy - tác giả và tác phẩm
Nguyễn Mạnh Trinh

Viết về chiến tranh, có lẽ là một đề tài lớn của không những văn học Việt Nam và cả văn học thế giới nữa. Những tác phẩm như Mặt Trận Miền Tây Vẫn Yên Tĩnh của E.M. Remarques hay Chiến Tranh và Hòa Bình là những danh tác mà ở đó chiến tranh đã được nhìn ngắm với con mắt của tâm hồn vĩ đại của nhân loại. Ở chiến tranh Việt Nam, cũng có nhiều nhà văn viết về chiến tranh có chất lửa và biểu hiện được một phần tâm tư của thời đại. Cao Xuân Huy là một trong những nhà văn đã viết lên những trang sách trung thực viết về cuộc chiến mà ông tham dự. Tản mạn về chân dung và tác phẩm Cao Xuân Huy có lẽ là một đề tài thú vị, nói về một tác

giả mà tôi nghĩ gần gũi với chúng ta, những người tị nạn đã trải qua một thời thế có một không hai của lịch sử Việt Nam.
Ở thời điểm cuối tháng Ba năm 1975, lịch sử Việt Nam bắt đầu những khúc quanh mới. Và ở không gian thời gian này tạo thành nhiều lý do để chúng ta nói chuyện về Cao Xuân Huy. Tháng Ba Gãy Súng là một cuốn hồi ký ghi chép lại những diễn biến của mặt trận Thừa Thiên Huế mà tác giả là người kể chuyện lại. Cuốn sách đã được tái bản đến mười lần và có mặt trên 58 thư viện lớn trên toàn thế giới.
Nhưng, khi tôi đọc một đoạn trên mạng Bách Khoa Toàn Thư Mở Wikipedia thì tôi lại thấy một sự kiện lạ. Theo đó thì ông Cao Xuân Kiên nêu lên một câu hỏi "Theo tôi, chú tôi, Cao Xuân Huy, là một nhà tư tưởng lớn và có vị trí quan trọng trong nền tảng văn hóa Việt Nam. Ông Cao Xuân Huy (nhà văn-Tháng Ba Gãy Súng) cũng là một người có tiếng hiện nay. Làm sao để có cả hai trong Wiki?
Và ông Nguyễn Hữu Dụng, người phụ trách trang định hướng của Wiki trả lời: "Bạn Cao Xuân Kiên, một trong những điều quan trọng nhất của Wiki là tính trung lập. Vì vậy bạn không thể nêu lên những ý kiến quá mang tính cá nhân như: "Theo tôi chú tôi Cao Xuân Huy là một nhà tư tưởng lớn và có vị trí quan trọng trong nền tảng văn hóa Việt Nam". Bạn hãy viết thêm cho đầy đủ về Cao Xuân Huy, ví dụ ông ấy có vị trí quan trọng trong nền tảng văn hóa Việt Nam, như thế nào, có tư tưởng gì lớn... Nếu thực sự ông ấy chưa đạt được như vậy thì chúng ta nên xóa. Tôi có thử Google "Cao Xuân Huy" thì chỉ được 982 kết quả trong đó phần nhiều nói về nhà văn hải ngoại Cao Xuân Huy kia..."

Ông Cao Xuân Huy ở trong nước là một nhà tư tưởng lớn. Học giả Cao Xuân Huy (1900-1983) là một nhà nghiên cứ chuyên về lịch sử tư tưởng triết học phương Đông từng được gọi là nhà đạo học ngay từ thuở mới khoảng 30 tuổi. Ông được xem là một trong những người có những đóng góp to lớn trong việc đào tạo các nhà nghiên cứu cổ học Việt Nam. Ông để lại một số giáo trình đại học có giá trị về Kinh Dịch, Luận Ngữ, Mạnh Tử, Bách Gia Chư Tử. Ông còn là một giáo sư của Viện văn Học. Con ông là Cao Xuân Hạo là một nhà ngôn ngữ học dịch giả nổi tiếng tại Việt Nam. Và tên ông đã được đặt cho một con đường ở Phường 25 Quận Bình Thạnh thành phố Sàigòn. Thành phố Vinh cũng có một con đường mang tên ông. Tóm lại, tên tuổi Cao Xuân Huy là một tên tuổi rất lớn ở trong nước. Thế mà, ở trên trang mạng điện tử thì nhà văn Cao Xuân Huy ở hải ngoại lại được nhắc nhở nhiều hơn.
Có lẽ, chúng ta không nên so sánh học giả Cao Xuân Huy ở trong nước và nhà văn Cao Xuân Huy ở hải ngoại như vậy. Mỗi người có một vị trí riêng. Nhưng, tôi liền có ngay ý nghĩ. À, thì ra nhà văn tác giả Tháng Ba Gãy Súng Cao Xuân Huy mặc dù ở hải ngoại nhưng cũng rất nổi tiếng ở trong nước. Nói chuyện về một tác giả như thế chắc độc giả không nỡ bảo là áo thụng vái nhau. Như vậy, còn chần chờ gì nữa, đây sẽ là một đề tài lý thú. Nhất là trong thời điểm đáng nhớ của những người tị nạn nói chung và những người lính cũ, những người tù cải tạo như chúng tôi nói riêng. Dù đã đọc hồi ký này nhiều lần, dù đã viết bài đọc sách, đã phỏng vấn tác gỉa, tôi thấy vẫn cần thiết để chúng ta nói chuyện về một chân dung nhà văn, viết mà không có ý định làm nhà văn.
Hai mươi bốn năm về trước, 1986, tôi đã viết bài đọc sách "Tháng Ba Gãy Súng" và phỏng vấn Cao Xuân Huy. Bây giờ, năm 2010, tôi lại viết bài đọc sách "Vài Mẩu Chuyện" và cũng cùng Nhã Lan phỏng vấn Cao Xuân Huy trên Hồn Việt TV và Little Sàigòn Radio. Có nhiều người bảo tôi "ca" Cao Xuân Huy quá mức...
Riêng tôi, một cách thành thực, tôi chỉ nói lên và viết lên ý nghĩ chân thành của mình. Tôi không hề "ca" một ai cả. Thích thì viết, không thích thì lờ đi coi như không có. Tôi không phải là người phê bình, chỉ là người đọc sách. Tôi chỉ đọc những cái gì tôi thích và viết về nó. Tôi không muốn làm người đo đếm để khen chê phê phán. Nhưng, dù vậy, tôi thấy điều gì đúng thì tôi làm. Tôi vẫn đề cập đến tác giả và tác phẩm theo nhận xét của mình. Có lẽ, tôi nhìn thấy ở Huy có một điều gì khác với những người thường qua cuộc sống và tác phẩm. Tôi thấy đó là một người lính viết văn, trung thực, và dám bày tỏ ý kiến của mình một cách tự tin. Khi trả lời phỏng

vấn, tác giả Cao Xuân Huy nói không có ý định làm nhà văn khi viết Tháng Ba Gãy Súng. Đó có phải là sự thực?
Có lẽ phải hỏi lại câu hỏi trực tiếp này với Cao Xuân Huy! Nhưng, hình như anh đã khẳng định: "Tôi là một người lính? Đúng. Tôi là một nhà văn? Điều này còn phải xét lại. Còn chuyện muốn bước qua nhà văn. Dễ ẹc. Cái chính là nhà văn như thế nào?"
Và khi bị hỏi là anh làm "văn chương" như thế nào, và có xử dụng "hư cấu" ra sao thì anh trả lời: "Hư cấu? Tôi chưa hề là một người viết, tôi chưa hề muốn trở thành một nhà văn, tôi chưa hề nghĩ Tháng Ba Gãy Súng là một tác phẩm văn chương, tôi chỉ muốn kể lại một câu chuyện đã xảy ra, thay vì kể bằng miệng chỉ có một ít người biết, tôi đã kể bằng chữ để cho nhiều người cùng biết. Và tôi chấp nhận tất cả những gì xảy đến cho mình từ những điều tôi viết. Như vậy làm gì có hư cấu trong tiểu thuyết này."
Cao Xuân Huy trả lời ra sao về văn chương từ Tháng Ba Gãy Súng? Anh trả lời, rất... Cao Xuân Huy, tự nhiên nhưng có một điều gì hơi mỉa mai, hơi ngang ngang khác người "Văn chương? Sau khi viết xong và nhất là sau khi in sách tôi mới quen biết với các nhà văn và tôi cũng mới được (hay bị) gọi là nhà văn. Tôi không hiểu văn chương nằm ở chỗ nào trong quyển hồi ký này. Tôi xin lập lại nguyên văn một câu phê bình của một nhà văn viết rất nhiều về lính là Nguyên Vũ "Cậu viết có hồn nhưng kỹ thuật còn kém" và tôi đành "Tôi viết làm chó gì có kỹ thuật mà kém với không kém". Kể lại một câu chuyện thật đã xảy đến cho mình và đồng đội mình, như vậy mà cũng cần có kỹ thuật à? Chẳng hóa ra làm văn chương khó hay dễ như vậy sao? Mà cho tôi xin hỏi thật một câu "Văn chương là cái mẹ gì vậy?"
Thật là khó mà trả lời cho tác giả Tháng Ba Gãy Súng, có mà không, trong cái không đã sẵn cái có, nhất là ở trong tâm thái của Cao Xuân Huy. Muốn làm văn chương nhưng chưa chắc đã được, nếu không có duyên khởi, nếu không có tâm thành.
Nhắc đến duyên khởi khi Cao Xuân Huy viết Tháng Ba Gãy Súng thì đó là một tình cờ lý thú. Anh kể: "Tôi ở trại tị nạn qua Mỹ được đâu khoảng một năm. Ở nhà của nhà văn Hoàng Khởi Phong với cha con nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Tôi đọc được trên báo lời phát biểu của một ông tướng "làm mất nước là tội chung của mọi người lớn tội lớn bé tội bé" tôi điên tiết lên. Chỉ có những kẻ bỏ đơn vị mà chạy, chỉ những kẻ có quyền hành trong tay đã đánh lừa thuộc cấp để chạy lấy thân, những kẻ "chiến đấu đến giọt máu cuối cùng của người khác" mới là những kẻ có tội. Tôi viết để chứng minh tôi và những người lính cầm súng chiến đấu đến viên đạn cuối cùng không có tội.
Khi viết được khoảng vài chục trang tự nghĩ là mình chữ nghĩa kém nên bỏ ngang không viết tiếp. Trong bữa nhậu với mấy đồng đội cùng tiểu đoàn, chúng tôi nhắc lại chuyện bị bắt trong cuộc rút quân, kiểm điểm bạn bè đồng đội ai còn ai mất. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác tình cờ ngồi nghe sau đó hỏi tôi sao không viết tiếp. Nhà văn nguyễn Mộng Giác lấy đọc rồi tự ý đăng trên một tờ tuần báo mà anh đang làm chủ bút. Thế là sau đó cứ đăng hết từng đoạn, anh Giác lại thúc tôi viết tiếp. Nếu không có anh Nguyễn Mộng Giác tự ý đem đăng và đòi bài như đòi nợ thì đã không có quyển "Tháng Ba Gãy Súng" và không có "nhà dzăng" Cao Xuân Huy, vì hồi ký viết cho mình thì lai rai viết tà tà bao giờ chả được"
Với tư cách là một người đọc, tôi có cảm giác gì khi đọc Tháng Ba Gãy Súng? Rất cảm khái, khi tôi đọc hồi ký này. Phong cách diễn tả tự nhiên bình dị không màu mè lên gân. Ngôn ngữ xúc tích. Đối thoại gần gũi đời thường chuyên chở được ý nghĩ trung thực. Viết về chiến tranh, đầy những cảnh chém giết nhưng vẫn có nét nhân bản của con người chứ không phải sự say máu của loài vật. Tuy nhiên, khi gập lại quyển sách, người đọc là tôi vẫn còn giữ nguyên sự bàng hoàng của một người không tin vào sự thực. Lẽ nào, ở trên mặt đất này có một sự vô lý như thế. Khi người thua bại là hơn bốn ngàn binh lính của một lữ đoàn TQLC binh chủng thiện chiến nhất của quân lực VNCH dũng mãnh nhất mà bị làm tù binh. Mà kẻ thắng lúc đó chỉ hơn một đại đội du kích mà những tên lính nhiều khi ở tuổi chưa trưởng thành mới mười lăm mười sáu tuổi... Và lẽ nào, có những cảnh tượng kinh hoàng hỗn loạn của những kẻ cầm súng khơi khơi giết người vô tội. Cũng như lẽ nào, có cảnh thiết vận xa cán lên những đầu người đang bơi trên biển để cập vào tàu hải quân. Lẽ nào và lẽ nào, tôi như ngợp đi trong thảng thốt ấy. Có

nhiều người đã cho rằng tôi quá nhạy cảm về những chi tiết kể trong Tháng Ba Gãy Súng. Quân lực VNCH, mà những đơn vị Tổng Trừ Bị như Thủy Quân Lục Chiến lại bị thua thiệt cay đắng như thế. Viết và nói về những nhạy cảm ấy có thể gây phản ứng cho nhiều người. Nhưng, như thế chúng ta không thể nói lên sự thực hay sao, khi ao Xuân Huy là một nhân chứng sống đã mô tả một cách xác định như thế.

Cao Xuân Huy đã viết gì về chiến tranh trong những ngày tháng Ba ấy? Thời gian của Tháng Ba Gãy Súng là hồi ký anh ghi chép lại từ những ngày sau khi thành phố Ban Mê Thuột bị thất thủ và chấm dứt khi bị bắt làm tù binh. Không gian là mặt trận ở Huế, của nơi chốn mà tác giả đã cùng với đơn vị của mình đổ máu, mồ hôi để giữ vững qua những thời kỳ chiến đấu ác liệt. Chàng sĩ quan trẻ tả lại cảm giác của những người lính tuy cam chịu những hy sinh của đời lính chiến đấu thực sự ngoài tiền tuyến nhưng hình như trong lòng có sự dằn vặt vì sự nghi ngờ về khả năng cũng như sự công bình liêm chính của những cấp chỉ huy bất xứng mà trong đời quân ngũ của anh phải chịu nhiều hậu quả. Người đổ xương máu cho chiến trường thì không được tuyên dương trong khi những tay chân "con ông cháu cha" ở hậu cứ thì lại được hưởng nhiều ân sủng. Tuy vậy, anh cũng rất kính trọng những cấp chỉ huy xứng đáng và những người lính can trường, những người coi đơn vị như là trong gia đình và lúc gian nguy không quay mặt bỏ rơi đồng ngũ bạn bè.
Từ đời sống thực để trở thành chữ viết chắc phải là một công việc không dễ dàng. Chắc nhà văn CXH phải có nhiều động lực lắm như sự xúc động tạo thành nỗi niềm dằn vặt trong cuộc sống?
Đúng như vậy, CXH trả lời: "Một cái ấn nút. Tất cả mọi hình ảnh bi hùng tất cả mọi diễn biến của trận đánh đã in đậm trong đầu tôi như một cuốn phim. Sức đẩy? Không. Dằn vặt? Không. Xúc động? Đúng. Người ta đã bán đứng anh em chúng tôi. Vậy mà bây giờ ở bên này người ta còn huênh hoang nhiều trò, người ta còn tiếp tục làm hề, và người ta bắt chúng tôi chịu chung tội để "mất nước" mà mất nước là tội chung của mọi người, lớn tội lớn bé lỗi bé". Chính câu này là cái ấn nút để tôi viết Tháng Ba Gãy Súng. Hình ảnh những cái chết anh hùng của đồng đội tôi, của bạn bè tôi đã bị bôi nhọ, bị bôi bẩn. Trường hợp tôi anh nghĩ sao?"
Nếu tôi trả lời CXH, thì chữ "người ta" ấy chỉ là một phần rất nhỏ của người tị nạn. Và không phải tất cả những người đang tranh đấu để chống lại chế độ độc tài toàn trị hiện nay không phải toàn là "huênh hoang nhiều trò", hay "tiếp tục làm hề". Cũng có những người làm việc nghiêm chỉnh thật. Và điều mà CXH vì phẫn nộ quá mà phát biểu có lẽ còn phải cần nhiều tranh luận...
Nhiều người đọc Tháng Ba Gãy Súng và thấy rằng đáng lẽ câu chuyện còn phải tiếp tục. Nhà văn CXH kết cuộc đột ngột quá chăng? Không biết lý do nào mà nhà văn lại ngưng ngang xương như thế. Có thể vì lười và không thích viết tiếp. Có thể vì muốn để dành cho những tác phẩm khác tốt hơn, dữ dội hơn. Tôi không dám làm... thầy bói. Nhưng có khi tôi lại nghĩ. Kết cục đột ngột như thế nhiều khi lại tình cờ trở thành một nét đặc thù của CXH thì sao?
Có một bạn đọc nhận xét rằng đối thoại của Tháng Ba Gãy Súng ngắn gọn và là văn nói "thứ thiệt". Nhưng độc giả này thấy có một cái gì dữ... dữ... ở trong những câu đối thoại ấy. Riêng tôi thì không thấy có cái gì dữ... dữ... trong những câu đối thoại của CXH. Có lẽ vì tôi cũng là lính và cũng hay ăn nói và xài giấy bạc 500 hoặc 1,000 hơi nhiều. Tôi có hỏi CXH trong bài phỏng vấn và anh trả lời: "Chịu chơi? Sai rồi. Tôi không phải là một tay chịu chơi. Tôi chỉ là một thằng thích sự thành thật. Những mẫu đối thoại của lính, bất cứ là lính gì cũng đều có đệm những tiếng chửi thề cho nên khi viết lại tôi đâu có đạo đức đến độ không dám viết ra. Tôi chỉ lập lại. Còn tục hay không là tùy theo người đọc, và còn những tiếng chửi thề của chính tôi, tôi hỏi thật anh bạn khi tức giận anh bạn có chửi thề không có văng tục không? Kể cả những người tự coi mình là đạo đức khi tức giận có văng tục không? Hơn nữa tiếng chửi thề tôi không cho là xấu, nó chỉ là một "hùng dũng từ", một tiếng đệm của giống đực. Dĩ nhiên là đừng có lúc nào cũng muốn chứng tỏ là mình hùng dũng..."
Người lính như CXH chắc đời sống tình cảm "ngầu" lắm... CXH nói về mình: "Tôi nghĩ ra sao về tình yêu, tình dục? Anh hỏi bây giờ hay lúc bàn tay tôi còn mò trong poncho? Tình yêu là cái mẹ

gì đối với một thằng lính tác chiến? Dĩ nhiên là loại trừ những tay đã có người yêu từ trước khi về TQLC. Anh thử nghĩ mỗi năm được về phép bảy ngày thấy một cô gái chưa kịp làm quen đã hết phép thì yêu thế chó nào được và con gái thành phố thời đó hầu như thích cặp kè với lính "thứ dữ" chỉ để đi bát phố rước đèn chứ đâu phải để yêu thương. Có bao nhiêu người con gái đã yêu thứ người cả năm mới gặp một lần rồi sau đó đợi "ngày mai đi nhận xác chồng" đâu. Còn tình dục, cũng vậy thôi. Khi về phép thì kiếm chị em ta còn khi hành quân thì... với chị năm..."
Tôi nghe câu trả lời của CXH lại nhớ đến câu thơ Nguyễn Bắc Sơn chợt nảy trong trí óc:
"Nếu mai đụng trận may còn sống.
Về ghé Sông Mao phá phách chơi.
Chia sớt nỗi sầu cùng gái điếm.
Đốt tiền mua vôi một đêm vui.
Ngày vui đời lính vô cùng ngắn..."
Viết về chiến tranh có rất nhiều tác giả và tác phẩm. Một số nhận xét về Tháng Ba Gãy Súng có chút gì tương tự với một vài danh tác mà tôi được đọc. Nếu nói là so sánh thì không đúng, nhưng đó chỉ là một vài liên tưởng. Đọc Hemingway, đọc E. M. Remarque, đọc Phan Nhật Nam tôi đã hỏi CXH thì Huy nhận xét: "Chiến tranh giống nhau. Sự cực khổ giống nhau. Sự sợ cái chết giống nhau. Thằng lính giống nhau. Nhưng mỗi cuộc chiến mỗi khác. Nhân vật của Hemingway và Remarque có những cấpchỉ huy không giống với cấp chỉ huy mà chúng ta đã có. Còn Phan Nhật Nam ông ta viết từ một cái nhìn ở nơi cao hơn chỗ ông ta viết. Và cao hơn chỗ tôi được biết"
Có lẽ đó chỉ là nhìn ở một góc cạnh thôi và nếu muốn đầy đủ thì phải "tản mạn" nhiều hơn. Riêng tôi, tôi có một chút đối chiếu giữa Tháng Ba Gãy Súng và Nỗi Buồn Chiến Tranh, giữa CXH và Bảo Ninh. Tiểu thuyết Nỗi Buồn Chiến Tranh của Bảo Ninh, một nhà văn trong nước nổi tiếng. Cả hai, CXH và Bảo Ninh đã nhìn chiến tranh với đôi mắt quan sát và suy tư khác nhau. Bảo Ninh tham dự cuộc chiến của một người trẻ lớn lên từ chế độ XHCN và tuy có lúc suy tư đi ngoài những quy định bắt buộc. Văn chương ông có lửa, có ghi chép lại sự thực nhưng là sự thực được đãi lọc. Và cái nhìn của Bảo Ninh về người lính VNCH giống y như trong tuyên truyền, nhiều hận thù, nhất là khi viết về những người lính thám báo hoặc kể lại sự chống cự mãnh liệt của người nữ quân nhân VNCH ở Ban Mê Thuột. Còn CXH, thì nhân bản hơn và trong Tháng Ba Gãy Súng đã phác họa đúng một chân dung người lính chiến đấu VNCH. Sự thực được kể lại thành thực trong hồi ký có lẽ khả tín hơn trong tiểu thuyết với hiện thực và hư cấu tạo thành...
Còn với, "Vài Mẩu Chuyện"? Tôi nhìn thấy chân dung một người lính rõ ràng hơn. Nói là kiếp nhân sinh của một người mặc quân phục như lối nói của Trần Như Hùng cũng là một nhận xét đúng. Chuyện ở tù Cộng Sản. Một chút. Chuyện được tha trở về. Một chút. Chuyện sang sống lưu lạc xứ người. Một chút. Chuyện chiến đấu thuở xưa. Một chút. Tất cả những một chút ấy trở thành nét phác họa, tưởng là mờ nhạt nhưng lại là những nhát dao giải phẫu đến tận cùng những kiếp nhân sinh, tuy là chuyện riêng của CXH nhưng cũng có thể chung của nhiều người trong chúng ta. Những chuyện ấy, đã quen thuộc nhưng không thành tầm thường. Bởi vì, phảng phất ở đâu đó, những nỗi niềm mang theo, những chua chát lắng sâu trong ngày tháng của những cuộc đời trôi nổi theo thời thế. Và, sâu hơn nữa, là những thoáng hy vọng về tình người, dù ở trong hoàn cảnh nào cũng thắp sáng được phần nào những biến cả u trệ đen tối...
Cao Xuân Huy viết ngắn lời nhưng dài ý. Những câu đối thoại ngắn cụt lại bất ngờ chuyên chở những liên tưởng lạ. Hãy đọc thử một truyện ngắn chỉ dài chừng hơn hai trang giấy. Truyện ngắn "Trả lại tiền". Ngôn ngữ quen thuộc của đường phố. Ba nhân vật. Gã. Ả. Và tên dân phòng. Cùng vài khúc đối thoại ngắn. Thế mà, tả được tình đời, nói được tình người. Một cuộc mua dâm nửa chừng. Đáng lẽ, phải là chuyện trụy lạc, chuyện xấu xa xảy ra hàng ngày trên đường phố của một xã hội đang xuống cấp, của những cuộc đời tàn tạ. Gã. Người tù cải tạo được tha trở về thành phố. Ả. Cô gái điếm hạng bét nghèo khổ. Và người dân phòng, người đóng vai thông cảm. Cả ba, trong một vở kịch của đổi đời. Tự nhiên tôi nghĩ đến nhân vật đôi

vợ chồng trong một truyện ngắn trong tập "I am đàn ba" của Y Ban. Cũng làm tình vụng trộm trên đường phố. Nhưng ở Cao Xuân Huy, thấy ngấm hơn và cảm hơn mà lại xúc động mạnh hơn. Theo tôi, đó là một truyện viết của CXH, thực mới dù chỉ là chuyện cũ thường ngày. Viết tự nhiên, không cần kỹ thuật, không cần ẩn dụ. Hữu chiêu hay vô chiêu, có kỹ thuật hay không, tôi dường như không cần chú tâm tới. Chỉ biết, qua hai trang tôi cảm nhận được tình đời và tình người... Gián tiếp nhưng sâu sắc. Không thấy bóng dáng của cầu kỳ hoa mỹ, của làm dáng trí thức. Nói thẳng băng, viết đơn giản, có lẽ đó là một cá tính rất rõ nét của tác giả biểu hiện trong tác phẩm.
CXH viết về trại tù Cộng Sản. Với phong thái khinh bạc, nhưng lại đẫm chất xót xa của những người bị hạ thấp giá trị, mà chế độ cai tù đã dùng những đặc quyền đặc lợi xét ra tầm thường ở ngoài đời nhưng lại vô giá trong hoàn cảnh tù ngục. Những nhân vật như Toàn trong "Quyền tối thiểu", trong "Vải bao cát", trong" Cái lưỡi câu", hay Mạnh trong "Ngu như lợn", hay nhân vật xưng tôi trong "Miếng ăn", có thể là CXH nhưng cũng có thể là một trong những hàng trăm ngàn người tù nhân của Cộng sản. Chuyện tù ngục mang danh cải tạo thì nhiều lắm, kể hoài không hết mà cũng không đủ. Mỗi người một cảnh không ai giống ai, nhưng đều có một chút biểu tượng chung của một thời thế chung.
Miếng ăn là miếng tồi tàn, nhưng ở trong tù lại là những điều vĩ đại. Cũng như chuyện ăn ngủ của vợ chồng cũng bị đem hạ giá thành một đặc ân để không chế những người tù. Và, những người trong âm thầm đã từ khước nó, bởi không thể đặt mình xuống ngang hàng với một sinh vật thèm ăn khát uống ham mê nhục dục được...
Đọc "Vài mẩu chuyện", tự nhiên tôi thấy đời sống mình cũng như có điều gì gửi gấm vào trong đó. Kỳ lạ, có phải là tâm cảm chung của những thằng lính không? những mẩu số của một thời thế "chó chết" của những con chốt thí của cuộc cờ tàn chiến tranh. Nội Chiến? Chiến tranh ủy nhiệm? Chiến tranh giữ nước bảo vệ tự do? Chiến tranh giải phóng? Những danh từ "chó chết" của những cai thầu chiến tranh, của chũ nghĩa Mác Lê Nin buôn xác người... Dù không muốn bấm cò súng nhưng vẫn phải bắn, không chọn lựa chiến tranh nhưng vẫn phải lao vào lửa đạn. Tâm sự ấy, chung hay riêng, của những người muôn năm cũ đang lưu lạc trong cuộc thế ngửa nghiêng bây giờ...

Tháng ba, ngó lại

Lưu Na

(...nhân đọc Tháng Ba Gãy Súng Của Cao Xuân Huy)

1 Tháng Ba là một tháng vô duyên trong 12 tháng của một năm. Không lễ hội không sắc màu, tháng Ba chỉ có cái nóng. Mà khi đã ra nước ngoài ngó lại, tháng nào của Việt Nam mà chả nóng. Vừa nóng vừa mưa, nhưng tháng Sáu có phượng thắm đỏ với những hàng lưu bút xanh dòng trên trang giấy trắng. Mùa hè đến, bao nhiêu là chuyện để làm để chơi. Ghi tên học Toán Lý Hóa Anh văn. Học bơi ở hồ Nguyễn Bỉnh Khiêm. Đến sân Phan Đình Phùng coi bóng rổ học thể dục. Tha hồ mặc áo thung quần jean đi dép da, sơ mi quần tây sa-bô, tạm quên đồng phục trong ba tháng. Sau một ngày vất vả ngược xuôi buôn bán, tối về đạp xe qua nhà bạn tán dóc, mượn truyện về xem. Khi đã vào đại học, tháng Bảy đi xi nê về dưới mưa có nụ hôn ướt át vụng về mà say lòng son trẻ.

Hè chưa kịp nhìn thì đã tựu trường. Xôn xao thời khóa biểu. Lục đục sách giáo khoa, giấy mực dụng cụ học đường. Lồng đèn xanh đỏ Trung Thu cất lúc nào cũng chẳng biết. Rồi là kiểu quần nào mới phim nào hay. Lá me đường Trần Quí Cáp đã xanh ngắt vòm cây sau mùa mưa. Mộng mơ chờ thư bồ gửi đến hộp thơ của trường khi đã vào đại học. Chớp mắt đã thấy mình đi trên đường Lê Lợi tìm mấy cái thiệp Giáng Sinh tí hon tặng bạn bè. Rồi năm mới mơ mộng mới. Khi ngồi cắt râu củ kiệu rửa rổ dưa hành thì Tết như đã qua rồi mà ngày chưa thực đến.

Tháng Ba, có chi để nhớ. Mình nghĩ chỉ ai có sinh nhật trong tháng đó mới nhớ đến tháng Ba. Và một người lính không sinh tháng Ba. Không sinh tháng Ba nên chỉ nhớ một tháng Ba năm ấy. Tháng Ba năm ấy của người lính ấy, ra sao?

2. Mười năm sau khi hai chân đã đứng được trên xứ người thì bắt đầu thương nhớ. Nhớ mẹ cha anh chị em bè bạn. Nhớ mái nhà góc bếp hè xưa. Thương thân mình như cọng ngò bị bứt rời góc vườn nhà đem vùi trên xứ lạ. Trong nỗi thương nhớ mình tìm đọc những quyển bút ký chiến trường xưa. Đã thương thân giờ thêm nỗi thương những người lính vô danh đã chết cho mình cho quê hương mà giờ mình mới biết thương tưởng. Rồi là nhận định, phân tích. Rồi là tự bạch tự minh tự nổ tự thuật. Bút ký chiến trường tha hồ được trưng dẫn bán buôn khi tác giả vẫn tù mòn lưng trong hầm kiên giam. Tưng bừng thương nhớ xót xa. Hân hoan đội mũ cho nhau. Sôi sục. Người lính vô danh không có lời. Điên tiết. Và người lính không sinh tháng Ba ấy viết lại tháng Ba của mình. Viết như nhìn lại mình và nói với đồng đội mình những người đã chết, rằng chúng ta không phải là anh hùng nhưng chưa bao giờ hèn, bại chứ không hàng. Viết để nói với mọi người rằng chúng tôi đã chiến đấu như thế đấy, và đã bị bỏ rơi như thế đấy. Vết thương chiến tranh chưa kịp khép đã lại banh ra toác hoác đỏ lòm. Rõ ràng mình là kẻ vô can mà nỗi hận chiến bại sao như quấn ruột. Nhắm mắt lại, tháng Ba vô duyên, tháng Ba năm ấy của người lính ấy, thôi hãy qua đi…

3. Hơn ba mươi năm sau, ghé thăm quận Cam tình cờ mà đụng người lính tháng Ba. Quen cũ chiến trường xưa, họ gặp nhau thật hân hoan rộn rã. Diện ăn có đi theo ngồi chung bàn tha hồ mà nghe mà quan sát người của tháng Ba. Mắt đã đục, tóc đã phai thưa, nhưng lưng còn thẳng và giọng cười còn sảng khoái. Bọt bèo đôi chuyện văn chương chữ nghĩa, dóc lác mua vui chuyện thiên hạ sự, và rải rác đó đây những mảnh đời chinh chiến xa mờ. Sao như có gì lấn cấn. Người lính ấy, và tháng Ba năm ấy, ra sao? Cũng tới lúc mình nhìn lại vết thương cũ quên đi giận hờn mà trả nỗi buồn chiến bại về với quá khứ. Rụt rè thong thả, mình dở lại từng trang tháng Ba xưa. Một trăm ba mươi trang sách nhỏ, cũng không nhiều. Điểm đáng chú ý đầu tiên là khác biệt lớn lao trong giọng văn.
Lời tựa chất chứa những bực bội giận hờn uất ức, giọng văn cay đắng mang chút nghiệt ngã lộ cái thương thân xót đồng đội bỏ mình oan uổng vì những cấp chỉ huy bất xứng và những quyết định vô lý. Trả lời phỏng vấn cuối sách thì có giọng bất cần thách đố, như một quả lựu đạn đã rút chốt sẵn chờ, ai đó rủi ro xấu số mà trúng phải thì đừng than trách. Đầu và cuối sách đầy những cuồng nộ cảm xúc, nhưng những gì kể lại bên trong thì thật giản dị bình lặng. Sự việc được kể thứ tự, đó đây kèm những nhận xét, xúc cảm, suy tư. Không thiếu lời mỉa mai than trách, nhưng mọi thứ đó được viết xuống như một ghi nhận thẳng thắn không cường điệu lên gân. Rất khác biệt, nhưng có lẽ bình thản là điều tác giả đã tự giới hạn mình để đạt mức trung thực tối đa cho những dòng hồi ký với lời khẳng định trách nhiệm. Vẫn là cung cách một quân nhân, một cấp chỉ huy dù thấp nhưng thực thụ và trọn trách nhiệm.

Điểm đáng chú ý thứ hai là cách người ấy kể lại câu chuyện. Không viết văn chương không làm dáng chữ nghĩa. Chữ giản dị lời ngắn gọn cách kể chuyện thong thả. Không khó đọc nhưng đọc phải suy nghĩ. Viết thong thả đâm ra đọc cũng phải thong thả, không thích chuyện chiến tranh dễ bỏ qua chi tiết. Mà chi tiết là tất cả mà người ấy muốn ta thấy, không đưa ra tình cờ.
Và đứng chỗ nào để kể. Không phải là tự thuật về mình với mọi diễn biến xoay quanh “tôi”, cũng không phải là tường thuật của người đứng đó tai nghe mắt thấy những quyết định những phản ứng những tình huống đã diễn ra quanh mình nhưng không thực sự tham dự. Bút ký này của người trực tiếp tham dự đứng ra ngoài ghi lại. Chút khác biệt đó tạo nên cái vừa sôi động vừa lạnh lùng, đưa ra một góc cận ảnh của bức tranh lịch sử mà tìm trong đó thấy có “tôi”.

4. Tháng Ba của người lính ấy thật ra chỉ 11 ngày. Nửa đầu quyển sách là nhật ký hành quân giản lược của 10 ngày, mở ra với vài ngày tiên khởi của một cái vòng luẩn quẩn, tiến dần đến

việc từng ngày, rồi từng giờ từng lúc. Cái vòng luẩn quẩn bắt đầu khi đang tự gia hạn phép lại tìm mọi cách trở ra tuyến đầu cùng đồng đội đang đụng trận. Từ nơi tuyến đầu ấy lại cùng đồng đội vượt sống chết để về lại chốn mình vừa từ chối vì không muốn là một người lính hèn. Mười ngày ấy là một đời binh lửa, ghi lại cái chết thật anh hùng mà cũng thật vô danh của đồng đội, cũng là luật chơi của cuộc chiến - không tao thì mày, chúng ta trả giá cho chỗ đứng của mình bằng máu.

Ngày sau cùng, chiếm nửa sau quyển sách, là ngày người lính trưởng thành và tốt nghiệp trường đại học làm người, người trai thời loạn. Cái vòng luẩn quẩn đứt khúc giữa đường, và sau năm năm tù người ấy mới về lại đến nơi đã khởi hành. Một ngày dài như một kiếp người. Bao kiếp người. Người lính người dân bị bỏ lại trên đường tháo chạy như một đống rác khổng lồ. Năm tháng đã qua, đúng hay sai và chính xác cỡ nào thì đồng đội còn sống có thể xác minh hay bác bỏ. Oan hay ưng, những người được nhắc đến nhiều người vẫn còn đây. Khi vết thương chiến tranh còn nóng hổi thì việc từng ngày từng giờ từng lúc sẽ làm sôi động tâm can và lòng người ta sẽ cảm xúc theo từng cái hoang mang thê thảm của đoạn đường tháo chạy ấy. Nhưng khi thời gian đã làm mờ phai cảm xúc, những bức cận ảnh đó là những chứng cứ hào hùng, và đau thương, với đầy đủ thân phận con người (không như những câu chuyện anh hùng phi nhân bịa đặt) ghi lại những ngày binh biến cuối của Việt Nam Cộng Hòa.
Có bức hình ghi lại "đống rác" dân và quân trên đường tháo chạy bị dập vùi trên sóng nước. Sóng tung cuốn dập vùi rồi lại tung cuốn dập vùi. Mạng người như những cọng rác không hồn trên sóng. Có bức hình ghi lại cảnh hỗn mang với bản năng của loài thú sống dậy trong từng người trong cuộc tranh sống sau cùng. Đủ mọi cách tranh sống và đủ mọi kiểu chết.
Có bức ghi lại cái hoang mang cùng cực và nỗi tuyệt vọng tràn lan như bệnh dịch với vòng tự sát bằng lựu đạn mau dần và to dần rồi gói vào một tâm điểm lạnh ngắt: Phước râu đòi tự tử vì "tụi nó tự tử nhiều quá," và Khải máy đồng tình vì "mình chạy như vầy để làm cái gì…"

Bức vẽ lại mình và đồng đội càng thú vị. Những người lính ba gai với đủ mọi tật xấu đủ mọi trò cà chớn ma le được nhắc đến một cách oang oang thẳng thắn không vòng vo giấu diếm. Lạ là kể xấu nhưng thằng bị kể và người nghe không có gì để hổ, chỉ làm đậm rõ tính người và làm cho những mất mát của họ đáng trân trọng; trong khi có nhiều lời khen tặng mà đọc phải thấy ngượng cho người viết và người được khen. Những người lính hèn mọn ấy trong cơn tuyệt vọng tìm lẽ sống không bỏ bạn bỏ ông thầy. Những lúc chạy chết lạc nhau thì ba thằng "cao bồi" luôn đi tìm ông thầy. Bưởi luôn đỡ lưng và Khải máy lấy thân mình che cho 520 nương chạy, các đại bàng đã tung cánh bay xa. Họ, những người hèn mọn ấy, nếu biết truyện Tàu sẽ như Đơn Hùng Tín than rằng "hậu lâm nguy bất kiến chỉ huy." (Xin quí vị còn ở lại với lính nhận lời tạ lỗi và tri ân của kẻ dân hèn.) Bị bắt tới nơi, trò xúi thầy chối trách nhiệm chỉ huy để còn được ở tù chung mà lo cho ông thầy. Chỗ này chợt nhớ phim "The last emperor" vua Phổ Nghi bị Cộng Sản Trung Hoa thảy vào tù. Trong tù vẫn có đệ tử trung thành đưa bàn chải kem đánh răng phục vụ, lấy cơm, v.v… dĩ nhiên chúng lôi đi chứ đâu để cho yên. Các anh em dù có xấu cũng không có gì để hổ, không hùng gì hơn ai nhưng chắc chắn không hèn.

Với mình và với nhau thì vậy. Với cấp chỉ huy bất xứng và lệnh vô lý đưa anh em vào chỗ chết, Huy râu ứa nước mắt thương anh em chết oan, uất hận mình đứng đó mà không cứu được đồng đội. Huy mập thoát chết không mừng mà khóc rống vì tức tối. Buồn cười. Cười rồi buồn.
Còn với kẻ thù? Được làm vua thua làm giặc. Những người lính hèn mọn ấy nói "bắn thì bắn…" nhất định không làm hàng binh. Không những vậy, thua trận vẫn chưa bỏ cuộc: bị bắt xỏ xâu chưa vào tù thì thầy đã tính kế vượt thoát cùng trò, đâu dễ dàng chịu bó tay. Dù chọn binh nghiệp hay bị cái ách chiến tranh nó quàng vào cổ thì khi ra trận các anh em vẫn đánh đến kẻ thù phải khiếp danh. Trang 108 và 109 là những hình ảnh chiến đấu oai dũng xuất sắc, và là những dòng xuất sắc. Trang 108, Trâu Điên kẹt sâu trong vùng địch thì lệnh cho Kình Ngư vào giải vây nhẹ như bông gòn: "ông đem con cái vô đó!

Quân giặc bạt ngàn như kiến cỏ
Gươm thần lồng lộn gạt trường thương…
(Vô Ngã)

Trâu Điên "vẫn tả xung hữu đột chiến đấu như đang thực tập một bài chiến thuật trong quân trường." Khi bắt tay được với Kình Ngư vào giải vây, các anh em chỉ một lời: "đánh giặc đã quá ông thầy." Bao máu xương mất mát, bao sinh tử cận kề mà chỉ một lời như vừa chơi xong một trận tranh tài football hay basketball, vòng loại. Các anh, đã thật.
Trang 109 là một bức tranh vẽ ra cái hào khí khốc liệt trong thinh lặng lạnh lùng. Các anh Hắc Long cùng đường vẫn chiến đấu dai hơn "đỉa". Không mũ không giầy không giáp, vẫn "vừa đánh vừa cười nói bô bô." "Chết sớm dzậy mảy," anh khác tiến lên, ngã xuống, lại anh khác tiến lên…Người đánh quên mình và người chứng quên thân.

Đại trượng phu không hay xé gan bẻ cật phù cương thường

Không đao to búa lớn vậy nhưng điều thực đã hơn vậy, hai chữ hào hùng thường đã bị lạm dụng. Cô nhi quả phụ của các anh Hắc Long, xin hãnh diện. Người lính tháng Ba với những dòng chữ đơn sơ ngắn gọn đã làm rực sáng những nét kiêu hùng.

5. Tháng Ba, cái "tôi" không phải là trọng tâm dù được nói đến. Nhưng bóng dáng người viết vẫn từ từ rõ nét. Những bút ký chiến trường xưa in dáng vẻ một người lữ khách cô đơn. Dẫu chiến đấu cùng đồng đội hay đơn độc qua các mặt trận các chiến trường, người ấy vẫn cô đơn. Một ba lô một điếu thuốc - người bạn thiết thân của lính, người ấy nói lên lẽ thật tuyên xưng cái thiện và nêu lên biết bao những nét hào hùng của người lính. Mà vẫn có bóng dáng cô đơn, vẫn có cái vẻ nặng nặng buồn buồn của những cánh chim trên phá Tam Giang, có cái giọng ai oán của người dân Quảng Trị. Ít khi người ta hút chung một điếu thuốc.

Trong tháng Ba thấp thoáng bóng dáng anh hùng Lương Sơn Bạc, sống cùng đồng đội và trong vòng tay đồng đội. Rượu say khà một tiếng quên hết sự đời. Trốn phép thì sáng xỉn chiều say. Hùng hục về tới đơn vị, nhậu. Đi tăng phái, nhậu. Đêm rải tuyến, nhậu. Chạy qua cầu Tràng Tiền ngó lại lần cuối, cũng nhậu. Thoát chết lên bờ, ờ thì nhậu. Ngồi giữa chợ mà nhậu, mà bàng quan thiên hạ sự. Không mấy khi người ta nhậu một mình. Nhậu, và cười. Cười quan bóp cổ cười lính anh hùng cười dê cỏn buồn sừng cười mình xua lính đánh giặc mồm. Gieo Thái Sơn nhẹ tựa hồng mao. Lương Sơn Bạc, nhưng chỉ là thư sinh lớn gan đi đánh giặc. Không biết lớn gan vì uống hay vì uống mà lớn gan, nhưng đánh giặc thì làm được trung úy cũng phải thôi. Sức đâu mà chạy như lính mà bay xa như quan. Moi năm ba cái lỗ tí hon thì được, chứ hố cá nhân thì lính nó phải đào giùm, có chết chỉ cần lấp cát. Cái lấn cấn khi gặp người của tháng Ba đã rõ. Thật ra anh đã chết rồi tháng Ba năm ấy.

Ai đi Tây Tiến mùa Xuân ấy
Hồn về Sầm Nứa chẳng về xuôi.

Anh đã để lại hồn mình. Nghe nói chuyện thấy ngờ ngợ. Đọc xong tháng Ba hóa ra có chỗ mình chưa đọc đã biết vì chính là đời anh gói lại đó đây. Gấp sách lại, tưởng như anh đã đóng nắp hầm cho những anh em chọn ở lại, đắp mặt cho những anh em phơi thây, và hứa một chỗ cho mình. Tưởng như anh muốn nói - không chung số nhưng đồng phận, chúng ta đã sống trọn phận mình; tụi bay chờ, tao tới; anh em, chờ tôi với, 520 rồi sẽ đến.

Tháng Ba, thôi quên đi…

Những trang văn xuôi lương thiện và giản dị về con người

Nguyễn Xuân Hòang

(Bạt của Nguyễn Xuân Hoàng cho Tháng Ba Gãy Súng – ấn bản đầu tiên)

LTG: Sau cuốn Tháng Ba Gẫy Súng ấn hành năm 1986, mùa hè năm nay Cao Xuân Huy vừa cho ra mắt tác phẩm thứ hai: cuốn Vài Mẫu Chuyện. Trước đó Huy đã gửi cho tôi pdf cuốn sách mới của anh và mấy tuần sau, trong ngày Đại Hội Thuỷ Quân Lục Chiến tổ chức tại San Jose, Huy đã mang theo bản in giấy cho tôi. Chúng tôi gặp lại nhau cùng với Trần Như Hùng, một bạn thân của Huy thời Thuỷ Quân Lục Chiến từ Úc qua cùng tham dự đại hội với Huy. Trong bữa gặp riêng, tôi gọi rượu nhưng Huy không uống, chỉ có Hùng, tôi và một bạn khác của Huy cạn ly thôi. Huy nói bác sĩ cấm anh uống rượu từ lâu rồi. Và Huy cho biết anh không còn khoẻ như xưa. Tuy vậy, tôi thấy Huy vẫn bình tĩnh, cười nói, như không có gì xảy ra cho anh. Cao Xuân Huy vốn là người can đảm và nhìn đời bằng một cái nhìn lạc quan – ít ra lạc quan và bình tĩnh hơn tôi nhiều. Tôi nói với Huy trong tập sách mới này tôi muốn viết về truyện Hành Phương Nam của anh. "Tại sao Hành Phương Nam mà không là truyện nào khác?" Tôi nói với Huy: "Chờ đó, rồi tôi sẽ cho cậu biết tại sao tôi thích truyện này." Nhưng tôi chưa thực hiện lời hứa với Huy thì anh đã ra đi.
Xin gửi đến các bạn lời bạt tôi đã viết cho Tháng Ba Gẫy Súng, tác phẩm đầu tay của Cao Xuân Huy. Tôi muốn nói với Huy lời xin lỗi. Tôi vẫn còn nợ Huy một lời hứa.

***

Cuối tháng Giêng 85, cùng với một số đồng bào may mắn muộn màng khác ở đảo Bataan, chúng tôi có tên trong danh sách rời trại tỵ nạn Phi Luật Tân, lên đường đi định cư ở một thành phố miền đông bắc Hoa Kỳ, nơi tôi sẽ được gặp lại cô em út sau mười năm xa cách.
Cảnh vật mùa Đông ở Springfield đẹp mà buồn. Cây cối trụi lá trơ cành khẳng khiu in mờ nhạt trên một bầu trời xám xịt. Mặt đất phủ đầy tuyết trắng lạnh giá. Tuy vậy, tôi còn nhớ rõ trong lòng tôi tràn ngập một niềm hạnh phúc ấm áp. Giờ đây khi bước sang mùa Đông thứ hai, tôi nghiệm thêm một điều là không phải bao giờ tuyết cũng trắng sạch, cũng đẹp đẽ và cũng thú vị như cái cảm giác tôi đã có trong những ngày đầu. Dù sao, đó sẽ lại là một chuyện khác.
Tôi muốn nói, chính trong những tháng ngày thong thả tạm thời này, tôi có một niềm vui là được đọc những trang viết đầu tay của một tác giả mà tôi chưa hề quen biết: Tháng Ba Gãy Súng của Cao Xuân Huy.

Tháng Ba Gãy Súng. Hình như tên gọi của truyện kể là điều trước tiên lôi cuốn tôi. Tựa đề của một cuốn sách vốn đơn giản. Tháng Ba Gãy Súng là sự đơn giản quyến rũ. Tháng Ba là tháng thọ nạn của miền Trung, khi cơn lốc đỏ từ miền Bắc lao xuống địa đầu của chúng ta. Phải một thời gian sau nữa nó mới đổ ập tới Sài Gòn yêu dấu cái Tháng Tư Đen hãi hùng và thống khổ.
Cao Xuân Huy đặt câu hỏi: Ai đã bẻ gãy súng của quân đội ta, những người lính dũng cảm, có thừa mưu trí và kinh nghiệm chiến trường? Ai đã làm cho người lính chúng ta bó tay, khi súng còn đó mà đạn đã hết ở trong nòng?
Tác giả cho thấy bên dưới những người và việc là sự mất niềm tin của người lính trận trước một số cấp chỉ huy, những đàn anh "khả kính" đã dứt bỏ hàng ngũ trong cơn quẫn bách để chạy lấy thân, còn thì sống chết mặc bay!
Tháng Ba Gãy Súng vẽ lại cơn hồng thủy của một cuộc chiến không thương tiếc, phủ chụp và vùi dập số phận của cả một dân tộc. Trên bờ cát lạnh lẽo của biến cố, người ta nghe thấy tiếng động của những vòng xích sắt nghiến lạo xạo trên sọ người.

Đó là cuốn sách chứa rất ít nụ cười nhưng rất nhiều máu và nước mắt; niềm vui thì khô cằn mà đau thương và bất hạnh thì màu mỡ phì nhiêu; tàn bạo và căm hờn là bình thường nhưng dịu dàng và thuận thảo là điều xa lạ.

Chữ nghĩa trong Tháng Ba Gãy Súng giản dị, tự nhiên và trong sáng. Nhưng người đọc biết rõ một cách mười mươi rằng để có được những dòng chữ "tưởng chừng như dễ dàng" đó, Cao Xuân Huy đã phải trả một giá khá đắt: sự thách đố của anh với tử thần trong những đường tơ kẽ tóc để đổi lấy phẩm giá làm người. Có thể nói Tháng Ba Gãy Súng đã được viết bằng một trái tim nóng bỏng trước khi được gọt dũa và trau chuốt bằng một bút pháp nghề nghiệp. Nhưng điều này không hề làm hạn chế sức sống của tác phẩm.
Những ai ham đọc sách đều biết rằng các nhà văn lừng danh trên thế giới như Flaubert, Hemingway, Dickens, Tolstoi… đều đã viết bằng một thứ ngôn từ tự nhiên và giản dị.
Trong một lần gặp gỡ tác giả, tôi hỏi anh tại sao lại xếp Tháng Ba Gãy Súng vào thể loại Hồi Ký mà không là Truyện Kể hay Truyện Ký, Cao Xuân Huy trả lời "Bởi vì tôi đã không lồng vào đấy bất cứ một hư cấu nhỏ nào. Tôi viết lại hoàn toàn sự thật những điều mắt thấy tai nghe. Chỉ tiếc một điều là tôi đã không đủ khả năng để viết được tất cả những gì tôi cần phải viết."
Thật vậy, văn chương vốn cần hư cấu, nhưng hiện thực tự nó cũng thừa sự lớn lao và sâu sắc mà một trí tưởng tượng khiêm tốn đôi khi còn nghèo nàn và nông cạn hơn. Nói cách khác, hư cấu trong một tác phẩm tuy cần thiết, nhưng hiện thực bao giờ cũng là nền tảng để từ đó hư cấu có thể thành hình và đứng vững.
Chính cái hiện thực này đã khiến cho ngòi bút của Cao Xuân Huy có được cái sắc sảo đặc biệt, đồng thời cũng làm cho Tháng Ba Gãy Súng giữ được cái vẻ tươi mát nóng bỏng mà mọi thứ hư cấu rắc rối không sao đạt được. Và nghệ thuật của Cao Xuân Huy nằm ở chỗ làm cho tác phẩm của anh có được sức thuyết phục mạnh mẽ hơn cái nó vốn có trong thực tế.
Thích nhất là những mẩu đối thoại trong Tháng Ba Gãy Súng. Nó nguyên chất, nhưng không dư thừa và tầm thường. Nó chưa bị chảy qua cái máy lọc "văn chương triết lý" nào. Nó sống và chát. Và rất gần với chúng ta. Trả lời câu hỏi động cơ nào khiến anh viết Tháng Ba Gãy Súng, Cao Xuân Huy nói "Không ai là không quay lại nhìn chỗ mình vừa ngã, và cũng không ai là không quay lại nhìn đống phân mình vừa thải. Ngã là lỗi của chính mình và phân có thối cũng là phân của mình. Vậy mà tại sao cả chục năm nay vẫn không thấy ai dám quay lại nhìn cái lỗi đã làm cho mình ngã ngay trên đống phân của mình, ngoài những lời chửi bới và đổ lỗi cho người khác."
Tất nhiên câu nói của anh còn có chỗ phải bàn thảo lại, suy nghĩ thêm, nhưng ở đây trong khung cảnh đặc biệt của Tháng Ba Gãy Súng, câu nói đó có cách lý giải riêng của nó. Trước khi cầm bút viết lại những ngày tháng của lịch sử một trận chiến mà mình là một chứng nhân, Cao Xuân Huy đã là một sĩ quan chiến đấu thuộc một binh chủng lừng danh chiến trường mà mọi người chúng ta đều nghe tiếng: Thủy Quân Lục Chiến.
Chiến trường, sống và viết, Cao Xuân Huy có đủ những yếu tố đó để viết những trang văn xuôi nóng bỏng của mình. Cao Xuân Huy nói: "Đất nước ta đâu phải là một bàn cờ mà hễ đánh thua ván này thì xóa đi xếp quân làm lại bàn khác, mà tướng vẫn là tướng, quân vẫn là quân, đâu phải những con xe, con mã, con chốt đã chết đều có thể dựng đầu dậy để làm lại một trận đấu mới!" Những suy nghĩ đó của anh không hề có ý định dừng lại ở chỗ chỉ là những điều viết ra để ngẫm nghĩ.

Khi trang cuối của Tháng Ba Gãy Súng được gấp lại, người đọc hình như vẫn cảm thấy còn một điều gì đó chưa xong chưa hết. Cái dấu chấm hết của mệnh đề sau cùng vẫn còn là một lời hứa hẹn sẽ mở ra một trang sách khác.
Dù sao những hình ảnh tàn nhẫn và khủng khiếp, những nỗi lo âu và hãi hùng vẫn còn đọng lại trong ta. Vẫn còn đọng lại trong ta những địa danh, địa hình, địa điểm quen thuộc của một vùng đất quê hương khô cằn, cả thời tiết của đất trời mà da thịt ta vốn từng chịu đựng, và nhất là vẫn còn đọng lại trong ta hình ảnh những con người – trong đó có chúng ta – với số phận hẩm hiu

cô quạnh bị bủa vây trong cơn cuồng nộ của những biến cố bạo tàn… Tất cả những người và việc ấy chừng như mới xảy ra ngày hôm qua, vẫn còn luẩn quẩn đâu đây…
Với Tháng Ba Gãy Súng, Cao Xuân Huy đã viết được "những trang văn xuôi lương thiện và giản dị về con người", điều mà Ernest Hemingway gọi là "trên đời này thật không có gì khó khăn hơn".

Santa Ana, tháng Tư 1986

Chiến tranh nhìn từ nhiều phía
Minh Nguyện

Thư gởi nhà văn Cao Xuân-Huy nhân đọc lại Tháng Ba Gãy Súng

ngày..... tháng 8 năm 2004

Kính gởi nhà văn Cao Xuân-Huy,

Thanh-Liêm, Công-Nguyên ở Mỹ là bạn với Như-Hùng ở bên Úc, ba người này lại là những Trung đội trưởng cùng đơn vị với anh trong những ngày đất nước còn giặc giã tơi bời. Mùa hè này, ba người ấy đã gặp lại nhau và có ghé thăm ao bông súng nhà tôi, nơi cánh rừng nằm cạnh xa lộ 93, về hướng nam, cách thành phố Boston có hơn vài mươi dặm...
Bên cái băng bằng đá có bám chút rêu xanh, ba người lính cũ chăm chăm nhìn mấy ngọn giả sơn nằm bên bờ hồ róc rách dòng suối nhỏ, thả hồn về những năm tháng hành quân vùng địa đầu hỏa tuyến, tựa hồ chuyện mới hôm qua. Riêng với anh chàng Công-Nguyên, tôi có dịp quen biết lâu đến hơn sáu bảy năm rồi, và được xem lại những tấm hình mặc áo quần nhà binh ngày xa xưa ấy; nay anh đã trọng tuổi hơn nhiều nhưng vẫn phảng phất chút gì của cá tính bất cần đời, dù khi màu tóc trắng lấn sân khá hỗn trên mái tóc đen thưa thớt yếu dần...

Tôi được nghe họ nhắc tới anh rất nhiều, nhắc tới *Tháng Ba Gãy Súng*, nhắc về cách trả lời của anh qua cuộc phỏng vấn với Trần Văn Thủy trong *Nếu Đi Hết Biển* đăng lại trên talawas, nhắc về những ngày ở Houston (Texas) mới hồi đầu tháng bảy năm 2004 này, nhắc về hồi chuông điện thoại reo từ miền Nam nước Mỹ, nhưng vùng Đông Bắc Hoa Kỳ, nơi cánh rừng có ao bông súng nhỏ đang có vài bông trắng nhụy vàng vừa nở, có bụi chuối già hương vừa mới phát, bụi trúc Phật màu xanh xanh nghiêng bóng bên bờ hồ, vài gốc thiên tuế tuổi đời còn non, năm ba dề lục bình vừa nhú nụ hoa màu tím phơn phớt lợt, mấy cánh bèo tai tượng đang xanh màu, lác đác năm ba chòm u du (một loại đưng lác vùng nước ngập mà bên này người Nhật, người Tàu nơi các nhà bán cây cảnh thường gọi tên là"thủy trúc"), tất thảy những gì tôi có nơi đây nó mang đầy cái chất quê mùa mà tôi hằng nâng niu ấp ủ.... và tôi mãi mê săm soi những vật tưởng chẳng ra gì ấy nhưng đối với tôi là những người bạn tri kỷ một thời, và có lẽ suốt đời , nên tôi hụt mất một dịp để nghe Bùi Công-Nguyên giới thiệu tên anh trên đường dây viễn liên xa ngàn dặm.

Tôi là một người nhà quê rặt anh à! Rặt từ chân lông đến vết nứt bàn chân. Rặt từ mái tóc luôn tươm mùi khét nắng đến cái dáng quê mùa muôn thuở. Rặt từ giọng nói "cá rô" thành "cá gô." Rặt từ "co ro" thành "cò rò." Rặt từ con "cúm núm" chúng tôi ưa gọi tên "gà nước." Rặt từ lúc đi học trường làng chưa lần nào dám "cọp-dê" hay "đánh phép," nhưng biết sợ đòn mỗi lần thầy tôi mở sổ điểm danh. Và đặc biệt tôi rất sợ những bữa "cơm chùa" vào các ngày rằm, ngày vía lớn, vì người lớn làng quê tôi hay nhắc chừng "ăn cơm chùa lớn bụng." Còn nhiều đặc điểm

nữa mà không tiện thưa cùng anh vì không khéo mình lại đi xa về một loại hình tự vẽ chân dung mình qua những dòng chữ lê thê này...

Sở dĩ tôi tự giới thiệu một chút về tôi như vậy để anh thấy những gì hai anh Nguyên, Hùng kể lại với anh về tôi lúc các anh gặp lại nhau sau 30 năm cuộc chiến đã tàn là một sự thật, không thêm không bớt chút nào. Tôi mang niềm vui nhà quê tựa như anh lúc nào cũng mang trong tâm hồn mình niềm hãnh diện màu áo lính ngày xưa. Cái chất quê ấy dù hơn mười mấy năm sống ở đây, sao tôi thấy khó mà thay đổi được. Nó là cái chất rồi anh à! Đã thành máu thịt của mình. Và không ai làm thay đổi được cái chất đó dù có pha chế theo phương pháp khoa học ngày nay dưới bất kỳ dạng thức nào. Ví như
Tháng Ba Gãy Súng của anh, mấy năm trước tôi được Bùi Công-Nguyên giới thiệu tác giả là bạn của Nguyên, nó là cái chất của anh. Tôi đọc thử. Chưa thấy thấm.
Lúc ấy, có lẽ vì mới chân ướt chân ráo trèo qua những bờ bi, kinh rạch của dòng sống mới, nên trong bụng tôi còn lu bu cơm ghe bè bạn từ xứ sở quê nhà đang mang nặng bên hông, nên đọc như không đọc . Rồi sau đó khá lâu, khoảng vài ba năm, Bùi Công-Nguyên lại nhắc tên anh và *Tháng Ba Gãy Súng*, còn dặn “ông thử đọc lại vì có tui trong đó.”

Thật sự, lúc ấy tôi cũng chưa có hứng để đọc lại anh Cao Xuân-Huy à! Vì một lẽ, tôi chưa thanh thản tâm hồn, đời sống với nhiều vật lộn, nên tôi cứ tự hứa với mình là sẽ có ngày rồi mình sẽ đọc. Và một lẽ khác là tôi quá sợ chiến tranh. Chiến tranh dù dưới bất cứ danh nghĩa nào tôi cũng sợ ráo trọi. Cuốn sách của anh là một phần còn sót lại của cuộc chiến hôm qua mà tôi còn hãi hùng. Nói gì cho xa xăm, sự có mặt của tôi và hằng triệu người khác rải rác khắp hoàn cầu, trong đó có các người bạn của anh cùng gặp lại tôi giữa cái nắng mùa hè khá nóng nơi này, cũng là do hậu quả của chiến tranh đó mà! Các anh ấy kể về những ngày trẻ dẫn lính qua những bãi chiến năm xưa. Còn tôi thì lại nhớ về những cánh đồng, ao vũng, đìa bàu nở đầy những bông hoa ngát thơm hương đồng nội cỏ. Chỉ riêng có mỗi cái là được sống theo sở thích thôi, đâu phải dễ, phải không anh? Vả lại, tôi nghĩ đâu có gì gấp gáp cho bằng manh áo miếng cơm nơi xứ xa lạ cảnh, lạ người này... Và rồi tôi có đọc lại thật, nhưng vẫn chưa thấy thấm được bao nhiêu...
Đến mấy tháng gần đây, khi tuổi tôi lại già theo năm tháng, tóc bạc màu pha chút nắng hanh vàng, và da nhăn tóp với nhiều chấm đen da mồi điểm xuyết trên gương mặt khô cằn, như một dịp nhớ về 30 năm trước, lúc trận chiến sắp tàn, tro than cũ giờ chắc cũng tàn theo năm tháng, và bụi thời gian đã chôn chặt những ký ức lại chồng chất dày thêm, tình cờ tôi mới mò vô talawas, và lại thấy đứa con của anh đang giỡn nơi căn gác hẹp ấy. Và tôi bắt đầu lại từ đầu, tò mò đọc những dòng chữ của anh liên tục cả tuần. Nhưng thú thật với anh, tôi chưa dám có ý nghĩ gì về đứa con mà anh cho rong chơi trên đó, chỉ rù rì với Bùi Công-Nguyên trong những bận chúng tôi cùng làm cu-li với nhau ở một hãng in giấy bên ngoài thành phố. Lúc bấy giờ tôi mới hỏi Nguyên:
“Ông nghĩ sao về Cao Xuân-Huy?”
Nguyên không phải suy nghĩ: "Cao Xuân-Huy là bạn tôi.”

Không. Tôi không có ý hỏi như vậy. Mà tôi muốn hỏi ông về*Tháng Ba Gãy Súng* của Cao Xuân-Huy?
Trong tiếng máy đóng sách chạy rầm rập, chúng tôi cùng làm việc chung trong dây chuyền bỏ giấy vào các hộc máy và nương theo tiếng máy chạy inh tai ấy mà bàn về cuốn sách của anh. Thú thật, tôi nói với Nguyên là tôi biết sợ Cao Xuân-Huy, sợ cái dũng và sợ cái tài kể chuyện bằng những trang chữ viết. Tôi không nghĩ anh là nhà văn như nhiều người vẫn thường có thói quen hễ ai có viết sách đều là nhà văn. Tôi không tin những người viết sách thể tất là nhà văn. Tôi luôn luôn nghi ngờ về điều ấy. Vì nếu anh là nhà văn, có lẽ văn của anh chưa chắc đã hay đến thế, nhất là những câu đối thoại từ đầu đến cuối.

Tôi xin mở thêm ở đây một dấu ngoặc để hỏi anh một chút về điều này. Tại sao các tác phẩm đầu tay của các nhà văn bao giờ cũng là những tác phẩm để lại nhiều dấu ấn trong lòng người đọc?
Theo tôi, sở dĩ có hiện tượng ấy là vì các tác giả khi bắt đầu viết những dòng chữ đầu tiên ấy, là lúc họ chưa phải là nhà văn. Về sau này khi trở thành nhà văn rồi, họ không còn hấp dẫn nữa là vậy. Một người con gái đẹp trời cho cái nét đẹp tự nhiên với dáng vẻ bình thường, nó đẹp gấp ngàn lần khi phải qua nhiều cuộc phẫu thuật thêm môi thêm mắt. Văn chương là một sự trau chuốt nhưng không phải sự trau chuốt nào cũng làm cho những tác phẩm của các tác giả trở nên hấp dẫn và giá trị.

Chắc anh sẽ cười tôi nói sao mà lạ quá vậy. Anh thử chiêm nghiệm lại xem, trong giới văn chương mà anh có nhiều cơ hội hơn tôi nhiều, anh đã tiếp cận trong suốt mấy mươi năm trời nay, có tác giả nào viết được những câu đối thoại giống như anh không? Hay chỉ là lối đối thoại rặt màu văn chương hư cấu, gượng ép, cầu kỳ và nhiều lúc còn tệ hại hơn nữa là nó giống như đôi đào kép đang yêu nhau trên sân khấu với túp lều tranh hai quả tim vàng từ đời năm thìn bão lụt... Tôi nói thật đấy! Chỉ nội cái mục đối thoại thôi, nếu anh là nhà văn thứ thiệt, chắc anh cũng không thoát khỏi cái lối mòn trau chuốt những lời nói vô duyên nhất trong văn từ của mình... Tôi không rành về nghệ thuật viết văn nhưng tôi biết chắc văn đối thoại là một trong những câu văn khó viết vô cùng. Có lẽ vì thế mà tôi hay nghĩ ngợi văn hay là văn viết như thật. Về phương diện văn chương tôi không dám lạm bàn thêm đứa con của anh, vì dường như ai ai cũng biết nó và ai ai cũng biết anh là người khai sinh ra nó. Phần này đã có các nhà phê bình văn học đầy tài năng và một bụng lý thuyết họ sẽ lo. Và bây giờ nghe đâu anh lại là chủ biên một tờ báo *Văn-Học*, được nhà văn Nguyễn Mộng-Giác vừa chuyển giao, tôi lại càng nên tránh nói về đứa con của anh trên phương diện văn chương nghệ thuật. Không khéo lại làm trò cười cho bàng-quan thiên hạ. Và ngay cả lá thư không gởi này cũng là một việc làm đáng lẽ không nên làm nếu không có Công-Nguyên và Như-Hùng có chút gì gắn bó với những ngày*tháng ba gãy súng*. Tôi nói vậy để anh rõ về ngọn ngành lá thơ mà tôi đang viết cho anh và cũng để anh an tâm là lá thơ này sẽ không mong gì hơn là chỉ Nguyên-Hùng-Huy-Liêm cùng đọc, không phải làm phiền nhiều bạn đọc khác trên các diễn đàn dưới đất cũng như trên trời, và đặc biệt, tôi hy vọng nó sẽ không bao giờ có mặt trên tờ báo *Văn-Học* mà anh đang làm chủ biên, chủ bút...

Đọc đến đây, có lẽ anh sẽ hỏi tôi, “Vậy chớ ông đọc văn tôi với trạng thái nào? Trạng thái một người đọc bình thường hay trạng thái một người lính già?” Không, thưa anh Cao Xuân-Huy. Tôi không đọc văn anh với tâm trạng người đọc hay người lính già, mà với một người mà hơn ba mươi năm về trước không có cơ may như anh. Hay nói đúng hơn là tôi lại có cơ may khác hơn anh là tôi ở một nơi chốn yên bình nhứt, và vì thế tôi cảm thấy mình xấu hổ nhứt trước những gì anh đã kể lại trên những trang sách. Tôi xấu hổ vì tôi nhát gan hơn anh, tôi không dám anh hùng như anh, hay nói cách khác là tôi sợ chết hơn anh nhiều. Giữa một văn phòng có đủ tiện nghi với máy điều hòa không khí giữa Sài Gòn, so với một người trung đội trưởng đang dìu dắt đơn vị mình trong những ngày di tản, ai hùng hơn ai, chắc anh đã rõ. Những ngày “tháng ba” ấy, tôi và nhiều người đang ở Sài-Gòn như tôi, họ làm gì? Có lẽ tôi nên mượn câu thơ mới nhất của Trần Hoài-Thư để nói về một địa danh có tên gọi Sài-Gòn thuở ấy:
“Sài-Gòn có mùa hạ dài hơn mùa đông
Nên Sài-Gòn có mắt em xanh da trời tháng sáu
Sài-Gòn có thật nhiều quán cà-phê quán cóc
Nên bàn ghế Sài -Gòn đầy ắp tình nhân
.....
Sài-Gòn buổi chiều trời hay nổi cơn giông
Nên những hiên nhà là những hiên tình hò hẹn
Sài-Gòn có những con bồ câu cúc cù trên hàng dây điện

Nên Sài-Gòn vẫn là nơi hò hẹn của hai kẻ yêu nhau
Sài Gòn ít khi thấy được ánh hỏa châu
Nên đêm đêm Sài Gòn bình yên giấc ngủ
Để em đến trường như con sáo nhỏ
Để người lính trở về, có chỗ dừng chân
Để mãi mãi Sài-Gòn là những bâng khuâng..." [1]

Sài-Gòn những ngày tôi có mặt giống như câu thơ Trần Hoài-Thư đã mô tả. Đọc sách anh, nhìn lại mình, tôi thấy tôi trước nhứt là như thế. Phải nhận ra cái kém cỏi của mình để học cái gan dạ của những người lính trên Ban-Mê-Thuột, trên đường liên tỉnh lộ số 7 từ Pleiku dẫn về Cũng-Sơn, Sơn-Hòa,Tuy-Hòa, Phú-Yên miền duyên hải và những người lính trong "tháng ba gãy súng" chứ? Phải không anh???
Cuốn sách của anh là một bài học cho tôi rất nhiều. Tôi đã học được ở đó nhiều điều mà tôi mãi băn khoăn, từ cái nhỏ đến cái lớn, từ cá nhân bé nhỏ đến tập thể rộng lớn bên ngoài, từ trong đời sống thường của một thường dân đến lãnh vực bao quát một thời kỳ qua bài học lịch sử trước đó và sau này... Và tôi có thể nói rõ lại một điều là tôi rất sợ cuốn sách ấy khi tôi ngồi một mình giữa đêm thâu mở lại từng trang sách. Bởi một lẽ giản dị là, mỗi lần lật lại từng trang giấy in đầy những dòng chữ như một hồi ức ấy của tác giả, cũng chính là một loại bùa lỗ ban, là một cái kính chiếu yêu, nó làm những bóng ma trong tôi phải chùng lại mọi cựa quậy, mọi xưng tụng. Những bóng ma của thời trẻ trong tôi, cũng như khi bây giờ vào buổi xế chiều này, khi chạm phải những trang sách của Cao Xuân-Huy là tôi biết ớn lạnh, rùng mình! Và tôi đọc sách của anh với trạng thái của một người ngoài màu áo lính mà anh và các bạn cùng đơn vị đã khoác nó lên mình, của một người vô danh tiểu tốt sống lủi thủi ở một vùng quê mùa xa lắc xa lơ, một người nhà quê có một làng mạc chìm trong chiến tranh mấy mươi năm qua nhiều thời kỳ bồng chống nhau tản cư chạy loạn và cũng như nhiều bà con làng quê, tôi biết sợ chiến tranh, cho dù chiến tranh đến dưới bất cứ danh nghĩa nào, từ bất cứ phía nào, vào bất cứ thời nào, và bất cứ đời nào!!!

Tôi hy vọng, với thời gian năm, ba trăm năm sau hay một, hai ngàn năm sau, *Tháng Ba Gãy Súng* của anh cũng chỉ là một chuyện đời xửa đời xưa được kể lại như bao chuyện đời xưa khác mà chúng ta đã đọc qua lịch sử. Lịch sử nói chung và chiến tranh nói riêng, đến một lúc nào đó, sau khi những người chủ xướng ra nó đã chết mất đất từ hơn cả trăm, cả ngàn năm rồi, lịch sử và chiến tranh lúc bấy giờ chỉ còn là một câu chuyện đời xưa không hơn không kém!!!

Trân trọng
Minh-Nguyện (một người đọc giả)

[1]Trích bài thơ "Sài-Gòn trong trí nhớ," trong thi phẩm Người Lính của Trần Hoài-Thư do Thư-Quán Bản Thảo ấn hành, tháng 7 năm 2004, Hoa-Kỳ.

Đời lính của Cao Xuân Huy

MX Phan Văn Đuông/ Tiểu đoàn 5 Hắc Long

Từ một tay bóp cò chuyên nghiệp, khi súng bị bẻ gẫy, chàng tức khí ghi lại những tiếng súng nổ thật thay cho đồng đội, cho chính mình, nhờ nổ thật chứ không "nổ giả" nên Huy đã được độc giả tặng ngay cho hai tiếng "nhà văn", nhà văn CXH ngay từ tác phẩm đầu tiên "Tháng Ba Gẫy Súng".

Nhưng là đồng đội của Huy tôi thấy Huy chưa viết hết ra được cái tính "lính" của mình. Có lẽ Huy thấy nó quá bình thường nên không nói ra, không đáng nói về mình, nhưng với tôi thì đáng giá nhiều mạng sống của đồng đội.

Huy không thể là người hùng, vì cái máu nghệ sĩ sống chung với máu binh sĩ khiến không ít cấp chỉ huy bực mình. Mà cấp chỉ huy bực mình thì khó mà làm người hùng dù công trạng không thua ai, dù được thăng cấp tại mặt trận. Cấp chỉ huy vừa gắn lon vừa chửi "ĐM ông"! Nghe cứ tưởng chuyện đùa.

Nhưng dù Huy có là "người hùng" hay không cũng chẳng ăn thua gì với đồng đội, là bạn bè tôi thích cái tính không hèn của CXH, và điều này tôi không tìm thấy trong "Tháng Ba Gẫy Súng", nhưng tôi chứng kiến hay nói đúng hơn, tôi và trung đội của tôi nhớ ơn cái tính này.

Huy TĐ.4, tôi TĐ.5, lần đầu tiên chúng tôi gặp nhau, biết nhau trên tuyến Sông Bồ khi hai trung đội phòng thủ tiếp giáp nhau. Dù chưa quen biết nhau, nhưng có lẽ do máu nghệ sĩ, CXH đã đề nghị chúng tôi trao đổi tần số riêng để tán gẫu hay khi cần thiết thì liên lạc hàng ngang nhanh hơn.

Ngay trong đêm đó trung đội của tôi bị tấn công quá nặng, có nguy cơ vỡ tuyến, còn đang báo cáo lên cấp trên, lên đại đội, lên tiểu đoàn thì nghe tiếng lạ "mày tao" trong máy. Huy nói:

_ "Đuông, mày cố trụ, tao tiếp mày".

Đang sắp chết đuối, tuyến nứt rồi, không suy nghĩ, tôi hối:

_ "Huy hả? Mau lên mày".

Và chính nhờ sự tiếp cứu kịp thời, trung đội tôi đã trụ lại được, trung đội tôi còn sống để củng cố giữ vững phòng tuyến trước khi lực lượng trừ bị tới. Nhưng sau đó CXH đã được thượng cấp cho uống café đắng vì hành động liều lĩnh khi chưa có lịnh.

Hành động tiếp viện của Huy rất bình thường đối với một đơn vị TQLC nếu như Huy nhận được lệnh, hoặc Huy và tôi là bạn thân của tôi, chúng tôi đã từng ân oán giang hồ với nhau. Không có hai điều đó mà Huy cứu tôi, trung đội của tôi thì tôi gọi Huy là người Hùng cũng không quá đáng, nhưng tôi thích gọi Huy là thằng bạn không hèn.

Nếu đúng nguyên tắc, phải chờ lệnh theo hệ thống quân giai, khi có lệnh mới điều động trung đội của Huy để cứu tôi. Hoặc tôi đợi trừ bị của mình đến thì tôi đã "ra đi" từ đêm đó rồi, đâu còn biết Huy là ai.

Nếu Huy được lệnh, nhưng yếu bóng vía, có quyền từ từ, có quyền báo cáo cũng bị đụng để câu giờ, vì Huy quen gì tôi đâu? Như thế thì Huy không có lỗi, không bị rầy la, nhưng trung đội tôi không được đọc "Tháng Ba Gẫy Súng".

Cám ơn Cao Xuân Huy, thằng bạn không hùng mà cũng chẳng hèn.

Gãy súng rồi gãy viết

Tưởng Năng Tiến

Một lời tử tế làm ấm lòng người suốt cả mùa Đông.
(*Ngạn ngữ Nhật Bản)*

Tháng 3 năm 1975, lúc đang còn ở lứa tuổi đôi mươi, khi khổng khi không, ông Cao Xuân Huy - một cựu sĩ quan của binh chủng Thủy Quân Lục Chiến, thuộc Quân Đội Việt Nam Cộng Hoà - giã từ vũ khí. Bỏ súng đạn, dù ở vị thế của một kẻ chiến bại, để chấm dứt một cuộc chiến tranh đã triền miên tàn phá quê hương đất nước, không chừng, cũng là kỳ vọng hay ước mơ tiềm ẩn của trung úy Cao Xuân Huy (nói riêng) và của cả nước (nói chung). Sau đó (theo như lệnh của những người thuộc phe thắng trận) ông Cao xuân Huy cầm cuốc, cuốc tới tấp, cuốc túi bụi, cuốc không ngừng, cuốc tưng bừng, và cuốc liên tục (rất nhiều năm) trên những thửa đất … vô phương canh tác - ở nhiều trại cải tạo khác nhau. Điều này, dường như, không nằm trong ‘’ dự kiến ‘’ của cả nước (nói chung) và ‘’học viên’’ Cao Xuân Huy (nói riêng).

Cây cuốc, một nông cụ rất hữu ích và phổ biến kể từ khi loài người bắt đầu đời sống định canh cho đến hết Thời Trung Cổ, nếu được tận dụng và thiện dụng, trong điều kiện đất đai và thời tiết lý tưởng - may ra - mới có thể mang lại vừa đủ cơm áo cho chính bản thân người sử dụng. Còn dùng thứ cuốc do tập thể làm chủ, bằng hình thức lao động cưỡng bách, trong điều kiện làm việc khắc nghiệt, trên những nông trường quốc doanh, theo những kế hoạch kinh tế cứng rắn và hoang tưởng, vào những thập niên cuối cùng của thế kỷ hai mươi… thì chỉ là một sự phí phạm nhân lực vô cùng tai hại và đáng tiếc– nếu nói một cách bao dung. Nói cách khác, chính xác hơn, đây là một phương cách trả thù hèn hạ đê tiện của những kẻ tiểu tâm.

Bởi vậy, sau khi rời trại cải tạo, ông Cao Xuân Huy đã không đến những vùng kinh tế mới để tiếp tục cuốc cầy – theo ý muốn của những người thuộc phe thắng trận. Ông bỏ đất nước ra đi. Nơi những vùng đất tạm dung, ông Cao Xuân Huy (đương nhiên) được thừa nhận là một người tị nạn. Lý do : « Nơi ông rời bỏ, nếu cái cột đèn có chân nó cũng không thể ở » - và nơi đó, ngoài lũ cột đèn, vẫn còn vài chục triệu người ngậm đắng nuốt cay ở lại để bảo đảm cho cái căn cước tị nạn chính trị của những kẻ ra đi! Tháng 3 năm 1975, không phải chỉ có một mình trung úy Cao Xuân Huy bỏ súng. Sau đó, ông ta cũng không phải là kẻ duy nhất bỏ đi. Ông Huy chỉ là một trong hàng triệu triệu dân Việt, trong cơn quốc biến, hốt hoảng, ù té, bỏ chạy ; rất nhiều người đâm xầm ra biển, lênh đênh, tứ tán, phiêu bạt khắp bốn phương trời.

Giữa ông Cao Xuân Huy và phần lớn những người Việt tị nạn cộng sản khác chỉ có một chút dị biệt nho nhỏ. Sau khi bỏ súng, bỏ cuốc - thay vì cầm kìm, cầm búa hay một dụng cụ nhẹ nhàng nhưng thiết thực nào khác để kiếm sống nơi quê người đất khách - ông Cao Xuân Huy (thương ơi !) lại vớ ngay cây bút, một vật dụng mà hiệu quả trong việc mưu sinh vô cùng giới hạn và vẫn thường gây vô số chuyện phiền lòng (nếu không muốn nói là’’ tai nạn ‘’) cho khổ chủ!

Ông Cao Xuân Huy trở thành một nhà văn lưu vong (đương đại), nếu nói một cách nghiêm trang, và nói theo kiểu…thời trang, của thời hiện đại. Ông ta chính là tác giả cuốn Tháng Ba Gẫy Súng - một tác phẩm được nhiều người tìm đọc (và đã khiến không ít kẻ ngậm ngùi) vì nội dung giản dị nhưng chân thật và bi tráng của nó về cái chết oan ức, tức tưởi của một đạo quân thiện chiến. Cùng lúc, nhà văn Cao xuân Huy còn tích cực góp phần vào nhiều sinh hoạt văn hoá khác nữa. Có thời ông đã từng là tổng thư ký của tạp chí Văn Học, một tạp chí được tiếng là uy tín và danh giá - dù chưa bao giờ nó có khả năng trả nhuận bút hay thù lao cho bất cứ ai, kể cả chủ bút và chủ nhiệm. Hiện tại, ông Huy đang cộng tác với nhật báo Người Việt (tờ báo bề thế nhất của người Việt tị nạn) và là Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại - Nam California. Phần đời tị nạn của ông Cao Xuân Huy – xem ra và trông xa - có vẻ hiển đạt. Trong thực tế, dường như, ông ta không thành công gì cho lắm. Những chức tước hay địa vị (nhà văn, nhà báo, tổng thư ký, chủ tịch…gì gì đó mà ông Cao Xuân Huy đã có can đảm nhận lãnh) và những công việc liên quan đến chúng - như đã thưa - đều mang lại rất ít, hoặc chả có tí ti lợi nhuận nào. Theo như

cách nói của đời thuờng, ông Cao Xuân Huy là một người ưa vác ngà voi – một việc làm chỉ có khả năng mang lại cho chủ thể sự phong phú thuần túy về phương diện…tinh thần, nếu mọi chuyện diễn biến bình thuờng hay tốt đẹp!

Còn nếu xét toàn thể, khách quan mà nói, cuộc đời của ông Cao Xuân Huy hoàn toàn không suôn sẻ . Ông cầm súng, súng gẫy. Ông cầm cuốc, cuốc cong. Và sự nghiệp cầm bút của nhà văn Cao Xuân Huy, với tư cách là Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút - Nam California (nếu nhích chút xíu vào chi tiết), cũng không ít chuyện não lòng. Trung Tâm Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại mà ông Cao Xuân Huy là một thành viên có đến hai vị chủ tịch và chia làm hai hệ phái hay phe phái. Cả hai đều quyết liệt phủ nhận lẫn nhau, và đều không được Văn Bút Quốc Tế thừa nhận.

Nói cách khác, hiện tại, Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại có mà như không. Nó ở tình trạng tạm thời không hiện hữu (temporary non existence). Và nó sẽ biến mất vĩnh viễn, '' nếu không có sự dàn xếp kịp thời – nghĩa là, nếu chúng tôi không thể thông báo một cách chắc chắn đến Hội nghị Đại biểu họp tại Moscow , vào tháng 5 năm 2000, là đã có giải pháp ổn thoả cho vấn đề (?) thì tôi tin chắc rằng Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại sẽ bị giải tán vào kỳ họp tới ở Manila vào năm 2001…'– theo như văn thư đề ngày 13 tháng 12 năm 1999 của ông Terry Carlbom, Tổng Thư Ký Văn Bút Quốc Tế, gửi đêán nhị vị Chủ Tịch Của Văn Bút Việt Nam. (…if an early settlement is not reached – that is, if we can not reliably inform the Assembly of Delegates in Moscow, in May 2000, that the problem is well on the way to solution ? I am quite sure that the Centre will be disolved at the Assembly of Delegates in Manila in 2001…).

Như thế, nhà văn Cao Xuân Huy (thành viên chủ lực của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, Chủ Tịch Trung Tâm Văn Bút – Miền Nam California) sẽ có nguy cơ bị gẫy bút trong những ngày tháng tới. Một phần tư thế kỷ trước, trung úy Cao Xuân Huy (và đồng ngũ) vì gẫy súng đã mang đến thảm họa cho nửa phần đất nuớc mà họ được ''giao khoán'' cho nhiệm vụ phải bảo vệ. Sau đó thêm nửa phần dân Việt phải chịu đọa đầy, và vài triệu người phải sống tha hương. Hậu quả cay đắng này vẫn đang là đề tài tranh cãi giữa những nạn nhân của nó.

Người ta vẫn cố tìm cho bằng được thủ phạm của sự thất bại thê thảm và nhục nhã này. Nó thê thảm và nhục nhã đến độ không ai muốn hoặc dám nhận lỗi (dù chỉ một phần) về phía mình. Mọi người đều tìm cách đổ lỗi cho tha nhân, cho phe nhóm khác, cho tôn giáo khác, cho đảng phái khác, cho người bạn đồng minh bất nghĩa, cho đám lãnh đạo bất tài... Chung cuộc, ''thủ phạm '' vẫn không được nhận diện nhưng không khí nghi kỵ và hận thù bao trùm khắp cả mọi nơi, và sự phân hoá trong cộng đồng thì kéo dài triền miên từ thế kỷ này sang thế kỷ khác.

Hai mươi lăm năm sau, sau khi gẫy súng, nhà văn Cao xuân Huy (và đồng nghiệp) có nguy cơ sẽ làm gẫy bút. Chuyện này, đã và đang được tiếp tục tranh cãi (giữa những người trong cuộc) với cùng một tinh thần và phương cách tương tự như về chuyện gẫy súng hai mươi lăm năm trước - nghĩa là (theo như dư luận) sẽ có rất ít hy vọng nhìn thấy ''ánh sáng cuối đường hầm'. Khác với chuyện gẫy súng, nguyên do của việc gẫy bút có phần giản dị và dễ tìm hơn. Ông Tổng Thư Ký Văn Bút Quốc Tế, trong văn thư dẫn thượng, đã đề cập đến sự ''tranh chấp nội bộ '' (internal disputes) như là nguyên do chính dẫn đến việc Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại phải tạm ngưng hoạt động từ hai năm qua. Nếu một lời tử tế có thể làm ấm được lòng người suốt cả mùa Đông, theo như tin tưởng của dân tộc Nhật, thì sợ là đã nhiều mùa Đông qua nhưng những thành viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại - của cả hai phe - chưa bao giờ gửi đến nhau một lời tử tế. Có chăng (e) chỉ là lời qua tiếng lại, tiếng bấc tiếng chì mà – đôi lúc – khiến cho kẻ bàng quan cũng phải cau mày vì nội dung vô cùng khiếm nhã của chúng. Hậu quả, như đã thưa, có thể dẫn đến việc Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại sẽ ngủ giấc ngàn thu.

Cũng có dư luận cho rằng nếu bút viết chỉ được dùng vào việc bới móc hay vẩy mực (vào mặt lẫn

nhau) thì nếu gẫy cũng đâu có gì đáng tiếc. Nói như thế e phũ phàng và giản lược quá chăng ? Sự cáo chung của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, nếu xẩy ra, e còn là dấu hiệu chẳng lành cho cả một cộng đồng - chứ chả riêng chi cho những thành viên của nó. Khi một cá nhân thất bại trong việc học hỏi từ kinh nghiệm, luôn tìm cách đổ thừa mọi lỗi lầm cho kẻ khác, thường xuyên sống trong tâm trạng oán hận, không có khả năng sử dụng ngôn ngữ một cách ôn hòa…là họ có đủ những triệu chứng bất ổn về phương diện sức khoẻ tâm thần.

Ở bình diện tập thể, khi một nhóm người, một cộng đồng, một dân tộc…cũng có những hội chứng tương tự (giữa lúc nhân loại đang có xu hướng tiến dần tới một nền văn hoá cách toàn cầu, vào Thời Đại Thông Tin) thì dù lạc quan cách mấy cũng nên cứu xét - khẩn cấp và nghiêm chỉnh- đến khả năng thích nghi để sinh tồn của họ, trước khi quá muộn ! Giữa những người đồng hương, đồng bào, đồng cảnh và cùng chiến tuyến (như vẫn thường tự nhận) – sao lại có thể tiếp tục sống bên nhau với tinh thần phân hoá, nghi ngại, đố kỵ và thù hận mãi mãi như thế được ?

Và công tâm mà nói, cũng không ai có quyền làm như vậy đâu. Vì ngoài lũ cột đèn (không có chân nên không đi được) còn cóù vài chục triệu con người khác nữa, dù có chân vẫn phải ở lại quê nhà - như những con tin - để bảo đảm với nhân loại về tư cách tị nạn của những kẻ đã ra đi. Như thế, rất khó biện minh cho việc tự động đánh tráo căn cước tị nạn của mình để nghiễm nhiên trở thành du khách về ‘’tham quan’’ quê hương xứ sở – hàng năm. Tương tự, không một người tị nạn chính trị nào (kể cả những nhân vật ‘’ lãnh đạo cộng đồng ‘’ hay những văn thi sĩ ‘’hướng dẫn dư luận’’) có lý do gì để tự nhiên biến mình thành những kẻ côn đồ quanh năm suốt tháng chỉ chăm lo và say mê có mỗi một việc là đánh đấm cấu xé lẫn nhau - nơi quê người đất khách.

Trong ‘’ Thơ Ngỏ Ngày 20 Tháng 2 năm 200 : Kính Gửi Toàn Văn Hữu Và Hội Viên VNVNHN Của Đặng Văn Nhâm ‘’, một trong hai vị Chủ Tịch của Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, có câu kết luận thống thiết như sau : ‘’Tôi mong ước qúi văn hữu kể cả trong và ngoài hội, nếu thấy cần làm gì cỏn con hay nói lên lời tối thiểu nào của lương tri, của lòng trắc ẩn, để giúp sức cứu nguy chính đáng và kịp thời cho văn bút xin qúi vị hãy tự động và tùy nghi…’’

Dù văn thư vừa dẫn không gửi đến những người dân thường, trong tinh thần trách nhiệm chung (và còn nước còn tát), hy vọng những ý kiến thô thiển vừa được giải bầy vẫn sẽ được sự lưu tâm - với sự bao dung - của nhị vị Chủ Tịch, tất cả thành viên Văn Bút Việt Nam Hải Ngoại, những vị thức giả, và những nhân vật lãnh đạo cộng đồng.

Hy vọng qúi vị sẽ có thể ngồi lại được với nhau, cùng nhau đối thoại với sự tương kính và chân thật để tìm được những giải pháp khả thi cho những bế tắc hiện tại. Nếu chỉ vì thiên kiến, vì tự ái, vì một chút hư danh hay chỉ vì 'hà tiện' gửi đến nhau đôi lời đàng hoàng tử tế …mà nỡ tung hê mọi chuyện thì e rằng ngay lũ cột đèn ở Việt Nam - nếu chúng có ruột - chắc cũng phải đau.

Phỏng vấn Cao Xuân Huy và Tháng ba gãy súng

Lê Quỳnh Mai

Lê Quỳnh Mai: Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt, và văn học Việt Nam hải ngoại vẫn còn xoay quanh chuyện chiến tranh. Theo nhận xét của một số người, đó là một việc làm nhàm chán, gây mâu thuẫn và không lợi ích gì cho người đọc. Ông nghĩ sao về ý kiến này?
Cao Xuân Huy: Tôi không hiểu chữ "mâu thuẫn", mâu thuẫn với cái gì chứ? Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến toàn diện, bị bức tử về mặt quân sự chưa thể coi là chấm dứt. Bị mất đất chưa thể coi là chấm dứt. Bây giờ, nếu có thể gọi là cuộc chiến, thì về văn hóa và chính trị. Cô thấy đấy, mục tiêu tự do dân chủ và nhân quyền vẫn chưa đạt được. Và, tình yêu, cũng như

chiến tranh, là hai đề tài muôn thuở của con người. Văn chương ngoại quốc nói về chiến tranh, viết về những trận chiến gần, xa trong lịch sử, chúng ta vẫn thích đọc. Vậy thì tại sao, người Việt Nam viết về chiến tranh Việt Nam lại nhàm chán? Có điều, vấn đề là viết dưới hình thức nào. Nếu viết tiểu thuyết thì tác giả có toàn quyền tưởng tượng, nhưng nếu là viết hồi ký chiến tranh mà tưởng tượng thêm thắt, viết không đúng, bẻ cong sự thật với mục đích tuyên truyền hay chạy tội, thì không những không lợi ích chẳng riêng cho độc giả, mà còn cho lịch sử.

***

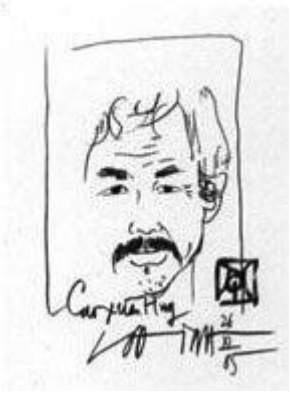

Tiểu sử:

09-1947 quê nội Bắc Ninh, quê ngoại Hà Nam.
10-1954 di cư vào Nam.
02-1968 đi lính.
03-1975 đi tù.
09-1979 ra tù.
12-1982 vượt biên.
10-1983 đến Mỹ.
1984 định cư tại Nam California.

***

Lê Quỳnh Mai: Chiến tranh Việt Nam đã chấm dứt, và văn học Việt Nam hải ngoại vẫn còn xoay quanh chuyện chiến tranh. Theo nhận xét của một số người, đó là một việc làm nhàm chán, gây mâu thuẫn và không lợi ích gì cho người đọc. Ông nghĩ sao về ý kiến này?
Cao Xuân Huy: Tôi không hiểu chữ "mâu thuẫn", mâu thuẫn với cái gì chứ? Chiến tranh Việt Nam là cuộc chiến toàn diện, bị bức tử về mặt quân sự chưa thể coi là chấm dứt. Bị mất đất chưa thể coi là chấm dứt. Bây giờ, nếu có thể gọi là cuộc chiến, thì về văn hóa và chính trị. Cô thấy đấy, mục tiêu tự do dân chủ và nhân quyền vẫn chưa đạt được.
Và,
Tình yêu, cũng như chiến tranh, là hai đề tài muôn thuở của con người. Văn chương ngoại quốc nói về chiến tranh, viết về những trận chiến gần, xa trong lịch sử, chúng ta vẫn thích đọc. Vậy thì tại sao, người Việt Nam viết về chiến tranh Việt Nam lại nhàm chán? Có điều, vấn đề là viết dưới hình thức nào. Nếu viết tiểu thuyết thì tác giả có toàn quyền tưởng tượng, nhưng nếu là viết hồi ký chiến tranh mà tưởng tượng thêm thắt, viết không đúng, bẻ cong sự thật với mục đích tuyên truyền hay chạy tội, thì không những không lợi ích chẳng riêng cho độc giả, mà còn cho lịch sử.

LQM: Vậy Tháng Ba Gãy Súng *có nói thật không?*
CXH: *Tháng Ba Gãy Súng* là tự viết cho mình để ghi nhớ lại những điều không muốn quên.

LQM: Hồi ký Tháng Ba Gãy Súng *cho thấy tác giả là một người lính. Trong cuốn* Nếu Đi Hết Biển *(Trần Văn Thủy) thì Cao Xuân Huy là một người tù. Ông có thể nói thêm về hai tác phẩm trên và hai vai trò Cao Xuân Huy chăng?*
CXH: Tôi là dân Bắc kỳ, giống như rất nhiều gia đình di cư khác, gia đình tôi cũng bị "cắt đôi" khi hiệp định Genève cắt đôi Việt Nam năm 1954. Bố tôi ở kháng chiến về Hà Nội. Mẹ tôi chạy Cộng Sản vào Sài Gòn. Chị tôi ở lại Hà Nội với bố. Tôi theo mẹ vào Sài Gòn.

Lớn lên trong thời chiến, đi lính là trách nhiệm chung của thanh niên. Có khác chăng, tôi là một trong số ít người đã kể lại trung thực sự thua bại của mình, của một đơn vị thiện chiến nhất nhì của miền Nam, bị bó tay trước kẻ thù vì… hết đạn. Đó là chuyện *Tháng Ba Gãy Súng*.
Còn trong *Nếu Đi Hết Biển*, có hai điều tôi nhắc đến, là chuyện lần đầu gặp gỡ giữa hai bố con từ hai giới tuyến sau chiến tranh: khi tôi bị tù ở Thanh Hóa, bố tôi vào thăm, không được gặp con vì ông dính dáng đến vụ Nhân Văn – Giai Phẩm trong quá khứ. Tôi chỉ được gặp bố mấy năm sau. Cuộc gặp gỡ lần đầu tiên của hai bố con đầy bất ngờ ở trại tù Bình Điền, Huế. Thứ hai, là chuyện đơn vị Thủy Quân Lục Chiến chúng tôi hụt lấy lại đảo Hoàng Sa vì bị bộ đội Cộng Sản cầm chân, ngăn cản bằng những trận đánh vi phạm hiệp định ngưng bắn, khiến chúng tôi phải bận "dẹp giặc" trong lúc đang chuẩn bị xuống tàu tiến quân ra Hoàng Sa, vừa bị Trung Cộng chiếm trước đó vài ngày, vào nửa cuối tháng 1 năm 1974.

LQM: Theo ông cho biết, khi viết Tháng Ba Gãy Súng *được một số trang rồi ông không viết tiếp nữa. Lý do nào sau đó thúc đẩy tác giả của nó viết tiếp hồi ký này?*
CXH: Tôi ở trại tỵ nạn qua Mỹ được đâu khoảng một năm. Ở nhà của nhà văn Hoàng Khởi Phong, chung với cha con nhà văn Nguyễn Mộng Giác. Tôi đọc được trên báo lời phát biểu của một ông tướng "làm mất nước là tội chung của mọi người, lớn tội lớn bé tội bé", tôi điên tiết lên. Chỉ có những kẻ bỏ đơn vị mà chạy, chỉ những kẻ có quyền hành trong tay đã đánh lừa thuộc cấp để chạy lấy thân, những kẻ chiến đấu "đến giọt máu cuối cùng của người khác", mới là những kẻ có tội. Tôi viết để chứng minh, tôi và những người lính cầm súng chiến đấu đến viên đạn cuối cùng, không có tội. Khi viết được khoảng vài chục trang, tự nghĩ là mình chữ nghĩa mình kém nên bỏ ngang, không viết tiếp. Trong bữa nhậu với mấy đồng đội cùng tiểu đoàn, chúng tôi nhắc lại chuyện bị bắt trong cuộc rút quân, kiểm điểm bạn bè đồng đội ai còn ai mất. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác tình cờ ngồi nghe, sau đó hỏi tôi sao không viết lại. Tôi cho biết là đã viết nhưng thấy viết dở nên chưa viết tiếp. Nhà văn Nguyễn Mộng Giác lấy đọc, rồi tự ý đăng trên một tờ tuần báo mà anh đang làm chủ bút. Thế là sau đó cứ đăng hết từng đoạn, anh Giác lại thúc tôi viết tiếp. Nếu không có anh Nguyễn Mộng Giác tự ý đem đăng và đòi bài như đòi nợ, thì đã không có quyển *Tháng Ba Gãy Súng* và không có "nhà dzăng" Cao Xuân Huy, vì hồi ký viết cho mình thì lai rai viết tà tà bao giờ chả được!

LQM: Một số hồi ký chiến tranh viết từ hải ngoại và trong nước, được nhận định như thiếu trung thực hay có phần xuyên tạc sự thật. Là một nhân chứng và nạn nhân chiến tranh, ông nghĩ sao?
CXH: Cô muốn nói những hồi ký hoặc tác phẩm ở trong nước? Nghề của họ là xuyên tạc sự thật từ xưa đến nay rồi. Lịch sử họ còn viết lại theo ý họ, huống chi chuyện chiến tranh vừa qua. Tôi nhớ là có lần đọc được trên trang web của báo Nhân Dân, cơ quan ngôn luận chính thức của đảng Cộng Sản, có một bài viết lại về trận đánh ở Cửa Việt trước giờ ngưng bắn ngày 28 tháng 1 năm 1973 - trận đánh này tôi tham dự từ đầu đến cuối và đang viết lại - họ bịa đặt mà không cần biết trình độ người đọc bây giờ khác với việc họ có thể tuyên truyền cho những nông dân không biết chữ thời Cải Cách Ruộng Đất năm 1956 nữa. Trong bài này họ viết là đã dùng dây kẽm gai căng làm hàng rào của căn cứ quân sự để thay thế cho dây… điện thoại!
Còn những hồi ký hoặc tác phẩm viết sai sự thật của những người ở hải ngoại, họ viết với mục đích là chạy tội hoặc tự đánh bóng. Cả hai loại đó mình để ý làm gì.

LQM: Theo ông, tiểu thuyết lịch sử hay hồi ký lịch sử, có phải chỉ là sự cạnh tranh với tài liệu của sử gia không?
CXH: Không. Lịch sử là sự kiện. Sử gia tìm tòi, nghiên cứu và dựa theo nhận định riêng để đánh giá sự kiện nào thật, sự kiện nào không thật của những tài liệu được viết từ những sử gia trước. Tiểu thuyết lịch sử là dựa vào những sự kiện trần trụi, thô nhám của lịch sử, tô son vẽ phấn theo sự tưởng tượng của tác giả. Còn hồi ký lịch sử hoàn toàn dựa trên hoàn cảnh cá

nhân của người viết. Ba lãnh vực tuy cùng mang tính chất lịch sử nhưng hoàn toàn khác nhau, không thể có sự cạnh tranh nào hết.

LQM: Giới truyền thông Hoa Kỳ so sánh chiến tranh Iraq với chiến tranh Việt Nam. Với kinh nghiệm trong đời quân ngũ, ông nhận thấy sự so sánh này thế nào?
CXH: Chiến tranh Việt Nam trước kia và chiến tranh Iraq bây giờ tuy có khác nhau ở địa dư, nào có khác gì nhau, đều phục vụ cho quyền lợi của Hoa Kỳ. Ngày trước, khi Hoa Kỳ và Trung Cộng còn đối nghịch, thì Việt Nam và Đài Loan là hai con chốt ngăn chặn sự bành trướng thế lực của Trung Cộng. Đến khi hai thế lực đối nghịch đó bắt tay nhau, thì Hoa Kỳ đem Việt Nam ra bỏ ngoài chợ và đá đít Đài Loan ra khỏi Liên Hiệp Quốc để lấy chỗ cho Trung Cộng vào. Cũng vậy, bây giờ Hoa Kỳ lấy cớ Iraq có vũ khí giết người hàng loạt, đổ quân ào ạt lật đổ chính quyền Saddam Hussein, vậy mà mấy năm rồi, vẫn không chứng minh được Iraq có cái thứ vũ khí ấy. Quân sự chỉ là cánh tay của chính trị. Mà đám chính trị gia là một lũ tráo trở, lưỡi không xương, ăn không nói có, nói ngược nói xuôi, nói thế nào cũng được. Thành ra, chiến tranh Việt Nam khi trước hay chiến tranh Iraq bây giờ giống nhau ở chỗ đều với mục đích phục vụ cho Hoa Kỳ. Nhưng nói cho cùng, đánh nhau là để cho mình được, chứ chẳng nhẽ cho thằng khác được à?

LQM: Có vài quân nhân Hoa Kỳ gốc Việt đã tử trận trong cuộc chiến Iraq. Cảm nghĩ của ông Tháng Ba Gãy Súng *về việc này? Ông ủng hộ hay chống (cựu) chính phủ Bush trong chiến tranh Iraq?*
CXH: Thế giới không thể không có chiến tranh. Không đang đánh nhau không có nghĩa là đang hòa bình. Giản dị là quyền lợi của các siêu cường đối nghịch, lúc thì có thể hợp tác, lúc thì không. Chiến tranh quân sự hay chiến tranh kinh tế, đều chỉ là những mặt khác nhau của chiến tranh. Chỉ có điều là đánh lớn hay đánh nhỏ, chiến tranh thế giới hay chiến tranh cục bộ. Vấn đề là chiến tranh được chuyển đến vùng đất khốn khổ nào trên quả đất. Như tôi vừa trả lời, đánh nhau ở Iraq hay không ở Iraq, đều nằm trong mục tiêu của cường quốc, khác chăng là chính phủ Bush đẩy chiến tranh ra khỏi đất nước Hoa Kỳ sau vụ 911. Là người Việt Nam, mang quốc tịch Hoa Kỳ, tôi chống lại độc tài và ủng hộ chính phủ Bush trong trận chiến này.

LQM: Là một trong những nhà văn hải ngoại có mặt trong cuốn Nếu Đi Hết Biển*. Tại sao ông quyết định nhận lời mời phỏng vấn của đạo diễn Trần Văn Thủy?*
CXH: Giản dị thôi. Tình trạng sách báo ở hải ngoại không vào được trong nước, đây là dịp để tôi có thể nói cho người trong nước những suy nghĩ của một thằng lính miền Nam về cuộc chiến vừa qua. Rõ rệt là quyển sách này đã được rất nhiều người trong nước đọc. Nhân việc trả lời phỏng vấn này, tôi đã nói được chuyện quân đội miền Nam đang chuẩn bị lấy lại ngay lập tức quần đảo Hoàng Sa, sau khi quần đảo này của Việt Nam bị Trung Cộng chiếm hồi đầu năm 1974. Nhưng cuộc chuyển quân này đã bị quân miền Bắc cố tình ngăn cản, đánh cầm chân để cho Hoàng Sa hoàn toàn lọt vào tay Trung Cộng. Hơn nữa, tôi thích đạo diễn Trần Văn Thủy, dù trước đó chưa gặp mặt, qua hai cuốn phim "tài liệu" *Chuyện Tử Tế* và *Hà Nội Trong Mắt Ai*. Cuốn phim này là hai cái tát vào mặt chế độ độc tài. Tôi cũng muốn nhân đó mà tát vào mặt đảng Cộng Sản độc tài Việt Nam một cái chơi.

LQM: Khi Nếu Đi Hết Biển *được xuất bản vào thời điểm ấy, đã có nhiều phản ứng dữ dội từ cả hải ngoại lẫn trong nước. Ông nghĩ sao về việc này?*
CXH: Trong nước, những người không ưa chế độ đọc rất thích. Ngoài nước cũng rất nhiều người thích. Những người không thích họ cũng đặt vấn đề một cách đàng hoàng, tôi rất quý trọng dù họ có cái nhìn giống tôi hay không. Cũng có một vài người chụp mũ rồi chửi rủa kiểu hàng tôm hàng cá, chẳng có gì đáng bận tâm.

LQM: Ông nhắc đến thân phụ trong trả lời phỏng vấn của Trần Văn Thủy. Độc giả chỉ đọc được câu "...Ông già của anh là một tên tuổi quen thuộc, được quí trọng trong giới cầm bút ở miền Bắc..."*. Xin ông cho biết thêm về hoạt động văn học của ông cụ.*
CXH: Bố tôi là một người làm thơ và viết báo. Ông đi kháng chiến từ hồi còn trẻ. Về Hà Nội năm 1954, sau đó vì dính đến vụ án Nhân Văn Giai Phẩm, ông bị quản thúc và bị cấm sáng tác, chỉ được viết về kịch ảnh. Từ đó, ông chỉ còn làm thơ "chui" cho người thân đọc, và dịch những tác phẩm văn chương ngoại quốc được chỉ định, để kiếm sống.

LQM: Thời gian gần đây xảy ra tranh chấp hải phận trong vùng Biển Đông giữa Việt Nam và Trung Quốc. Ông có nghĩ rằng đây là ý đồ xâm chiếm lãnh thổ của Trung Quốc đối với các nước láng giềng, đặc biệt là đối với Việt Nam?
CXH: Suốt một nghìn năm Bắc thuộc, Việt Nam đã bị Tàu coi là quận huyện của họ, và Trung Cộng cũng đang dạy cho học sinh của họ là Việt Nam thuộc về nước Tàu, thì lúc nào mà họ chẳng có ý đồ xâm chiếm.

LQM: Theo thống kê cá nhân người thực hiện phỏng vấn, thì trên 80% câu trả lời của người Việt hải ngoại là sẽ ủng hộ Việt Nam (Cộng Sản) trong việc bảo vệ đất nước, chống lại mưu đồ thôn tính của Trung Quốc. Với tư cách là một cựu quân nhân của chế độ Việt Nam Cộng Hòa, và là một tù binh chiến tranh của chế độ Cộng Sản, ông có đồng ý với 80% câu trả lời kia không?
CXH: Việt Nam lâm nguy trước mưu đồ thôn tính của Trung Cộng, thì chuyện bảo vệ đất nước là bổn phận của tất cả những ai mang dòng máu Việt Nam trong người, ở cả trong lẫn ngoài nước, bất kể là cựu quân nhân của Việt Nam Cộng Hòa, hay là bộ đội Cộng Sản bây giờ. Đã là bổn phận thì làm gì có chuyện đồng ý hay không. Những người lính Việt Nam Cộng Hòa đã từng chiến đấu chống Tàu Cộng trước năm 1975 ở Hoàng Sa và những người bộ đội Cộng Sản đã từng chiến đấu chống Tàu Cộng năm 1991 ở biên giới, đều là những người chiến đấu bảo vệ lãnh thổ. Dân tộc ta ở sát cạnh một kẻ thù truyền kiếp khổng lồ thì tinh thần bảo vệ đất nước đã nằm trong máu của từng người. Ngày nay, ở trong nước, nhà cầm quyền Cộng Sản công khai cõng rắn Trung Cộng vào đầy Tây Nguyên, vào Biên Hòa vào Thanh Hóa và vào đâu đâu nữa. Thẳng tay đàn áp, bắt bớ giam cầm những người dân nào dám tỏ thái độ chống Trung Cộng dưới bất cứ hình thức dù ôn hòa nào. Vạch trần bộ mặt xâm lược của Trung Cộng cũng bị kết tội y như tội đấu tranh đòi dân chủ cho đất nước. Bộ đội thì đớn hèn, cam tâm nhìn ngư dân bị Trung Cộng sát hại ngay trên phần lãnh hải của mình mà không dám phản ứng. Như vậy thì lời kêu gọi bảo vệ đất nước ở đâu, ai kêu để mà có ủng hộ hay không. Dù vậy, tôi tin rằng với tinh thần bất khuất của dân tộc, người dân không ai cam tâm nhìn đất nước mình biến thành quận huyện của Tàu, sẽ lại có những cuộc kháng chiến giành lại đất nước. Lúc ấy, dù tuổi đời đã ngấp nghé miệng lỗ, tôi cũng sẽ tham gia hết mình.

LQM: Đi một vòng thế giới từ Mỹ qua Iraq đến Trung Quốc cũng chỉ loanh quanh về thời sự chính trị, chắc hẳn ông cũng… ná thở rồi (!), bây giờ chúng ta có thể quay về sân chơi văn chương đi dạo thêm một vòng nữa, có được không, thưa ông?
CXH: Vâng, mời cô.

LQM: Với tư cách chủ biên, ông có thể cho độc giả biết tại sao tạp chí Văn Học đình bản?
CXH: Tạp chí Văn Học sau khi ra số 235 tháng 11 và 12 năm 2007, tôi bị ung thư mắt, nên tạm thời đình bản. Hơn một năm sau, tôi đã cố gắng thực hiện số tiếp theo 236 phát hành vào tháng 3 và 4 năm 2008, sau đó lại bị đình bản thêm một lần nữa cũng vì cái bệnh quái ác ấy.
LQM: Những khó khăn nào gây cho tạp chí Văn Học không thể tồn tại nữa, xin ông cho độc giả biết rõ hơn.
CXH: Các tạp chí văn chương ở hải ngoại đều gặp những khó khăn chung. Người đọc ngày càng ít đi, người viết ngày càng mai một đi. Tiền in và tiền tem ngày một tăng mà quảng cáo thì

ít. Riêng trường hợp tạp chí Văn Học, tôi vừa bị bệnh vừa bị thất nghiệp vào ngay thời kỳ kinh tế khủng hoảng, nên không thể tiếp tục cáng đáng tờ báo được nữa.

LQM: Tạp chí Văn Học có một đời sống khá dài, nay phải kết thúc sự góp mặt của nó trong dòng văn học hiện đại. Đó là một điều đáng buồn, cũng là một mất mát không nhỏ cho độc giả nói chung và các tác giả nói riêng. Xin ông phát biểu cảm nghĩ về sự kiện này?
CXH: Tôi ví tạp chí Văn Học như một sân chơi, để các tác giả có chỗ "trình làng" những sáng tác của mình cho độc giả thưởng thức. Bây giờ diễn viên thì lèo tèo, khán giả thì thưa thớt. Sân chơi còn đó nhưng hoang phế. Những người đóng góp công sức nuôi nấng tờ tạp chí này, các tác giả, những độc giả buồn một, thì tôi buồn đến mười, cô ơi.

LQM: Ông có vài lời dành riêng cho độc giả của Văn Học, cũng như những tác giả đã góp công hợp tác với tạp chí trong thời gian qua không?
CXH: Tôi xin gửi đến các tác giả cũng như độc giả và thân hữu, lời xin lỗi vì tạp chí Văn Học đình bản bất ngờ, điều đáng buồn xảy ra ngoài ý muốn của tôi.

LQM: Ông cho biết ý kiến về nội dung và hình thức của tạp chí Hợp Lưu, bộ mới do nhà thơ Đặng Hiền làm chủ biên?
CXH: Về hình thức, tạp chí Hợp Lưu là một tờ tạp chí đẹp ngay từ những số đầu tiên, và từ khi nhà thơ Đặng Hiền làm chủ biên, tờ báo ngày một đẹp thêm. Đây là tờ báo văn chương đẹp nhất của người Việt ở hải ngoại, là một điểm son. Về nội dung, Hợp Lưu thêm khởi sắc nhờ có nhiều bài của những người viết trẻ và rất mới. Tuy người đọc phải chịu khó gạn lọc, cũng là chuyện thông thường, nhưng ngôn ngữ lạ và tư duy mới, cách viết mới mang lại những sinh động trong sáng tác. Còn giá trị văn chương của Hợp Lưu, tôi tin rằng mỗi độc giả sẽ tìm thấy cho mình một giá trị riêng để thưởng thức. Dù không đồng ý với chủ trương của Hợp Lưu ngay từ số ra mắt, nhưng tôi cũng không phản đối vì đó mới thực là trăm hoa đua nở. Và lúc nhà thơ Đặng Hiền làm chủ biên (từ số 83) cũng là khoảng thời gian tôi phụ trách tạp chí Văn Học trở lại, tôi muốn cùng với Đặng Hiền song song điều hành hai tờ tạp chí với hai chủ trương khác nhau, nhưng bất thành vì Văn Học bị đình bản. May mà Hợp Lưu còn đứng vững, giữ được sân chơi cho người viết và người đọc.

LQM: Vẫn là câu hỏi cũ đã dành cho nhiều tác giả, nhà văn Cao Xuân Huy cũng không ngoại lệ: Ông nghĩ sao về sự sống còn của tạp chí in trên giấy, trong khi các báo điện tử, các trang mạng, các blog… ào ào... khoe nhan sắc ngoài (bìa) trong (ruột), chưa kể những nguyệt san, tuần báo, nhật báo đều có ấn bản điện tử riêng, và số lượng độc giả của họ cũng rất đông so với tạp chí in giấy.
CXH: Tôi rất quý những tờ báo in – nói riêng về các tạp chí văn chương – vì nó là một… tờ tạp chí. Những con chữ nằm trong tờ báo được lưu giữ ở tủ sách gia đình, ở thư viện. Còn chữ trên các trang mạng sẽ lần lượt trước sau bị xóa đi hoặc biến mất tùy theo ý thích riêng tư rất cá nhân của người điều hành trang mạng đó. Tuy nhiên, sự ồn ào và đa dạng của các trang mạng hấp dẫn và lôi cuốn người đọc hơn báo in, lại không tốn tiền mua. Theo tôi, báo mạng sẽ giết – tuy không giết chết hẳn – những tờ báo in.

LQM: Hy vọng của ông về văn học hải ngoại?
CXH: Câu hỏi to quá. Nếu nói riêng về văn học viết bằng chữ Việt ở hải ngoại, thì hy vọng khá mong manh. Người viết đang vơi dần và người đọc cũng sắp cạn. Đến một lúc nào đó thì văn chương chữ Việt chỉ còn là một ngọn đèn leo lét tắt dần vào quá khứ...

LQM: Cám ơn ông đã dành thời gian cho cuộc mạn đàm.

***

Phụ đính II :

Bút ký của Cao Xuân Huy

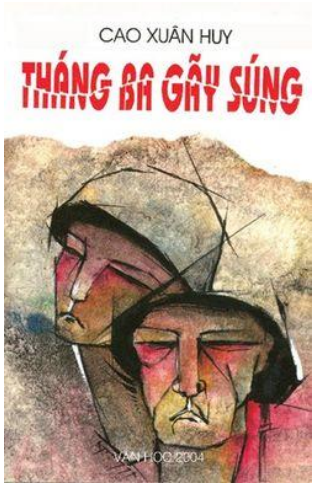

Tôi không phải là một nhà văn, mà tôi chỉ là một người lính, lính tác chiến đúng nghĩa của danh từ, và những điều tôi viết trong quyển sách này chỉ là một câu chuyện, câu chuyện thật một trăm phần trăm được kể lại bằng chữ. Tôi viết những điều mà những thằng lính chúng tôi đã trực tiếp tham dự nhưng không ai viết lại, trong khi nhiều người đã viết về những chuyện chiến trường thì hình như chẳng có ai dự.

Trong lứa tuổi của tôi, lứa tuổi dưới mười khi theo gia đình di cư từ Bắc vào Nam, ngoại trừ những người có thân nhân ruột thịt bị giết bởi Việt Cộng, còn hầu hết, có bao nhiêu người thực sự căm thù Việt Cộng đâu, vì rõ rệt một điều là từ lứa tuổi tôi trở xuống, có đứa nào biết Việt Cộng là cái gì đâu. Cũng y như lứa tuổi dưới mười khi theo cha mẹ qua Mỹ từ năm 1975 ở đây bây giờ. Cũng thù ghét Việt Cộng vậy, nhưng chỉ là cái thù gia truyền, cha mẹ thù ghét thì mình

cũng thù ghét theo thế thôi, chứ chẳng có gì là sâu đậm cả. Cho đến khi lớn lên, đầu óc đã tạm đủ để suy xét thì khổ một nỗi, hệ thống tuyên truyền của Việt Nam Cộng Hòa lại có giá trị phản tuyên truyền nhiều hơn là tuyên truyền. Cho nên khi vào quân đội, tôi tình nguyện vào đơn vị tác chiến thứ thiệt vì căm thù kẻ địch thì ít mà vì cái máu ngông nghênh của tuổi trẻ, vì bị kích thích bởi những cảm giác mạnh của chiến trường thì nhiều.

Tuy nhiên, vì ở một đơn vị thường xuyên tác chiến, cùng gian nguy, cùng sống chết với nhau nên tôi đã gắn bó với bạn bè, đồng đội trong đơn vị như với anh em ruột thịt. Tôi yêu đơn vị tôi, tôi yêu màu mũ, màu áo tôi, tôi yêu thuộc cấp tôi và tôi kính trọng thượng cấp tôi. Tôi bình thản chấp nhận mọi thói hư tật xấu của thượng cấp và thuộc cấp, và chính tôi cũng có quá nhiều thói hư tật xấu.

Nhưng, khi hai ông xếp lớn của tôi là đại tá Lữ đoàn trưởng và trung tá Lữ đoàn phó bỏ Lữ đoàn gồm bốn Tiểu đoàn tác chiến và các đơn vị phụ thuộc tổng cộng vào khoảng trên dưới bốn ngàn người trong cơn quẫn bách để chạy lấy thân thì lòng căm hận của tôi đột nhiên bùng dậy. Tôi giết Việt Cộng không gớm tay nhưng không bởi lòng căm thù vì giữa chúng tôi và Việt Cộng đã có lằn ranh rõ rệt, hai bên chiến tuyến hẳn hòi, hễ cứ thấy mặt nhau là giết, dùng mọi mưu mọi cách để giết nhau. Còn đằng này, vừa mất niềm tin vừa tủi nhục vì những người mình vừa kính trọng vừa phải tuân lệnh một cách tuyệt đối.

Làm thuyền trưởng thì phải sống chết theo tàu, làm đơn vị trưởng thì phải sống chết theo đơn vị. Tôi muốn nói đến tinh thần trách nhiệm của người chỉ huy. Người có quyền hành mà không có trách nhiệm nào có khác gì kẻ phản bội. Chúng ta thua không phải vì kẻ địch mạnh mà vì trong hàng ngũ chúng ta có quá nhiều kẻ phản bội và hèn nhát. Chính vì lòng thù hận sự hèn nhát và vô trách nhiệm của cấp chỉ huy nên hình ảnh và diễn tiến những ngày cuối cùng trước khi cả Lữ đoàn tan rã và bị bắt bởi khoảng hơn một đại đội du kích Việt Cộng vào nửa cuối tháng Ba năm 1975 đã như một cuốn phim nằm in trong trí nhớ của tôi, chỉ cần một cái ấn nút là được chiếu lại một cách rõ nét với đầy đủ những suy nghĩ và phản ứng của tôi, với từng diễn tiến nhỏ mà tôi đã phải trải qua.

Tôi ôm cái kỷ niệm đau đớn và tủi nhục này cả chục năm nay, qua những năm tù đày, qua những ngày tháng lang thang ở trại tỵ nạn, qua đến Mỹ, tôi đọc được lời tuyên bố của một ông tướng cũ nào đó trên báo đại khái “Để mất nước là tội chung của mọi người, làm lớn thì tội lớn, làm bé thì tội bé”. Tôi nghĩ ngay đến một điều là những thằng đâm sau lưng chiến sĩ có tội, và những thằng chiến sĩ đưa lưng cho xếp của mình đâm cũng có tội luôn. Điều này đã là cái ấn nút để tôi kể lại câu chuyện này.

Điều tôi muốn nói trong quyển sách này là không ai là không quay lại nhìn chỗ mình vừa ngã, và cũng không ai là không quay lại nhìn đống phân mình vừa thải. Ngã là lỗi của chính mình, và phân có thối cũng là phân của mình, vậy mà tại sao cả chục năm nay vẫn không thấy ai dám quay nhìn lại cái lỗi đã làm cho mình ngã lên ngay trên đống phân của mình, mà chỉ có toàn những lời chửi bới và đổ lỗi cho người khác, can đảm lắm cũng chỉ dám nhận một cái lỗi chung chung “lớn lỗi lớn, bé lỗi bé” đúng theo cái kiểu “Quốc gia hưng vong thất phu hữu trách”. Thằng thất phu còn có lỗi thì còn ai mà không có lỗi, tôi cũng đành có lỗi vậy.

Tôi không nhớ câu này của ai: “Cái đám quân thần của triều đình cũ chẳng có gì phải ngại cả, vì khi có quân có quyền trong tay họ còn chẳng làm được trò trống gì, thì bây giờ, chỉ còn trơ lại có mỗi cái thân giá áo túi cơm, hỏi rằng họ sẽ làm được gì hơn ngoài cái giá và cái túi”.

Đâu phải đất nước ta là một bàn cờ để hễ đánh thua ván này, xóa đi xếp quân làm lại bàn khác mà tướng vẫn là tướng, quân vẫn là quân. Đâu phải những con xe, con mã, con chốt đã chết đi

đều có thể dựng đầu dậy để làm lại một trận mới.

Trí đã không mà dũng cũng không, chỉ có mỗi cái tài dở dở ương ương là sử dụng một cách bừa bãi cái dũng của người khác đến nỗi phải bỏ cả đất nước mà chạy, đánh lừa để bỏ hàng triệu thằng dám chiến đấu tới cùng vào trong những trại tù đỏ, vậy mà vẫn còn dám chường mặt ra đòi tiếp tục làm cha mẹ dân thì quả là quá lắm lắm. Cái dĩ vãng thối tha và hèn nhát thì dù cho người đương thời có thể bỏ qua, nhưng lịch sử đâu có tha thứ. Vẫn cái chính danh là chống Cộng nhưng cái ngôn của các ông trước kia làm xếp lớn đã không thuận rồi, bây giờ phải để cho lớp người mới. Với tư thế mới, họ mới là những người thuận ngôn. Danh chính ngôn thuận mới có thể thắng được Việt Cộng, khôi phục lại được đất nước. Những con chốt thấp cổ bé miệng, những thằng bị đè đầu sai khiến ngày xưa và những người mới lớn bây giờ mới có quyền nói và mới là người có tư cách làm.

Quyển sách này không hề là một tiểu thuyết mà là một hồi ký. Bởi vì tôi chưa từng là một người cầm bút và tôi cũng không biết cách sắp xếp câu chuyện như thế nào. Tháng Ba thì mọi người đã rõ, còn Gãy Súng, tôi muốn nói lên một điều đau lòng cho những thằng lính cầm súng, khẩu súng mà không có đạn thì giá trị không bằng một khúc củi mục, chính tôi đã dẫn đại đội xung phong lên chiếm mục tiêu mà chỉ bắn bằng mồm. Súng của chúng tôi có phải là đã bị bẻ gãy không khi mà vẫn có thể tiếp tế đạn cho chúng tôi để chúng tôi chiến đấu? Ai đã bẻ gãy súng của chúng tôi? Tôi đặt chữ Gãy Súng cho quyển sách này là như vậy.

Và tôi gọi ***Tháng Ba Gãy Súng là hồi ký*** vì tôi chịu hoàn toàn trách nhiệm về những điều tôi viết, tất cả những địa danh, những tên người, tên đơn vị, tất cả những diễn tiến đều là thật, thật một trăm phần trăm. Tôi không lồng vào đấy bất cứ một hư cấu nhỏ nào, chắc chắn là tôi đã quên khá nhiều chi tiết, và với cấp bậc và chức vụ thấp kém của tôi, chắc chắn là có rất nhiều dữ kiện mà tôi đã không được biết. Tôi viết lại hoàn toàn sự thật những điều mắt thấy, tai nghe, những điều tôi đã nhận lệnh và đã thi hành.

Nếu Tháng Ba Gãy Súng là tiểu thuyết thì tôi lại phải thêm một câu màu mè đại khái “những nhân vật và những sự việc đều do sự tưởng tượng của tác giả, mọi sự trùng hợp chỉ là ngẫu nhiên ngoài ý muốn...”, trong khi tôi chỉ có một điều ngoài ý muốn là tôi đã không đủ khả năng để viết tất cả những điều tôi phải viết.

Bút Ký
Cao Xuân Huy

***

Tôi và thằng bạn lang thang khắp các quán nhậu, quán bia ôm trong thời gian thành phố đang xôn xao về chuyện mất Ban Mê Thuột. Vừa mới xong vụ Phước Long thương khó, bây giờ lại đến Ban Mê Thuột “khó thương”. Không biết lần này những nơi ăn chơi của trai thanh gái lịch Sài Gòn có bị đóng cửa ba ngày như lần trước không? Nhưng cả chuyện mất Ban Mê Thuột lẫn chuyện đóng cửa những nơi du hí chẳng ăn nhậu gì đến bọn tôi cả. Cho dù tất cả những quán bia ôm bị đóng cửa, bọn tôi vẫn có thể lê la những quán cóc lề đường. Hơn nữa, lúc này đã vào nửa cuối tháng lương mà ngày vui chắc chắn sẽ còn rất dài nên chuyện ngồi quán cóc lại là điều hợp lý và hợp tiền. Thành ra với bọn tôi, nhậu cái gì cũng là nhậu. Chúng tôi cần nhậu và sau đó xuống xóm tìm chị em ta, thật giản dị và dễ tính. Quán cóc và các xóm chị em ta bảo đảm là không bị ảnh hưởng một tí gì về chuyện thành phố phải để tang cho một địa danh nào đó vừa mất.
Tôi cũng vậy. Phước Long mất; Ban Mê Thuột mất; Pleiku, Kontum đang chuẩn bị mất tôi xem như “nơ pa”, bởi vì tôi sống và lớn lên ở Sài Gòn nên tôi đã thừa hưởng trọn vẹn cái thói thản

nhiên, cái tính phớt tỉnh Ăng Lê hơn người Ăng Lê của dân Sài Gòn. Thành thử một địa danh nào đó dù lớn dù nhỏ, vừa mất đi hay vừa chiếm lại được nếu không ăn nhậu gì đến chuyện làm ăn của mình, chuyện mất mát người thân của mình hay ảnh hưởng đến chuyện ăn chơi của mình thì dĩ nhiên không phải là chuyện của mình. Tiếng súng ở ngoài tầm tai của mọi người mà. "Tôi vẫn sống, tôi vẫn ăn và tôi vẫn thở...".

Tôi đã trú đóng một thời gian ở Ban Mê Thuột, cũng có một ít kỷ niệm lăng nhăng về tình cảm ở Ban Mê Thuột. Nhưng tôi không có tài sản, tôi không có thân nhân đang ở hay đang đánh đấm ở Ban Mê Thuột, và những nơi ăn chơi của tôi ở Sài Gòn không bị ảnh hưởng bởi chuyện mất Ban Mê Thuột, nên một năm mười hai tháng, chỉ có mấy ngày là được ăn nhậu thoải mái, không phải lo bất cứ chuyện gì, vậy thì tại sao tôi phải bận tâm về những chuyện không phải của mình? Mất hay không mất Ban Mê Thuột thì đã sao?

La cà ở các quán nhậu và sau đó xuống xóm đã là một chương trình bất di bất dịch trong những lần phép ở Sài Gòn. Đã có lần tôi viết thư cho một người bạn kể về những lần phép và những ngày phép của tôi: "Ở Sài Gòn, suốt ngày tao chỉ ngồi và nằm, ngồi với rượu và nằm với gái, vì cả năm sau đó tao không còn được ngồi và nằm thoải mái nữa, và chưa chắc tao đã có thêm được một lần phép kế tiếp. Lý do thật giản dị là mỗi buổi sáng mở mắt ra mới biết là mình đã sống thêm được một ngày".

Thời gian này tôi chỉ tiếc một điều là Rex vừa chiếu một xuất đặc biệt phim Exorcist để lấy tiền giúp đồng bào chạy loạn; giá vé thật đắt nhưng đã hết nhẵn từ chiều, kể cả vé chợ đen đắt gấp ba bốn lần giá vé chính thức. Tôi đến trễ nên không mua được vé. Không hiểu cả năm nữa tôi mới được về, chắc gì đã đúng vào dịp phim này được chiếu lại. Tôi tiếc không phải vì tôi đã không được đóng góp chút đỉnh tiền theo kiểu trước mua vui sau làm việc nghĩa để cứu giúp đồng bào mình, mà vì phim này được quảng cáo hấp dẫn quá, tôi muốn được xem đã từ lâu rồi. Thôi thì lại nhậu.

Đến ngày hết hạn trên giấy phép tôi ra trình diện hậu cứ ở Vũng Tàu để gia hạn, vì tôi đã lên máy bay rời Huế chậm hơn ngày ghi trong giấy phép. Đường Sài Gòn - Vũng Tàu lúc này hơi mất an ninh nên những chuyến liên lạc giữa hậu cứ tiểu đoàn với Bộ tư lệnh ở Sài Gòn thưa hơn trước. Trong khi chờ đợi quyết định của Tiểu đoàn trưởng ở hành quân, tôi la cà ở Bãi Trước để tránh phải nghe chuyện ngồi lê đôi mách, nói xấu nhau của những bà vợ sĩ quan ở khu gia binh của hậu cứ.

Ăn nhậu ở đây quá phí tiền nên không đợi Tiểu đoàn trưởng gia hạn giấy phép -tôi biết chắc chắn là tôi sẽ không được gia hạn- và cũng không đợi để đi theo chuyến liên lạc, tôi tự động coi như mình đã hợp lệ chuyện kéo dài ngày phép, tôi lên xe đò về Sài Gòn sau một chầu nhậu say mèm với bọn đệ tử ở hậu cứ. Thủ hai quả lựu đạn trong túi quần cho chắc ăn, nhưng vừa bước chân lên xe tôi đã ngủ như chết. Về đến Sài Gòn tên lơ xe còn phải lay một hồi lâu tôi mới tỉnh.

Tôi lại liên miên sáng xỉn chiều say tối nằm quay với gái, mặc dầu đã hết cả những ngày phép tự gia hạn. Nhưng nhằm nhò gì, tôi vẫn còn những ngày phép tự ký nữa vì tôi là một thằng có biệt tài trễ phép. Tùy cơ ứng biến, tôi có trăm phương nghìn kế để trễ phép mà không bị phạt. Tôi đã từng đi hai mươi tám ngày trong khi phép chỉ có bốn ngày, ra đơn vị cũng chỉ cười trừ. Lần đi phép này, tôi đã không định trễ, nhưng vì tôi đã bị Tiểu đoàn trưởng giữ lại đơn vị đến qua Tết ta trong khi giấy phép của tôi đã được gửi về hậu trạm trước Noel, nên không lý do gì mà tôi không trễ phép để bù lại sự thiệt thòi vô lý đó.

Suốt bảy năm lính tôi chỉ được ăn Tết lén ở Sài Gòn một lần vào đầu năm 70 vì tôi tình nguyện đi học khóa Rừng Núi Sình Lầy ở Dục Mỹ để câu giờ kiếm cái Tết. Để trả thù vì bị mất khơi khơi một cái Tết huy hoàng ở Sài Gòn tôi tính phải trễ phép một tháng tức là phải ở Sài Gòn một tháng rưỡi mới hả dạ. Tôi được phép thưởng đặc biệt mười lăm ngày, cho nên đã hết những ngày phép tự gia hạn, tôi còn đến một tháng phép tự ký nữa. Thiếu một thằng sĩ quan tại một đại đội lúc nào cũng có sẵn hai, ba thằng sĩ quan dự bị thì đâu có nhằm nhò gì, mợ đi lấy chồng thì chợ vẫn vui mà.

Nhưng chợ đã không vui.

Chiều 15 tháng Ba, tôi gặp thiếu úy Bé Quân Cảnh vừa từ Bộ tư lệnh hành quân về, cho biết

tiểu đoàn tôi đang đụng lớn. Tiểu đoàn tôi nằm ở cây số 23 về phía bắc trên quốc lộ 1 tính từ Huế. Khu vực trách nhiệm của tiểu đoàn từ bờ bắc sông An Lỗ ra đến căn cứ Hòa Mỹ. Sát sông An Lỗ là hai làng Cổ Bi và Hiền Sĩ, nơi đã xảy ra những trận đánh lớn sát quốc lộ, và hiện nay vẫn đang bị đặc công và du kích quấy phá, nhưng chỉ là quấy phá chứ không có gì đáng ngại. Sát căn cứ Hòa Mỹ là làng Đồng Lâm, một cái làng mà hầu như từ trưởng ấp trở xuống đều là Việt Cộng. Phía đông là bãi cát mênh mông, có một ít dân Quảng Trị chạy loạn về tạm cư lập thành một vài xóm nhỏ, tương đối an toàn. Còn về phía tây của vùng trách nhiệm, nơi đối diện thực sự với Việt Cộng, nơi mặt đối mặt, có chạm tuyến, có điểm đóng quân, nơi phía tây này có một trọng điểm là đồi 51. Từ đồi 51, chúng tôi có thể quan sát được những cuộc chuyển quân, kiểm soát được những hoạt động tại các vị trí của Việt Cộng, và cũng từ đồi 51, Việt Cộng có thể kiểm soát được các vị trí đóng quân của chúng tôi, kể cả một đoạn quốc lộ 1. Việt Cộng có thể dễ dàng liên lạc với bọn du kích nằm trong làng Đồng Lâm, nằm ngay sát quốc lộ và ngay bên cạnh căn cứ Hòa Mỹ.
Nếu tiểu đoàn tôi đụng lớn, chắc chắn là đụng tại đồi 51. Tính theo vòng thay đổi điểm đóng quân trong tiểu đoàn thì đại đội tôi đang nằm ở đồi 51.
Ban Mê Thuột mất không ăn nhậu gì đến tôi. Người ta đang bỏ Pleiku, Kontum cũng chẳng nhằm nhò gì đến tôi. Nhưng đồi 51, một ngọn đồi nhỏ không có tên, chúng tôi phải lấy cao độ của nó để đặt cho nó một cái tên cho dễ gọi, nơi mà không một người Sài Gòn nào nghe nói đến, nơi mà dù có mất nó cũng không đáng để cho người ta xê dịch cái kim hay đổi màu bút chì mỡ trên bản đồ chiến sự trong những báo cáo hằng ngày, nơi mà bản tin chiến sự hằng ngày của đài phát thanh quân đội cũng không buồn đọc, nơi mà báo chí hằng ngày cũng coi như không đáng đăng bằng tin xe cán chó, thì chính nó, cái đồi trọc lóc, nhỏ xíu và lùn tịt nằm ở cực bắc Việt Nam Cộng Hòa, lại là điều rất quan trọng đối với tôi, đã làm tôi bỏ ăn bỏ nhậu, đã làm tôi đang phè phỡn phải tìm mọi cách ra đến nơi càng sớm càng tốt. Nó mạnh hơn những ngày phép trả thù của tôi, nó hạ đo ván tất cả những lý do, những cái mánh tôi đang sắp xếp để qua mặt Tiểu đoàn trưởng, vì đó là ngọn đồi mà đại đội tôi đang trấn đóng, nơi mà anh em bè bạn, thầy trò của tôi không biết thằng sống thằng chết ra sao.
Sáng 16 tháng Ba, tôi lên trình diện Bộ tư lệnh, phòng Tư cho biết ít ra phải cả tuần nữa mới có được tên trong danh sách của chuyến bay ra Đà Nẵng - phi trường Phú Bài đã không sử dụng được vì nằm trong tầm pháo của Việt Cộng. Lúc ăn điểm tâm tại Thị Nghè sáng ngày 17 tôi đã năn nỉ thượng sĩ Tuấn, người phụ trách lập danh sách cho các chuyến bay của Sư đoàn để được có tên trong chuyến bay ngày 18.
Chiều 17 tháng Ba, tôi chào gia đình để đi. Bà ngoại ôm tôi khóc. Mẹ tôi không muốn tôi đi. Và cậu tôi -tuy là em của mẹ tôi nhưng ông mới chính là bố tôi vì ông đã nuôi tôi từ ngày còn đỏ hỏn cho đến khi tôi bước chân vào đời- khuyên tôi nên đào ngũ vì tình hình theo ông biết là Mỹ sẽ bỏ rơi Việt Nam. Ông nói:
- Tình hình lúc này không còn được như trước nữa đâu con ạ! Những người Mỹ cậu quen đã lục tục về nước gần hết, chỉ còn ít người ở lại để thu xếp công việc, cậu chắc là rồi họ cũng sẽ đi nay mai gì đó thôi. Tốt nhất là con nên ở nhà để còn lo liệu cho gia đình. Nhà mình chỉ có cậu với con là đàn ông thôi.
Tôi tin là ông nói thật. Dĩ nhiên là ông không nói hết những điều ông biết nhưng ông cho tôi một lời khuyên gói trọn tất cả những điều ông cần nói. Sự quen biết của ông đủ để bảo đảm những điều ông nói nên tôi tin là ông thực sự muốn tôi đào ngũ ở nhà để tránh phải húc đầu vào những trận đánh vô ích. Nhưng tôi không nghe lời ông. Chắc chắn là Mỹ không bỏ Việt Nam, bao nhiêu xương máu và của cải của Mỹ đã đổ xuống đây rồi. Và hiện giờ Mỹ chỉ không tăng viện trợ chứ Mỹ đâu có cắt hết viện trợ. Chúng tôi đã chẳng phải chiến đấu theo kiểu nhà nghèo từ sau ngày ngưng bắn rồi ư. Còn một điều nữa là bạn tôi, anh Phát làm ở Hạ Viện, cho biết là sẽ cắt đất hoặc ở An Lỗ hoặc ở Lăng Cô.
Hơn nữa, còn đồng đội tôi, còn đàn em tôi, còn danh dự tôi. Tôi sẽ ăn nói thế nào với họ khi mà tôi, thằng Huy Râu của Tiểu đoàn 4 đào ngũ khi đơn vị đụng trận. Riêng chuyện trễ phép trong khi đại đội bị tấn công ở đồi 51 đã không đủ nhục hay sao, không lẽ bây giờ tôi lại bỏ mặc tụi

nó, đào ngũ để lo cho thân mình vì chuyện khó tin chưa xảy ra. Không, cậu tôi nói thật nhưng chỉ là điều ông căn cứ vào những tin tức từ bạn bè, người quen của ông; còn tôi, tôi không thể nghe lời ông vì tôi không muốn là một thằng hèn. Tôi nói với ông:
- Sống chết sướng khổ gì cũng có số hết cậu ạ. Cháu không muốn phải ngượng mỗi lần gặp lại bạn bè, đồng đội.
Tôi không phải là một người hùng, nhưng tôi cũng không phải là một người hèn. Tôi chỉ là một người lính, lính của một binh chủng chuyên môn đánh trận và chỉ nhận những người tình nguyện; tôi phải xứng đáng với màu mũ tôi đang đội, màu áo tôi đang mặc, và hơi cá nhân một chút, tôi phải xứng đáng với cặp lon tôi đang đeo... Nhưng tôi cũng không phải là một người lính gương mẫu, đúc khuôn theo những điều được huấn luyện trong quân trường, thi hành đúng 8 điều, 10 điều tâm niệm của mấy ông Chiến Tranh Chính Trị đẻ ra mà chính mấy ông ấy lại không bao giờ thi hành. Tôi là một thằng lính ba gai, cờ bạc, rượu chè, trai gái đủ cả nhưng đánh giặc cũng rất tận tình. Chưa một ai, thượng cấp cũng như thuộc cấp, phải than phiền về tôi trong những trận đánh.
Trưa 18 tháng Ba, ra đến Đà Nẵng, tôi phải ngủ lại một đêm vì không có xe ra Huế. Bộ tư lệnh hành quân đang chuyển từ Hương Điền Huế vào căn cứ Non Nước Đà Nẵng. Xe cộ đang dành ưu tiên để chuyển các tiểu đoàn của Lữ đoàn 258 và 369 vào Đà Nẵng thay cho các tiểu đoàn Dù rút về Sài Gòn.
Ngoại trừ phi trường Đà Nẵng rất đang chộn rộn về những đống quan tài phủ cờ được đưa về Sài Gòn và những người dân Pleiku, Kontum được di tản bằng máy bay đến, nhịp sống của những người dân trong thành phố hình như không có gì thay đổi. Tôi và mấy người lính cùng tiểu đoàn lại lang thang trong thành phố để tìm các quán nhậu và xóm chị em ta. Cà phê, xi nê, vũ trường vẫn đông đảo tấp nập. Buổi tối chúng tôi còn kéo nhau đến xem hội chợ tại một trường nữ trung học nhân dịp lễ kỷ niệm một nữ anh hùng nào đó trong lịch sử mà tôi không nhớ. Người ta vẫn ăn diện, người ta vẫn chơi bời, người ta vẫn vui vẻ thoải mái, đường xá vẫn rất nhộn nhịp. Sinh hoạt bình thường này đã làm yên lòng những người dân vừa từ Quảng Trị và Huế chạy vào.
Căn cứ chuyển vận vẫn tối tăm, hôi hám và bẩn thỉu như thuở nào, vẫn nhộn nhịp và ồn ào vì chưa bao giờ được yên tĩnh. Những ông già mệt mỏi và những người đàn bà xốc xếch đang vật vã khóc quanh những quan tài phủ cờ được mang để ở đây không biết từ lúc nào, và cũng không biết đến bao giờ mới được mang đi. Máy bay đã không còn chỗ cho những chiếc quan tài này, và đường thủy cũng chỉ nhận mỗi ngày một số rất hạn chế.
Có cả xác của những người lính của tiểu đoàn tôi đã nằm đợi ở đây bốn, năm ngày. Và thân nhân của họ ở đâu miệt lục tỉnh cũng đã ra đến, xác của họ phải được mang đi gấp vì họ chết ít ra cũng đã hơn một tuần, không hiểu thứ tự ưu tiên của căn cứ được sắp xếp thế nào mà xác họ vẫn còn để đây. Và điều này cũng làm tôi thắc mắc là từ ngày Sư đoàn tôi ra Quảng Trị, chúng tôi vẫn có những chuyến bay riêng để tiếp tế, tải thương, tải xác... tại sao bây giờ chúng tôi lại phải tải xác qua hệ thống chuyển vận của căn cứ này? Tôi được yêu cầu đứng ra can thiệp nhưng chẳng đi đến đâu cả, chỉ nhận được những lời hứa, mà lời hứa thì giá trị khỉ gì trong lúc này!
Chúng tôi lại kéo nhau ra cái quán nằm xế cổng căn cứ nhậu tiếp. Lại nhậu, mặc dầu mấy thằng chỉ còn một cây thuốc Capstan đem theo để đổi rượu. Tại quán nhậu, tôi gặp mấy người lính Lôi Hổ đóng tại Đà Nẵng, họ cho biết nửa khuya này họ phải nhảy vào Ban Mê Thuột. Tôi nghĩ bụng quả là chó má khi cố tình giết thêm một ít người nếu đúng như họ phải nhảy vào Ban Mê Thuột. Hy vọng điều này không đúng với sự thật. Quyết định thí quân hay quyết định sai lầm của một cấp chỉ huy có thể giết chết hàng đơn vị lớn cũng không đáng trách, nhưng quyết định thảy một toán lính vào một nơi mà hàng sư đoàn không chống giữ nổi, kéo theo cả một quân đoàn phải rút chạy thì cái chết của họ phí quá. Ai là người chịu trách nhiệm về những cái chết kỳ cục vô ích này? Lính cũng là người chứ đâu phải đồ chơi cho những ông xếp lớn!
Trưa 19 tháng Ba, tôi ra đến Huế. Sinh hoạt ở đây rất vội vã, vội vã chứ không ồn ào. Hình như người dân ở đây đã quá quen với những lần phải bỏ nhà bỏ cửa chạy lấy người, và hình như

những người chuyên gây ra chuyện ồn ào đã bỏ chạy từ trước rồi. Những người nhà giàu đã vào Đà Nẵng hoặc Sài Gòn, những người trung lưu cũng đã vào Đà Nẵng trú thân, cái vội vã chỉ xảy ra ở những người buôn bán nhỏ, hoặc ở những người còn cố nán lại ở thành phố để kiếm thêm chút "cháo".
Tôi cũng vội vã không kém. Tôi phải mua ít đồ lặt vặt để đi gấp ra tiểu đoàn trong buổi chiều để còn kịp về đến đại đội trước khi trời tối. Tôi không thể đợi đến ngày hôm sau đi theo chuyến tiếp tế vì Tiểu đoàn trưởng ra lệnh tôi phải ra hành quân ngay trong ngày bằng mọi giá. Vả lại, tôi cũng không thích nhìn thành phố Huế đang trên đà giãy chết này nên ra hành quân cho êm chuyện.
Xuống xe tại sân tiểu đoàn, tôi gặp một thiếu tá rất lạ mặt đang đứng với Tiểu đoàn trưởng ở cửa lều ban Ba. Tôi trình diện. Ông thiếu tá lạ hoắc đó tên là Thành cũng mang bảng tên màu đỏ của tiểu đoàn. Ông bắt tay tôi và hỏi Tiểu đoàn trưởng:
- Ông sĩ quan này đây hả?
Nghe câu này, tôi biết chắc là hai người đã nói chuyện về tôi, và dĩ nhiên không phải là nói tốt. Nhằm nhò gì! Tiểu đoàn trưởng không trả lời, quay sang nói với tôi:
- Đụ mẹ, ông về đại đội liền bây giờ.
- Đại đội tôi nằm đâu, thiếu tá?
- Đụ mẹ, không biết, ông đi cho khuất mắt tôi đi!
Tiếng chửi thề của ông rất nhỏ nhưng tôi biết ông chửi thề vì thấy môi ông mấp máy trước khi nói. Tôi chào và quay đi với một chút thích thú, đâu phải thằng nào cũng làm cho "Hitler" chửi thề được, dù chỉ chửi lẩm bẩm trong miệng. Ông đuổi tôi đi ngay lập tức, tức là tôi không phải trả lời ông về lý do trễ phép, dĩ nhiên như vậy tôi đâu có bị phạt. Ra đến Huế, hậu trạm đã cho tôi biết đại đội bị "banh ta lông" ở đồi 51 không phải là đại đội tôi, như vậy, cái gánh nặng trong người tôi đã được trút bỏ, chỉ còn mỗi cái gánh nhè nhẹ là bị phạt này bây giờ cũng được tháo bỏ nốt.
Trung úy Xuân đại đội trưởng đại đội chỉ huy cho tôi biết là thiếu tá Thành sẽ thay thế thiếu tá Toàn làm tiểu đoàn trưởng, hẳn là hai ông đã bàn giao cả cái ba gai của tôi. Đại úy Phó đang tập sự làm trưởng ban Ba để đi với thiếu tá Toàn qua tiểu đoàn 18, đại đội 3 của đại úy Hiếu đã qua tiểu đoàn 14 trước, còn đại đội mới thành lập của đại úy Chiêu nay trở thành đại đội 3 đã "banh" mất nửa đại đội tại đồi 51, thiếu úy Sáng đại đội phó chết cùng với lính, trong số chết có thằng Hiếu, tên cao bồi ruột của tôi.
Khi thành lập đại đội mới, tôi chắc mẫm là qua làm đại đội trưởng nên đã đưa Hiếu qua trước để khi tôi qua khỏi bị rắc rối giấy tờ, nhưng cuối cùng đại úy Chiêu làm đại đội trưởng và thiếu úy Sáng làm đại đội phó, tôi gửi Sáng thằng Hiếu, đâu ngờ tôi đã gửi thằng Hiếu cho cái chết. Tôi cũng được biết đáng lẽ đại đội 4 tôi lên nằm đồi 51 theo đúng vòng luân phiên nhưng vì thiếu đại đội phó -là tôi- nên đại đội 3 đã lên thay. Như vậy, chuyến đi phép của tôi đã cứu tôi và cứu nửa đại đội của tôi, nhưng chuyến đi phép của tôi đã làm chết oan Sáng và nửa đại đội của Sáng. Đồi 51 đã được đại đội 2 lấy lại sau đó một ngày, giải thoát được một tiểu đội còn bám lại và lấy lại toàn bộ vũ khí bị mất, chỉ thiếu có bộ phận máy nhắm của một khẩu súng cộng đồng, đồng thời tịch thu được khá nhiều vũ khí. Xác lính thiếu mấy cái được kể như mất tích. Xác thiếu úy Sáng cởi trần và không có thẻ bài, được nhận diện bằng cái ống quần chật cố hữu và cái khóa thắt lưng đặc biệt, loại chỉ có khung mà không có mặt.
Sáng và tôi ở hai đơn vị khác nhau, học cùng một khóa ở Rừng Cấm, trung tâm huấn luyện của Sư đoàn, cùng về đại đội một ngày, tuy mỗi thằng chỉ huy một trung đội nhưng thường đi cặp với nhau trong những trận ủi bãi. Hai thằng tôi còn là một cặp tri kỷ về nhậu. Sáng, tôi và Thiện -đã đi đơn vị khác- được mệnh danh là ba cái nắp nhạo. Sáng đeo lon chuẩn úy hơi lâu trên cổ -bốn năm- mà không vì một lý do nào hết, là một trung đội trưởng kỳ cựu nhất tiểu đoàn - hơn ba năm- nên vừa lên thiếu úy vài tháng đã được làm đại đội phó. Cuộc đời binh nghiệp của Sáng khá lận đận mặc dầu là một người rất tôn trọng kỷ luật chứ không thuộc loại mất dạy như tôi. Bây giờ lên lon, lên chức liên tục dù rằng đã trễ, tưởng rằng sự nghiệp kaki sẽ khá hơn chút đỉnh, nào ngờ lương thiếu úy chưa được lãnh, hồ sơ chức vụ Đại đội phó chưa điều chỉnh xong

thì đời Sáng đã xong.
Khi địch tràn ngập vị trí phòng thủ ở đỉnh đồi, Sáng đã xin pháo binh bắn thẳng vào đầu mình, không khóa, không mã, không ngụy, không ám danh đàm thoại gì hết trên hệ thống truyền tin, tiếng Sáng ngắn gọn sau một tiếng chửi thề: "Đụ mẹ, nó đông quá, chụp lên đầu tao!" Pháo đã chụp lên đỉnh đồi và hai chiếc máy bay cũng nhắm thẳng đỉnh đồi mà dội.
Cái chết thật anh hùng nhưng cái chết thật vô danh -đã đành-. Cái sống anh hùng của cả một tiểu đội vẫn bám chặt, vẫn chiến đấu trên ngọn đồi đã bị địch tràn ngập cho đến khi được giải cứu, đã chỉ được nhắc nhở đến như một tin tức bình thường. Có vô tình quá không, mặc dù ai cũng hiểu một vài điều khích lệ lúc này, một chút cử chỉ quan tâm lúc này còn giá trị hơn một triệu hành động tuyên truyền chiến tranh chính trị. Tôi thắc mắc không hiểu tiểu đội anh hùng này là người hùng riêng của tiểu đoàn 4 hay họ cũng là anh hùng của cả binh chủng, của cả quân đội. Chắc chỉ có những ông xếp lớn chết hoặc sống hơi "ngon" một chút mới đáng là anh hùng, còn những thằng cỡ thiếu úy Sáng, cỡ tiểu đội cố thủ trên đồi 51 này thì là "cái mẹ gì".
Quân đội không thiếu những anh hùng cỡ là "cái mẹ gì" mà thành ra thiếu anh hùng một cách trầm trọng. Tôi sực nhớ lại một trong những người là chiến sĩ xuất sắc thuộc tiểu đoàn tôi về dự đại hội chiến sĩ xuất sắc ở Sài Gòn năm 73 là người quanh năm suốt tháng ở hậu cứ, hầu như suốt cuộc đời nhà binh chưa hề nghe một tiếng súng bắn ngược. Hoan hô những người hùng.
Tôi hỏi trung úy Xuân:
- Đại đội tôi nằm ở đâu ông?
- Chỗ cũ, đến đường rầy quẹo trái.
Tôi ra khỏi chỗ đóng quân của Ban chỉ huy tiểu đoàn, băng ngang quốc lộ đi dọc lên phía bắc, qua chợ Đông Hòa cũ, mặc dù hôm đi phép tôi còn ngồi ở góc chợ uống bia chờ xe đò, nhưng bây giờ chưa đầy một tháng vắng mặt, tôi đã phải gọi là cũ vì nó chỉ còn trơ ra những cái xạp cháy dở và những tấm vách nằm ngổn ngang đầy những dấu đạn đại bác. Tôi quẹo trái vào con đường đất đỏ dẫn vào phía núi.
Con đường nhỏ dẫn vào chân núi này rất quen thuộc với tôi nhưng bây giờ lạ hẳn. Ngay từ căn nhà đầu tiên, quán nhậu của mẹ con cô giáo Hương đã không còn nguyên vẹn, mái tôn đổ ụp xuống làm văng tung tóe những tấm ván thùng đạn pháo binh được đóng làm vách, căn nhà bên cạnh, tiệm hớt tóc miền quê cũng không còn cái cọc nào đứng nguyên. Suốt một dọc, những căn nhà ven chợ này đều có chung hình dạng tan nát của cái chợ. Càng vào sâu, nhà cửa càng tan hoang, dấu vết của những đợt pháo kích khủng khiếp.
Qua hết khu "thị tứ" ven chợ, băng qua một vũng sình lớn, tôi đến khu trong. Gọi là khu trong vì có đám sình ngăn cách với khu buôn bán bên ngoài chứ thực ra chỉ có lèo tèo vài căn nhà lụp xụp để ở. Khu trong còn nguyên vẹn. Tôi đến gần, một bà sư từ trong nhà đi ra, gọi tôi hỏi:
- Răng eng đi giờ ni mà đi có một miềng?
Câu hỏi làm tôi sững người. Mặt trời đã lặn, tuy còn thấy rõ mặt người nhưng chỉ là ánh sáng phản chiếu mà đường vào đến đại đội tôi còn xa. Bây giờ tôi mới chợt để ý là khu này không còn người dân nào, vì nhà cửa họ cháy hết đã đành, mà tình hình lúc này không còn phải là tình hình của những ngày tôi chưa đi phép. Nhìn xuống khẩu súng, tôi nổi gai ốc khắp người, súng tôi không có đạn.
Bằng động tác rất tự nhiên, tôi kê khẩu súng lên túi đạn bên hông -dĩ nhiên túi đạn cũng rỗng- đứng nghiêng người để bà sư không thể nhìn thấy chỗ lắp băng đạn của khẩu M-16 tôi cầm trên tay đang rỗng tuếch. Tôi trấn tĩnh rất nhanh.
- Có lính ra đón tôi. Tại sao bà lại ở đây có một mình?
- Tui tu hành mà eng. Eng đi cho cẩn thận chứ mấy hắn thường ra giờ ni nớ.
Tôi bước đi, trong đầu không còn nghĩ đến Sáng, không còn nghĩ đến Hiếu, không còn nghĩ đến hùng đến hèn gì nữa mà chỉ còn nghĩ đến mình. Tôi đã quá cẩu thả để không hỏi rõ tình hình, để không lấy vài băng đạn đem theo, để không gọi máy về đại đội gọi lính đi đón. Sự cẩu thả này không thể chấp nhận được. Cái lỗi này chỉ cần một chút "xui" là không bao giờ còn vấp phải lần thứ hai vì chắc chắn không còn lần thứ hai nào nữa để mà vấp phải. Tôi bước đi, hấp tấp nhưng phải cố làm ra vẻ như mình không hấp tấp, mắt đảo thật nhanh, láo liên như một

thằng ăn cắp, nhưng lại phải rất kín đáo nhìn lại phía sau, súng không có đạn mà lúc nào cũng phải nắm lấy tay cầm của khẩu súng trong tư thế sẵn sàng bắn, nhưng dĩ nhiên phải giấu phía gắn băng đạn quay vào người. Cứ trong tư thế mâu thuẫn như vậy tôi đi. Trời không lạnh mà tôi run, trời không nóng mà tôi toát mồ hôi. Bàn tay phải đã ướt nhẹp mà tôi không dám rời tay cầm của khẩu súng để lau. Tôi phải giữ đúng tư thế sẵn sàng tác chiến với hy vọng may ra đánh lừa được tên du kích nào lấp ló ở đâu đó chăng. Tôi cố gạt phắt ý nghĩ là nếu thằng du kích nào đó có súng thì cho dù tôi có ở tư thế "hiên ngang" như thế nào đi nữa thì nó vẫn có thể "tỉa" tôi một cách dễ dàng. Nhưng với tư thế này của tôi, biết đâu nó có thể nghi rằng đàng sau tôi đang còn một tốp lính nữa mà tôi chỉ là thằng xích hầu, nếu chỉ có một mình chắc chắn nó sẽ không dám bắn. Một cú tháu cáy cạn láng mà tôi chỉ có đôi bạt mặt.

Sự bình tĩnh gần như chỉ còn là phản ứng không phải của tôi, được tăng lên theo sự rút ngắn của đoạn đường, nhưng lại giảm xuống theo sự mất dần của ánh sáng. Lời nói dối bà sư khi nãy trở thành niềm hy vọng to lớn tôi mong chờ: tôi chờ được gặp tốp lính đang trên đường đi đón.

Đến đường rầy là ngã ba đường thì cũng lại là ngã ba đường của tôi, "chỗ cũ" của đại đội tôi và "tới đường rầy quẹo trái" là hai địa điểm ngược đường với nhau, quẹo trái thì không thể nào đến chỗ cũ, mà đi băng qua đường rầy thì lại sai với lời chỉ đường. Tôi chửi thầm trung úy Xuân đã chỉ đường cho tôi một cách bá láp, tôi chửi thầm tôi đã không kịp nhận định cho rõ trước khi rời tiểu đoàn, tôi cũng chửi thầm luôn đại đội trưởng đã biết tôi về đến mà không cho lính đi đón.

Tôi phân vân nhưng không được phép chần chừ, quyết định chậm phút nào là kéo dài sự nguy hiểm thêm phút nấy. Tôi không dám lên chỗ cao để nhìn cho xa, vì ánh sáng lúc này không đủ cho tôi nhìn xa và bóng tối lại quá đủ cho thân hình tôi in rõ nét trên nền trời. Chỉ còn chừng ba mươi thước là đến đúng chỗ rẽ, suy tính của tôi không được phép lâu hơn ba mươi bước đôi của một người bước vội. Tôi không còn lựa chọn giữa hai nơi "chỗ cũ" và "đến đường rầy quẹo trái" nữa, mà tôi chỉ còn được phép chọn lựa lối đi theo địa thế. Nếu đi băng qua đường rầy tôi sẽ phải đi băng qua mấy cái đồi trọc nằm thoai thoải, dễ chết quá, tôi sẽ là một mục tiêu rất rõ cho những tay súng nhắm bắn từ sát mặt đất. Còn nếu quẹo trái, tôi sẽ phải đi vào con đường mòn thật nhỏ, quanh co và nhiều bụi rậm, cũng dễ chết lắm vì khu này đã không được "ổn" từ những ngày tôi chưa đi phép, huống hồ bây giờ.

Tôi quyết định quẹo trái vì chưa chắc hiện giờ lối nào "ổn" hơn lối nào. Nếu đi trên đồi, hai bên gặp nhau thì thằng chết chỉ là tôi, nghĩa là kể cả trường hợp tôi thấy địch trước, vì tôi không có lấy một viên đạn... làm thuốc. Còn nếu quẹo trái, ngộ nhỡ có đụng đầu nhau, kể cả trường hợp tôi thấy địch sau, tôi vẫn còn có thể lủi vào bụi rậm hai bên đường để mà "chẩu".

Tôi đi rất cẩn thận, nghe ngóng và dọ dẫm ở những khúc quanh và chạy thật nhanh ở những khúc thẳng. Đến bụi rậm cuối cùng, tôi dừng lại quan sát ngọn đồi trước mặt. Con đường lượn lên dốc thoai thoải vòng quanh chân đồi, bên phải trống trơn, một vài bụi rậm nhỏ không đủ che giấu cho tôi đi qua được chân đồi vì bên trái con đường, lên cao một chút trên sườn đồi đang có lố nhố mấy người đứng ngồi nhấp nha nhấp nhô. Bằng mắt với ánh sáng và khoảng cách lúc này tôi không thể phân biệt được họ là ai, mình hay địch. Không phân biệt được bằng mắt thì phân biệt bằng tai vậy: tôi cố gắng lắng nghe họ nói chuyện. Dĩ nhiên với khoảng cách này thì chỉ tiếng được tiếng mất, nhưng tôi đâu cần nghe câu chuyện của họ, mà tôi chỉ cần phân biệt cái giọng của họ, nếu giọng Nam thì thật "đã đíu", mọi chuyện sẽ êm xuôi tại đây, còn nếu giọng Bắc nhà quê hoặc giọng trọ trẹ miền Trung thì... đằng sau quay, và chắc chắn là tôi sẽ có một đêm ngủ vật vờ trong bụi để làm mồi cho lũ muỗi rừng và... đợi sáng tính sau.

Tôi vận dụng tất cả mọi khả năng, dồn hết sức sống của tôi vào đôi tai để chờ đợi, nhưng ngoài tiếng côn trùng và tiếng gió, tôi không nghe được một tiếng nói nào của mấy người trên sườn đồi kia. Tuy nhiên, tôi bình tĩnh thật lạ lùng, cái bình tĩnh của thằng lính khi ra trận đã biết rõ mục tiêu, biết rõ từng vị trí của địch, đã nghe tiếng súng nổ, không còn sự hồi hộp lo sợ của sự chờ đợi những viên đạn đầu tiên của địch thay cho lệnh khai hỏa ghim vào thân thể mình trước

khi kịp nghe tiếng súng, không còn là chuyện may rủi trời kêu ai nấy dạ của những viên đạn bắn sẻ nữa, mà là cái bình tĩnh của một sự việc đã được tính toán, đúng thì sống mà sai thì... húp cháo rùa.
- Đù má, lâu dzậy mảy?
Tiếng nói đột ngột, không đủ lớn nhưng đủ lọt vào tai tôi. Xong rồi! Tiếng chửi thề nghe sao dễ thương lạ. Tiếng chửi thề đã chấm dứt sự nguy hiểm bao quanh tôi. Bọn này hẳn phải là lính đại đội tôi, đang gài mìn tại tiền đồn cấp tiểu đội.
Tôi ung dung trở ra đường mòn, bằng điệu bộ rất thoải mái, súng vác vai vừa đi vừa huýt gió "cờ bay cờ bay oai hùng..." để tránh sự bất ngờ có thể gây ra ngộ nhận. Mấy người lính dừng tay nhìn tôi, và khi đi vòng theo chân đồi không thấy ai lên tiếng hỏi thăm, chắc là tối quá tụi nó không nhận ra mình, tôi lên tiếng:
- Đứa nào đó bay?
Không nghe tiếng trả lời, tôi hỏi tiếp:
- Đại đội 4 phải không?
- Đụ mẹ, đi đâu về trễ vậy cha nội?
Tôi bực mình, lính tráng thế này thì hỏng rồi, tôi xẵng giọng:
- Đại đội nằm đâu?
- Ủa, phép ra hả mày, đi tới là gặp liền. Mà đi lẹ lẹ nghe cha nội, coi chừng tụi nó gài "đồ chơi" rồi đó.
- Có máy không, báo là tao về tới, khoan gài.
- Không.
Tiếng không cụt ngủn và có vẻ hơi xẵng. Tôi vừa bực mình vừa buồn cười liên tưởng đến một chuyện cũ. Năm 72, tôi bị thương, trong khi nằm ở tiểu đoàn đợi trực thăng tải thương, có một tay cũng bị thương và đợi trực thăng như tôi xin tôi điếu thuốc và hỏi một câu làm quà:
- Đụ mẹ, mày cũng bị thương hả?
Tay lính này chắc chắn chưa tới hai mươi, mặt mũi còn non choẹt và điệu bộ đầy vẻ dê cỏn buồn sừng. Tôi trả lời ậm ừ. Nó hỏi tiếp:
- Mày trung đội mấy?
- Trung đội 2.
- Tao cũng trung đội 2, mày tiểu đội mấy?
- Tao ở PC trung đội.
- Đụ mẹ, mày tà lọt mà cũng bị thương hả?
- Ờ, tao trung đội trưởng.
Thằng bé bẽn lẽn:
- Ủa, ông thầy, em đâu có biết.
Dĩ nhiên là nó không biết tôi, và cả tôi cũng không biết nó. Nó là một thằng lính mới tò te, rất tò te vừa được đưa từ trung tâm huấn luyện Rừng Cấm ra tiểu đoàn, ban Một tiểu đoàn phân phối cho đại đội, thường vụ đại đội chia cho trung đội, trung đội phó nhận rồi đưa ra tiểu đội. Trung đội đang "ủi bãi", nó về đến trung đội buổi chiều, buổi tối tôi bị thương, nó đâu thể biết trung đội trưởng là ai được.
Còn một chuyện nữa, cũng năm 72. Tiểu đoàn trưởng lúc đó là trung tá Quang. Trên hệ thống truyền tin ông là Quang Trung, nhưng trên cửa miệng của những thằng lính chúng tôi thì ông là Quang Bóp Cổ. Nghe tên Quang Bóp Cổ phải hiểu ngay ông là nhân vật như thế nào trong đơn vị. Tiểu đoàn nằm ở thôn Bích La bên cạnh bờ sông Vĩnh Định, đại đội tôi nằm ôm tiểu đoàn. Một hôm Việt Cộng chen vào giữa đại đội 2 và tiểu đoàn. Sáng hôm sau chúng tôi đánh bật Việt Cộng ra ngoài đồng trống, thôi thì lính tráng tha hồ bắn những cái bia di động. Quang Bóp Cổ cũng lấy M-79 ra bắn loạn xà ngầu. Tụi tôi thấy Quang Bóp Cổ thằng nào cũng né, dạt ra một nơi. Chuẩn úy Chiếm lúc đó đang đi OJT trong đại đội, thấy một thằng mặc áo thun ba lỗ bắn M-79 dở ẹc, anh chàng đi tới vừa giựt khẩu súng vừa chửi thề:
- Đụ mẹ, bắn như cái con cặc mà cũng đòi bắn, đưa đây tao!
Đó là những mẩu chuyện ngộ nhận, nhưng trường hợp tôi bây giờ lại khác. Trong toán lính này

ít nhất cũng phải có một thằng biết tôi; không kể thời gian làm trung đội trưởng, tôi đã làm đại đội phó đại đội 4 này ít ra cũng đã hơn hai năm rồi. Tại sao ngay cả tên chỉ huy cũng không nhận ra tôi? Hay là...
Tôi chạy thật nhanh, lần này thì chạy thật chứ không còn giả vờ gì nữa, để kịp về đến đại đội trước khi mìn và lựu đạn gài chặn lối đi. Tôi chạy một mạch gần hai trăm thước tới chân đồi đại đội, thấy mấy người lính đang từ trên đồi đi xuống, tôi đi ngược lên. Khi tới ngang họ, tất cả dừng lại tránh lối cho tôi đi lên, họ nhìn tôi có vẻ ngạc nhiên, tôi nhìn họ cũng rất ngạc nhiên, tất cả những khuôn mặt đều lạ. Tôi hỏi:
- Đại 4 phải không?
- Ừa, đại 4.
Một người lính từ trong lều trên đồi bước ra hỏi vọng xuống:
- Gì đó bay?
Tôi bỏ toán lính, đi tiếp lên đồi. Toán lính nhìn nhau rồi nhìn tôi, rồi lại nhìn nhau. Khi tôi đi qua người lính gác, đi tới người lính đứng trên đồi, họ mới tiếp tục đi xuống. Người lính đứng trên đồi hỏi vọng xuống là ông thượng sĩ già. Tôi nhìn kỹ bảng tên, bảng tên màu hồng. Té ra đây là đại đội 4 của tiểu đoàn 7. Rõ chán!
- Thượng sĩ cho tôi gặp đại đội trưởng.
Người lính già trố mắt nhìn tôi, chắc chắn là không hiểu gì cả, bảo tôi đứng đợi rồi chui vào cái lều lớn ở giữa sân. Ông ta không hiểu nhưng tôi hiểu là mình đã đến lầm đơn vị, và việc của tôi ngay lúc này là phải gặp đại đội trưởng ở đây để nhờ liên lạc với đại đội tôi cho người đến đón. Nguy hiểm có thể đã hết, nhưng mệt thì còn nhiều. Ông thượng sĩ trở ra, tay cầm đèn được thắp bằng pin của máy PRC-25; một người nữa ra theo, tôi nhận ra người đi sau là Minh, bạn tôi.
- Ê Minh, cho tao gặp đại đội trưởng mày.
Ông thượng sĩ lại trố mắt nhìn tôi thêm một lần nữa, ông ta không thể hiểu tôi là cái giống gì - tôi không đeo lon. Tuy nhiên ông ta không nói tiếng nào, lặng lẽ bỏ đi khi nghe Minh nói với tôi:
- Đụ mẹ, mày làm cái con cặc gì mà tới đây giờ này, vô đây phê pháo cái đã, mọi chuyện tính sau.
Tôi theo Minh vào lều nhưng sốt ruột, lại hỏi:
- Tao gặp đại đội trưởng mày đã, phê pháo mẹ gì.
- Phê pháo đã mà, ổng đang bận.
- Ủa, bộ mọi chuyện đại đội trưởng mày làm hết hả?
- Đâu có, đại đội phó làm chứ.
- Vậy ổng bận cái gì?
- Bận tiếp khách.
- Mẹ kiếp, té ra mày là đại đội trưởng à?
- Chứ còn thằng con cặc nào vô đây!
Vừa uống cà phê tôi vừa kể cho Minh nghe chuyện vừa qua, Minh nhìn tôi cười:
- Đụ mẹ, mật mày lớn mà mạng mày cũng lớn, lóng rày tụi nó ra hà rầm.
- Lớn cái con củ cải, tao biết chó đâu đó, đến lúc biết đã ngồi cha nó trên lưng cọp rồi.
Tôi nhờ Minh liên lạc với đại đội tôi, nhưng vì khác tiểu đoàn nên không có tần số để liên lạc, tôi đành phải xin ít đạn và mấy quả lựu đạn để tiếp tục... du lịch. Minh cho mấy người lính đi theo tôi. Về đến chỗ cũ của đại đội, đại đội tôi không còn đóng ở đấy, thay vào đó là một toán tiền đồn thuộc đại đội Trinh Sát của sư đoàn - Viễn Thám cũ. Tôi cho lính của Minh về và nhờ một người lính Trinh Sát đưa tôi về gặp trung đội trưởng của họ. Người trung đội trưởng này là một sĩ quan còn rất trẻ mà tôi không quen nên anh ta nói chuyện với tôi một cách dè dặt. Tôi phải moi tất cả giấy tờ có trong người như thẻ căn cước quân nhân, chứng chỉ tại ngũ và cả tờ giấy phép có chữ ký của trung tướng Ngô Quang Trưởng cho anh ta xem. Tôi chỉ nhờ anh ta mỗi một điều là báo cáo và cho người dẫn tôi về gặp đại đội trưởng của anh ta. Lại muốn gặp đại đội trưởng!
Tôi nghe rất rõ tiếng ông đại đội trưởng -tôi biết là đại úy Lực- phát ra từ ống liên hợp của máy

truyền tin.
- Đụ mẹ, không tin thằng nào hết, giấy tờ giả thiếu chó gì. Ông cho tôi biết nó người Bắc hay người Nam.
Tức cười, lúc nãy tôi đã dùng cách phân biệt Bắc Nam để phán đoán ta hay địch, bây giờ tôi lại bị người khác dùng cùng một cách để đánh giá tôi là ai. Hỏng bét rồi, tôi là một thằng Bắc Kỳ trăm phần trăm, không sai một ly ông cụ nào, từ giọng nói đến những tiếng tôi đang dùng đều là Bắc Kỳ đặc.
- Ông này Bắc Kỳ nhưng trông cũng có vẻ lính mình.
- Ông cho người mang thằng đó về đây cho tôi.
Mang tôi đi tức là tôi bị tước súng và áp giải như một thằng tù binh. Mẹ kiếp, thằng này chứ có phải thằng nào khác đâu, đâu có chuyện tước súng tôi một cách dễ dàng như vậy được. Bỗng nhiên tôi nổi giận:
- Này, đừng có làm cái trò sỉ nhục nhau như vậy chứ thiếu úy!
Anh ta cho một người lính dẫn tôi về đại đội Trinh Sát.
Đại úy Lực không tiếp tôi. Ông ta để tôi đứng ngoài sân với người thượng sĩ thường vụ, tiếng ông ta hỏi vọng ra từ trong lều:
- Anh ở đơn vị nào?
- Đại đội 4 tiểu đoàn 4.
- Chức vụ gì?
- Đại đội phó.
Tiếng ông ta dịu lại:
- Đại đội trưởng anh là ai?
- Tôi không phải là tù binh để phải đứng ngoài trời này khai lý lịch vọng vào lều cho đại úy. Tôi chỉ nhờ đại úy liên lạc với đại đội tôi cho lính đến đón tôi về.
- Đụ mẹ, liên lạc đâu có khó, nhưng tôi phải biết anh là ai chớ!
- Đại đội trưởng tôi là 369. Đại úy chỉ cần nói là 520 đang ở chỗ đại úy.
Chừng hai phút sau, ông ta nói vọng ra không phải với tôi mà với ông thượng sĩ.
- Ông cho dẫn người này ra chỗ toán của thằng... (tên người này tôi không nhớ).
Thượng sĩ thường vụ đi gọi người. Lúc này đại úy Lực mới từ trong lều chui ra, ông ta tới bắt tay tôi:
- Thằng Gắt -đại đội trưởng tôi- cho người đi đón ông lâu rồi, tôi cho người dẫn ông tới đó.
Tôi cám ơn rồi đi theo người lính dẫn đường. Toán lính đi đón đang ngồi đợi tôi ở ngay chỗ đại đội tôi đóng cũ, vị trí của toán tiền đồn Trinh Sát, nơi mà tôi và mấy người lính của Minh đã đến. Phải chi tụi nó đến sớm hơn một chút hoặc phải chi tôi ngồi chơi với Minh lâu hơn một chút thì đâu đến nỗi phải đi lòng vòng và phải khai lý lịch với bọn "vịt tiềm" này.
Trung sĩ Khang cho tôi biết là họ phải băng ngang làng Đồng Lâm ra đón tôi ngoài quốc lộ, sợ tôi đi qua làng một mình chắc chắn sẽ bị "xé phay" liền. Đợi hoài không thấy, họ phải đi dọc quốc lộ về tiểu đoàn tìm tôi, gặp trung úy Xuân nói tôi đi về chỗ đại đội đóng cũ, sau đó đại đội trưởng cũng gọi máy bảo họ về chỗ này đợi tôi.
- Đại đội nằm đâu, mày?
- Sau làng Đồng Lâm. Mấy hôm nay mình ăn pháo lia chia!
- Có thằng nào bị gì không?
- Có mỗi một trái lọt vô vị trí, banh một cái lều còn thì rớt cách mình cả trăm thước. Có điều ban ngày mình không dám căng lều, sợ tụi nó thấy.
Bọn tôi đi tắt đường ruộng về đến đại đội, lính đổi gác cũng đã đến ca áp chót.
Đến sáng, tức là ngày 20 tháng Ba, tiểu đoàn gọi tôi về để gắn lon. Tôi mượn bộ quần áo "ngựa" của trung sĩ nhất Đăng, thường vụ đại đội, may đè tên tôi lên bảng tên, rồi đi theo toán lính đi lãnh tiếp tế băng qua làng Đồng Lâm ra đến quốc lộ. Tôi lội bộ về tiểu đoàn.
Tôi và thiếu úy Điểu, Phụ tá ban Ba tiểu đoàn được gắn lon cùng một lúc. Thật khôi hài khi Đại bàng 816, tức Hitler, tức tiểu đoàn trưởng, gắn lon trung úy lên vai Điểu, ông khích lệ khuyên nhủ đủ điều, lại còn bắt tay và vỗ vai thân mật nữa. Còn tôi, hình như độc nhất vô nhị trong lịch

sử gắn lon của quân đội, ông vừa gắn lon lên vai tôi vừa chửi. Tôi phải đứng nghiêm, tay phải đưa lên trán trong tư thế chào, Hitler vừa gắn lon vào vai tôi vừa nói:
- Đụ mẹ ông, đồng ý là ông cũng có công nhưng đâu phải công của mình ông. Ông làm cái gì giờ này mới ra tới?
Tiểu đoàn trưởng đã cấm tất cả các sĩ quan trong tiểu đoàn khi hết phép không được ra trình diện hậu cứ ở Vũng Tàu, vì như vậy là câu thêm giờ ở Sài Gòn. Ông chỉ chấp nhận cho hạ sĩ quan và binh sĩ được câu thêm vài ngày theo kiểu này, còn sĩ quan bắt buộc phải trình diện thẳng Bộ tư lệnh ở Sài Gòn, để ngày hôm trước hết phép, ngày hôm sau đã phải có mặt ở hành quân.
Không ngờ bị hài tội trong lúc này, bí quá tôi nói đại:
- Tôi ra hỏi vợ ở Bà Rịa, thiếu tá.
- Vợ con cái con cặc! Đụ mẹ ông!
Bịa chuyện lấy vợ, tôi nhớ đến lần tôi cũng bịa chuyện lấy vợ để kiếm thêm một tuần ở Sài Gòn. Năm 72, tôi bị thương được đưa về điều trị tại bệnh viện Lê Hữu Sanh ở Thủ Đức. Vì thương binh quá nhiều nên tôi chỉ được nằm ít ngày rồi cho về nhà tự chữa lấy, mỗi tuần lên tái khám một lần, gọi là xuất viện tái khám. Lần tái khám thứ ba, tuy tôi đã có thể đi lại được nhưng vẫn còn phải chống nạng. Bác sĩ Hạnh -Nguyễn Đỗ Hạnh- y sĩ điều trị, đã bắt tôi xuất viện ra hành quân; hình như là ở đâu đó người ta muốn giảm tỉ lệ sĩ quan bị thương trên giấy tờ sổ sách. Muốn kiếm thêm một tuần phè ở Sài Gòn và cũng để đi đứng được vững chãi hơn trước khi ra hành quân, tôi bèn xuống nước:
- Bác sĩ cho tôi thêm một tuần nữa, thứ tư này tôi lấy vợ. Mọi chuyện đã chuẩn bị xong xuôi, chỉ còn đợi đến ngày làm đám cưới.
Bác sĩ Hạnh là một người rất đẹp trai và có giọng nói rất êm, rất nhẹ đã phán một câu nghe rất đã lỗ nhĩ.
- Vác ba lô ra Quảng Trị mà cưới!
Lần này thì tôi lại bịa chuyện lấy vợ, nhưng tôi ở thế thượng phong tức là theo đúng kỷ luật nhà binh, thi hành trước khiếu nại sau. Tôi đã thi hành, bây giờ đến lượt tiểu đoàn trưởng đang... khiếu nại. Ở cái binh chủng "sống khùng sống dại chẳng sống dai" này, khi các quan lớn đã "khiếu nại" thì cỡ các bà chợ Trần Quốc Toản hay chợ Cầu Ông Lãnh còn phải đưa đi "hấp" thêm nhiều khóa may ra mới theo kịp. Tôi đã từng được ăn hàng trăm nghìn "của ngon vật lạ" rồi nên tôi đứng nghiêm để thưởng thức mấy "món xoàng" của Hitler thì có nhằm nhò gì. Ăn mà không có nhậu thì còn gì giá trị của món ăn nên khi đứng nghiêm để "ăn", đầu óc tôi lại đang phân vân không biết chuyến tiếp tế này hậu trạm có mang rượu thuốc Thiên Tường cho tôi theo lời dặn hay lại cứ mang rượu Vạn Ích, thằng Sáng chết rồi mà thằng Huy mập lại nằm xa đại đội, lấy ai mà nhậu đây. Kỳ lương này không biết có được thảnh thơi để làm một bữa rửa lon túy lúy không.
Xong vụ gắn lon lạ đời nhất quân đội, tôi đi theo xe tiếp tế về đại đội.
Rượu thịt ê hề nhưng chưa kịp lai rai ba sợi, tôi đã nhận lệnh mang hai trung đội tăng phái cho Lữ đoàn 1 Thiết Kỵ.
Chúng tôi ngồi dọc quốc lộ 1 đợi xe của Thiết Giáp đến đón. Gặp Ó Lương đi xe Jeep tới -đại tá Lương Lữ đoàn trưởng 147- Ó Lương cho biết là các đơn vị nằm phía Bắc đang bỏ chạy, chúng tôi sẽ không được một sự yểm trợ nào hết của đơn vị gốc, rán mà tự lo liệu lấy. Tôi hiểu là trong hoàn cảnh này khó có hy vọng là chúng tôi sẽ trở về. Cuộc đời nhà binh của những thằng "lính rằn" chúng tôi thường xuyên "một đi không trở lại" nên chuyến đi này cũng chẳng có gì đáng phải bận tâm. Nhưng dù sao tôi vẫn không thể nói những điều này cho lính biết.
Tôi không nói cho lính biết nhưng không phải là họ không biết. Chuyến đi này thế nào cũng sẽ rất thê thảm vì một chuyến đi bình thường của một nửa đại đội đâu cần đến đại tá Lữ đoàn trưởng xuống dặn dò, cộng thêm là chúng tôi thấy lác đác đã có những người lính Bộ Binh chạy về. Một đứa nói với vẻ bất mãn:
- Đụ mẹ, chỗ nào người ta chịu không nổi thì bắt mình tới hứng. Còn nếu mình chịu không nổi thì người ta thây kệ mẹ mình.

Một đứa khác với giọng giễu cợt:
- Làm trai đâu sợ gì sương gió, chỉ sợ đời không có gió sương thôi em!
Trung sĩ Khang quay sang tôi:
- Ông thầy, thằng này chưa thấy quan tài chưa đổ lệ.
Tôi chuyển hướng câu chuyện, chỉ một người lính:
- Thằng này ngon này, không sợ ai hết, anh hùng mà.
- Ủa, sao vậy ông thầy?
- Tụi mày biết nó xâm cái gì trên ngực không?
Đám lính nhao nhao lên:
- Cái gì ông thầy?
- Cái đầu lâu...
- Cái hòm...
- Không phải, tầm bậy hết!
Tôi cười cười đọc:
“Trên trời có một vì sao.
Dưới đất có một mình tao anh hùng”.
Thằng bé có xâm hàng chữ trên ngực cười bẽn lẽn:
- Tại mấy thằng bạn đè em ra xâm hồi học trong quân trường.
Hai chiếc GMC của Thiết Giáp chở chúng tôi ghé vào căn cứ Hòa Mỹ một lúc rồi trở ra đi lên phía bắc, dọc đường tôi thấy các đơn vị Bộ Binh đang lếch thếch chạy về phía nam. Mẹ kiếp! Gà hơn nhau tiếng gáy, mình đã lỡ gáy to rồi! Người ta đông thế kia còn phải bỏ chạy, chúng tôi ít người như thế này mà phải húc đầu vào.
Trời chập choạng tối, chúng tôi đến Bộ chỉ huy Lữ đoàn 1 Thiết Kỵ -tôi quên mất tên căn cứ này- lính ở nguyên trên xe đậu gần cổng, tôi vào phòng hành quân để nhận lệnh. Phòng hành quân là một cái hầm khá rộng, bày biện rất ngon lành. Người sĩ quan trực hành quân là một ông thiếu tá. Ông ta không biết tí gì về chuyện chúng tôi tăng phái đến nên bảo tôi ngồi đợi trưởng phòng. Tôi đề nghị:
- Thiếu tá giúp cho tôi gặp trưởng phòng ngay bây giờ, trời tối rồi mà còn phải đợi, tôi sợ trễ.
Ông ta quay điện thoại, chừng năm phút sau trưởng phòng đến. Trưởng phòng cũng là thiếu tá. Câu đầu tiên của ông trưởng phòng mà tôi nghe được khi ông ta bước vào.
- Đụ mẹ, anh để cho tôi ăn một miếng chứ, cái con cặc gì cũng kêu tôi, cái thứ anh đeo thiếu tá làm uổng lon nhà binh.
Người sĩ quan trực cúi đầu nhìn xuống đất, không nói một tiếng. Tôi đứng đấy ngỡ ngàng.
Thiếu tá trưởng phòng quay sang hỏi tôi:
- Bộ anh không đợi tôi được sao?
- Không, thiếu tá. Thiếu tá cho tôi biết nhiệm vụ.
Ông ta bảo tôi cùng đi đến chỗ treo bản đồ hành quân, không hiểu nghĩ sao, ông ta quay lại hỏi tôi:
- Anh có biết bãi đất trống ở đây lên gần Mỹ Chánh nằm phía bên trái không?
- Tôi biết, cái chợ, phía bên kia là làng Chánh Môn.
- Rồi, anh ra đó nằm.
- Thiếu tá cho tôi biết tình hình, nhiệm vụ và bản ám danh đàm thoại.
- Anh cứ ra đó đi, tôi cho người mang ra sau.
- Tôi không thể ra đó khi tôi chưa nắm được tình hình và chưa biết được nhiệm vụ.
- Không có mẹ gì đâu, anh cứ ra nằm đêm nay đi.
Tôi quay ra, bực mình không thèm chào, mẹ kiếp, quan liêu, hống hách và cẩu thả. Không lẽ ông ta giận tôi vì đã phá ngang bữa ăn của ông hay ông vội vàng với tôi để tiếp tục bữa ăn. Chắc chúng tôi còn phải rất chật vật vì cái kiểu cách chỉ huy của bọn “con cua” này.
Trời tối hẳn khi chúng tôi đến nơi. Dân làng đã bỏ đi hết. Một vài con chó đang xục xạo quanh những cái xạp chợ bỏ chạy khi chúng tôi đến. Thế là chúng tôi sẽ có những bữa nhậu “đã đời” với mấy con mồi này. Tôi cho lính lục soát thật kỹ trước khi đóng quân quanh chợ và hai bên

quốc lộ.
Tôi không biết tí ti gì về tình hình ta và địch ở đây nên suy nghĩ rất lâu về vị trí phải đặt các toán tiền đồn. Cuối cùng, tôi đặt một toán ở tây bắc và một toán ở phía đông.
Lữ đoàn 1 Thiết Kỵ báo cho tôi biết là tôi được đặt dưới sự điều động của Chi đoàn 1. Tôi lại xin bản ngụy nhưng vẫn được trả lời là sẽ cho người mang ra sau. Không lẽ bọn "con cua" này không có bản ám danh đàm thoại!
Chi đoàn 1 gọi tôi:
- Anh cho tôi biết vị trí chính xác của anh và mấy đứa con.
- Tôi không thể báo cáo cho đến khi tôi có bản ngụy. Anh đã biết đại khái chỗ tôi nằm chứ?
- Biết.
- Anh cho tôi biết tình hình quanh tôi.
- Phía bắc anh không có ai, phía đông cũng vậy, phía tây hoặc nam gì đó của anh là tôi.
Tôi đã đặt tiền đồn theo đúng tình hình.
Tôi báo cáo tình hình và vị trí đóng quân về tiểu đoàn. Tôi cũng than phiền về lề lối làm việc của mấy ông "bố ghẻ" này. Tiểu đoàn cho tôi biết nếu có đụng độ, hãy để một máy liên lạc thường xuyên với tiểu đoàn.
Chi đoàn 1 gọi lại:
- Anh cho tôi biết vị trí chính xác của anh để tôi còn báo cáo.
- Không thể được vì tôi không có bản ngụy. Thôi được, anh biết số nhà riêng của tôi không?
- Biết.
- Rồi, lấy cái đó làm alpha. Tôi ở alpha phải 27 lên 16.
- Tôi không tìm ra.
- Anh không tìm ra cái gì?
- Alpha.
- Hiện giờ tôi đang gặp anh tại số nhà của anh. Anh biết rõ số nhà của tôi không?
- Biết.
- Lấy số đó làm alpha. Hay thế này vậy, lấy số nhà anh làm alpha. Anh tìm ra alpha chứ?
- Tôi chịu, không thể tìm alpha được.
- Đành vậy, tôi không thể cho anh biết vị trí của tôi được.
Tôi bỏ máy. Một lúc sau Chi đoàn 1 gọi lại:
- Thôi thế này, anh lật bản đồ ra.
- Rồi.
- Anh thấy chữ I của chữ HẢI không?
- Rồi.
- Lấy đó làm chuẩn, anh cho tôi biết vị trí của anh.
- Đâu được anh bạn, anh bạn không sợ Việt Cộng nó cười cho à? Hình như anh không phải là thẩm quyền. Anh cho tôi gặp thẩm quyền của anh đi.
- Tôi là thẩm quyền đây.
- Ồ, vậy thì xin lỗi thẩm quyền. Thẩm quyền cứ báo cáo đại một điểm nào đó trong cái biết đại khái về tôi, chứ tôi không thể cho thẩm quyền biết chính xác theo kiểu đề nghị của thẩm quyền được.
Tôi không hiểu ông Chi đoàn trưởng này không có kinh nghiệm hay tại bên Thiết Giáp ngay tự bản thân họ đã ồn ào khi đóng quân, máy nổ ầm ầm nên họ không cần giữ bí mật vị trí đóng quân, hay tự họ cảm thấy an toàn trong mấy cái khối sắt nên không sợ bị pháo kích.

Nhưng dù không sợ bị pháo kích thì vẫn phải đề phòng đặc công chớ.
Sáng hôm sau, 21 tháng Ba, khi tôi và mấy tên lính đang làm vơi dần chai nước biển đựng đầy rượu thuốc Thiên Tường cùng đĩa thịt chó luộc, có một đơn vị Địa Phương Quân kéo từ phía bắc về đến chỗ tôi một cách hỗn độn. Đơn vị kéo về này là một đơn vị lớn nên tôi phải báo cáo cho Bộ chỉ huy Lữ đoàn 1 Thiết Kỵ, tôi nghe chính giọng của đại tá Lữ đoàn trưởng ra lệnh cho tôi:

- Anh chận hết tụi nó lại, đuổi ngược trở lên. Thằng nào vượt qua chỗ anh, bắn bỏ hết.
Tôi nghĩ bụng, chỉ cần họ đái chúng tôi cũng đủ chết đuối rồi, ở đó mà bắn với bỏ. Nghĩ vậy nhưng tôi vẫn cho cả hai trung đội dàn ngang quốc lộ không cho họ đi sâu hơn nữa về phía nam. Có một đại úy trong toán này đến gặp tôi, tự giới thiệu:
- Tôi là trưởng ban Ba liên đoàn 913 Địa phương quân. Một chút nữa, trung tá Liên đoàn trưởng tôi sẽ tới gặp trung úy. Hiện giờ nhờ trung úy giữ đám quân này ở đây hộ.
- Ngồi làm một ly chơi đợi trung tá, đại úy. Lúc này rượu thuốc với thịt cầy đâu phải dễ kiếm, đại úy.
Ông ta ngần ngừ rồi từ chối quay ra.
Tôi ngồi húp bát cháo chó, "ngon như cháo chó", tôi chẳng thấy bát cháo chó này ngon tí nào hết, mặc dầu được nấu bởi một tay làm thịt chó được coi là "điêu luyện" gốc Hố Nai, không hiểu tại không đủ gia vị hay tại những điều xảy ra từ chiều hôm qua đến giờ.
Tôi đang gặm miếng xương chó thì có xe Jeep gắn hai cần câu chạy tới dừng ngay cạnh đường. Ngồi ghế trưởng xa là một ông to béo, bộ quân phục ủi hồ còn thẳng nếp, mắt đeo kính đen, tay cầm can, chân phải gác lên cửa xe để lộ chiếc giày bóng loáng, không hiểu ông ta giữ như thế nào mà chiếc giày không dính tí bụi, ít ra cũng phải cả chục con "mồi" đã bị ngã trên chiếc giày này. Biết ngay là trung tá Liên đoàn trưởng Liên đoàn 913 Địa Phương Quân nhưng tôi không buồn đứng dậy. Viên đại úy lúc này ngồi ở băng sau nhảy xuống đi lại phía tôi.
Định bụng là tiếp tục ngồi gặm xương chó chứ tôi không đứng dậy, nhưng tôi chợt có một ý nghĩ hơi hèn là lính tụi tôi đụng trận như cơm bữa, chết không nói làm gì, ngộ nhỡ bị thương, ra khỏi binh chủng chẳng may lại về đơn vị của ông trung tá này làm xếp thì hơi phiền, nên tôi vứt miếng xương chó, vừa chùi tay vào quần vừa đứng dậy đi ra phía xe Jeep. Ông trung tá to béo gỡ kính, bỏ can bước xuống xe.
Tôi chào lấy lệ.
- Trung úy chỉ huy ở đây?
- Vâng, tôi.
- Trung úy không cho tụi này xuống sâu hơn nữa, thằng nào cứng đầu trung úy bắn hộ tôi.
- Tôi đã nhận lệnh này của đại tá Hường.
- Vậy bây giờ trung úy tập trung chúng lại tại bãi đất này cho tôi.
Nghe thật ứa gan! Sự lo xa mơ hồ một ngày nào đó là thuộc cấp của ông trung tá to béo này không còn nữa, mà chỉ còn trong tôi sự thương hại và một chút khinh miệt.
- Không, trung tá, họ là lính của trung tá mà. Tôi nhận lệnh của đại tá Hường là chận họ lại. Tôi chỉ là trung úy và là đại đội phó, tôi không có khả năng tập trung cả một liên đoàn của trung tá.
- Thôi được, tôi về gặp đại tá. Đứa nào không nghe lệnh anh cứ bắn cho tôi. Tôi sẽ nằm ở cái lô cốt dưới kia. -Vừa nói ông vừa chỉ về cái lô cốt nằm xa xa phía nam.
Tôi chán nản quay vào, báo cáo chuyện vừa xảy ra cho tiểu đoàn.
Liên đoàn 913 Địa Phương Quân này nằm ở bờ bắc sông Mỹ Chánh, thuộc tiểu khu Quảng Trị, không hiểu có đánh đấm gì không mà họ lại chạy như thế này. Đơn vị vẫn còn nguyên vẹn mà đơn vị trưởng đã không còn chỉ huy được, phải đi nhờ đến tôi thì còn trời đất chó gì nữa. Địa Phương Quân Quảng Trị suốt năm 72 đã sát cánh với chúng tôi, vì rất nhiều lý do họ không thể có khả năng tác chiến bằng chúng tôi, nhưng họ cũng đâu phải là những tay "vừa" để mà chưa đánh đã chạy, để mà đã mất chỉ huy khi đơn vị vẫn còn nguyên vẹn.
Lữ đoàn 1 Thiết Kỵ ra lệnh tôi tập trung Liên đoàn Địa Phương Quân và bắt họ di chuyển về hướng tây. Tôi làm xong việc này không khó nhưng chán nản vô cùng. Một ông thiếu úy trẻ hông đeo Colt, tay cầm bản đồ, bên cạnh là hai thằng máy trông oai phong lẫm lẫm tâm sự với tôi.
- Nếu không gặp mấy anh chúng tôi còn chạy nữa. Bọn tôi dừng lại không phải vì lính của anh dàn hàng ngang ở dưới kia đâu. Anh thấy không, bọn tôi dừng lại trước khi anh cho lính ra chận nút mà. Tôi biết chắc chắn trung úy không ra lệnh bắn nếu bọn tôi cứ tiếp tục chạy, phải không?
Tôi nghĩ bụng, tay này cũng là một tay "xịn" đây. Anh ta nói tiếp:

- Từ khi Thủy Quân Lục Chiến rút khỏi Quảng Trị, tụi tôi có cảm tưởng mình bị bỏ rơi. Dân bỏ đi theo các anh, các cơ quan hành chánh, tiểu khu, chi khu cũng bỏ đi hết, bọn tôi ở lại để tự sát à? Tôi là dân Sài Gòn thấy dân chúng bỏ đi còn sốt ruột huống gì lính tráng, tụi nó là dân địa phương, gia đình vợ con bỏ chạy, không đào ngũ là may rồi, còn nói gì đến đánh đấm.
- Tại sao gặp tụi tôi, mấy anh không chạy nữa?
- Tụi tôi nghĩ Thủy Quân Lục Chiến đã về hết Đà Nẵng rồi, như vậy tức là bỏ Quảng Trị, bỏ Huế, nên chúng tôi chạy. Bây giờ thấy mấy anh còn đây, tức là vùng này không bị bỏ, mà đã không bị bỏ rơi thì chúng tôi đâu có sợ.
Sau khi Liên đoàn 913 di chuyển hết vào phía núi, tôi nhận lệnh tiểu đoàn lên quan sát Công Binh giựt cầu Mỹ Chánh. Cầu xe lửa đã không sử dụng được từ lâu, cầu đường bộ này cũng đã hỏng từ trận năm 72, nhưng sau đó đã được sửa chữa để sử dụng. Tôi báo cáo chính xác những điều tôi quan sát được.
Cầu bị bung một vài ở giữa, xe cộ không lưu thông được nhưng người đi bộ vẫn có thể qua lại tuy hơi khó.
Lữ đoàn 1 Thiết Kỵ ra lệnh cho tôi đưa một trung đội lên nằm chận phía nam cầu cùng với hai chiếc M-48, trung đội còn lại vào sâu trong núi đến nằm chung với Chi đoàn 1.
Gặp đại úy Chi đoàn trưởng, người thẩm quyền đã yêu cầu tôi cho vị trí chính xác tối hôm qua. Bây giờ tôi mới hiểu lý do sự bết bát của ông ta. Ông tốt nghiệp khóa 2 Chiến Tranh Chính Trị Đà Lạt. Đang từ một chức vụ chuyên môn là chiến tranh chính trị của Thiết Giáp, ông đã này nọ để được ra chỉ huy một chi đoàn. Hết ý kiến!
Buổi tối, chúng tôi theo Chi đoàn 1 đến vị trí khác đóng quân đêm. Tôi vừa đặt xong hai chốt tiền đồn thì nhận được lệnh di chuyển. Lý do di chuyển là Liên đoàn 913 Địa Phương Quân cảm thấy "lạnh gáy" khi chúng tôi dời đi chỗ khác nên đã báo cáo ẩu lên Lữ đoàn 1 Thiết Kỵ là họ nghe thấy tiếng di chuyển của xe xích sắt ở phía trong núi, yêu cầu được chúng tôi nằm chận đầu.
Trời đã tối, hai cái chốt của tôi đã gài xong mìn và lựu đạn, bây giờ phải gỡ hết đâu phải là chuyện dễ, sau đó đến vị trí mới lại phải gài lại. Gài hay gỡ mìn tự động, lựu đạn là một chuyện rất nguy hiểm, ban ngày còn có người chết, huống hồ là ban đêm. Tôi quyết định không gỡ và khi đến đóng chốt ở vị trí mới cũng không gài, bù lại, lính phải gác theo kiểu đang đụng trận, nghĩa là cứ hai người một vọng gác, người thức người ngủ thay phiên nhau.
Ngày 22 tháng Ba, lãnh lương. Trung đội 2 của Huy mập lãnh lương xong, tôi hướng dẫn ban quân lương lên cầu Mỹ Chánh phát cho trung đội 1. Nhà cửa khu đầu nam cầu Mỹ Chánh đã tanh banh hết, không còn dấu vết đang phục hồi sau ngày ngưng bắn, rất ít căn nhà còn nguyên vẹn. Lại mất rồi cái chợ Mỹ Chánh, lại mất rồi những tiệm ăn quán nhậu.
Pháo binh vẫn bắn đều từ phía sau qua bờ bắc. Tại đây cũng vẫn ăn pháo một cách rất "vu vơ" từ bờ bắc bắn qua không trúng đâu vào đâu cả nhưng vẫn phải đề phòng, biết đâu đạn "lạc" trúng mình. Với kinh nghiệm nhiều năm trong nghề ăn 130 ly, hễ Việt Cộng pháo mình thường thì trúng chỗ khác, nhưng nếu nó nhắm bắn vào chỗ khác thì nên coi chừng, rất dễ "lạc" vào chỗ mình vài quả như chơi. Y hệt như mấy ông cảnh sát và nhân dân tự vệ ở thành phố, nếu nhắm thẳng

mình mà bắn thì bảo đảm trăm phần trăm là an toàn, vì luôn luôn trúng người khác, còn nếu mấy ông ấy mà nhắm người khác hoặc bắn chỉ thiên thì coi chừng, trúng mình là cái chắc!
Trong khi trung đội 1 lãnh lương, tôi ra đầu cầu quan sát qua phía bắc, thấy Việt Cộng xuất hiện lẻ tẻ trên đường lộ, tôi cho bắn, vì chúng thập thò nên khó biết được là bắn có trúng không. Có tiếng loa vọng sang từ bờ bắc:
- Đừng bắn nữa, vài hôm nữa Huế cũng còn không giữ nổi nói gì đến Mỹ Chánh mà bắn cho mệt.
Mẹ kiếp, bọn này lúc nào cũng một tấc đến trời, nhưng lần này tôi nghĩ có lẽ chúng nói thật, vì nhớ lại lời anh Phát làm ở Hạ Viện là hoặc cắt đất ở An Lỗ, hoặc ở Lăng Cô; nếu cắt đất ở Lăng Cô thì Huế mất là "cẳng" rồi. Hơn nữa, tôi nghe trung sĩ nhất Đăng, thường vụ đại đội nói:

“Em nghe BBC nói 12 giờ trưa ngày 25 này là bàn giao Huế”. BBC không từng là đài phát thanh đáng tin cậy nhất từ xưa đến giờ hay sao?
Nhưng mà, mẹ kiếp, như vậy thì nhục nhã quá, chúng tôi đánh nhau với Việt Cộng như người lớn đánh với con nít, dĩ nhiên là cũng có chết chóc, nhưng vừa đánh vừa đùa chúng tôi vẫn chiếm gọn được bất cứ một mục tiêu nào được chỉ định. Khốn nỗi đã quá nhiều lần chưa đánh mà chỉ toàn nhận lệnh rút, cứ rút loạn xà ngầu đâm ra hỗn loạn, đâm ra mất chỉ huy. Lính đã mất chỉ huy sẵn súng trong tay càng gây thêm hỗn loạn.
Việt Cộng đã hết thập thò và tôi cũng hết hứng chơi trò tập bắn. Tôi về chỗ PC trung đội 1 viết vắn tắt mấy chữ nhờ ban quân lương mang về Sài Gòn đưa cho mẹ tôi: “Người ta đánh nhau nhưng ở tận mãi đâu, chỗ con đang ở mang tiếng là khủng khiếp nhưng thực sự vẫn còn yên. Ở nhà yên tâm về con”.
Một ngày trôi qua rất thoải mái với thêm một chai rượu thuốc mà hậu trạm ở Huế gửi ban quân lương mang ra cho tôi.
Ngày 23 tháng Ba, tiểu đoàn cho biết là tôi hết nhiệm vụ tăng phái. Chúng tôi trở về đại đội nhưng không có xe đến đón, có nghĩa là chúng tôi phải cuốc bộ. Dĩ nhiên khi người ta cần mình thì bao nhiêu phương tiện di chuyển mà chẳng có, đến khi không còn cần đến mình nữa thì đừng có hòng. Tôi hiểu thân phận mình như vậy nên tuy hơi ngán đoạn đường quá xa, nhưng bù lại, trong suốt thời gian tăng phái, chúng tôi thực sự đã không phải làm một việc gì đáng gọi là việc. Tôi chỉ tức một điều là Thiết Giáp không có xe đưa trả chúng tôi về đơn vị gốc trong khi Chi đoàn 1 lại có xe đi Huế mua mía về nhai với nhau.
Đang tập trung con cái ra quốc lộ 1, chỗ làng Chánh Môn, thì Điểu, phụ tá ban Ba tiểu đoàn gọi máy cho biết là đợi tại chỗ, chính Điểu sẽ hướng dẫn xe lên đón. Gặp Điểu và hai chiếc GMC không phải là xe và tài xế của tiểu đoàn, khi xe chạy tôi hỏi Điểu:
- Mấy cái xe này ở đâu ra vậy?
- Tôi cũng không biết là của đơn vị nào, thấy xe không chạy ngang qua tiểu đoàn, tôi chận lại bắt đi đón mấy ông.
Cám ơn sự cà ngơ của mấy cái xe này.
Đi ngang qua Bộ chỉ huy của Lữ đoàn 1 Thiết Kỵ, nơi này không còn là một căn cứ quân sự nữa vì đã vắng tanh vắng ngắt, tôi chỉ còn thấy mấy đám khói bốc lên, khói của những đám lửa phá hủy hồ sơ và những thứ không mang theo được. Thảo nào bọn tôi được trả về đơn vị gốc, vì còn ai nữa đâu để mà sử dụng bọn tôi. Tôi sực nhớ là Liên đoàn 913 Địa Phương Quân cũng biến đâu mất tự bao giờ rồi, chỉ còn lại chúng tôi và Chi đoàn 1 Thiết Kỵ. Chúng tôi đi, không hiểu chi đoàn của ông đại úy Chiến Tranh Chính Trị làm Chi đoàn trưởng bao giờ thì rút, hay là các ông xếp lờ đi để họ nằm chận hậu vô thời hạn.
Điểu cho hay thiếu tá Thành đã làm tiểu đoàn trưởng, thiếu tá Toàn tức Hitler và đại úy Phó đã đi Đà Nẵng để qua tiểu đoàn 18.
Tôi nhận lệnh vào căn cứ Hòa Mỹ. Căn cứ này rộng mênh mông, ngày trước là doanh trại của Dù và Thiết Giáp, bây giờ trở thành Bộ chỉ huy của tôi, một thằng trung úy và hai trung đội. Tôi không biết đường xá và ngõ ngách của căn cứ mặc dầu trước đây đại đội tôi đã có lần tăng phái cho Thiết Giáp nằm trong căn cứ này cả tháng. Tôi chọn đại một chỗ đóng quân và tổ chức phòng thủ đêm, không phải là phòng thủ căn cứ mà là phòng thủ trong căn cứ, vì không còn ai trong căn cứ Hòa Mỹ này ngoài chúng tôi.
Đêm có trăng, tuy không sáng nhưng cũng đủ hữu tình để chúng tôi nhâm nhi cho hết ít rượu còn lại. Rải tuyến xong, bữa nhậu nhà binh vừa được bày biện, chưa kịp lai rai, tôi đã nhận lệnh của tiểu đoàn đưa một trung đội tăng phái cho Tiểu đoàn 5 đang đụng ở sông Bồ, phía tây nam cầu An Lỗ. Trung đội 1 đã nằm giữ cầu Mỹ Chánh một mình, bây giờ đến lượt trung đội 2 của Huy mập đi. Thằng nào đi cứ việc đi, thằng nào còn lại cứ việc nhậu.
Đang ăn nhậu nửa chừng, tôi lại nhận lệnh. Lần này chúng tôi đi nốt.
Vượt qua hàng rào phòng thủ của căn cứ, nơi còn sót lại rất nhiều mìn bẫy, nhưng may mắn chúng tôi qua an toàn bằng đường mòn mà lúc trước những tên lính “dù” đi chơi khi căn cứ còn đóng quân. Băng qua thửa ruộng nhỏ, đi vòng theo bìa làng Đồng Lâm, vào sâu trong núi,

chúng tôi có nhiệm vụ làm gạch nối cho đồi 51 và quốc lộ 1. Quá nửa khuya chúng tôi đến được vị trí ấn định, bố trí sơ sơ để nghỉ ngơi, vì tôi đoán chắc chúng tôi còn phải di chuyển trong đêm.
Các tiểu đoàn Biệt Động Quân của Liên đoàn 14 đáng lý phải nằm bắt tay hàng ngang với chúng tôi để trải dài tuyến phòng thủ bỗng dưng biến mất, chỉ còn trơ ra mấy đại đội của tiểu đoàn tôi nằm lẻ loi trên vài cái đỉnh đồi.
Khoảng 4 giờ sáng ngày 24 tháng Ba, đại đội tôi nhận nhiệm vụ làm gạch nối ở làng Đồng Lâm để yểm trợ cho đại đội 1 và đại đội 2 rút ra từ phía núi. Trời sáng rõ khi các đại đội 1 và 2 ra đến quốc lộ. Đại đội 1 nằm lại để đại đội tôi rút. Dân làng Đồng Lâm đứng nhìn chúng tôi rút quân, thật khó để tôi có thể phân biệt được ánh mắt của họ căm thù hay thích thú. Đại đội tôi về đến đồi Chẻ -cây số 23- nằm lại khi đại đội 1 rút qua mặt chúng tôi. Có vài tên du kích từ trong làng ra bám chúng tôi từ xa xa. Việt Cộng pháo 130 ly ra quốc lộ như mưa để chận đường rút của chúng tôi nhưng không chính xác nên không có thiệt hại nào.
Đang di chuyển chúng tôi phải ngừng lại nhường một cánh quân Địa Phương Quân đang kéo từ hướng đông về quốc lộ. Có hai lý do, thứ nhất, chúng tôi là đơn vị chận hậu nên phải đi sau cùng, thứ hai chúng tôi không muốn bị lộn xộn mất chỉ huy như kinh nghiệm 72, rất dễ bị trà trộn.
Buổi trưa đại đội tôi phối hợp với một đại đội Biệt Động Quân -không hiểu từ đâu hiện ra- rải quân nằm ở bờ bắc sông An Lỗ, trong khi tất cả tiểu đoàn tôi nằm ở bờ nam. Nhưng rồi khoảng 2 giờ trưa, đại đội Biệt Động Quân lại biến mất. Họ không báo cho chúng tôi biết và họ cũng không đi qua cầu An Lỗ. Tôi không đoán nổi là họ đi lối nào và lúc nào. Tôi báo cáo về tiểu đoàn. Chỉ còn đại đội tôi nằm ở bờ bắc cầu An Lỗ. Lúc 4 giờ chiều tôi nhận lệnh rút về phía nam cầu. Chúng tôi về nằm dọc bờ sông ngay chân cầu.
Dân chúng ở đây không chạy hết như tôi nghĩ. Ngay trong khu vực đóng quân của tôi có một ngôi chùa đang tấp nập dân chúng đi lễ. Tôi không biết là ngày lễ gì nhưng quang cảnh quanh ngôi chùa rất thanh bình. Tôi tự cảm thấy thừa thãi khi xuất hiện tại đây với đầy đủ vũ khí, trang bị của một thằng lính ngoài mặt trận. Hình như người dân ở bờ nam cầu An Lỗ không biết hay không cần biết đến những chuyện đang xảy ra sát cạnh họ, ảnh hưởng trực tiếp và rất lớn đến cuộc sống của họ. Tôi thực không thể hiểu vì lẽ gì và tại sao người dân ở đây lại có thể bình thản đến như vậy.
Súng vẫn nổ liên hồi ở sông Bồ nhưng tôi đã mất liên lạc với trung đội 2 của Huy mập từ đêm hôm qua, khi chúng tôi rời bỏ căn cứ Hòa Mỹ, không hiểu bọn nó giờ này ra sao.
Tôi lại nhận lệnh ra quan sát và báo cáo về chuyện Công Binh phá cầu An Lỗ. Một người lính gác nói với tôi.
- Vừa có một chiếc Jeep chạy qua cầu, cũng có một bà già đi qua bên kia, không hiểu họ có về kịp không.
Tôi chỉ có nhiệm vụ quan sát và báo cáo chứ tôi đâu có chỉ huy toán phá cầu, nên tôi đâu có quyền hoãn lại để đợi họ trở lại. Tôi nói:
- Họ không về kịp là tại cái số của họ phải ở lại với Việt Cộng. Tao đâu có quyền hoãn chuyện phá cầu.
Kết quả phá cầu không được như ý, chỉ có xe là không lưu thông được, còn người đi bộ vẫn qua lại thoải mái. Không hiểu toán Công Binh này thực sự không muốn phá cầu hay tại họ không đủ khả năng. Tôi báo cáo kết quả này lên tiểu đoàn và xin phá thêm một lần nữa. Tiểu đoàn trả lời:
- Toán công binh không thuộc Thủy Quân Lục Chiến nên không thể ra lịnh trực tiếp cho họ được. Phải xin lên trên, nhưng hiện giờ số thuốc nổ của họ cũng đã hết, nếu xin được chắc cũng không kịp. Muộn rồi.
Tôi không hiểu ý nghĩa của tiếng muộn rồi nên kỳ kèo thêm:
- Ngày hôm nay không kịp thì ngày mai, chứ cái cầu như vậy thì coi như đâu đã phá.
- Thôi được, để tôi xin, nhưng chắc chắn với anh là không kịp đâu. Vô ích!
Không hiểu tiểu đoàn xin thật hay chỉ hứa với tôi để tôi khỏi kỳ kèo.

Khoảng 6 giờ chiều Huy mập gọi:
- 520 - 272.
- Nói, tại sao giờ này ông mới chịu lên “mai”?
- Cái “mai” của tôi banh rồi 520. Tôi phải mượn của bọn “con cua”.
- Cho tôi biết tình trạng của ông ra sao. Khỏi nguỵ.
- Tụi tôi banh hết rồi, còn có mấy mống thôi, lại sắp phải ủi thêm cú nữa. Tôi cũng bị thương rồi.
- Mấy thằng bị thương ra sao?
- Tôi xin tải thương nhưng bọn “Lươn Đen” -Tiểu đoàn 5 Hắc Long- bắt tự túc.
- Sao ông không xin thẳng 324?
324 là thiếu tá Tiền, Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 5 Hắc Long, tháng trước ông còn là Tiểu đoàn phó Tiểu đoàn 4 tôi, người nổi tiếng “ngon lành” khi trực tiếp chỉ huy chúng tôi đánh trận Cửa Việt ngày ngưng bắn.
- 324 biết rồi, ổng còn nói: “Thầy trò mày rán làm cho tao cú nữa, đây là trận đầu của tao ở bên này”.
- Thôi được rồi, tôi xin bên mình lo cho ông. Còn ông gom con cái lại. Đây là lịnh của tôi không ủi nữa vì bất cứ lý do gì. Ông nghe rõ không?
- Rõ, 520.
Tôi gọi Đại đội trưởng, Đại đội trưởng bó tay. Tôi liên lạc với tiểu đoàn, tiểu đoàn hứa sẽ can thiệp.
Khoảng 7 giờ tối, tôi liên lạc thêm một lần nữa với tiểu đoàn yêu cầu lo gấp cho trung đội 2. Tiểu đoàn trả lời bất lực. Tôi liên lạc với trung đội 2 nhưng không được.
8 giờ tối, khi tôi đang cố gắng liên lạc với trung đội 2, Đại đội trưởng gọi tôi lên họp.
- Ông cho con cái trang bị nhẹ tối đa, bằng mọi giá phải về đến Thuận An trước 6 giờ sáng mai. Ai tới trễ sẽ bị bỏ lại vì chỉ có một chuyến tàu đón mình về Đà Nẵng thôi.
Bây giờ tôi mới hiểu tiếng “muộn rồi” của tiểu đoàn. Tôi hỏi:
- Còn trung đội thằng Huy mập sao?
- Bỏ! Đại đội có một bản đồ thôi, tôi không chia cho ông được, ông về chuẩn bị khi nào có lệnh của tôi thì đi.
- Sao tiếng bỏ của ông nghe gọn quá vậy 369?
- Chứ ông thấy còn cách nào khác không? Bây giờ chỉ còn mỗi một việc là lo được cho thằng nào thì lo. Ông về chuẩn bị đi.
Tôi bước ra, muốn khóc. Mẹ kiếp, bạn nhà binh tình nhà thổ, không ai lo cho bọn nó cả, còn tôi lại không thể nào lo được cho tụi nó. Tiếng súng vẫn nổ dữ dội phía sông Bồ. Không hiểu nó có nghe lệnh tôi rút ra ngoài hay lại nổi máu điên mà ủi tiếp. Ai chứ thằng Huy mập này thì mê ủi lắm.
Đại đội tôi trang bị nhẹ. Súng cối mang theo mười quả đạn, đại liên một dây 100 viên, M-79 một dây sáu quả, M-16 một băng; mỗi người lính hai quả lựu đạn, một bao gạo sấy, một lon thịt hộp; tất cả những thứ bỏ lại vứt hết xuống sông An Lỗ, quần áo mùng mền cũng vứt.
Tôi cố gắng liên lạc với Huy mập nhưng vẫn không được. Âu cũng là phần số. Hy vọng nó bám được theo Tiểu đoàn 5.
9 giờ tối tôi nhận lệnh di chuyển, đại đội tôi đi sau cùng của tiểu đoàn. Khi đi ngang chỗ Đại đội trưởng, ông ta đã bỏ đi từ trước.
Tôi liên lạc một cách nhẫn nại với trung đội 2. Trời đã không phụ tôi. Trung sĩ Khang trung đội phó trả lời tôi ở đầu máy bên kia:
- Tao gặp 272.
- 520 chờ
.- Thôi khỏi, mày nói 272 ngay bây giờ kéo hết con cái ra quốc lộ, ngay bây giờ, nghe rõ không?
- Rõ, 520.
- Cố gắng kéo hết con cái ra quốc lộ, theo dòng người về Huế.
Tôi yên tâm. Với trung đội 2 tôi đã cố gắng hết khả năng của tôi. Những thằng bị thương tùy thuộc vào Trung đội trưởng và những thằng còn khỏe mạnh của trung đội. Nếu tôi không cố

gắng liên lạc, chưa chắc bọn nó chịu nằm yên, nhưng cũng chẳng còn ông xếp nào nghĩ đến cái trung đội què quặt đang bị bỏ rơi.
Bập bùng trước mặt là đám lửa của chiếc M-48 cháy nằm ngay trên quốc lộ. Đó đây trên đường lộ, xác của những người lính bất hạnh nằm chết đủ kiểu. Đoàn người vẫn đi qua, chỉ có những cái nhìn ném về phía những xác chết. Dòng người càng lúc càng đông, đại đội tôi bị lẫn trong dòng người đang di chuyển về phía nam. Thỉnh thoảng trên đường chúng tôi di chuyển, bọn du kích xuất hiện bắn chận chúng tôi, y hệt cái kiểu năm 72 đã tạo ra đại lộ kinh hoàng, nhưng lần này không phải là cuộc rút chạy hỗn loạn của năm 72. Tuy không dễ chỉ huy như bình thường nhưng chúng tôi không bị lẫn lộn với các đơn vị Bộ Binh hoặc Địa Phương Quân, cũng không bị lẫn lộn với những người dân, tuy rằng cũng có những đơn vị khác, cũng có một ít dân chúng cùng chạy với chúng tôi, nhưng vẫn có một sự khác biệt của một đơn vị còn chỉ huy nên những cái nút chận của bọn du kích không có khả năng chận được chúng tôi lại. Và cũng nhờ ở sự trật tự này nên nếu có bọn Việt Cộng trà trộn vào, cũng không dám dở trò ném trái khói chỉ điểm hay dùng máy truyền tin để điều chỉnh pháo binh của chúng như hồi năm 72. Tuy nhiên tôi là thằng ích kỷ, chỉ biết đến đại đội mình nên tôi đã ngầm khuyến khích lính của tôi đi càng nhanh càng tốt, tôi đã rất lỏng lẻo trong việc kiểm soát lính, thậm chí tôi còn lờ đi khi thấy lính tách khỏi hàng đi vượt qua mặt tôi. Đại đội tôi tan dần vào dòng người, cuối cùng chỉ còn tôi và vài người lính thân tín. Trung sĩ Khang gọi cho tôi biết là đã gặp đại đội chỉ huy của tiểu đoàn, những người lính bị thương không thể đi được đã được gửi theo xe cơ hữu của tiểu đoàn. Tôi yên tâm hoàn toàn về trung đội 2.
Tôi đi vượt lên trên, gặp đại đội 1, thật tuyệt hảo! Đại đội 1 vẫn đi một hàng dọc bên lề đường, các sĩ quan đi ngoài hàng ngang với trung đội của mình và người Đại đội trưởng, đại úy Tài, tay cầm một khúc cây làm roi đi lên đi xuống theo đại đội, miệng la hét chửi bới và cả quất roi vào đít những tên lính nào bỏ đứt đoạn hay đi chệch ra khỏi hàng. Đại đội 1 di chuyển như đang thực tập bài di hành trong quân trường, chứ không phải đang rút lui gấp cho kịp tàu. Gặp tôi đi tới, đại úy Tài hỏi.
- Đụ mẹ, đại đội mày đâu?
- Loạn xà ngầu hết rồi anh Hai. -Chúng tôi vẫn gọi đại úy Tài là anh Hai, anh Hai Tài.
Anh Hai Tài cầm roi nhắp nhắp về phía tôi:
- Đụ mẹ, năm roi nghe mày!
Tôi cười cười ngượng ngượng:
- Lên tàu rồi đánh, anh Hai. Em đi trước nghe.
- Ờ, tới Huế rán gom đại đội lại nghe mày, thằng láu cá!
Qua ngã ba An Hòa, đã gần 12 giờ khuya, tôi đi thêm một đoạn nữa, đến chỗ đèn sáng ngồi nghỉ, đồng thời để dễ gom lính lại. Khoảng hơn nửa tiếng sau, tôi gom được gần hai chục mạng chậm chân hơn tôi, tiếp tục kéo nhau đi.
Đến cầu Bạch Hổ, tại chòi gác ở gần cầu, tôi thấy một người lính Nghĩa Quân quần áo súng đạn rất chỉnh tề đang đứng gác. Tôi ngạc nhiên hỏi:
- Giờ này còn đứng gác cái mẹ gì ở đó, cha nội?
- Em không nhận được lệnh gì hết.
- Lệnh cái con cặc, Tiểu đội trưởng mày đâu?
Một người lính già tay xách khẩu súng chạy lại.
- Dạ tôi.
- Huế bị bỏ rồi, ông còn gác cái gì nữa. Tôi là trung úy ra lịnh tan hàng, về lo mang vợ con đi gấp nghe không!
- Dạ.
Thật tôi không thể hiểu nổi tại sao mấy ông xếp lại có thể nhẫn tâm bỏ lại lính tráng mà chạy lấy thân như vậy, trong khi tình hình đâu đến nỗi. Trung đội 2 của Huy mập đã bị mấy ông xếp bỏ rơi. Không, tiểu đội Nghĩa Quân này bị lừa ở lại thì đúng hơn. Những loại ông xếp vô liêm sỉ này trong quân đội chắc chắn không phải là ít. Không hiểu hiện giờ ở khắp Quảng Trị Thừa Thiên này có bao nhiêu đơn vị nhỏ còn đang phải thi hành nhiệm vụ nào đó trong khi các ông

xếp của họ đã ung dung ở Đà Nẵng hoặc Sài Gòn. Xin hãy gắn anh dũng bội tinh với nhành dương liễu cho những ông xếp này. Ờ mà hình như cũng chẳng phải xin, vì thường ra thì huy chương được gắn nhanh và nhiều vào ngực áo của những thằng chẳng bao giờ biết đánh đấm là gì. Xin cám ơn những cái huy chương.
Một bà già đứng ở cửa một túp lều bên vách tường thành Phú Văn Lâu, một tay cầm đèn dầu, tay còn lại quẹt nước mắt liên hồi, nhìn chúng tôi. Tôi hỏi bà cụ:
- Răng không đi mệ?
- Mệ không có tiền để đi con ơi!
- Tụi con cho mệ tiền, hay mệ đi chung với tụi con.
- Chừ hết kịp rồi con ơi!
Huế đang là một thành phố chết và đang là một thành phố bị bỏ ngỏ. Cả thành phố chỉ còn lại vài ba ngọn đèn đường, cái sáng cái tối, đạn pháo Việt Cộng nã đều vào cầu Trường Tiền và khách sạn Hương Giang, đó đây người ta đang đạp xe ba bánh, xe xích lô đi hôi của.
Đi lối cầu mới thì được an toàn, nhưng tôi sẽ đi lối cầu Trường Tiền mặc dù cầu này đang bị pháo. Một chút lãng mạn trong người tôi nổi dậy, chẳng gì cũng chỉ còn là lần chót. Ngay đầu cầu, một chiếc M-48 nằm chình ình, máy vẫn còn nổ mà không có người. Lên đến giữa cầu, tôi nói với mấy thằng lính đệ tử.
- Quay lại nhìn Huế lần chót bay, chắc chắn là mình sẽ không đánh ra tới đây để lấy lại đâu.
Một nỗi buồn dâng lên trong tôi, không khóc nhưng mắt tôi đoanh tròng. Bao nhiêu gian truân, bao nhiêu xương máu, bao nhiêu xác người, bao nhiêu mồ hôi nước mắt của bạn bè, của anh em đồng đội tôi đã đổ xuống cho cái vùng địa đầu nghiệt ngã này. Bản thân tôi cũng đã hai lần đổ máu ở nơi này, bây giờ bỗng chốc bỏ đi, hỏi ai là người không tức tưởi. Đù má những thằng chịu trách nhiệm trong vụ bỏ Huế này, lịch sử sẽ bôi tro trát trấu vào mặt chúng! Những ai đã từng tuyên bố, từng hô hào tử thủ Huế giờ này ở đâu? Khốn nỗi, những thằng đánh trận mà luôn luôn đi đàng sau và luôn luôn bỏ chạy trước lại là những thằng có quyền, có quyền mà hèn nhát, đốn mạt nên bây giờ bao nhiêu người khốn đốn, rút chạy như một lũ thua trận. Nhưng thực sự chúng tôi đã đánh nhau đâu để bị gọi là thua! Đồ tiếp liệu trong thành Mang Cá dư sức cung cấp cho Lữ đoàn tôi ít nhất là ba tháng, tại sao không cho chúng tôi vào thành Nội? Ờ mà tử thủ làm chó gì, bao nhiêu thằng xếp cút mẹ nó hết rồi, vợ đẹp con khôn và tiền bạc bao năm ăn bẩn không lẽ lại vứt bỏ. Vậy thì tội chó gì mình lại nghĩ đến chuyện ở lại đánh nhau để chết oan mạng, cùng lắm được vài giọt nước mắt cá sấu, một cái huy chương không giá trị, những lời ca tụng giả dối, ngoài cửa mồm thôi chứ có mẹ gì nữa đâu. Đồ chó má!
Qua hết cầu, tôi gặp đại úy Chiêu, Đại đội trưởng đại đội 3, tay cầm chai rượu chát khổng lồ, túi đút chai rượu mạnh. Thấy tôi ông kêu lớn:
- Ê Huy, nhậu mày.
Bao nhiêu tủi hờn, căm hận, buồn bực biến mất nhanh như viên đạn ra khỏi nòng súng. Bọn tôi ngồi quây tròn giữa ngã tư đầu nam cầu Trường Tiền nhậu không có mồi, không có nước đá "chữa lửa" thì chúng tôi nhậu chay. Câu chuyện lại vui như pháo Tết. Mấy tên lính không biết lấy xe xích lô của ai chở đầy xe thuốc lá Ruby và bia Quân tiếp vụ đến tiếp tế và nhập cuộc. Tôi đập vỡ cổ chai bia rót từ đầu xuống, người ướt đẫm bia thích thú, từ bé đến lớn chưa bao giờ được tắm bằng bia mà. Nhưng chẳng có cái dại nào giống cái dại nào: bị ướt bia, người tôi dính nhem nhép khó chịu.
Đang ngồi nhậu, Đại đội trưởng tôi không biết từ đâu tới cho biết điểm hẹn đã thay đổi vì những kho đạn, kho xăng ở Thuận An đã bị cháy, không biết vì pháo kích hay vì đặc công. Điểm tập trung mới là bến phà Tân Mỹ.
Mấy ông lính của tôi không biết vác ở đâu ra một lô súng mới tinh, nào là M-16, nào là M-79, nào là đại liên M-60, còn có cả máy truyền tin ANPRC-25 nhưng không có pin. Tôi bảo lính đi lấy thêm, đại đội trưởng tôi không chịu:
- Vác nặng thêm chứ được cái gì!
- Nặng khỉ gì, mình đi tàu đâu có vác.
- Tôi nói không, giờ này không lo mà đi đi, còn ở đó mà lo súng với lo nhậu. Đi!

Tôi uể oải đứng dậy. Lệnh đi thì đi chứ thực sự tôi còn muốn ngồi nhậu, mấy khi còn có dịp ngồi xếp chân bằng tròn giữa ngã tư mà nhậu thế này. Ung dung ngồi nhậu nhìn thiên hạ hớt ha hớt hãi thú lắm chứ. Tôi đi qua khách sạn Hương Giang lúc này đã hết bị pháo kích, qua Đập Đá, đến ngã ba con đường đất đỏ. Ngã ba này là điểm tụ hội của dòng người đi từ Huế ra và dòng người quá nhanh chân nên phải đi ngược từ Thuận An vào. Tất cả đổ vào con đường đất đỏ để đến bến phà Tân Mỹ.
Đại đội trưởng ra lệnh tôi đợi ở ngã ba để chỉ đường cho lính ở cả hai phía tới, còn ông ta nhập vào dòng người đi trước.
Tôi gặp So, trung úy Đại đội trưởng đại đội 2. So, Hồ, Sáng và tôi là bốn thằng cùng về tiểu đoàn một ngày. So cũng đứng lại đợi những con nhạn là đà, đứng với nhau cùng ngậm ngùi về chuyện thằng Sáng. Chừng nửa tiếng So cũng lại đi trước.
Khoảng gần 3 giờ sáng, khi dòng người thưa dần tôi mới đi. Đi chừng chưa đầy 20 phút, chúng tôi mất bóng những người đi trước vì bị đứt đoạn. Đến một ngã ba tẽ ra như hình chữ Y, hai ngã đường đều lớn như nhau, tôi rất phân vân trong sự lựa chọn. Trong số người có mặt, tôi là thằng có cấp bậc cao nhất, tôi lại có máy truyền tin nên mọi người đều trông vào tôi. Tôi gọi máy cho Đại đội trưởng:
- Tôi gặp ngã ba hình chữ Y, 369 cho biết đi đường nào?
- Đi thẳng.
Mẹ kiếp, vậy thì hỏi làm chó gì cho mất công, đường nào cũng là đường thẳng và đường nào cũng là đường rẽ.
- Ông cho tôi biết phải đi về hướng nào?
- Hướng nam, bộ ông không đang đi về hướng nam sao?
Tôi không muốn hỏi nữa. Đường bên trái về hướng đông nam, đường bên phải về hướng tây nam. Tôi chọn đường bên trái vì chắc chắn đường này sẽ ra đến phá Tam Giang. Đi được chừng hai cây số, có một xe Jeep từ sau chạy tới. Tôi hỏi:
- Phải đi đường này không mấy anh?
- Ừ, gần tới phá rồi.
Chắc ăn là mình đã đúng đường, cứ thế chúng tôi đi. Nhưng khoảng chừng 15 phút sau, chiếc xe Jeep lúc nãy đi ngược trở lại, không đợi hỏi, mấy người trên xe đã nói:
- Tụi tôi ra tới phá rồi, không gặp ai hết, quay lại đi.
Chúng tôi nhìn nhau thở dài. Tôi liên lạc với Đại đội trưởng:
- 369 - 520.
- Nói.
- Tôi đi lạc rồi, bây giờ vòng lại thì xa quá, ông bắn cho tôi ba phát súng để tôi định hướng.
Im lặng. Tôi gọi lại:
- 369 - 520.
- Nói.
- Sao ông chưa bắn?
- Bắn rồi.
- Tôi không nghe gì hết, ông bắn lại đi.
Lại im lặng. Tôi lại gọi:
- 369 - 520.
- Nói đi.
- Ông bắn chưa?
- Rồi, cha nội.
- Vậy thì tôi đi lạc xa quá rồi!
- Ông rán đi làm sao cho kịp thì đi.
Giận quá tôi mỉa:
- Cám ơn 369.
Chúng tôi kéo nhau đi ngược trở lại, đi theo tôi có đến bốn, năm chục người nhưng thầy trò tôi chỉ có ba. Thế là mất toi cả hơn tiếng đồng hồ, bù lại được cái là tăng thêm mệt nhọc và sự bực

mình.
Về đến ngã ba chữ Y lúc nãy, đương nhiên lần này tôi không còn phân vân hay phải hỏi đường. Càng đi đoàn người phía sau càng đông dần và dần dần qua mặt chúng tôi. Có rất nhiều xe đi qua, tôi chận được một xe Jeep không đến nỗi chật lắm, cả ba thầy trò tôi cùng lên được trên xe. Tôi nghĩ bụng, mệt quá rồi, thôi thì phó mặc cho tài xế. Ngủ.
Tôi ngủ ngon lành cho đến khi xe đến bến phà Tân Mỹ khoảng 6 giờ sáng. Người đã tập trung ở đây rất đông nhưng phương tiện qua sông lại không có một cái. Bao nhiêu ghe, gọ nằm hết ở bờ phá bên kia. Tôi chẳng rỗi hơi mà lo chuyện làm sao để qua phía bên kia phá, không phải là việc của tôi.
Trong thời gian nghỉ ngơi để chờ đợi, thiếu tá Thành cho tập họp các sĩ quan của tiểu đoàn lại để tự giới thiệu.
- Tôi là thiếu tá Thành, Đinh Long Thành, tiểu đoàn trưởng mới của các anh. Tàu đã đợi sẵn chúng ta ở bờ biển, các anh kiểm điểm lại quân số. Những mất mát về vũ khí, trang bị không thành vấn đề. Chúng ta sẽ được tái trang bị khi vào đến Đà Nẵng.
Kể cũng tức cười, sau khi chạy vắt giò lên cổ, chạy ướt nhẹp cả quần, Tiểu đoàn trưởng mới được giới thiệu với các sĩ quan trong tiểu đoàn. Quân số đại đội tôi thiếu gần chục mạng, tuy nhiên người vẫn tiếp tục đến. Trung đội 2 của Huy mập cũng đã có mặt, kể cả những người bị thương nhẹ; còn những người bị thương nặng tôi không biết họ ở đâu nhưng chắc là được yên ổn, an toàn.
Khoảng 11 giờ đại đội tôi vượt xong phá Tam Giang.
Nơi mới đến tôi chỉ biết duy nhất có một điều là bốn bề là nước, phía bắc là cửa Thuận An, phía nam là cửa Tư Hiền, phía tây là phá Tam Giang và phía đông là biển Đông. Một cái túi được bọc kín chung quanh bằng nước, bề ngang đông tây rất hẹp.
Chúng tôi được chia vào nằm ở những căn nhà dọc hai bên con đường đất chính của làng ở ven phá để ăn uống, nghỉ ngơi.
Rải rác có thêm những người lính của đại đội tiếp tục đến, cho biết đã có những đụng độ giữa Việt Cộng với những người đi phía sau.
Hơn 12 giờ trưa, chúng tôi được lệnh di chuyển ra bờ biển. Vừa lên hết đụn cát cạnh làng tôi đã thấy ngay một chiếc tàu thật lớn mang số HQ-801 thừa sức chứa cả lữ đoàn đã đợi sẵn ở gần bờ không biết từ bao giờ. Tôi nghĩ bụng chỉ còn lên tàu nữa là chấm dứt sự rút chạy, bọn Việt Cộng có tới nơi cũng sẽ chỉ được một phen chưng hửng. Nhưng lên tàu cũng còn có nghĩa là chấm dứt một cách nhục nhã và vô lý cuộc chiến đấu khủng khiếp mấy năm trời nay để giữ vùng Quảng Trị và Huế, và sẽ chẳng bao giờ còn trở lại cái nơi đã in đậm vào tôi những kỷ niệm vui buồn xấu tốt.
Sóng có vẻ cao ở sát bờ nên tàu phải đậu cách bờ có đến khoảng năm mươi mét. Những người dân chạy loạn và lính tráng của các đơn vị khác tan hàng đã đứng đầy ở bờ biển. Họ đã chạy theo chúng tôi từ Quảng Trị, Huế và các vùng phụ cận về đến đây.
Theo lệnh Lữ đoàn, mỗi tiểu đoàn tập họp thành một khối đứng quay lưng ra biển. Đại đội tôi mỗi trung đội đứng một hàng dọc cộng với một hàng dọc ngắn của ban chỉ huy đại đội.
Trong khi kiểm điểm quân số, tiểu đoàn bắt được một tên Việt Cộng trà trộn. Tên này cũng mặc quần áo Thủy Quân Lục Chiến, cũng đeo bảng tên màu đỏ của tiểu đoàn, bị phát giác vì một sự ngờ nghệch nhỏ. Mỗi bảng tên đều có con số của từng đại đội, tên Việt Cộng này mang bảng tên không có số tức là thuộc đại đội chỉ huy lại đứng vào khu vực của đại đội 2. Bắt được tên Việt Cộng trong hoàn cảnh này dù có nhân đạo đến đâu cũng không thể giữ làm tù binh, mà chỉ có một cách duy nhất là tặng chàng cái vé đi tàu suốt.
Buổi sáng kiểm điểm quân số ở bên kia phá, tôi chỉ nghe báo cáo của các trung đội, bây giờ đâm hoảng, tôi phải đích thân đi nhìn mặt từng người lính trong đại đội. Oái ăm thay ngay trong trung đội tôi - tôi làm Trung đội trưởng trung đội 4 thay cho thiếu úy Sáng từ ngày Sáng qua đơn vị mới, vì tôi là đại đội phó nên mọi sinh hoạt của trung đội đều do trung sĩ nhất Ba trung đội phó điều động. Tôi hoảng hồn vì trong trung đội tôi có mấy tên mang đúng bảng tên của đại đội nhưng mặt mũi lạ hoắc, có một tên còn dắt theo một cô gái đang lúng ta lúng túng, mặt mũi

tái xanh tái mét. Tôi hỏi:
- Mày đại đội nào?
- Em đại đội 4.
- Mày trung đội nào?
- Em trung đội 4.
- Trung đội trưởng mày là ai?
- Là trung úy, -vừa nói người lính vừa chỉ tôi.
Trung sĩ nhất Ba đỡ lời:
- Nó là lính mình đó trung úy -anh ta chỉ thêm mấy người lính nữa- mấy đứa này cũng lính mình luôn trung úy. Tụi nó về đại đội hồi ông đang đi phép, ra tới đại đội ông đi Mỹ Chánh liền nên không biết tụi nó.
Tôi hỏi tiếp:
- Cô gái này là gì của mày?
Cô gái hốt hoảng nói:
- Em là vợ anh ấy.
- Phải không mày?
Tay lính ngập ngừng, tiếng dạ lí nhí trong miệng.
- Mày mới Sài Gòn ra mấy ngày, tại sao đã có vợ Huế?
Cô gái òa lên khóc, thú nhận:
- Em không phải là vợ anh này, em là người Huế, em học năm thứ hai Văn Khoa -vừa nói cô gái vừa móc căn cước và thẻ sinh viên đưa cho tôi- em không phải là Việt Cộng.
Bất thần cô gái xụp xuống lạy tôi như tế sao:
- Trung úy cho em đi theo với, em không còn cách nào để đi được.
- Mấy cô hoạt động chống chính phủ dữ lắm mà, sao không ở lại đón Việt Cộng, chạy theo tụi tôi làm gì. Hay cô được gài đi theo mấy thằng lính "mồ côi" này.
Cô gái khóc rống lên một cách thảm thiết, tay vái tôi lia lịa:
- Gia đình em đi trước hết rồi, còn mình em ở lại để thu xếp nhà cửa rồi đi sau, đâu ngờ đã không kịp thu xếp gì hết lại còn bị kẹt như vầy.
Tôi bảo trung sĩ nhất Ba:
- Anh coi kỹ giấy tờ rồi khám người cô ta xem có gì khả nghi không?
Tôi không phải là người dễ xúc động vì những giọt nước mắt đàn bà, tôi cũng không phải là một người cả tin nhưng xét cho cùng, người con gái trong hoàn cảnh loạn lạc này, một thân một mình nếu không bám vào chúng tôi thì còn biết bám vào ai, kể cả trường hợp nếu cô ta là người của Việt Cộng gài cũng chẳng có gì đáng ngại vì tôi đâu để cho cô ta đi lại thoải mái, còn nếu cô ta đích thực chỉ là một người dân cần chạy theo chúng tôi mà mình không giúp chẳng hóa ra mình tiếp tay cho Việt Cộng hay sao.
Năm 72, tôi đã chứng kiến cảnh những người dân Quảng Trị bị kẹt lại trong vùng của Việt Cộng, khi chúng tôi đánh chiếm lại vùng thôn Bích La, Triệu Phong, có những đoàn người đã vượt bao nhiêu nguy hiểm để tìm về với "bộ đội miền", có đoàn lúc khởi đầu khoảng ba trăm người, sau ba bốn ngày đêm đi ngày trốn, đến khi gặp được chúng tôi chỉ còn chừng một trăm. Có đoàn khi đi khoảng một trăm, sau nhiều ngày trốn tránh đã không bị chết dọc đường, nửa đêm cuối cùng của đoạn đường vướng phải mìn tự động của một trung đội tiền đồn chết một số, tiếng rên của những người bị thương, tiếng la của những người hốt hoảng với âm điệu miền Trung đã lọt vào tai chúng tôi thành những tiếng "xung phong", thế là đạn chúng tôi bắn ra, lựu đạn chúng tôi ném ra lại giết thêm một số dân không tí kinh nghiệm gì về chiến trường, sáng ra nhận diện được nhau rồi, gom góp lại còn khoảng chưa tới năm mươi người, kể cả những người bị thương.
Có toán về gặp chúng tôi giữa ban ngày, có một người đàn ông mừng quá ôm chầm lấy một người lính vừa nhắc bổng lên vừa kêu "gặp lính miền rồi, gặp lính miền rồi, chết cũng sướng, chết cũng sướng", kêu xong ông ta nhảy ùm luôn xuống dòng sông Vĩnh Định, khi chúng tôi vớt lên được chỉ còn một cách là đắp cho ông ta một nấm mồ. Hương hồn ông chắc chắn là đã ở

nơi miền cực lạc.
Những hình ảnh đó của quá khứ đã bắt buộc tôi phải cho cô gái Huế học Văn Khoa đi theo trong đại đội, nhưng dưới sự kiểm soát của hai người lính trong ban chỉ huy của đại đội. Khả năng và quyền hạn của tôi không thể giúp được cho tất cả những người dân đang chờ đợi, mong ngóng được lên tàu đứng đông nghẹt ngoài kia, nhưng giúp chỉ một cô gái thôi thì tôi có thể làm được.
Cả Lữ đoàn tập họp đứng khơi khơi quay lưng ra biển từ hơn 12 giờ trưa cho đến 4 giờ chiều trong khi chiếc HQ-801 vẫn dập dềnh chờ đợi. Không hiểu để làm gì và không hiểu tại sao. Điều này chỉ có Ó Lương tức Đại bàng Lâm Thao biết, hoặc thêm một ít sĩ quan trong ban tham mưu của Lữ đoàn biết, còn ngoài ra, chúng tôi, những thằng lính đang đứng tập họp trong hàng không thể nào biết. Có một số lính vô kỷ luật đã trốn khỏi hàng, lấy mấy chiếc ghe nằm trên bãi biển chèo ra tàu cùng với những người lính Bộ Binh và một ít dân chúng. Trong số này tôi thấy có cả trung sĩ Châu, hạ sĩ Nam lùn và mấy người lính của đại đội. Tôi nhìn những thuộc cấp đó hoàn toàn dửng dưng, chẳng còn buồn nghĩ là họ đúng hay họ sai nữa.
Người lính cuối cùng của đại đội vắng mặt khi tập họp đã tìm đến, binh nhất Tuấn. Tuấn bị bắn nát cánh tay trái, máu nhuộm đỏ cả tay áo, quần áo người ngợm ướt nhẹp, bê bết bùn, nhưng vẫn vác khẩu đại liên M-60 với còn chừng nửa dây đạn trên vai phải. Tuấn nói:
- Tụi nó đã kéo tới đầy hết bên kia phá rồi. Em bị tụi nó bắn theo khi mới ra khỏi bờ được một khúc. Lính mình bị kẹt bên kia vẫn còn nhiều, đang đụng.
Chúng tôi được lệnh di chuyển khi y tá đang băng cánh tay cho Tuấn đại liên.
Đừng tưởng bở, không phải chúng tôi di chuyển ra bờ biển để xuống tàu, và cũng không phải chúng tôi di chuyển ra bờ phá để lập tuyến phòng thủ, mà là di chuyển một hàng dọc dọc theo bờ biển đi về hướng nam. Nhưng cũng không phải là tiếp tục cuộc rút lui đến một điểm hẹn khác, mà lần lượt các tiểu đoàn, các đại đội nối đuôi nhau tà tà mà đi. Tôi xin nhấn mạnh là chúng tôi đi rất tà tà dọc theo bờ biển.
Trong khi đang tà tà dạo mát như vậy, một chiếc trực thăng từ phía biển bay vào, quần trên đầu chúng tôi rồi ném chừng một chục bao cát đựng gạo sấy và thịt hộp. Một sự hỗn loạn đã xảy ra để tranh giành mấy bao cát đựng lương thực ném xuống được gọi là tiếp tế đó. Có một bao rơi trúng đầu làm bất tỉnh một người lính. Khốn khổ cho những thằng lính chúng tôi, đói thì thực sự chưa đói, bao nhiêu thứ bỏ lại hết và sắp sửa đây còn bỏ lại ngay cả mạng sống của mình, vậy mà đi tranh nhau một ít lương thực "tiếp tế" kỳ cục đó.
Có tin đồn là chính tướng Lân ngồi trên chiếc trực thăng tiếp tế này với mục đích là để thị sát, nhân tiện ném xuống cho một ít lương thực. Tôi không tin điều này vì hai lý do, thứ nhất theo tôi nghĩ là tướng Lân không thể ra đây trong tình trạng này, và thứ nhì là nếu tướng Lân có trên trực thăng, chắc chắn người anh cả đã ra lệnh cho chúng tôi xuống tàu bằng mọi giá chứ không phải để chúng tôi cứ tà tà rước đèn như thế này.
Chỉ cần một tay binh nhất có nghĩa là chỉ cần có chừng một năm kinh nghiệm chiến trường, thằng dốt đặc về quân sự, thằng chưa được học một khóa tiểu đội trưởng nào, chứ đừng nói đến hạ sĩ Nam lùn, trung sĩ Châu, cũng đã hiểu là chúng tôi phải xuống tàu càng nhanh càng sớm càng tốt, vì càng dây dưa bao nhiêu là càng rút ngắn khoảng cách giữa chúng tôi với Việt Cộng bấy nhiêu. Đại bàng Lâm Thao tức đại tá Lữ đoàn trưởng chắc chắn là biết điều này, vậy thì vì lý do gì chúng tôi đã không được xuống tàu.
Với đội hình một hàng dọc ngoằn ngoèo như con rắn ở dọc bờ biển, chúng tôi nhận lệnh ngồi xuống. Chiếc tàu đã ra xa bờ và "đợi" chúng tôi tận ngoài khơi. Dĩ nhiên nó không thể đậu mãi ở gần bờ để xem chúng tôi đi dạo mát, để xem chúng tôi nấn ná không có một hành động nào chứng tỏ chúng tôi muốn xuống tàu cả. Hai ông xếp lớn của chúng tôi, đại tá Lương Lữ đoàn trưởng và trung tá Tống Lữ đoàn phó đứng thản nhiên nói chuyện, cười đùa thân mật với một ông xếp lớn nữa là trung tá Tòng (trong những bản in trước, vì trông gà hóa cuốc, tôi đã viết là đại tá Thiệt, xin thành thật tạ lỗi với "Tử Thần") Liên đoàn trưởng Liên đoàn 14 Biệt Động Quân. Không hiểu cả ba ông xếp lớn đang nghĩ gì trong những cái đầu của họ, đang thú vị gì trong những câu pha trò của họ, đang bàn bạc gì bằng những cái mồm của họ. Chỉ biết là cả ba đứng

nói chuyện rất thoải mái và thỉnh thoảng cười ồ lên hình như vì một câu pha trò đầy ý nhị. Trung tá Tòng là người của đơn vị khác và hơn nữa, ông ta là đơn vị trưởng của một đơn vị không còn quân, dĩ nhiên ông ta không có quyền hành gì cũng như trách nhiệm gì đối với chúng tôi. Đối với tôi ông ta không khác gì cô gái Huế học Văn Khoa đang bám víu vào chúng tôi. Trung tá Tống là Lữ đoàn phó trong khi đang có mặt Lữ đoàn trưởng, ông cũng không thể có quyền hành hay trách nhiệm gì đối với chúng tôi. Nhưng còn đại tá Lương, người có cấp bậc cao nhất và quyền hạn lớn nhất ở đây, người có trách nhiệm về cuộc lui quân của chúng tôi, người mà chúng tôi phải gọi là đại bàng, ông đã có sẵn một diệu kế trong đầu chăng, ông đang muốn noi theo danh tướng thời xưa đang lập một trận Bối Thủy tân thời chăng.
Tôi rất hoang mang với cái trò dị hợm này, tam thập lục kế, tẩu vi thượng sách. Chúng tôi đã bỏ Quảng Trị, bỏ Huế, chúng tôi đã bỏ bớt lương thực, đạn dược cùng tất cả mọi thứ trang bị cá nhân, đơn vị lủng củng khác để tẩu về đến đây, nhưng chúng tôi đã không được lệnh lên tàu khi hoàn cảnh còn có thể, để tẩu cho xong đoạn đường tẩu. Bây giờ chúng tôi tẩu đi đâu trong cái túi "lửa" bốn bề là nước này. Phương tiện độc nhất là chiếc tàu thì nó đã "ra khơi thấy lòng phơi phới" rồi, vì trong lòng nó đã trống rỗng, không có chúng tôi.
Ngập ngừng là chết, đã không thoái được thì phải tiến, nhưng lấy cái gì để mà tiến, và tiến đến đâu? Đạn dược chúng tôi đã hết, lương thực chúng tôi cũng không còn, chúng tôi lại chỉ ở một bên mép của cù lao này, mà còn ngồi khơi khơi hóng mát chứ không chịu phòng thủ. Thoái đã không thoái mà tiến lại không chịu tiến, công đã không công mà thủ lại cũng không thủ. Có phải đây là một chiến thuật mới nhất đang được ghi vào quân sử?
Lính của những đơn vị Bộ Binh đã tan hàng và người dân Huế chậm chân đang chạy theo chúng tôi chắc chắc chắn là hoang mang hơn chúng tôi nhiều. Họ tụ tập ở nhiều chỗ nhìn chúng tôi, nơi bám víu sau cùng của họ đang ngồi nhìn trời ngắm biển, chúng tôi đang làm gì chúng tôi còn không biết thì người ngoài làm sao biết được.
Cứ ngồi như vậy cho đến gần 6 giờ chiều chúng tôi mới nhận lệnh tổ chức phòng thủ đêm. Đại đội trưởng tôi ra lệnh:
- Ông dắt con cái vô trong kia kiếm chỗ đóng quân tạm. Đợi tôi đi họp về rồi tính sau.
Sẵn đại đội đang ngồi một hàng dọc dọc theo bờ biển, tôi cho quay phải thành một hàng ngang, cứ vậy mà đi vào phía trong.
Đang di chuyển, mấy viên đạn xé gió bay ngang đầu chúng tôi, bắt nhịp cho dàn đại hòa tấu nhiều loại súng bắn xối xả vào chúng tôi từ phía những lùm dương trên đồi cát.
Cả Lữ đoàn nhốn nháo, người ta dồn cục ùn ùn chạy lên phía bắc, rồi lại dồn cục ùn ùn chạy xuống phía nam, mấy chiếc M-113 chạy lẫn trong đám quân này bắn tứ tung loạn xà ngầu, không nhắm vào đâu hết.
Đại đội tôi đã ở cách đám đông hỗn loạn đó cả trăm thước nên không bị cuốn theo phản ứng loạn xạ của họ.
Sẵn đội hình hàng ngang, tôi dẫn đại đội xung phong ngay tức khắc vào mấy lùm dương phát ra tiếng súng trên các đụn cát, vừa xung phong vừa reo hò tở mở. Kết quả rất hài lòng, khoảng chừng một trung đội Việt Cộng bị đẩy bật ra khỏi vị trí trước sức tấn công vũ bão "bằng mồm" của chúng tôi. Tấn công "bằng mồm" đừng nghĩ là chúng tôi nấp kín một chỗ bắn loạn lên trời rồi mồm la xung phong, cũng đừng hiểu tấn công "bằng mồm" có nghĩa là tấn công bằng đạn mã tử vừa tiến vừa la dưới sự kiểm soát của huấn luyện viên chiến thuật trong quân trường. Tấn công "bằng mồm" ở đây có nghĩa là chúng tôi xung phong tiến chiếm mục tiêu hẳn hoi, Việt Cộng bị đẩy bật ra khỏi vị trí nhưng không một tên nào chết hoặc bị thương, vì khi xung phong chúng tôi đã không bắn một viên đạn, mà chỉ có cái mồm ngoác ra mà la, mà reo hò.
Bố trí quân xong, tôi đi một vòng đại đội kiểm soát và được biết chính xác số đạn của từng người lính chỉ còn trên dưới mười viên. Chắc chắn là không thể nào giữ nổi một phòng tuyến tuy khá nhỏ so với quân số một đại đội nhưng lại quá lớn so với số đạn dược chúng tôi đang còn, tôi cho thu nhỏ phòng tuyến lại. Một người lính đã chết khi đại đội thu tuyến. Lần đầu tiên trong đơn vị, xác một đồng đội nằm rất gần mà chúng tôi chịu bó tay, không dám mạo hiểm lấy xác, lý do rất giản dị là chúng tôi không có đạn để bắn yểm trợ. Trí thư ký sống khôn chết thiêng

thông cảm cho anh em.
Vì là đồi cát nên chúng tôi đào hầm hố, giao thông hào không mấy khó, mọi chuyện được hoàn tất thật nhanh chóng. Việt Cộng lại bám sát chúng tôi.
Đại đội trưởng từ tiểu đoàn về cho biết phát súng đầu tiên Việt Cộng đã bắn chết đại úy Chiêu -Tô Thanh Chiêu- Đại đội trưởng đại đội 3 và phát súng tiếp ngay sau đó đã bắn trúng giữa trán thiếu tá Nam -Nguyễn Tri Nam- Tiểu đoàn phó, trong lúc thiếu tá Nam đang chia tuyến phòng thủ cho các Đại đội trưởng.
Chiếc tàu đã ra xa, thật xa ngoài khơi, bờ biển đã vắng tanh vắng ngắt, Lữ đoàn đã bố trí thành một đường vòng cung bảo vệ một đoạn bờ biển, những người dân và những người lính mất hàng ngũ đã trốn nấp đâu đó. Mặt trời đã khuất, tất cả đều đã biến mất trong ánh sáng cuối ngày, chỉ còn lại là những tiếng súng, những lằn lửa đan ngang đan dọc trên đầu chúng tôi. Chúng tôi di chuyển thật hạn chế dưới giao thông hào được đào vội vã để chuyền cho nhau những viên đạn đi nhặt, đi mót được. Bóng tối xuống rất từ từ.
Một chàng trung úy Biệt Động Quân còn đeo cả khẩu Colt 45 bên hông và cái xẻng sau lưng không biết từ đâu xuất hiện, bò đến chỗ tôi, giọng trầm:
- Trung úy cho tôi đi theo trong đại đội -vừa nói anh chàng vừa vỗ vỗ vào túi quần- tôi có hơn trăm ngàn, khi về đến Đà Nẵng mình sẽ đi nhậu.
- Một trò hối lộ bỉ ổi, tôi sẽ đồng ý cho anh đi theo trong đại đội nếu anh có súng và đạn chứ tôi không cần anh phải có tiền. Tôi nhấn mạnh là súng để đánh nhau chứ không phải là súng để làm cảnh như khẩu Colt này.
- Trung úy để tôi đi kiếm.
Anh ta bò ngược trở lại phía biển, khuất dần sau những mô cát phía sau lưng tôi.
Đạn cối 61 ly của Việt Cộng nổ rất gần chúng tôi nhưng vì rơi trên cát nên chẳng hiệu quả gì bao nhiêu, và sự điều chỉnh không được chính xác vì Việt Cộng không nắm được vị trí chính xác của chúng tôi. Tuy nhiên những nháng lửa và những tiếng nổ cũng đủ làm cho thần kinh chúng tôi căng thẳng. Một vài quả lựu đạn được ném ra từ giao thông hào chỉ có giá trị níu kéo một chút tinh thần còn sót lại.
Tiếng khóc ư ử của cô gái Huế học Văn Khoa vang lên, thỉnh thoảng còn được cầm chịch bằng những lời kêu than, van vái. Đàn bà quả thật là vô duyên trong lúc này, vậy mà còn phải nghe lời than khóc của cái món vô duyên ấy nữa. Trong trường hợp này và trong hoàn cảnh này, cô nàng quả chỉ đáng đem ra xử bắn. Tôi bảo tên cao bồi:
- Bưởi, mày tới hỏi con nhỏ bộ muốn chỉ điểm mục tiêu cho Việt Cộng hay sao mà khóc rùm trời vậy?
Bưởi bò đi một lúc rồi bò về vừa cười vừa nói:
- Con nhỏ vừa khóc vừa kêu cha mạ ơi, trời phật ơi, tay vái lia lịa mà đâu có thấy nó vái trời, chỉ thấy cái mông nó chổng lên trời thôi, còn tay nó vái đất. Còn nữa ông thầy, có thêm một cặp nằm ôm nhau trong tuyến mình.
- Ngon há, sao mày không tống cổ tụi nó ra?
- Đâu được ông, lính mình mà.
- Lính mình hả, thằng nào vậy?
- Không phải đại đội mình, đại đội chỉ huy. Tụi nó đi theo trung úy Xuân.
- Ủa, ông Xuân cũng nằm đây à? Để tao đi coi.
Trung úy Xuân là đại đội trưởng đại đội chỉ huy, nhưng chắc chắn một điều là đại đội chỉ huy không có mặt ở vị trí của đại đội tôi. Tại sao ông Xuân lại nằm đây?
Tôi bò dọc theo giao thông hào, nhiều đoạn chạy quanh phía sau ụ cát nên không phải bò. Đi một vòng để kiểm soát và khích lệ tinh thần lính tráng, tôi đến gặp trung úy Xuân:
- Tại sao ông lên nằm đây?
- Nằm với tụi mày chắc ăn hơn nằm dưới kia.
Tôi không hiểu được ý của câu trả lời.
- Còn cặp nào nằm đây?
- Cao bồi tao, con vợ nó ở Sài Gòn ra bị kẹt lại.

Tôi bò đi. Cô gái Huế học Văn Khoa đã cố nén tiếng khóc không cho bật ra ngoài, thỉnh thoảng chỉ còn nấc lên một tiếng. Tình cảnh này thật thương tâm, nhưng không ai giúp được gì cho cô ta trong lúc này, và cũng chẳng có ai rảnh để mà an ủi cô ta. Có mỗi một cô gái nằm gần bên thì cô này cũng quá sợ, ôm cứng lấy chồng.
Việt Cộng vẫn bắn đều, chúng tôi vẫn đáp lễ cầm chừng.
Đại đội trưởng chuyển xuống cho một mũ sắt đạn M-79 và lựu đạn. Chính tôi đi kiểm soát để bổ sung cho lính.
Việt Cộng mở đợt tấn công đầu tiên. Với lối đánh quen thuộc, chúng tôi đã đẩy lui đợt tấn công mở màn, thăm dò của địch nhanh chóng và nhẹ nhàng, chúng tôi không có một tổn thất nào. Tuy nhiên, vấn đề được đặt ra là chúng tôi sẽ phải chống đỡ bao nhiêu đợt tấn công trong đêm, và đến đợt tấn công thứ mấy thì chúng tôi hết nhẵn đạn.
Có lệnh mở đường máu đi về phía cửa Tư Hiền. Vô ích phải không đại tá Lữ đoàn trưởng? Phải mở bao nhiêu lâu và con đường máu phải kéo dài bao xa, và phải cần đến bao nhiêu máu mới mở được con đường đến cửa Tư Hiền, và còn nữa, phải tốn bao nhiêu xác người mới đủ để tạo thành cái cầu bắc qua cửa biển. Và chắc chắn một điều là chúng tôi sẽ không đủ đạn để mở nổi con đường máu đó. Tại sao không mở rộng khu vực phòng thủ để bảo đảm an toàn cho tàu vào tiếp tế đạn dược, lương thực tạo điều kiện thuận tiện và an toàn hơn cho một bãi bốc để di chuyển từng đơn vị nhỏ ra biển. Nếu chơi trò này tối thiểu chúng tôi cũng phải rút được hai tiểu đoàn. Lệnh mở đường máu về cửa Tư Hiền là một cái lệnh vô lý, thậm vô lý, vô ích, thậm vô ích, chỉ là sự dẫy dụa của một con cá đang nằm trong lưới.
Trời ơi chúng tôi có còn phải là Thủy Quân Lục Chiến nữa hay không, chúng tôi có còn phải là những thằng lính thiện chiến "quân thù phải khiếp oai danh" nữa không, hay chúng tôi đã trở thành những cái xác vô tri vô giác được chỉ huy một cách vô lý. Chúng tôi là những thằng lính không bao giờ sợ chết, chúng tôi là những thằng luôn luôn tuân lệnh một cách tuyệt đối, nhưng bây giờ có nên tuân theo cái lệnh này hay không. Đã không cho chúng tôi xuống tàu trong khi còn có thể yên ổn mà xuống chỉ vì vài ba ngọn sóng nhỏ vỗ bờ, đã không cho chúng tôi lập tuyến phòng thủ khi còn có quyền chọn lựa địa thế. Chúng tôi bị đặt vào một thế chiến đấu cực kỳ bất lợi, với một địa thế thật tênh hênh mà lại nằm gọn trong một cái túi bít kín, chúng tôi không còn lương thực, chúng tôi không còn đạn dược, và cũng không còn sức lực, tinh thần chúng tôi đã xuống đến mức thấp nhất, bây giờ bắt chúng tôi mở đường máu chỉ có nghĩa là bắt chúng tôi chọn lấy cái chết nhọc nhằn và vất vả hơn là để chúng tôi nằm yên ở đây đánh nhau để mà chết.
Còn nỗi bi thảm nào hơn tình thế chúng tôi trong lúc này. Có những người tìm cái sống trong cái chết, ít ra họ, họ còn cái hy vọng tìm thấy cái sống mặc dù rất nhỏ nhoi, hy vọng nhỏ đến đâu cũng vẫn làhy vọng, một mảnh ván mục giữa biển cũng là hy vọng. Còn chúng tôi, miếng ván mục cũng không trông thấy, chúng tôi không thất vọng, chúng tôi không tuyệt vọng mà chúng tôi vô vọng. Chúng tôi, những thằng thanh niên khỏe mạnh, yêu đời, rất ham sống đang ngồi mơ được dậm chân tại chỗ này, đánh nhau để rồi chết tại đây cho đỡ mệt, chứ không muốn mở đường máu để chết dần chết mòn dọc đường, cuối cùng đến được một chỗ cũng để chết. Cái chết kiểu này quả tình không hứng thú tí nào hết.
Nghĩ đến chuyện phải mở đường máu, phải di chuyển cho mệt rồi cuối cùng cũng chết, nhưng đã có lệnh chuẩn bị tức là sẽ đến lúc thi hành, quả là ngao ngán. Tôi không muốn thi hành cái lệnh này, nhưng tôi lại không thể không thi hành lệnh. Vậy thì cách giải quyết tốt nhất để không phải thi hành lệnh là chết trước, chết ngay tại đây trong lúc này. Tôi không muốn mệt nhọc hơn nữa để kéo dài cái sống thêm được vài tiếng đồng hồ. Tôi đi một vòng dọc theo tuyến của đại đội để kiểm soát lính tráng, lần này tôi đi theo đúng nghĩa của tiếng đi, thẳng lưng mà đi. Cứ thẳng lưng như vậy tôi đi trong ánh sáng chập chờn của những trái hỏa châu chiếu đến, kéo dài những bóng đen rung rinh của những lùm dương, mờ dần rồi đen thui, trời lại sáng lên, bóng đen của những lùm dương lại rõ nét, ngắn hơn, lại kéo dài ra mờ dần. Đột nhiên tôi bị hất ngã và không biết gì nữa.
Phản ứng đầu tiên của tôi khi tỉnh dậy là đưa tay sờ lên đầu, chỗ để đội mũ còn nguyên nhưng

cái mũ sắt đã văng đâu mất. Biết chắc là mình còn sống, tôi cố gắng trấn tĩnh nhưng trong người vẫn thảng thốt làm sao ấy. Kết quả của viên đạn làm bay mũ sắt trên đầu tôi đã làm tôi không còn suy nghĩ gì nữa, ý nghĩ muốn chết ngay lập tức đã không còn, mở đường máu hay không mở đường máu không còn là vấn đề. Đầu óc tôi hoàn toàn đờ đẫn, trống rỗng. Giờ này có lẽ cũng một, hai giờ khuya gì rồi. Vấn đề của tôi lúc này là ngủ. Ngồi dựa lưng vào vách giao thông hào, tôi ngủ một giấc. Giấc ngủ dĩ nhiên rất mệt mỏi và chập chờn trong tiếng súng. Không rõ tôi ngủ như vậy trong thời gian bao lâu. Bưởi đánh thức tôi dậy:
- Ông thầy, Tiểu đoàn 7 lên trám bớt tuyến cho mình. 369 nói ông thầy rút ngắn tuyến lại.
Tiểu đoàn 7 là đơn vị được vận chuyển bằng xe từ Quảng Trị vào nên đạn dược còn đầy đủ và sức khỏe chưa bết bát như chúng tôi. Sau khi bắt tay nhau và sắp xếp xong khu vực phòng thủ, tôi bèn làm một bài ca con cá kiếm chút đạn, và đồng thời tôi vững tin hơn rất nhiều vì phòng tuyến không còn quá rộng so với khả năng phòng thủ của chúng tôi trong lúc này. Tuy nhiên tôi lại bị ám ảnh trở lại bởi cái lệnh mở đường máu.
Gần sáng 26. Biển yên gió lặng, trời sáng nhờ nhờ vì sương mù. Tôi nhận lệnh cho tải thương binh ra sát bờ biển để đợi tàu vào bốc. Trung úy Xuân đã biến mất cùng tên lính mang máy. Tôi nói với cô gái Huế học Văn Khoa và vợ chồng người lính cao bồi của trung úy Xuân còn nằm lại:
- Có tàu vào tải thương, mấy người ra bờ biển đi theo đám thương binh lên tàu, trời còn tối, đi từ đây xuống mé nước không nguy hiểm bao nhiêu đâu.
Họ dắt nhau chạy băng từ mô cát này đến mô cát khác và biến mất trong màn sương.
Đã thấy bóng dáng đen xì của chiếc tàu vào sát bờ, tôi đinh ninh là thế nào cũng được tiếp tế thêm đạn, nhưng chờ đợi vô ích, vì đợi cho đến khi tàu ra tận ngoài khơi đã khá lâu mà vẫn chẳng thấy ai gọi tôi đi nhận đạn. Hóa ra chúng tôi không được tiếp tế.
Tiếng súng thưa đã lâu, bây giờ lại bắt đầu dồn dập. Bóng đêm bao che cho những người rút chạy, nhưng chúng tôi đã không lợi dụng bóng đêm nên bây giờ lại phải đương đầu với những khó khăn, nguy hiểm càng lúc càng tăng. Sương đã tan, mặt trời chưa lên nhưng đường chân trời phương đông đã sáng, đủ để chúng tôi thấy những chiếc tàu nhỏ đang từ từ di chuyển qua lại ở mãi ngoài xa.
Đại đội trưởng cho người gọi tôi:
- Ông bàn giao nốt tuyến của mình cho tiểu đoàn 7.
- Vậy là không mở đường máu nữa à?
- Mở cái con mẹ gì, bộ ông ham lắm hả?
- Nản thấy mẹ chứ ham gì ông.
- Hủy bỏ rồi.
- Tại sao tàu không vào bốc mình hồi đêm, và tại sao tàu vào tải thương mà không tiếp tế gì cho mình?
- Bộ ông tưởng tôi biết nhiều hơn ông sao?
- Bàn giao tuyến cho Tiểu đoàn 7 rồi mình đi đâu?
- Về đàng sau. Thằng Xuân bỏ đơn vị xuống tàu rồi, thằng So dẫn nguyên đại đội xuống tàu luôn rồi. Tiểu đoàn kêu ông qua coi đại đội 3 thay đại úy Chiêu, sau đó ông mang đại đội 3 trám vào tuyến của thằng So.
- Bao giờ tôi qua đại đội 3?
- Tiểu đoàn kêu ông từ hồi khuya, nhưng tôi chưa muốn để ông đi.
- Sao vậy?
- Đại đội 3 banh hết rồi, ông qua đó lúc này đâu có làm được cái mẹ gì. Lỡ bị gì có phải kẹt không!
Có thật là lỡ bị gì "có phải kẹt không" hả trung úy Gắt, chắc là không rồi. Đại đội 3 mới thành lập, đại đội phó chết, đại đội trưởng chết, mấy trung đội trưởng còn lại chỉ là chuẩn úy, các tay kia là thiếu úy lại tinh là những tay ba bứa, cứng đầu, đâu có ai nói ai nghe. Gần như là một thông lệ, một đơn vị mới được thành lập hầu như được tập hợp bằng những tay trật búa, những tay bị "đì" từ các đơn vị khác được đơn vị trưởng "ưu ái" tống ra khỏi đơn vị. Đại đội 3 là

đại đội tập trung tất cả những thằng "hết xài" của các đại đội khác trong tiểu đoàn, hiện giờ lại đang là một con rắn mất đầu. Tôi qua làm đại đội trưởng chỉ là để ổn định lại đại đội chứ đâu phải để đánh đấm. Rõ rệt là tôi đã có lệnh mang đại đội 3 trám vào tuyến đại đội 2 của trung úy So, tức là nằm ôm mặt sau của tiểu đoàn. Trung úy Gắt không cho tôi đi chắc chỉ vì đại đội 4 tôi chưa có ai được chuẩn bị để làm đại đội phó. Mà thằng đại đội phó Thủy Quân Lục Chiến mới là thằng chỉ huy đại đội đánh đấm, ủi bãi.
Ông sợ cho tôi hay ông sợ cho ông. Ông đã làm mất một dịp làm đại đội trưởng của tôi. Xin thành thật cám ơn ông, ông trung úy Gắt.
Bàn giao tuyến xong, Đại đội trưởng lại gọi tôi đến. Bằng một giọng giận dữ, trung úy Gắt nói:
- Đụ mẹ, mình bị bỏ rơi rồi!
- Ông nhận lịnh gì vậy?
- Lịnh cái con cặc! Ó Lương lên tàu tải thương rồi, đụ mẹ, dắt theo Lữ đoàn phó và thằng cha trung tá Tòng.
- Ủa, vậy rồi ai ra lịnh cho Tiểu đoàn 7 thế chỗ mình?
- Thiếu tá Cang -thiếu tá Cang là Tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 7.
Tôi buồn chứ không tức giận như trung úy Gắt. Đã đến tình trạng này thì ai mà chẳng muốn chạy thoát lấy thân. Trung úy So ngon lành nhất, So không chạy một mình mà dẫn theo cả đại đội xuống tàu. Trung úy Xuân khá hèn, bỏ cả đại đội chạy một mình, nhưng Xuân chỉ là một Đại đội trưởng, cùng lắm thì tai tiếng chỉ loanh quanh trong phạm vi nội bộ của Sư đoàn. Đằng này, cả Lữ đoàn trưởng lẫn Lữ đoàn phó bỏ Lữ đoàn lại mà chạy, trời đất ơi, đại tá Lữ đoàn trưởng, trung tá Lữ đoàn phó Thủy Quân Lục Chiến đào ngũ khi đối diện với địch quân. Tôi không phải là chánh án tòa án quân sự mặt trận, tôi cũng không phải là một sĩ quan thượng cấp để ra lệnh thi hành bản án tử hình theo quân luật hai ông xếp lớn này, nhưng tôi là một thằng Thủy Quân Lục Chiến, tôi sẽ nhục nhã như thế nào khi những người của các binh chủng khác nói đến chuyện này. Sĩ quan cao cấp của Thủy Quân Lục Chiến mà lại hèn đến thế sao? Buồn thật!
Tôi không muốn nghĩ thêm nữa về vết nhơ này của binh chủng. Tôi hỏi trung úy Gắt:
- Mình bàn giao, rồi làm cái giống gì ở đàng sau?
- Một chút nữa sẽ lại có tàu vô đón. Tiểu đoàn mình được lên tàu trước tiên, kế đến là Tiểu đoàn 3 rồi đến Tiểu đoàn 5. Tiểu đoàn 7 nằm lại lên sau cùng.
- Ai sắp xếp thứ tự này vậy 369?
- Thiếu tá Cang.
- Khi nào mình dzọt?
- Khi nào có tàu vô Tiểu đoàn 7 sẽ yểm trợ cho mình chạy xuống mé biển.
Tôi trở về vị trí. Từ đây xuống đến mé nước, đoạn đường độ khoảng trên dưới một trăm thước, cát khô. Tuy gần nhưng đâu phải là dễ chạy. Tôi ra lệnh cho cả đại đội cởi giày để chạy trên cát cho dễ.
Tiếng súng thưa dần rồi im bặt. Trời sáng hẳn. Chúng tôi ngồi quay mặt ra biển chờ đợi. Không còn tí vướng bận gì về chuyện phòng thủ phía sau lưng. Những người lính ở tuyến sát biển đang thập thò quanh những ụ cát thấp. Những con tàu vẫn từ từ qua lại ở ngoài xa. Sự yên lặng này có làm nặng nề thêm không khí chiến trường? Có nặng nề, ngột ngạt chăng là với những người lính của Tiểu đoàn 7. Họ có biết không những tính toán của Việt Cộng và họ đã biết chưa cái thứ tự ưu tiên sau cùng của họ? Những người lính của một người Tiểu đoàn trưởng anh hùng.
Với chúng tôi đoạn đường trăm thước này được kể như là vũ môn của những con cá chép. Sống chết dĩ nhiên cũng tùy thuộc vào sức mạnh của đôi chân, càng chạy nhanh thì càng rút ngắn được thời gian điểm danh của thần chết, nhưng sức mạnh của đôi chân vẫn chỉ là thứ yếu, mà sống chết phần lớn là tùy thuộc vào số mạng của từng người. Hãy tập trung tất cả khả năng của mình để chạy chết trên đoạn đường này, nhưng cũng hãy bình thản để chấp nhận số mệnh. Tôi cố gắng làm cho trọn điều tâm niệm đọc được của Nguyễn Mạnh Côn, "làm cho hết sức mình rồi bình tâm".
Nhưng, rất cố gắng mà tôi vẫn không thể bình tâm được. Mới có được tí ti hy vọng là sẽ được

tàu bốc, tôi đã đâm ra sợ chết. Nếu tôi cầm súng chiến đấu, cầm súng xung phong mà chết thì cái chết nó sẽ nhẹ nhàng hơn vì tôi không đang nghĩ đến nó, vì tôi còn đang hăng, vì máu tôi còn đang nóng. Còn bây giờ, chúng tôi buông súng, quay lưng, ùa chạy như một đàn vịt và chờ đợi một viên đạn ghim vào lưng, cái chết này quả là nặng nề, quả là lạnh căm.
Sống chết không còn tùy thuộc vào khả năng của mình, mà sống chết tùy thuộc vào may rủi, vào số mạng. Trời kêu ai nấy dạ. Trong lúc chờ đợi để thử thách với trời này, tôi chỉ còn có thể bám víu vào một đấng nào đó không thuộc về con người, khốn nỗi tôi lại là một thằng vô thần, không Chúa không Phật, đi nhà thờ chỉ để tán con chiên, đi chùa chỉ để theo tín nữ, vậy thì Chúa nào Phật nào chịu giơ tay cho tôi bám. Tôi bỗng nghĩ đến ông ngoại tôi, lần đầu tiên nghĩ đến ông sau khi ông chết đã hơn mười năm. Tôi lẩm nhẩm trong miệng "ông ơi cứu con! ông ơi cứu con!" Bà ngoại đã chẳng từng dặn rằng "có gì con cứ gọi đến ông, tối nào bà cũng thắp hương cầu ông phù hộ cho con" đó sao.

Mắt tôi bỗng sáng lên khi thấy một chiếc tàu quay mũi vào bờ. Trống ngực tôi đập thật mạnh, người tôi như lên cơn sốt trong khi miệng tôi chợt đắng nghét, bụng tôi thắt quặn lại, cố gắng một cách liên tục, dù hai hàm răng vẫn đập vào nhau, tôi vẫn lẩm bẩm "ông ơi cứu con! ông ơi cứu con!"
Tiếng súng Việt Cộng bắt đầu nổ, Tiểu đoàn 7 cũng bắt đầu bắn. Tôi nhìn ngược nhìn xuôi kiểm soát và nhắc nhở con cái lần chót. Miệng tôi bật ra tiếng hô:
- Dzọt!
Tất cả đại đội ùa chạy.
Súng nổ nhiều hơn, nhiều loại súng nổ hơn, rền hơn, gắt hơn, nhắm vào những mục tiêu di động là chúng tôi bắn tới tấp hơn. Tôi cố gắng chạy thật nhanh, miệng không ngớt "ông ơi, ông ơi", nhưng hình như người tôi nặng hơn, cát dưới chân hình như lún sâu hơn, thân hình tôi hình như to lớn, dềnh dàng hơn. Mồ hôi tôi vã ra, tai tôi ù đi, mắt tôi hoa lên. Hình như đâu đó quanh tôi có những tiếng thét thất thanh, hình như đâu đó quanh tôi có những bóng người ngã xuống. Không gian thì ngắn mà sao thời gian lại quá dài. Hình như thằng Bưởi vẫn chạy sau lưng để đỡ tôi, hình như thằng Khải mang máy đang kè kè bên cạnh tôi, và hình như tôi nghe loáng thoáng đâu đó tiếng của những người lính la lớn "tới rồi, tới rồi, nhào xuống giao thông hào".
Không biết những bàn tay nào đã hất tôi xuống giao thông hào, không biết những bàn tay nào đã đỡ tôi khỏi ngã. Tôi ngồi phệt xuống, dựa lưng vào bờ cát, miệng há ra mà thở nhưng vẫn không mất âm thanh của hai tiếng "ông ơi!".
Tiếng súng thưa dần rồi im hẳn.
Sau khi hoàn hồn, tôi đứng dậy nhìn lại đoạn đường vừa chạy, xác những người lính của đại đội nằm rải rác đây đó trên bãi cát. Tôi không dám nhìn kỹ để nhận ra những ai, tôi không dám đếm để biết là bao nhiêu người. Nước mắt tôi trào ra, không hiểu là mừng vì mình còn sống hay vì thương những thằng em vắn số. Một cái giá quá đắt trên một đoạn đường quá ngắn, một món nợ quá nặng chúng tôi phải trả vì mấy ông xếp lớn của chúng tôi vay. Tại sao chúng tôi chỉ được chạy như thế này vào ban ngày hả trời. Tôi đứng đấy, mắt nhòa lệ, thẫn thờ.
Bưởi vỗ lưng làm tôi giật mình:
- Ông thầy, 369 kêu.
- Ổng ấy ở đâu?
- Đằng kia -vừa nói Bưởi vừa lôi tôi đi- đại đội mình tập họp đằng sau ụ cát kia.
Gọi là đại đội nhưng quân số chỉ còn chừng một trung đội. Những người lính của tôi còn lại đâu rồi? Họ đã nằm hết ở ngoài kia hay còn đang lẩn quẩn đâu đó mà tinh thần và thể xác chưa được phục hồi.
Đại đội trưởng tôi, trung úy Gắt tuyên bố:
- Tôi không biết tàu có vào nổi để bốc chúng ta hay không, tôi tuyên bố kể từ giờ phút này, đại đội hết chỉ huy, mạnh ai nấy lo.
Tôi sững sờ. Trời đất ơi, đụ mẹ, con cặc, tại sao lại tuyên bố một điều vô lý như vậy được. Lúc

này là lúc cần sự chỉ huy nhất, lính tráng cần sự hướng dẫn nhất thì ông lại tuyên bố đại đội mất chỉ huy. Đại đội đã tan hàng, đại đội đã tanh banh nhưng đại đội vẫn còn tập họp lại được. Dù ít dù nhiều vẫn còn là một đại đội. Tại sao thế này hả trung úy Gắt? Tại sao ông lại đào ngũ một cách hèn nhát và công khai như vậy? Tại sao ông tuyên bố đại đội mất chỉ huy mà ông còn gom những thằng lính thân tín của ông lại? Âm mưu xé lẻ lúc này có đáng mặt chỉ huy hay không? Đã vậy mà còn tuyên bố. Tuyên bố cái con cặc! Tại sao ông không dẫn mấy thằng đệ tử ruột của ông trốn cha nó đi từ trước khi tập họp có phải hay hơn không, có phải đỡ nhục hơn không?
Tuy nhiên không sao, kể từ giờ phút này, theo đúng lời ông, ông không còn là cái thằng con cặc gì ở trong đại đội này nữa. Đụ mẹ, nghe rõ không, trung úy Gắt. Cút cha ông đi!
Tôi nói lớn:
- Đại đội trưởng tuyên bố đại đội mất chỉ huy. Đứa nào muốn đi đâu thì đi. Đứa nào muốn theo tao thì theo.
Tất cả kéo dồn về tôi, không hiểu vì ngượng hay vì thỏa mãn, trung úy Gắt dẫn mấy tên đệ tử ruột đi ra một nơi khác.
Huy mập tức quá khóc rống lên:
- Đụ mẹ, tôi bị thương, tôi không thèm theo tàu tải thương, tôi ở lại với lính, sống chết với tụi nó. Tại sao ông đốn mạt đến vậy hả ông xếp ơi!
Tàu đã vào gần nhưng chưa tìm ra được một chỗ an toàn để cặp bờ nên vẫn cứ đi lên đi xuống. Những người dân, những người lính của các đơn vị khác đã xuất hiện đông kín một khúc bờ cũng chạy lên chạy xuống theo hướng chiếc tàu di chuyển.
Thiếu tá Thành tiểu đoàn trưởng xuất hiện. Tôi có cảm tình và kính trọng rất nhiều với người chỉ huy này. Ông mới về tiểu đoàn, mặt mũi các sĩ quan thuộc cấp trong tiểu đoàn ông còn chưa biết mặt hết, gặp hết nói gì đến chuyện ông biết tánh tình và khả năng của họ. Làm tiểu đoàn trưởng được mấy ngày thì chạy, chết mất tiểu đoàn phó, chết mất một đại đội trưởng, banh luôn một đại đội, đào ngũ một đại đội trưởng, và một đại đội cũng đang lênh đênh trên biển, nằm ngoài sự kiểm soát của ông. Không hiểu đại đội của đại úy Tài ra sao, đại đội tôi kể như rã đám. Vậy mà ông vẫn chạy ngược chạy xuôi cố gắng tập trung, gom góp những thằng đeo bảng tên màu đỏ Tiểu đoàn 4 để hướng dẫn, để cho biết tin tức, để khích lệ tinh thần. Ông đã không lợi dụng tình trạng tan rã của tiểu đoàn để bỏ trốn một mình. Phải chi quân đội chỉ có tinh những cấp chỉ huy như thiếu tá Cang, thiếu tá Thành.
Ông gọi tôi:
- Anh dẫn đám con cái của anh lên trên kia đợi sẵn, đừng chạy theo đám người này cho mệt.
Hóa ra chúng tôi đã được chuẩn bị sẵn một bãi bốc.
Tôi chào ông rồi chúng tôi kéo nhau đi.
Tin tức về chỗ tàu sẽ vào bốc tưởng rằng rất kín đáo, rất bí mật, chỉ riêng Thủy Quân Lục Chiến biết, hóa ra đã có quá nhiều người biết. Chuyến tàu dành riêng cho Tiểu đoàn 4, nhưng khi chúng tôi đến nơi, số người đã đứng đợi sẵn cũng có đến cả vài ngàn, xấp xỉ với số người đang chạy ngược chạy xuôi theo chiếc tàu.
Con tàu khá nhỏ, sức chứa tối đa theo tôi ước lượng chỉ có thể chứa được hơn ngàn người, đó là đã kể đến trường hợp nêm người như nêm cối. Vậy mà số người muốn được lên tàu, cũng theo ước lượng của tôi, có đến trên chục ngàn. Chắc chắn sẽ xảy ra một cuộc thi tuyển bằng bắp thịt và giá phải trả bằng máu, bằng sinh mạng của từng thí sinh để kiếm được một chỗ trên tàu. Một cuộc thi không có trọng tài, không có giám thị, không có hội đồng giám khảo, mà cuộc thi chỉ có những thí sinh là những người đang chạy cho xa Việt Cộng, đang liều mạng sống để khỏi rơi vào tay Việt Cộng.
Tôi rùng mình, tưởng rằng bàn giao tuyến cho Tiểu đoàn 7, buông tay súng trở về phía sau là đã an toàn, yên ổn để lên tàu. Bây giờ mới thấy rằng còn quá nhiều cam go, còn quá nhiều nguy hiểm. Chỉ khác lúc trước là thay vì cầm súng chiến đấu với địch, bây giờ chúng tôi không cầm súng và chiến đấu với dân, chiến đấu với lính, với đồng đội, bạn bè mình, và cái giá phải trả cũng không rẻ gì hơn. Chấp nhận húc đầu vào tranh giành với người nhà để lọt được vào

con số một phần mười nếu được thì có một vé trên tàu, nếu thua thì thân xác sẽ trôi nổi bập bềnh theo sóng nước. Không có một lựa chọn nào khác nếu không muốn bị sa vào tay Việt Cộng.
Sẵn súng ống trong tay, chúng tôi chiếm được vị trí hàng đầu trong đám đông đứng đợi tàu rất dễ dàng, chẳng ai phản đối, chẳng ai la ó, họ sợ vì chúng tôi có súng hay họ khinh vì không ai muốn dây với hủi. Chuyện cùi hủi gì đó nào còn nghĩa lý gì trong lúc này. Vấn đề chính của lúc này là lên tàu, phải lên tàu bằng mọi giá. Những chuyện khác tính sau.
Chiếc tàu từ từ vào điểm hẹn.
Chúng tôi bị đám đông phía sau đẩy lấn tới đàng trước. Cả khối người xô đẩy, chen lấn ùn ùn dồn nhau ra biển. Tôi bị đẩy ra xa bờ dần. Nước lên đến đầu gối tôi, nước lên đến bụng tôi, nước lên đến ngực tôi. Nước lên nữa, lên cao nữa.
Sóng nâng đám người lên cao, sóng đánh bật đám người rã ra, nhận chìm đám người xuống đáy, sóng đánh văng nhiều người lên bờ, sóng kéo nhiều người ra ngoài xa, sóng lại nâng đám người lên cao, sóng lại đánh bật đám người rã ra, sóng lại nhận chìm đám người xuống đáy, sóng lại kéo nhiều người ra ngoài xa. Cứ thế sóng nhồi, cứ thế liên tục sóng nhồi.
Tôi đã ra xa bờ nhưng cũng phải còn xa tôi mới tới được chiếc tàu. Nước và sóng đã không để yên cho tôi bơi ra tàu theo một đường thẳng. Bụng tôi đã chứa khá nhiều nước biển, vậy mà miệng tôi vẫn cứ tiếp tục dồn nước biển vào bụng sau mỗi lần bị sóng nhồi, và cứ sau mỗi lần bị sóng nhồi, tôi lại ra xa bờ và xa chiếc tàu hơn một chút. Tha hồ mà ngụp lặn, tha hồ mà vẫy vùng. Tiểu đoàn 4 Kình Ngư nào có sợ gì biển cả. Tôi là một con cá kình đang "nhởn nhơ" với biển to, đang "tung tăng vui đùa" cùng sóng dữ trong khi chân tay tôi mỏi nhừ dần, rã rời dần, trong khi bụng tôi phình to dần vì nước biển. Cái chết đến mỗi lúc một gần tôi hơn. Con "cá dữ" đang chờ lúc chết đuối.
Buồn ngủ gặp chiếu manh, tôi vớ được chiếc ba lô căng phồng không biết của ai. Tuy cái ba lô đã thấm khá nhiều nước nhưng vẫn có giá trị của một cái phao cứu mạng tôi lúc này. Tôi ôm chắc mà không đeo vào lưng vì cái dây đeo đã tụt ra khỏi móc sắt. Tay ôm cứng ba lô, tôi thả nổi cái mạng sống bấp bênh của mình. Tuy đang chờ chết nhưng lần chờ chết này tôi lại rất bình tĩnh, không hốt hoảng, không run sợ như lần chờ viên đạn ghim sau lưng lúc nãy. Một chút thèm thuồng nhìn những người đã leo được lên tàu, và một chút hối tiếc nhìn những người còn đang đứng trên bờ mỗi khi sóng đưa tôi lên cao. Tăng thêm một vài ngụm nước biển vào bụng, mất dần thêm một chút sức lực mỗi khi sóng nhận chìm tôi xuống. Tôi không còn ý niệm về thời gian, nên không thể nhớ nổi tình trạng bập bềnh này kéo dài trong bao nhiêu lâu.
Có một người không biết từ đâu đến, xuất hiện cạnh tôi, ối giào, cũng chỉ bình thường như những người bình thường đang ngụp lặn giống tôi và quanh tôi. Nhưng không, anh chàng này không giống ai hết, nét mặt của anh chàng có một cái vẻ gì đó có thể gây nguy hiểm đến cho tôi. Linh cảm được điều này, nhưng tôi không làm sao có thể tránh xa anh ta. Anh chàng nhìn tôi một cách van lơn, nhìn cái ba lô tôi đang ôm một cách thèm thuồng, anh chàng cố gắng nói thật lớn với tôi, nhưng giọng bị đứt quãng vì hụt hơi, vì mệt, vì gió và vì tiếng sóng:
- Anh đưa em ra tàu với. Em bơi hết nổi rồi.
Hình như có một dòng điện cao thế vừa chạm vào người tôi, tôi hốt hoảng, tôi run lên vì sợ. Anh chàng này đúng là thần chết đến bắt tôi đi. Trời ơi, có phải thần chết cũng có khuôn mặt của người, hay thần chết đang vờn tôi như mèo vờn chuột. Tôi hấp tấp nói, chỉ sợ anh ta không kịp nghe tôi nói:
- Tôi không ra tàu đâu, tôi đang quay vào bờ.
Mặc cho tôi không ra tàu, mặc cho tôi đang quay vào bờ, mặc cho tôi hấp tấp nói, anh ta ôm cứng lấy tôi, biến tôi thành cái phao giống như tôi đang ôm cứng cái ba lô. Mặc cho tôi giẫy giụa, mặc cho tôi đạp, mặc cho tôi lên gối, sức nặng nghìn cân ôm cứng lấy tôi. Người tôi từ từ chìm xuống, cái ba lô không chịu nổi hai người cũng từ từ chìm xuống. Anh chàng vẫn ôm cứng lấy tôi và càng lúc càng cứng hơn mặc dầu cả ba -anh chàng, tôi và cái ba lô- đã chìm sâu xuống dưới mặt nước, mặc dầu sóng vẫn nhồi cả ba lên xuống, "tung tăng" trong nước.
Một con sóng mạnh nâng bổng chúng tôi lên cao, thật cao rồi ném mạnh chúng tôi xuống. Anh

chàng biến mất, cái ba lô cũng biến mất, chỉ còn lại mình tôi ngơ ngẩn, nước chỉ còn ngang ngực, tôi chỉ còn cách bờ hơn chục thước. Con sóng lớn đã ném tôi vào bờ, con sóng lớn đã cứu tôi. Không hiểu anh chàng thần chết có được ném vào bờ như tôi không.
Tôi nương theo những con sóng nhỏ đi lần vào bờ.
Cũng đã có rất nhiều người quay trở lại bờ như tôi, chán nản, tuyệt vọng.
Cũng vẫn còn rất nhiều người hăm hở lội ra tàu.
Tôi đi thất thểu trên bờ cát, không còn biết mình phải làm gì, và cũng không quyết định được gì.
Tôi gặp thiếu úy Sĩ -Lâm Chí Sĩ- Tiểu đoàn 2 Pháo Binh, quần áo còn khô, mái tóc mềm dài phủ ót bay bay theo gió, nụ cười bẽn lẽn như con gái cố hữu vẫn nở trên môi, mặt Sĩ đang phừng phừng vì rượu. Thấy tôi, Sĩ đưa tay vẫy:
- Ê Râu, làm vài nắp cho ấm, mày.
Tôi sà ngay vào, uống liền tù tì năm, sáu nắp bi đông rượu. Rượu khá nặng nhưng chỉ đủ làm nóng bụng chứ không đủ làm ấm người.
- Rượu đâu ra mà có giờ này vậy?
Sĩ chỉ một người cũng mặc quần áo của Tiểu đoàn 2 Pháo Binh ngồi bên cạnh.
- Của thằng này, thằng Lộc. Nó làm Phân chi khu trưởng ở Gia Hội mang theo cả bốn năm lít.
- Sao tụi mày không xuống tàu?
Sĩ cười lớn tiếng kiểu hát bội:
- Ha... ha... ha... còn mày sao không xuống tàu?
Tôi cũng cười, lắc đầu:
- Tao suýt chết đuối.
- Tội nghiệp thằng con trai, mày suýt chết đuối rồi cũng lại lên bờ, bố mày ngồi đây nhậu để coi những thằng suýt chết đuối như mày, bố mày cũng ở trên bờ.
Tôi gật gù:
- Mẹ kiếp, cũng có lý.
Tôi ngồi nhậu và trở thành kẻ bàng quan, ngồi ngắm nhìn thiên hạ.
Rất nhiều người từ biển trở lại bờ, người ngợm quần áo ướt sũng, kẻ khóc vì đã không ra được đến tàu, người cười vì vừa thoát chết, người đi lang thang thất thểu, kẻ ngồi hoặc nằm vật ra bất cần mọi chuyện sẽ ra sao.
Những người quần áo còn khô vẫn nhấp nha nhấp nhổm, nửa như muốn thử thời vận, nửa như rụt rè sợ hãi. Chỉ có những người lính Quân Y Thủy Quân Lục Chiến là những người đặc biệt trong số những người quần áo khô. Họ không nhấp nha nhấp nhổm mà họ hoạt động thực sự. Họ tập họp thành những toán cấp cứu đặc biệt, lăng xăng hết tiêm thuốc cho người này, lại hô hấp nhân tạo cho người khác mới từ biển vào, hết băng bó cho người này, lại đem băng ca khiêng người khác. Xin cám ơn và xin nghiêng mình kính phục những người lính Quân Y này.
Ngoài xa, chiếc tàu đã đông người nhưng vẫn còn đậu nguyên một chỗ, hình như cố tình kéo dài thời gian để bốc thêm được càng nhiều người càng tốt. Sức tải không thành vấn đề chỉ có sức chứa của chiếc tàu và tinh thần của thủy thủ đoàn mới là điều quan trọng. Những người đã lên được trên tàu đang cố gắng kéo những người vừa bám vào được thành tàu. Nhiều người không ai kéo đang cố gắng leo lên tàu từ mọi chỗ có thể bám mà leo. Có người leo lên được nhưng cũng có người rơi trở lại xuống biển. Lại còn có cả người trên tàu ngã xuống biển theo người mình đang cố kéo lên.
Từ bờ ra đến tàu khoảng cách hơn trăm thước, tôi không còn trông thấy mầu xanh của nước biển mà chỉ thuần một mầu đen của đầu người. Đầu của những người đang cố gắng bơi ra chiếc tàu.
Trên tàu đã chật người, tỷ lệ một phần mười hình như đã đủ số, trên bờ đã có khá nhiều người trở lại, dưới nước đã có nhiều người trôi dạt ra xa, nhưng cuộc thi đã chấm dứt hay chưa khi mà số người bơi ra vẫn còn nhiều và số người bám quanh tàu mỗi lúc một đông thêm.
Chiếc tàu bắt đầu kéo bửng, những người bám vào bửng tàu được nâng lên cao khỏi mặt nước, một số người may mắn rơi ngay vào trong lòng tàu, số còn lại lần lượt rơi xuống biển.
Bửng tàu đã được kéo lên hoàn toàn nhưng không khép kín nổi vì giữa bửng và thành tàu đã

kẹp cứng một thân người. Người bị kẹp nửa thân trên nằm trong lòng tàu, nửa thân dưới thò ra ngoài, hai chân giãy giụa, đạp đạp trong không khí được chừng nửa phút rồi ngay đơ. Hai cái chân của người xấu số trở thành có ích cho nhiều người còn ở dưới nước, họ bám vào đó để tiếp tục leo lên tàu. Lúc đầu hai cái chân còn đủ hai ống quần, dần dần chẳng còn gì cả và cuối cùng, cả hai chân đều bị gãy. Nhưng gãy thì gãy, người ta vẫn bám vào đó để leo lên tàu. Ít ra cũng có đến cả chục người leo được lên tàu nhờ cặp chân đó. Và chắc chắn sẽ còn được thêm nhiều người nữa nếu...
Chiếc tàu phụt khói từ từ quay mũi ra biển. Chân vịt đạp nước đẩy không biết bao nhiêu người ra xa tàu, và không biết là đã chém đứt bao nhiêu người.
Thân tàu quay ngang đập vỡ không biết bao nhiêu đầu người, và không biết đã nhận chìm bao nhiêu người xuống sâu dưới đáy tàu.
Biết bao nhiêu người đã chết vì chiếc tàu quay mũi.
Nhưng...
Chiếc tàu đã không ngừng quay khi cái mũi đã hướng ra biển. Mà, chiếc tàu vẫn tiếp tục quay, mũi tàu lại từ từ hướng vào bờ.
Chân vịt lại chém thêm không biết là bao nhiêu người.
Thân tàu lại đập vỡ thêm không biết là bao nhiêu cái đầu, và lại nhận chìm thêm không biết là bao nhiêu người xuống sâu dưới đáy tàu.
Tại sao chiếc tàu bỗng dưng quay đúng một vòng tròn để làm chết biết bao nhiêu là người như vậy?
Đã có những xác chết trôi nổi dập dềnh xen lẫn với những xác sống đang cố bơi ra tàu hoặc đang cố giữ cho mình không trở thành xác chết. Chiếc tàu lại nằm im như đang mời gọi.
Chúng tôi ở cách xa vùng mặt trận có đến nửa cây số, tiếng súng chỉ nghe văng vẳng, nhưng chết chóc lại nhiều hơn có đến cả trăm lần.
Ủa, tại sao lại có người từ trên tàu nhảy xuống biển, không lẽ mắt tôi đã hoa lên vì rượu. Không phải một người, hai người mà là rất nhiều. Rõ ràng là mắt tôi trông thấy người ta leo qua lan can tàu, có người còn ngần ngừ, có người không ngần ngừ nhảy xuống biển. Lại có người lao mình qua lan can tàu để nhảy xuống biển.
Không tin nổi ở mắt mình mặc dầu tôi đã dụi mắt thật nhiều lần. Tôi hỏi Sĩ:
- Mày có thấy người ta nhảy từ trên tàu xuống biển không?
Sĩ cũng ngạc nhiên không kém tôi.
- Đụ mẹ, kỳ quá mày!
Chúng tôi ngơ ngác nhìn nhau, nhưng chúng tôi không có thời giờ để ngạc nhiên. Hai chiếc M-113 chở đầy người chạy từ hướng mặt trận đã cán bừa lên những người vừa từ biển lên còn đang nằm vật ra mà thở, và cán luôn cả những người không kịp chạy tránh đường.
Vừa thấy bóng thiếu úy Ngô Du -một trung đội trưởng của đại đội tôi- từ dưới biển trở lên, đang lảo đảo như muốn ngã gần mé nước, tôi và Sĩ chạy vọt tới đỡ và kéo Du chạy thật nhanh vừa kịp chiếc M-113 chạy lướt qua sát người chúng tôi.
Hai chiếc M-113 lội xuống nước để ra chiếc tàu.
Những cái bánh xích đua nhau cán lên đầu của không biết bao nhiêu là người đang nhấp nhô từ bờ ra đến tàu.
Ra đến nơi, chuyển hết người lên tàu xong, hai chiếc xe lội nước quay đầu lội vào bờ. Lại không biết bao nhiêu là đầu người bị nghiền nát bởi những cái bánh xích.
Vào đến bờ, hai chiếc M-113 ngừng lại. Từ vị trí tài xế, một cái đầu thò ra, nhìn quanh rồi la lớn.
- Ai muốn lên tàu thì leo lên tôi chở ra.
Lúc đầu nhiều người ngần ngại, nghi ngờ, nhưng rồi lác đác cũng có người leo lên. Có đến cả 15 phút mà hai chiếc M-113 vẫn chưa đầy người.
Cái đầu lại thò ra, nhìn quanh rồi la lớn.
- Leo lên gấp đi mấy cha, tôi ra chuyến này không trở vô nữa đâu.
Lại có thêm vài người leo lên.
Tôi phân vân trong sự chọn lựa. Nên hay không nên leo lên. Tôi hỏi Sĩ:

- Lên không mày?
Sĩ lắc đầu:
- Tao không muốn chạy thoát bằng cái chết của những người đang lóp ngóp dưới kia.
Câu nói của Sĩ đã cho tôi một quyết định:
- Mẹ kiếp, có mày có tao hay không có mày không có tao thì những người đang lóp ngóp dưới kia cũng sẽ bị những cái xích sắt này cán. Đừng có triết lý ba xu thằng con trai.
Sĩ cười bướng:
- Tao có nói khác gì mày đâu, nhưng tao không.
- Được rồi, phụ tao đưa thằng Du lên.
Sĩ và tôi đưa thiếu úy Du lên thiết vận xa. Trước khi leo lên, tôi nắm chặt vai Sĩ:
- Hy vọng sẽ gặp mày ở Đà Nẵng.
Sĩ nhìn tôi cười:
- Đụ mẹ, đồ cải lương, cút mẹ mày đi thằng con trai.
Hai chiếc M-113 lại lội nước ra tàu.
Lần này tôi mục kích tận mắt những cái xích sắt nghiến nát những đầu người. Tiếng máy nổ và tiếng nước vỗ đã át đi những tiếng thét tiếng la và có thể, cả tiếng vỡ của những cái đầu, nhưng không có gì có thể che lấp được những mảnh quần áo và mầu đỏ của máu cuộn theo chiều quay của xích sắt. Màu đỏ của máu và những mảnh vải cuộn theo chúng tôi suốt cả lộ trình khoảng một trăm thước. Màu đỏ của máu và những mảnh quần áo chắc chắn còn dính cả thịt còn trồi lên, trồi lên xen lẫn với bọt nước phía sau chúng tôi. Không hiểu tôi có dã man không, không hiểu tôi có chai đá không, không hiểu tôi đã trở thành súc vật chưa, hay vì tôi đã nhìn thấy quá nhiều cái chết từ sáng đến giờ, hay vì tôi đã yên tâm trên đường ra tàu an toàn mà tôi rất thản nhiên, lòng tôi rất bình thản khi nhìn những cái chết, quá nhiều cái chết ngay dưới chỗ mình ngồi, bị chết bằng ngay cái phương tiện mình đang sử dụng. Tôi nhìn những cái chết như một kẻ bàng quan, vô thưởng vô phạt. Không hiểu thằng Sĩ hèn nhát không dám nhìn cảnh này hay thằng Sĩ quá can đảm chọn lựa ở lại, chấp nhận bất cứ một điều gì sẽ xảy ra cho nó khi sa vào tay Việt Cộng. Dù sao thì tao cũng mong là lần chia tay vừa rồi chỉ là tạm biệt thôi Sĩ ạ.
Chiếc M-113 cặp sát vào thành tàu.
Người trên tàu phần lớn là Thủy Quân Lục Chiến. Lính của tiểu đoàn 4 tôi cũng khá đông. Tuy khoảng cách từ mui xe thiết giáp đến boong tàu khá xa nhưng được khá nhiều đàn em giúp nên tôi và Du lên tàu không khó khăn gì mấy. Có điều làm tôi xúc động là trong số người giúp tôi lên tàu có binh nhất Vạn - Nguyễn Văn Vạn. Vạn là dân Vũng Tàu, khi nhỏ phải đi bán báo chứ không được đi học, lớn một chút làm nghề đánh xe ngựa cho du khách, và nguồn lợi tức chính là hành nghề mặt rô ở các quán bia ôm, các xóm chị em ta. Vạn là một tay du đãng nổi tiếng ở Vũng Tàu. Cách đây ít lâu, vì vi phạm kỷ luật, tôi đã cho đóng bốn cái cọc trói căng hai chân hai tay Vạn ra, đánh theo hệ thống quân giai, bắt đầu từ tiểu đội phó là mười roi, đến tiểu đội trưởng số roi được nhân gấp đôi, và cứ theo cấp số nhân như vậy mà đánh. Mỗi lần Vạn xỉu là y tá chích thuốc và tạt nước vào người cho tỉnh dậy để đánh tiếp. Chưa đến lượt tôi đánh, Vạn đã xỉu ba lần. Sau trận đòn, chúng tôi phải đưa Vạn lên bệnh xá của Lữ đoàn, nằm lại mười ngày vì bị đái ra máu. Tôi không sợ chuyện thù oán của lính tráng, nhưng không thể ngờ được là Vạn lại là người hăng hái, sốt sắng nhất khi kéo tôi lên tàu.
Lên đến trên tàu, không khí quá nặng nề ngột ngạt. Không phải nặng nề ngột ngạt vì số người trên tàu quá đông, mà vì cả tàu đang bị bao trùm bằng mùi giết chóc, căng thẳng.
Huy mập nhét vào tay tôi khẩu súng ngắn, dặn dò:
- Súng tôi lên đạn sẵn, ông giữ cẩn thận.
- Còn gì nữa để mà phải thủ súng lên đạn sẵn?
- Thì ông cứ giữ đề phòng. Biết đâu có lúc phải xài tới.
Chưa kịp tìm chỗ ngồi, tôi nghe một tiếng súng nổ.
Hai người lính Thủy Quân Lục Chiến cúi xuống khiêng xác một người lính Bộ Binh vừa bị bắn chết ném xuống biển. Một người lính Thủy Quân Lục Chiến khác đang dí súng vào đầu một

trung úy Bộ Binh ra lệnh:
- Đụ mẹ, có xuống không?
- Tôi lạy anh, anh cho tôi đi theo với.
- Đụ mẹ, tao đếm tới ba, không nhảy xuống biển tao bắn.
- Tôi lạy anh mà, tôi đâu có gia đình ở ngoài này.
- Đụ mẹ, một.
- Tôi lạy anh mà, anh đừng bắt tôi ở lại, anh muốn lạy bao nhiêu cái tôi cũng lạy hết. Tôi lạy anh, tôi lạy anh.
- Đụ mẹ, hai.
- Trời đất, mình đồng đội với nhau mà, anh không thương gì tôi hết. Tôi lạy anh mà.
- Đụ mẹ, ba.
Tiếng ba vừa dứt, tiếng súng nổ.
Người trung úy Bộ Binh ngã bật ngửa ra, mặt còn giữ nguyên nét kinh hoàng. Viên đạn M-16 chui vào từ đỉnh đầu. Xác của anh ta được hai người lính Thủy Quân Lục Chiến khác khiêng ném xuống biển.
Tên lính vừa bắn người thản nhiên tiếp tục chĩa súng vào đầu một thiếu tá Bộ Binh đang sợ hãi nằm mọp người ở cạnh đó, mặt lạnh băng đầy sát khí:
- Đụ mẹ, tới thằng này, mày có xuống không?
Ông thiếu tá Bộ Binh này hơi lớn tuổi, mặt cắt không còn hột máu, run lên cầm cập, năn nỉ:
- Anh tha cho em, anh tha cho em.
- Đụ mẹ, một.
- Thôi, thôi, thôi anh để em xuống.
Lết ra tới lan can tàu, ông ta quay lại năn nỉ lần chót:
- Anh tha cho em, anh thương em với.
- Đụ mẹ, hai.
Biết là không thể năn nỉ, xin xỏ gì được, ông ta vừa khóc vừa nhảy xuống biển.
Cùng trong thời gian đó, tôi nghe thấy nhiều tiếng súng khác ở nhiều nơi khác nhau trên tàu. Huy mập cho biết:
- Tàu chở nặng quá nên bị mắc cạn. Hồi nãy cố ra thử nhưng không nổi nên quay đúng một vòng tròn rồi hết nhúc nhích. Ông thuyền trưởng cho biết là tàu dành riêng cho Thủy Quân Lục Chiến, nên yêu cầu những ai không phải Thủy Quân Lục Chiến rời tàu. Ông Râu thấy không, sức mấy mà người ta chịu xuống. Thành ra ông thuyền trưởng yêu cầu Thủy Quân Lục Chiến giải quyết. Lính mình tụi nó giải quyết bằng súng.
- Vậy thì có nhằm nhò gì đến tôi mà ông bắt tôi phải thủ khẩu súng trong người.
- Bộ ông tưởng thằng mặc đồ rằn nào cũng là Thủy Quân Lục Chiến sao. Và bộ ông tưởng thằng Thủy Quân Lục Chiến nào cũng phải biết ông sao. Trong lúc hỗn quân hỗn quan này, ông không lo thủ lấy thân còn ai lo cho ông đây.
Tiếng súng vẫn đì đoành đây đó trên tàu. Xác người vẫn tiếp tục bị ném xuống biển. Nhiều người vừa khóc vừa nhảy ra khỏi tàu. Những khẩu súng vẫn được kê vào đầu những người lính Bộ Binh, vẫn đì đoành.
Tình người!
Tình chiến hữu!
Tôi đứng nhìn bất lực. Tôi hoàn toàn bất lực trước cảnh đau xót này.
Thiếu tá Thành tiểu đoàn trưởng cũng có mặt trên tàu nhưng tôi tìm không gặp. Chắc thiếu tá Thành cũng chỉ bất lực như tôi.
Gặp trung úy Nghĩa -Hoàng Trung Nghĩa đại đội 1- hai đứa rủ nhau ra góc tàu phía sau đài chỉ huy. Nghĩa nói như một lời nhận tội về sự bất lực của mình.
- Tụi nó giết người dã man quá. Kiếm chỗ khuất này ngồi may ra còn đánh lừa được con mắt của mình.
Một người lính còn mặc mỗi cái quần rằn, mặt ngơ ngác, mắt thất thần hai tay giơ ra phía trước như phân bua như làm chứng cho lời nói chỉ sợ người nghe không tin.

- Vợ tôi chết rồi, chết dưới biển rồi, thật mà, tôi nói thật mà, vợ tôi chết thật rồi, chết đuối dưới biển rồi mà!
Một cô gái trần truồng, không còn một tí gì gọi là vải trên người, hai tay không che hết những chỗ cần che trên thân thể nên cũng chẳng buồn che, mặt còn in đủ những cảnh khủng khiếp vừa trải qua, hai con mắt mở to ráo hoảnh. Còn gì nữa đâu để mà phải mắc cở, còn gì nữa đâu để mà phải khóc lóc. Cô ta đón nhận một cách hững hờ cái quần của một người lính và cái áo của một người lính khác.
Tôi nói với Nghĩa:
- Thôi thì phó mặc, đã leo lên được trên tàu này rồi, sống hay chết, chạy thoát hay bị bắt nằm ngoài khả năng của mình. Giao hết mọi thứ cho số mạng.
- Mày cũng đổ cho số mạng cái chết của những người lính Bộ Binh đang bị bắn kia à?
Tôi cãi bướng:
- Mỗi người có một số mạng tận cùng nên mới có thành ngữ “tận cùng bằng số”.
Số người trên tàu đã vơi đi thật nhiều, chiếc tàu đã nhẹ hơn trước, nhưng nước thủy triều xuống còn nhanh hơn nên chiếc tàu vẫn bị mắc cạn. Thêm nữa, một máy tàu bị hỏng không biết từ lúc nào, thợ máy cũng bó tay, nên chỉ còn một cách duy nhất là cầu cứu chiếc tàu khác vào kéo.
Mọi người đều bồn chồn nóng nảy, thủy thủ đoàn lăng xăng gọi nhau ơi ới, tiếng súng vẫn tiếp tục nổ đì đoành đó đây trên tàu, tiếng khóc, tiếng la, tiếng cười, tiếng chửi thề cộng chung với nhau tạo thành một thứ âm thanh hỗn độn không thể gọi tên một cách chính xác.
Thuyền trưởng là một ông chuẩn úy già -chuẩn úy Tấn- cố gắng một cách liên tục vừa đốc thúc sửa máy vừa liên lạc với những chiếc tàu khác còn đang qua lại ngoài khơi.
Thời gian chờ đợi nào cũng dài hơn giờ thực sự của kim đồng hồ.
Một chiếc tàu từ ngoài khơi quay mũi vào bờ để tiếp cứu.
Thủy thủ đoàn - gọi là thủy thủ đoàn nhưng thực ra ngoài ông thuyền trưởng già đang liên lạc máy và người thợ máy đang cố gắng sửa máy dưới hầm, họ chỉ còn khoảng chừng ba, bốn người - được sự tiếp tay của mấy người Thủy Quân Lục Chiến còn khỏe mạnh lo chuẩn bị dây cáp để chuyền sang chiếc tàu đang từ ngoài vào.
Nhưng chiếc tàu vào cứu đã không vào được đến nơi, vì khi còn cách chúng tôi chừng trăm thước, chiếc tàu đã ăn nguyên một quả tàn tàn - tàn tàn là tên chúng tôi đặt cho loại hỏa tiễn tầm nhiệt AT-3 của Việt Cộng. Có lẽ chỉ bị hư một máy nên chiếc tàu đã từ từ quay mũi và trở ra ngoài khơi. Vị cứu tinh của chúng tôi đã bỏ đi, niềm hy vọng của chúng tôi đã chạy mất.
Đến bây giờ mọi người mới sực nghĩ là mình vẫn còn đang nằm trong tầm súng của Việt Cộng. Cảm giác hãi hùng truyền đến cho tất cả mọi người trên tàu. Chúng tôi đang là những con cá đã nằm trên thớt, vậy mà không một ai để ý. Mọi người chỉ để ý đến một điều là tranh giành nhau, bắn giết nhau để có được một chỗ “ngon lành” trên “cái thớt”.
Nhưng đã trót thì phải trét, không lẽ chúng tôi lại chịu bó tay, còn nước thì còn tát. Ông thuyền trưởng già lại liên lạc liên tục để xin tàu khác vào cứu, nhưng hình như hệ thống truyền tin của Hải Quân lúc này đang “hỏng”, hay vì hiệu thính viên của các tàu khác đang “ngủ gục” nên có đến cả gần một tiếng đồng hồ, ông thuyền trưởng vẫn không liên lạc được với bất cứ một chiếc tàu khác nào nữa. Giở khóc giở cười, ông ta nói với thiếu tá Thành, tiểu đoàn trưởng tôi.
- Tôi không thể nào liên lạc được với những chiếc tàu ngoài kia nữa. Chắc chắn là tụi nó có nghe nhưng thằng nào cũng lạnh gáy nên không dám trả lời. Bây giờ nhờ thiếu tá liên lạc qua hệ thống của Thủy Quân Lục Chiến xem có giúp giải quyết được gì không?
Thiếu tá Thành vào đài chỉ huy. Chừng nửa giờ sau, ông ra cho biết:
- Sẽ có một chiếc tàu nữa vào kéo, nhưng không vào sát trong này. Mình phải cho người đem dây cáp ra miết ngoài xa giao cho nó.
Một chiếc ca nô cấp cứu được hạ xuống biển. Kêu gọi và tuyển lựa được một tay lính Thủy Quân Lục Chiến bơi giỏi và khỏe mạnh xuống theo chiếc ca nô, bơi bằng dầm để mang dây cáp ra ngoài xa đón chiếc tàu sắp vào.
Nước thủy triều vẫn đang rút, gió đã ngưng thổi từ lâu, nhưng không hiểu tại sao lại có sóng.

Mọi người đổ dồn cặp mắt vào chiếc ca nô bị sóng nhồi, dập dềnh từ từ ra biển. Đã có một chiếc tàu khác quay mũi vào, nhưng với vận tốc của chiếc ca nô thì còn khướt đầu dây cáp mới đưa được lên chiếc tàu vào cứu.
Ù uỳnh.
Tiếng nổ long trời làm tai tôi ù đi, mắt tôi hoa lên, hai hàm tôi tê dại đi. Sức ép của tiếng nổ làm tôi khó thở, phải há miệng ra để hớp không khí.
Một quả đạn đã bắn trúng đài chỉ huy.
Dưới sàn tàu, người ta dồn nhau về bên này, rồi dồn nhau về bên kia, rồi lại dồn nhau về bên này tàu. Mọi người đều cố tìm một lối để chạy, nhưng, làm gì có lối nào để mà chạy. Chắc chắn là có rất nhiều người bị chèn, bị ép, bị dẫm, bị đạp bởi mỗi một lần người ta dồn nhau. Nhiều tiếng la, nhiều tiếng hét, nhiều tiếng gào vang lên. Nhiều tiếng chửi rủa cũng vang lên.
Trên boong tàu, cảnh chết chóc mới thật là khủng khiếp. Thịt, óc, quần áo, máu văng tứ tung trên thành tàu, lên thành đài chỉ huy, máu chảy lênh láng không còn chỗ nào là không có máu. Những tiếng rên, những tiếng khóc, những tiếng van vái của những người bị thương hòa lẫn với những tiếng kêu gọi nhau ơi ới của những người còn nguyên vẹn. Tôi không thể nhận ra được trong đám người chết, trong đám người bị thương đang nằm trên vũng máu khổng lồ ai là người mình quen, ai là người trong đại đội mình. Chỉ trừ một người tôi nhận ra, binh nhất Dũng mang băng ca kiêm thợ hớt tóc của đại đội. Dũng ngồi dựa lưng vào thành tàu, hai chân duỗi dài, đầu bị chẻ dọc gần như làm đôi, nửa đầu nhỏ hơn gẫy gập xuống gần chấm đến vai. Óc và máu văng dính vào thành tàu. Tôi nhận ra Dũng nhờ bảng tên không bị đẫm máu và hai bàn tay có những móng tay để dài hơn móng tay con gái của Dũng.
Thiếu tá Thành bị thương vào chân đang được y tá băng bó. Ông chuẩn úy Tấn thuyền trưởng già bị thương vào đầu, đang quấn băng cá nhân quanh trán, trông như người đang quấn khăn tang.
Tôi hét to cố át những tiếng ồn ào để hỏi ông thuyền trưởng già:
- Súng trên tàu còn sử dụng được không?
Ông thuyền trưởng già vừa mấp máy đôi môi vừa gật đầu. Tôi lại gần ông ta, nói cũng vẫn khá to vì tai tôi vẫn chưa hết bị ù:
- Ông cho súng bắn tập trung vào cái miếu trên bờ kia kìa.
Trên bờ đã vắng tanh vắng ngắt, không một bóng người, xa xa phía trong chừng một vài trăm thước nằm trơ ra độc nhất có một cái miếu thấp thoáng có bóng người. Những bụi rậm, những lùm dương còn nằm sâu hơn nữa ở mút phía trong. Khẩu súng đã bắn chúng tôi chắc chắn là phải được đặt trong miếu.
Bây giờ chúng tôi lại mới nhận ra được một điều nữa, sau khi quan sát cái miếu và bờ biển. Mũi cái tàu mắc cạn của chúng tôi chỉ còn cách mé nước khoảng chưa đầy ba thước. Cả cái tàu đã nằm phơi gần hết thân trên cát.
Thiếu tá Thành ra lệnh cho ông thuyền trưởng và tôi:
- Huy ở trên này cho lính bắn tập trung vào cái miếu để yểm trợ. Ông thuyền trưởng cho hạ bửng tàu xuống để mọi người lên bờ. Khi lên bờ xong, Huy cho nhặt súng đạn chuyển lên bờ cho mọi người. Ông thuyền trưởng cho gom tất cả những dụng cụ đựng nước ngọt và thực phẩm mang lên bờ.
Tiếng súng nhỏ từ trên bờ bắt đầu bắn ra tàu khi cái bửng được từ từ hạ xuống.
Dưới sàn tàu đã nhốn nháo từ khi bị quả đạn, bây giờ lại càng nhốn nháo hơn vì cái bửng tàu không còn là vật che đạn cho mọi người nữa.
Bằng cái loa trên tàu, thiếu tá Thành ra lệnh:
- Tất cả mọi người rời khỏi tàu lên bờ. Càng nấn ná trên tàu bao nhiêu càng dễ chết bấy nhiêu.
Súng trên tàu nổ ròn nhưng vẫn không đủ khả năng làm câm họng những khẩu súng bắn từ trên bờ.
Nhiều người ngã chết ngay trên bửng tàu, nhiều người ngã chết ngay trong lòng tàu.
Nhiều người vẫn tiếp tục nhảy vào bờ.
Bây giờ không còn gọi được là lên bờ vì bửng tàu đã lên cao hơn mặt cát có đến hơn một

thước. Vượt qua được cái "ải" bửng tàu là đã được an toàn vì vào sâu trong bờ chừng chục thước có một bờ cát cao lên che khuất được đầu người.
Nhiều người không dám vượt qua cái ải bửng tàu, nằm co rúm, nép người vào thành tàu. Nhưng không dám vượt qua bửng tàu để vào bờ vẫn không thể được coi là an toàn. Nhiều quả đạn M-79 đã được bắn vòng cầu rơi vào nổ ngay trong lòng tàu, nổ ngay trên sàn tàu.
Tôi vẫn cố gắng quan sát vị trí của địch để chỉ điểm mục tiêu cho những khẩu súng trên tàu, nhưng ngoài cái miếu ra, tôi chỉ có thể biết thêm được là Việt Cộng còn nằm rải rác đằng sau những mô cát thấp. Bắn thì chúng tôi cứ bắn chứ kết quả thì không đáng kể, chỉ đủ làm giảm bớt tiếng súng của địch một phần nào gọi là thôi.
Mũi tàu đã được hạ bửng là một mục tiêu cố định và ngon lành cho những tay súng của Việt Cộng tập bắn. Nhưng dù thế nào, số người vào được trong bờ vẫn mỗi lúc một đông thêm.
Thiếu tá Thành đã vào bờ trước, ông đang bố trí mọi người để lập thành một tuyến phòng thủ mới.
Khi trên tàu đã vắng người, khi tiếng súng đã thưa và khi tại tuyến phòng thủ mới đã có thể bắn cầm chừng, tôi và mấy xạ thủ trên tàu mới nhảy xuống sàn tàu, lại một cảnh chết chóc nữa đập vào mắt tôi. Những người bị dẫm nát không còn hình thù của một con người, thịt da nhầy nhụa. Những người bị dồn ép ngộp thở mà chết trông khá nhất, họ nằm chết trông như ngủ.
Những người bị đạn bắn chết nằm gục ngang gục ngửa, có người bị trúng đạn ở đầu, có kẻ trúng mặt, người trúng ngực, kẻ trúng bụng.
Họ trúng đạn đủ chỗ và nằm chết đủ kiểu.
Những người bị thương đang quằn quại, rên la.
Có người ngồi gục đầu xuống, máu từ ngực phụt ra có vòi như vòi nước.
Chẳng ai buồn nghĩ đến chuyện mang những người bị thương vào bờ. Nằm trên tàu hay khiêng vào bờ nào có khác gì nhau. Có biết đến bao nhiêu người bị thương, làm sao mà lo cho xuể trong khi chính những người còn khỏe mạnh lo cho nhau, lo cho mạng sống của mình còn chưa xong. Tôi thấy trung úy Chức tiểu đoàn 2 Pháo binh bị thương không biết nặng nhẹ, máu ướt đẫm áo quần, nằm thoi thóp.
Tôi ngạc nhiên khi thấy cô gái Huế học Văn Khoa đang ngồi vái trời vái Phật, miệng ngoác ra mà khóc. Không hiểu tại sao cô nàng lại ở trên tàu. Đúng ra cô ta đã phải ở trên chiếc tàu cùng với Lữ đoàn trưởng và Lữ đoàn phó của tôi, đang lênh đênh ở ngoài khơi kia.
Nhưng tôi cũng chẳng có thời giờ đâu mà thắc mắc. Tôi nói lớn với cô ta:
- Thôi chứ cô nàng, không lo mà vô bờ đi, còn bày đặt mà ngồi đó vái cái thành tàu.
Bưởi nói với tôi:
- Con nhỏ này là Việt Cộng đó ông thày, nó ngồi trên tàu làm bộ khóc, làm bộ vái trời, chứ thật ra là chỉ điểm cho Việt Cộng. Ông nhớ không, hồi tối ở tuyến nó cũng khóc rùm trời.
Tôi phì cười:
- Bộ mày tưởng nó ngồi đó làm hiệu rồi Việt Cộng tránh không bắn nó, hay mày tưởng đạn của Việt Cộng biết nó cùng một phe nên né nó.
- Chứ sao nó ngồi trên đó mà không trúng đạn?
Tôi không thể trả lời và cũng không thể giải thích như thế nào. Mọi câu trả lời nếu được thỏa đáng đều phải vịn vào một đấng vô hình.
Tôi vào bờ cát. Tiếng súng đã im.
Trời đã về chiều, hình như là ba hay bốn giờ gì đó.
Chúng tôi đứng một hàng dọc dọc theo bờ cát.
Mặt trời chiều chiếu thẳng vào mặt.
Sóng vỗ nhè nhẹ sau lưng.
Tôi nhìn quanh cố tìm những khuôn mặt quen thuộc trong đại đội, chẳng có bao nhiêu, chừng năm, bảy mạng gì đó. Đâu rồi đại đội trưởng, đâu rồi Huy mập, đâu rồi Ngô Dzu, đâu rồi Khải máy, Phước râu, đâu rồi Đăng.... đâu rồi tụi bay?
Lòng tôi chùng xuống, nước mắt trào ra. Bao nhiêu gian lao, bao nhiêu khổ ải từ bao nhiêu năm nay không sao, không lẽ lại rủ nhau cùng chết một cách đau thương tức tưởi và lãng nhách ở

đây hay sao?
Thiếu tá Thành từ phía đầu kia của tuyến đi lại:
- Ông Huy, súng đạn của mình hiện giờ ra sao rồi?
- Không bao nhiêu hết, thiếu tá. Tôi đang cho người đi nhặt súng đem xuống rửa dưới biển.
Vừa lúc, một chiếc GMC từ phía nam đi trờ tới, thiếu tá Thành chận xe lại và nói với tôi:
- Huy ở đây chỉ huy tuyến này. Tôi đi kiếm thêm súng đạn.
Chiếc GMC tiếp tục chạy lên hướng bắc, trên xe chỉ có thiếu tá Thành và người tài xế.
Tôi đi một vòng dọc tuyến, thấy mấy người lính tiểu đoàn 2 Pháo binh, tôi nói với họ:
- Tụi bay lên tàu khiêng trung úy Chức xuống.
Điều này gợi tôi quyết định lập một toán khỏe mạnh lên tàu khiêng những người bị thương xuống. Nhưng dĩ nhiên cũng chỉ khiêng những ai là Thủy Quân Lục Chiến, còn những người thuộc các binh chủng khác thôi thì kệ họ.
Tôi cũng cho người lên tàu kiếm đạn và đồng thời tìm cách chuyển nước ngọt xuống tiếp tế cho mọi người.
Tôi hơi ngạc nhiên khi thấy những người lính này, không phải là tất cả nhưng cũng không phải là ít, lúc nãy khi còn ở trên tàu, họ hung hăng dữ tợn bao nhiêu thì bây giờ họ lại hiền lành ngoan ngoãn bấy nhiêu. Tuyến phòng thủ cấp thời này được tập hợp bằng những người lính của khá nhiều đơn vị khác nhau của Thủy Quân Lục Chiến, tiểu đoàn 3, tiểu đoàn 4, tiểu đoàn 5, tiểu đoàn 7, tiểu đoàn 2 Pháo binh, lính Vận Tải, Truyền Tin, lính Quân Y, Viễn Thám... Tôi không phải là cấp chỉ huy trực tiếp của họ, lúc nãy họ có thể hứng chí tặng tôi một viên vào đầu sau những tiếng đếm đụ mẹ một, đụ mẹ hai, đụ mẹ ba. Nhưng bây giờ họ tuân lệnh tôi một cách tuyệt đối.
Kỷ luật quả thật là một yếu tố căn bản để tạo thành sức mạnh của quân đội. Khi đã mất chỉ huy, khi mọi thằng đã bằng nhau thì thằng nào mạnh, thằng nào có súng thằng ấy nắm quyền sinh sát. Khi tình trạng bằng nhau đã hết, tình trạng hỗn quân hỗn quan đã hết, khi sự chỉ huy được tái lập, mọi người lại răm rắp đâu vào đấy.
Bây giờ đến lượt chính tôi kê súng vào đầu một người lính, tay này to cao như một thằng Mỹ, cởi trần trùng trục, xâm đầy hình và chữ trên tay, trên lưng, trên ngực, tay khư khư ôm một khẩu M-79, đã không dám đứng dậy để chiến đấu, mà lại cũng không chịu giao súng cho ai. Tôi nói:
- Đụ mẹ, tao đếm tới ba, mày không đứng dậy hoặc không đưa súng cho tao, đụ mẹ, tao bắn.
- Súng của em mà trung úy.
- Đụ mẹ, một.
- Em mệt quá rồi trung úy, trung úy cho em ngồi nghỉ mệt chút rồi em đứng dậy, trung úy.
- Đụ mẹ, hai.
- Trời ơi, ông giết em thật sao trung úy?
- Đụ mẹ, ba.
Tiếng ba chưa dứt, tên lính vội vàng đưa khẩu súng M-79 bằng cả hai tay cho tôi, miệng lắp bắp:
- Súng đây trung úy, súng đây trung úy.
Tôi lấy khẩu súng giao cho một người lính đứng cạnh đó.
Tôi không cố tâm bắn chết người lính này, nhưng nếu anh chàng không giao súng cho tôi hoặc không đứng dậy để chiến đấu, thôi thì cũng đành vậy. May cho anh chàng và cũng may cả cho tôi!
Không có bóng dáng một người lính Bộ Binh nào trong tuyến này. Khi xuống tàu thì tranh giành cũng ra gì lắm, nhưng khi cần phải cầm súng đánh nhau với Việt Cộng thì chỉ còn chúng tôi. Phải chăng họ hận chúng tôi vì chuyện vừa xảy ra trên tàu hay vì chúng tôi là những thằng được khoán trắng cho việc đánh trận. Trừ một số người tuy không bị thương nhưng vẫn nhất định nằm lì lại trên tàu -không hiểu họ còn hy vọng gì nơi cái tàu đã nằm hơn nửa thân trên cát- những người còn lại không biết đã chạy biến đi đâu mất.
Sự vắng mặt của những người lính Bộ Binh đã làm nhiều người lính Thủy Quân Lục Chiến

càng thêm tin là quả đạn bắn vào đài chỉ huy chiếc tàu lúc nãy là do những người lính của Sư đoàn 1. Những lời bàn tán và đồn đãi:
- Bọn Sư đoàn 1 bị bắn và bị đuổi xuống tàu đã lấy đại bác 57 ly không giựt bắn vào tàu. Không được ăn thì đạp đổ!
Tôi không tin điều này, vì những người lính Bộ Binh làm gì còn súng 57 ly trong lúc này. Nhưng những lời đồn và bàn tán mỗi lúc một nhiều cũng khiến tôi bắt đầu nghi ngờ sự suy đoán của mình.
Người tài xế chiếc xe GMC chở thiếu tá Thành đi kiếm đạn lúc nãy hớt hơ hớt hãi chạy bộ về. Anh ta báo cáo với tôi:
- Thiếu tá bị bắt rồi trung úy.
- Tại sao mày lại về được đây?
- Em chở thiếu tá đi lên cách đây chừng hai cây số, bị Việt Cộng chận lại. Em khai là binh nhì, thiếu tá ổng khai là hạ sĩ. Tụi nó tịch thu xe rồi nói em thay đồ dân sự về Huế mà sống, hình như tụi nó biết thiếu tá là sĩ quan nên bắt đi theo. Em lừa lừa rồi trốn về đây.
Niềm hy vọng kiếm thêm được súng đạn đã tiêu tan, cấp chỉ huy của tôi đã bị bắt. Súng đạn đi mót nhặt tại chỗ dù đã rỉ sét vẫn không đủ cung cấp cho chúng tôi trong khi chúng tôi vẫn bắt buộc phải bắn cầm chừng để giữ chân Việt Cộng. Sau một hồi bàn bạc với các sĩ quan khác, tôi quyết định bỏ cái tuyến này, rời xa chiếc tàu mắc cạn, kéo nhau vào tuyến của Lữ đoàn còn đang chiến đấu ở phía nam, nơi mà chúng tôi đã tách ra hồi sáng để kéo nhau xuống tàu.
Khi về gần đến tuyến của Lữ đoàn, chúng tôi bị một loạt đạn đại liên từ chiếc M-M-113 đậu ngang tuyến của tiểu đoàn 5 bắn xẹt trên đầu chúng tôi.
Mấy người lính tiểu đoàn 5 đứng trên chiếc thiết vận xa khoát khoát tay ra hiệu không cho chúng tôi vào tuyến.
Chúng tôi giơ hai tay lên đầu giống như những kẻ đầu hàng để chứng tỏ chúng tôi không còn khả năng chiến đấu. Vừa giơ tay chúng tôi vừa tiếp tục đi tới. Lần này khẩu đại liên trên chiếc M-113 nhắm thẳng chân của những người đi đầu của chúng tôi mà bắn, đồng thời chúng tôi còn lãnh thêm mấy quả đạn M-79. Bốn, năm người bị thương ngã lăn ra cát.
Từ sáng đến giờ, thời gian chưa đầy mười tiếng đồng hồ, chúng tôi đã trải qua không biết bao nhiêu nỗi kinh hoàng. Bao nhiêu người đã chết, bao nhiêu hy vọng đã tiêu tan. Bây giờ trở về để nương nhờ những người bạn, những đồng đội trong cùng binh chủng. Nhưng cánh cửa đã khép chặt, chúng tôi bị xua đuổi bằng những tràng đại liên, bằng những viên đạn M-79. Thiếu tá Tiền tiểu đoàn trưởng tiểu đoàn 5 mới hôm qua hôm kia đây còn nói với Huy mập "Thầy trò mày rán làm cho tao cú nữa, đây là trận đầu của tao ở bên này", trong khi thầy trò Huy mập đã tanh banh hết. Vậy mà bây giờ, chính lính của ông -dĩ nhiên họ làm theo lệnh- vác đại liên, vác M-79 ra bắn xua đuổi chúng tôi.
Chúng tôi tấp vào bờ cát, cách tuyến của tiểu đoàn 5 chừng bốn, năm chục thước.
Ngồi đây, ngoài tuyến hay vào trong kia -trong tuyến- thực sự đối với tôi chẳng khác gì nhau. Đạn Việt Cộng không chừa một chỗ nào và cũng không chừa một ai. Trong tuyến mới đúng là nơi thu hút hỏa lực của địch, còn chúng tôi nằm ngoài, cảm thấy không an tâm chỉ là tâm lý, không an tâm vì mình đã mất khả năng tự vệ và bị từ chối sự bảo vệ của những người mình trông đợi.
Mấy người bị bắn ngã đã được đưa vào tuyến.
Lính tráng thắc mắc tại sao họ không được cho vào tuyến. Trung sĩ nhất Đăng thường vụ đại đội hỏi tôi:
- Ông thầy, mình cũng là Thủy Quân Lục Chiến chứ đâu phải là Bộ Binh, tại sao họ không cho mình vào tuyến?
- Tiểu đoàn mình tan hàng rồi, mình vào tuyến bây giờ sẽ ảnh hưởng đến tinh thần chiến đấu của những thằng đang đánh nhau trong đó.
- Ảnh hưởng mẹ gì, ông thầy, mình vô tuyến rồi kiếm chỗ nằm tránh đạn ở mút đàng sau này chứ mình đâu có lên đàng trước đâu mà làm mất tinh thần của tụi nó.
- Mày nên nhớ là họ chỉ cần nghe tin là tàu không bốc được tụi mình, tinh thần của họ đã bị

nhụt hẳn đi rồi, cần gì phải đợi mình kể lại. Mà mày không thấy nằm đây mình không bị đạn bắn tới, đâu cần phải tìm chỗ tránh đạn ở trong tuyến nữa.
Tôi chưa nói dứt câu, nhiều loạt đạn nhắm thẳng chúng tôi bay tới. Việt Cộng đã về đến chỗ tàu mắc cạn. Thầy trò cha con chúng tôi ùa chạy vào tuyến, đạn Việt Cộng bắn vãi sau lưng. Những người lính tiểu đoàn 5 trên M-113 thản nhiên ngồi chờ cho đến khi chúng tôi vào hết trong tuyến mới bắt đầu bắn trả về phía tàu mắc cạn.
Tuyến phòng thủ của Lữ đoàn từ chiều hôm qua chỉ bị tấn công một mặt từ hướng tây, nơi tiểu đoàn 7 bàn giao tuyến lại của tiểu đoàn 4 tôi. Bây giờ bị thêm một mặt tấn công mới từ hướng bắc.
Xạ trường bằng phẳng, những loại súng bắn thẳng không bị cản trở bởi bất cứ một chướng ngại nào. Những người lính trên M-113 đã rời xe, xuống những hố cá nhân đào quanh đấy. Chúng tôi, những thằng hết khả năng tác chiến, moi vội những cái hố ở phía sau những cái gọ của dân nằm úp đáy trên mặt cát.
Tiếng súng nhỏ nổ đì đoành trên tàu mắc cạn. Hình như Việt Cộng đang bắn những người còn nằm lại trên tàu.
Đây là lần thứ hai tôi được xem, một cách rất bàng quan, những người lính Thủy Quân Lục Chiến đánh trận. Lần đầu vào ngày 27 tháng Giêng năm 73, buổi chiều cuối cùng trước giờ ngưng bắn có hiệu lực tại Cửa Việt. Tiểu đoàn 4 tôi được tăng cường hai đại đội của tiểu đoàn 2 và một đơn vị Thiết Giáp -tôi không rõ cấp đơn vị- lập thành lực lượng đặc nhiệm Tango do chính đại tá tư lệnh phó làm tư lệnh lực lượng. Lực lượng chúng tôi có nhiệm vụ bằng mọi giá cắm cờ ở Cửa Việt trước 8 giờ sáng ngày 28 tháng Giêng. Trung đoàn Việt Cộng 48 phòng thủ. Từ chạm tuyến lên đến mục tiêu khá xa, có đến mấy cây số nên từng nấc dọc đường được chia thành nhiều mục tiêu phụ, chúng tôi từng đại đội một chia nhau chiếm từng mục tiêu. Điểm xuất phát của đại đội tôi là mục tiêu mà một đại đội của tiểu đoàn 2 đánh chiếm. Đại đội tôi di chuyển một cách thoải mái từ phía dưới lên. Đại đội trưởng tôi lúc đó là trung úy Tước -Dương Tấn Tước- gọi tôi lại gần và chỉ:
- Ông có thấy chiếc M-48 đang cháy kia không?
- Thấy, Sao Mai.
- Rồi, ông dắt con cái vô đó.
Một cái lệnh hành quân rất nhẹ nhàng và dễ dàng. Nhưng thực sự, nói vậy mà đâu phải vậy, M-48 mà cháy thì mục tiêu đâu phải là nhẹ ký. Tôi vào đến nơi được xem những người lính của tiểu đoàn 2 đang chiếm mục tiêu. Những người lính của tiểu đoàn 2 này không hổ danh với chính cái tên mà Việt Cộng đã đặt cho họ, tiểu đoàn Trâu Điên. Họ xung phong, họ xông xáo vào tuyến phòng thủ của Việt Cộng như vào chỗ không người. Có chết chóc đấy, có bị thương đấy nhưng Việt Cộng không thể nào cản được bước chân của họ. Có một trung đội quá hăng máu, tiến quá nhanh, vượt qua khỏi mục tiêu tiến quá sâu vào phần đất dầy đặc Việt Cộng, nên đã bị bao vây, không hầm hố, không mô cát để ẩn nấp, họ trở thành điểm tập trung tác xạ của không biết bao nhiêu tay súng Việt Cộng.
Trung đội Trâu Điên này vẫn tả xung hữu đột, vẫn bình tĩnh chiến đấu như đang thực tập một bài chiến thuật trong quân trường.
Khi đại đội tôi lên và giải vây cho họ xong, một người lính nhìn tôi cười nói:
- Đụ mẹ, đánh giặc đã quá, ông thầy!
Lần này là lần thứ hai, tôi nằm sau một cái gọ lật úp làm nơi ẩn nấp, quan sát những người lính của tiểu đoàn 5 chiến đấu. Lần này, cái hăng say, cái nhuệ khí của thế tấn công không có, chúng tôi đang ở cái thế bị bao vây, lương thực chúng tôi hết cạn, đạn dược chúng tôi hết gần sạch banh, đường về chúng tôi không có. Chúng tôi đang ở trong cái thế bi thảm nhất cả về tinh thần lẫn phương tiện chiến đấu. Vậy mà những người lính của tiểu đoàn 5, mấy con “đĩa đói” này vẫn vừa đánh giặc vừa cười đùa. Có hai người lính đầu không mũ sắt, mình không áo giáp, chân không giày, một người ôm nòng khẩu súng cối 60 ly được bọc bằng mấy cái áo giáp cho khỏi nóng, một người cầm mũ sắt làm bàn tiếp hậu, tay cầm quả đạn, cứ thế họ đặt súng chỗ này bắn một hai quả, đặt súng chỗ khác bắn một hai quả. Vừa bắn vừa cười nói bô bô. Một

viên đạn bất ngờ ghim sâu vào ngực người lính cầm mũ sắt, quả đạn bên tay phải rơi phịch xuống cát, mũ sắt bên tay trái văng ra xa. Một người lính khác tay cầm mũ sắt, chạy tới nhặt quả đạn tiếp tục bắn. Người lính ôm nòng súng nhìn người bạn vừa ngã chết, miệng cười tươi như không có gì xảy ra:
- Đụ má, chết sớm dzậy mảy?
Người xạ thủ thứ hai rướn người lên rồi ngã xuống vì viên đạn trúng vào bụng.
Người thứ ba cầm mũ sắt chạy ra. Vừa ra đến nơi chưa kịp bắn viên nào thì cả xạ thủ lẫn người ôm nòng súng ngã vật ra chết.
Nòng khẩu súng cối 60 ly nằm chúi họng xuống cát. Tôi ngồi xem hào hứng đến độ quên luôn rằng cái gọ đang làm vật che đạn cho tôi cũng trúng khá nhiều đạn, trong khi cái đầu tôi mỗi lúc một rướn cao lên để xem cho rõ.
Nắng tắt dần, gió biển mỗi lúc một lạnh hơn.
Tôi thấy gai gai người, mới sực để ý mình đã cởi áo từ lúc nào và cũng không thể nghĩ được là tại sao mình đã cởi áo.
Bưởi xuất hiện đột ngột, từ bên hông một cái gọ nào đó chạy tới.
Trên người mặc có mỗi cái quần lót và cái áo giáp.
Gặp Bưởi lúc này còn hơn bắt được vàng. Bưởi ôm chầm lấy tôi:
- Ông thầy, em kiếm ông thầy quá trời.
- Mày ở đâu chạy tới đây?
- Em đi kiếm ông thầy quá trời. Ai moi cho ông thầy cái lỗ này?
- Tao moi mình ên.
Bưởi cười cười:
- Hèn chi.
Tôi cũng cười cười:
- Hèn chi gì mày?
- Ông thầy qua chỗ em đi. Em đào sẵn cái hố cho hai thầy trò mình nằm thoải mái. Nếu lỡ có chết chỉ việc lấp cát là êm. Ông thầy nằm kiểu này nếu chết đúng là cái lỗ không đủ chôn.
- Đụ mẹ, trù ẻo mày.
- Thiệt mà. Mà bây giờ về em phải đào cho rộng thêm.
- Sao vậy?
- Hồi nãy đi kiếm ông thầy, em gặp một cái "lỗ". Em mang "con lỗ" về nằm chung. Ấm lắm ông thầy ơi.
Tôi cười cười, gian ý:
- Coi được không mày?
- Trời ơi, số một mà ông thầy. Mà thời buổi này ông còn bày đặt kén nữa hả?
- Đâu có kén, mà đều cũng phải đỡ đỡ một chút chứ hôi rùm ai mà chịu nổi.
- Đâu có hôi, ông thầy, con nhỏ cũng mới tắm biển lên mà.
Hai thầy trò tôi nháy mắt nhìn nhau cười.
Bưởi cởi áo giáp đưa cho tôi:
- Ông thầy mặc đi rồi mình dzọt.
Tôi ngần ngừ:
- Thôi mày mặc đi.
Bưởi nhất định không chịu:
- Ông không thấy đạn bắn quá trời sao? Ông chạy đâu có lẹ bằng tôi.
- Mày tưởng chạy lẹ là không ăn đạn à?
- Mà bộ ông không thấy lạnh hả? Người ông nổi gai ốc cùng mình kìa.
Quả thật, gió biển mỗi lúc một mạnh hơn, tôi đã rùng mình nổi da gà sau mỗi lần gió thổi, hai hàm răng tôi đã bắt đầu đập vào nhau. Người tôi đã run lên vì lạnh. Hết phương từ chối, tôi mặc áo giáp vào rồi băng mình chạy theo Bưởi.
Chúng tôi chạy từng quãng ngắn từ cái gọ này sang cái gọ khác.
Đến cái gọ cuối cùng trước khi đến chỗ Bưởi nằm, tôi gặp Khải máy và Phước râu.

Tôi la lên vì mừng:
- Đụ mẹ, cả hai thằng mày còn sống hả?
Khải máy có cái tên rất lịch sử -Trần Quang Khải- ôm chầm lấy tôi:
- Ba thằng tụi em chia nhau đi kiếm ông thầy. Em với thằng Phước râu mới về tới đây.
Phước râu bây giờ mới lên tiếng:
- Tui thấy trung úy Gắt ngồi đằng kia kìa. Đụ mẹ, ổng thủ nguyên một bao cát gạo sấy thịt hộp. Thấy tui ổng ngó lơ. Kệ mẹ ổng chớ, ai thèm xin.
Nói đến gạo sấy và thịt hộp, tôi mới thấy đói. Suốt từ trưa hôm qua tới giờ tôi có ăn uống gì đâu. Mà cũng có gì đâu để mà ăn uống. Ngoại trừ sáng nay ngồi uống rượu với bọn thiếu úy Sĩ, tôi lại có tật hễ uống rượu vào là không ăn gì nên tuy có đồ ăn nhưng tôi có nhét được miếng nào vào bụng đâu. Tuy nhiên, cái đói chỉ thoáng qua rất nhanh.
Tôi an ủi:
- Đói lúc này đâu có chết tụi bay. Tao cũng đói. Nhằm nhò gì!
Bưởi giục:
- Mình về bên kia đi ông thầy.
Khải máy dặn dò:
- Tụi em nằm đây, khi nào chạy kêu tụi em nghe ông thầy.
Tôi và Bưởi băng qua một quãng trống ngắn, về đến hố của Bưởi.
Người con gái nằm trong hố, chùm poncho chỉ thò mỗi cái đầu ra ngoài. Khuôn mặt kể cũng dễ coi.
Vừa xuống hố, Bưởi ra lệnh:
- Ngồi dậy đi bà nội, lấy chỗ để tôi moi rộng thêm cho ông thầy nằm.
Người con gái ngồi dậy, vẫn quấn chặt cái poncho.
Bưởi khoét cái hố rộng ra thật nhanh bằng mũ sắt.
Tôi cởi áo giáp:
- Trả mày cái áo giáp, lấy trả tao cái jacket.
- Em vứt dưới biển rồi ông thầy.
Tôi tiếc ngẩn ngơ:
- Đụ mẹ, sao mày vứt của tao đi?
- Lúc lội ra tàu mọi thứ em bỏ hết, em đâu dám vứt áo của ông thầy. Em mặc trong người, có điều ở dưới biển lâu nó ngấm nước, nặng quá trời luôn. Em mà không cởi ra bỏ, dám em bị chết chìm luôn rồi.
Cả cuộc đời nhà binh bảy năm, gia tài của tôi chỉ có mỗi cái áo jacket này. Nó là cái field jacket của Mỹ, áo thật dầy, có cả mũ. Tôi lựa đúng cỡ người, hy sinh một bộ đồ bệt mới tinh để đắp ra ngoài. Cái áo tôi mơ ước. Tôi mới có được cách đây chừng hơn một tháng. Sài Gòn nóng như thế mà khi về phép tôi còn mang theo để tối tối, trời vừa đủ hơi man mát là tôi lấy ra mặc. Mất Quảng Trị, mất Huế tôi không tiếc bằng mất cái jacket này. Nhưng làm sao bây giờ, mất thì đã mất rồi, mà lỗi thì không thể đổ lỗi cho Bưởi. Tôi trong trường hợp nó cũng phải làm như vậy thôi.
Việt Cộng ở phía tàu mắc cạn hình như đã đến gần tuyến vì tôi nghe tiếng súng mỗi lúc một chát chúa hơn. Tiếng súng phòng thủ của tiểu đoàn 5 chỉ còn là cầm chừng vì mỗi lúc tôi thấy một thưa hơn.
Bưởi vừa mặc áo giáp vừa nói:
- Ông thầy nằm đắp chung poncho với con nhỏ này, em đi tìm cho ông thầy cái áo giáp.
- Thôi Bưởi, nguy hiểm mày.
- Gần ngay đây mà ông thầy.
Nói chưa dứt, Bưởi đã chạy vụt đi.
Tôi nằm đắp chung poncho với cô gái. Hơi ấm từ người nàng làm tôi khó chịu, không phải tôi khó chịu cô gái mà tôi khó chịu tôi. Đời thuở nhà ai, trong hoàn cảnh này, người ta ai cũng phải lo mà giữ sức khỏe, còn tôi, tôi lại muốn phung phí sức khỏe. Bộ chưa đủ mệt hay sao?
Bàn tay tầm bậy của tôi mầy mò tứ tung trong poncho. Cô gái không có thái độ hoan hô hay đả

đảo gì ra mặt, nhưng người cô ta đang từ âm ấm chuyển dần sang nóng, hơi thở dồn dập và rõ tiếng hơn. Đến một lúc thuận tiện, tôi tìm một vị thế thích hợp. Nhưng vị thế thích hợp đã không có với chúng tôi. Cát dính lung tung lên người chúng tôi, ở dưới hố thì hố được đào cong vòng như cái võng, kéo nhau lên trên miệng hố, đạn Việt Cộng bay loạn xạ ở tầm rất thấp.
Rất thèm, nhưng thôi thì đành chịu, lắc đầu, chép miệng, "ngậm ngùi".
Suốt từ lúc tôi về đến cái hố này, cô gái vẫn không nói một tiếng, và tôi cũng không nói một tiếng nào với cô ta.
Khải máy nói vọng sang từ cái gọ bên cạnh trong khi tay tôi vẫn đang mầy mò tầm bậy trong poncho:
- Người ta chạy hết rồi ông thầy ơi.
- Thằng Bưởi chạy đi kiếm áo giáp cho tao chưa về.
- Chắc nó chạy luôn theo mọi người rồi.
- Chắc không đâu, đợi nó một chút nữa thử coi.
Trời đã tối, tiếng súng bắn đi đã êm, chỉ còn những tiếng súng Việt Cộng bắn chúng tôi. Tiếng chân người chạy mỗi lúc một nhiều về hướng nam.
Khải máy và Phước râu chạy đến chỗ tôi. Khải máy la lên:
- Trời ơi ông thầy, người ta chạy hết rồi, ông còn nằm đó mà "moi lỗ"!
- Còn phải đợi thằng Bưởi nữa chứ.
- Đợi gì nữa mà đợi. Có thể nó đã chết rồi, cũng có thể nó đã chạy rồi.
Tôi quay sang cô gái:
- Thôi, chạy đi cô em.
Cô gái nhìn tôi, lắc đầu.
Tôi đứng dậy, chạy theo Khải máy và Phước râu.
Chúng tôi chạy lom khom qua hết những cái gọ nằm rải rác trên bờ, nhập vào dòng người đang chạy sát mé nước.
Chạy thì cứ chạy, không lẽ mọi người đã chạy mà mình lại không chạy, nhưng thực sự tôi không hiểu là chạy để làm gì, và chạy đi đâu, chạy về hướng nam tức là chạy về phía cửa Tư Hiền. Tôi chẳng buồn nghĩ là chạy về đó rồi sẽ làm gì, và mình có chạy nổi về đó hay không.
Phước râu đề nghị:
- Hồi nãy tụi nó tự tử nhiều quá, hay là mình tự tử luôn đi ông thầy.
Khải máy góp ý:
- Có lý đó ông thầy. Mình chạy như vầy để làm cái gì?
- Không, tụi mày ngu thấy mẹ. Người ta cắt đất để giao cho Việt Cộng. Tụi mình dở nên mình bị kẹt. Nếu bị bắt cũng chừng vài tháng chứ mấy, khi nào được trao trả về, đụ mẹ, đánh lại.
- Làm tù binh của Việt Cộng chịu gì nổi ông thầy.
- Cái gì mà không nổi, tụi mày không thấy tù binh được trao trả hồi ngưng bắn à, người ta ở tù bao nhiêu năm người ta còn chịu được. Bộ tụi mày không thấy thiếu úy Bông, chuẩn úy Nhường à!
Tiếng súng phía sau lưng đã hết, nhưng dòng người chúng tôi lại bị ăn đạn từ phía trong bờ mỗi lần chúng tôi chạy ngang một cái chốt của Việt Cộng. Cũng có những tràng súng, cũng có những quả lựu đạn được bắn trả, được ném trả vào những cái chốt đó. Không biết có giết được mạng nào không?
Việt Cộng được dịp bắn thả cửa vào chúng tôi. Số người trúng đạn không phải là ít.
Tôi nói với hai thằng đệ tử:
- Chạy trên cát thì lẹ nhưng mà nguy hiểm quá, trong khi mình đâu cần chạy nhanh hay chạy chậm. Chạy dưới nước chậm hơn nhưng an toàn hơn. Đạn bắn ra chỉ trúng thằng chạy trong thôi.
Phước râu và Khải máy mỗi đứa chạy một bên để đỡ tôi, khi nào mệt tôi choàng cổ hai đứa để được dìu chạy, khi nào tôi chạy được một mình, Phước râu lại tấp vào phía trong bờ, chạy trên cát.
Tôi ngạc nhiên:

- Mỗi lần buông tao ra mày chạy trên cát cho đỡ mệt hả?
- Tui đâu có mệt ông thầy, chạy phía này lỡ có bị bắn tui còn che được cho ông chớ.
Tôi xúc động ứa nước mắt. Khải máy đã từng về dự đại hội chiến sĩ xuất sắc ở Sài Gòn, nhưng vì là gốc quân phạm nên leo mãi leo hoài vẫn không lên nổi cái lon hạ sĩ trong khi đã đeo binh nhất từ trước khi về đại đội cũng có đến ba năm. Khải mang máy đại đội nên là tay thân tín của đại đội trưởng, thay vì chạy theo đại đội trưởng vừa đỡ mệt vừa có cả gạo sấy thịt hộp, Khải máy lại chạy với tôi, lãnh đủ cả đói lẫn mệt.
Phước râu là hạ sĩ, đã có một thời gian năm 72 làm quyền tiểu đội trưởng khi còn là binh nhất, trong khi với Thủy Quân Lục Chiến, hạ sĩ mới hy vọng mon men được đến cái chức tiểu đội phó. Hạ sĩ Phước là tay đánh giặc có hạng nhưng cũng là tay cứng đầu, nên vừa rồi đã được đại đội trưởng "trân trọng kính mời" ra khỏi đại đội để qua đại đội mới là đại đội 3. Là một con cáo già trong những trận đánh, đồng thời Phước râu cũng là một tay kinh nghiệm đầy mình trong những đợt "di tản chiến thuật". Bây giờ Phước râu tự ý lấy thân che đạn cho tôi trong khi tôi không còn là cấp chỉ huy của anh chàng.
Ba thầy trò tôi chạy dĩ nhiên là chậm so với những người cùng chạy nên cứ tụt dần về phía sau. Nhưng dòng người hình như vô tận nên chúng tôi dù có bị tụt dần vẫn không phải là những thằng sau chót.
Lại rất nhiều người bị bắn ngã từng chặng từng chặng khi chạy qua những cái chốt của Việt Cộng. Chưa bao giờ bọn chó má này được bắn sướng tay đến như vậy. Mỗi tràng đạn ít ra cũng phải trúng vài ba người. Nhưng ai ngã mặc ai, những người chạy vẫn cứ chạy.
Lại có rất nhiều người tự tử. Bây giờ họ không tự tử từng người, từng cá nhân mà họ tự tử tập thể. Không rủ, không hẹn và hầu như họ đều không quen biết nhau trước hoặc có quen biết đi nữa, bạn bè đi nữa họ cũng không thể nhận ra nhau trước khi cùng chết với nhau một lúc.
Dòng người chúng tôi đang chạy, một người tách ra ngồi lại trên cát, một người khác cũng tách dòng người ra ngồi chung, người thứ ba, người thứ tư, người thứ năm nhập bọn, họ ngồi tụm với nhau thành một vòng tròn nhỏ, một quả lựu đạn nổ bung ở giữa.
Dòng người chúng tôi tiếp tục chạy, lại một người tách ra ngồi trên cát, lại người thứ hai, người thứ ba, người thứ tư... nhập bọn, lại tụm với nhau thành một vòng tròn nhỏ, lại một quả lựu đạn nổ bung ở giữa.
Dòng người chúng tôi vẫn cứ tiếp tục chạy, lại một người tách ra ngồi trên cát, lại người thứ hai, người thứ ba, người thứ tư...
Tôi không thể nhớ để mà đếm nổi là đã có bao nhiêu quả lựu đạn đã nổ ở giữa những vòng tròn người như vậy. Nhiều, thật nhiều quả lựu đạn đã nổ.

***

Chúng tôi vẫn cứ chạy, những người tự tử tập thể vẫn cứ tụm thành những vòng tròn, quân đội Nhật năm 45 khi đầu hàng cũng không thể nào hào hùng hơn thế này được. Lịch sử Việt Nam chưa thấy viết một dòng nào về những cái chết hiên ngang của những thằng tốt đen như vậy, nhưng họ có đó, vẫn oai hùng khí phách chấp nhận những cái chết vô danh như vậy.
Chúng tôi vẫn cứ chạy, khi ngang qua những cái chốt của Việt Cộng, những người bị bắn trúng vẫn cứ ngã, những người tự tử vẫn cứ nổ lựu đạn. Ngoài biển vẫn có ánh đèn của những chiếc tàu qua lại.
Những người phía trước chạy chậm dần, chậm dần rồi ngừng lại.
Trong suốt thời gian chạy tôi nghe đủ thứ tiếng, tiếng chân, tiếng thở, tiếng sóng, tiếng súng, tiếng lựu đạn nhưng không nghe tiếng nói. Bây giờ mới bắt đầu ồn ào tiếng người.
- Đụ mẹ, sao không chạy tiếp?
- Chắc đến cửa Tư Hiền rồi.
- Cửa Tư Hiền còn xa, chắc gặp tiểu đoàn 8 lên đón.
- Ông thầy cho em miếng nước.
- Đụ mẹ, tao là lính chứ đâu phải sĩ quan mà kêu tao ông thầy.
- Thì đàn anh cho đệ tử một hớp.

- Hớp cái con cặc, bộ mày không có bình toong à!
Nghe đến nước, tôi mới thấy là mình cũng đang khát. Tôi liếm môi chịu đựng. Nhìn bình nước trên tay người vừa chửi thề, thèm thuồng. Cố tưởng tượng rừng me của Tào Tháo, vô ích, cổ tôi vẫn khô ran, không có tí nước bọt nào để mà nuốt.
Phước râu biết ý, ngoại giao.
- Anh cho trung úy tôi một hớp.
Người có bi đông nước nhìn tôi.
- Trung úy thiệt không đó cha?
- Thiệt mà, ổng là đại đội phó tui.
Anh ta đưa bình nước cho tôi.
- Một hớp thôi nghe ông.
Sau khi làm một ngụm nước, tôi mới có thể nói được.
- Cám ơn bạn.
Việt Cộng xuất hiện, chĩa súng về phía chúng tôi ra lệnh.
- Đi một hàng dọc lên đàng trước.
Một giọng khác có vẻ là cấp chỉ huy.
- Tất cả giơ tay lên!
Có tiếng trả lời.
- Bắt thì bắt, không giơ tay.
- Bọn này ngoan cố, không hàng, chúng ông bắn bỏ mẹ.
Nhiều tiếng nói trong chúng tôi vang lên.
- Bị bắt là tù binh, giơ tay hàng tụi nó coi mình là hàng binh. Không giơ tay!
Nhất loạt chúng tôi không ai giơ tay, chỉ nối đuôi nhau thành một hàng dọc đi tới. Đang đi một hàng dọc như vậy, một người tách ra khỏi hàng, chạy ào ra ôm cứng lấy một tên Việt Cộng. Tiếng lựu đạn nổ, cả hai ngã vật ra chết.
Một người khác lại chạy ào ra ôm cứng một tên Việt Cộng khác, lại một tiếng lựu đạn nổ, lại cả hai ngã bật ra chết.
Chúng tôi và Việt Cộng vẫn còn đang ở trong thế gờm nhau, chúng tôi đông nhưng đã mất chỉ huy và không có vũ khí, Việt Cộng tuy xuất hiện ít nhưng có súng.
Tôi nghe Việt Cộng nói với nhau.
- Bọn lính thủy đánh bộ này thằng nào cũng ngoan cố. Chắc chắn tụi nó còn lựu đạn trong người.
Một tên Việt Cộng, tên này chắc chắn là du kích nằm vùng vì đang xúng xính trong áo cà sa, đầu trọc lóc, đúng là một ông sư nhưng thay vì tay cầm mõ cầm nhang, lại lăm lăm một khẩu AK, mồm thay vì nói kinh nói Phật, lại ra lệnh cho chúng tôi.
- Chúng mày còn giấu lựu đạn trong người. Tất cả cởi hết quần áo ra!
Chúng tôi nhìn nhau, chưa có phản ứng gì, tên sư du kích quát lên.
- Đứng lại! Cởi hết quần áo ra!
Một người lính buột miệng hỏi.
- Cởi quần áo ra có bị coi là hàng binh không?
Cả chúng tôi lẫn Việt Cộng đều phì cười. Có lẽ tiếng cười đã làm không khí căng thẳng dịu lại.
Chúng tôi cởi quần áo ra rồi tiếp tục đi tới.
Đã có rất nhiều người bị bắt tập họp thành từng khối, ngồi quay lưng ra biển. Những người này không bị cởi quần áo như chúng tôi - những thằng bị bắt sau.
Ba thầy trò tôi ngồi nối đuôi nhau thành một hàng dọc trong khối mới bị bắt.
Phước râu nói với tôi.
- Ông khai là lính thôi nghe ông thầy.
- Sao vậy?
- Mình đi chung có gì tui còn lo cho ông được.
- Đâu được mậy, mình bị bắt cả đơn vị, tụi nó điều tra thế nào cũng lòi ra.
- Nhưng ông đâu đủ sức sống một mình trong tù.

- Nhằm nhò gì, ở tù ít tháng thôi chứ mấy, mà để coi ra sao đã.
Có tiếng nói từ trong đám tù binh.
- Yêu cầu cho nước uống.
Nhiều tiếng khác vang lên, lúc đầu còn rời rạc, càng lúc càng ăn nhịp dần, cuối cùng có cả tiếng vỗ tay bắt nhịp.
- Nước! Nước! Nước!
Cứ như vậy cho đến khi nước uống được hai ả du kích cái mang ra.
Nhiều người bu lại uống nước, lúc đầu còn uống tử tế, đến thùng thứ ba được mang ra, cũng vẫn nhiều người bu lại, nhưng chỉ một số người uống nước, số khác giả vờ chen lấn giành nước để bóp vú hai ả du kích.
Nhiều tiếng chí chóe vang lên. Tên Việt Cộng đứng ngoài hắng giọng hỏi.
- Cái gì ồn ào thế?
Thùng nước được hất đổ kèm theo nhiều tiếng nói.
- Hết nước rồi, yêu cầu cho thêm.
Tên Việt Cộng đứng ngoài ra lệnh.
- Đề nghị hai đồng chí mang thêm nước.
Khi thùng nước kế tiếp được mang ra, màn bóp vú lại tái diễn, và khi hai nữ đồng chí được đề nghị mang thêm nước lần nữa thì trốn luôn.
Không còn nước, không còn đàn bà, mọi người ngồi trở lại trong hàng. Một người lính vừa ngồi xuống bên cạnh quay sang nhìn tôi cười.
- Đụ mẹ, bị bắt mà còn được bóp vú Việt Cộng, đã quá!
Sau khi đếm người xong, Việt Cộng đưa chúng tôi vào sân của một trụ sở ấp.
Tôi hỏi giờ một người đeo đồng hồ. Đúng 12 giờ khuya ngày 26 rạng 27 tháng Ba.
Nghe đâu làng này có cái tên rất độc đáo: làng Cự Lại.
Ngày 26 tháng Ba là ngày Người Cày Có Ruộng.
Ngày 26 tháng Ba là ngày cả một Lữ đoàn Thủy Quân Lục Chiến bị khoảng một đại đội du kích Việt Cộng bắt sống.
Chuyện không bao giờ tin được đã xảy ra.
Hỏi trời, hỏi đất, hỏi lính, hỏi quan. Hỏi ai đây, trách nhiệm ai đây về chuyện ô nhục này của quân sử?
Tôi sực nhớ đến câu có vẻ cải lương nhưng ngẫm thấy cũng có lý: “Làm trai không sợ gì sương gió, chỉ sợ đời không có gió sương”. Chúng tôi những thằng lính tình nguyện về một binh chủng thừa mứa gió sương, và bây giờ bị Việt Cộng bắt, chúng tôi sắp sửa được hưởng một cuộc sống chắc chắn là không thiếu gì sương gió, không hiểu một tên lính nào đó khi xâm hàng chữ này vào người có nghĩ đến hoặc có tiên đoán đến ngày hôm nay, ngày 26 tháng Ba này không?
Phước râu lại dặn dò tôi.
- Ông thầy nhớ khai là lính nghe.
Lúc trời gần sáng, Việt Cộng yêu cầu ai là sĩ quan tập họp riêng ở gần cổng trụ sở ấp.
Lúc đầu còn lác đác nhưng rồi chỗ tập họp riêng cho sĩ quan đông dần, hình như chẳng còn thiếu ai, ngoại trừ mấy ông cấp tá.
Tôi gặp trung úy Gắt, thiếu úy Dzu, Huy mập, Du Hồ. Tôi lại gặp Sĩ tiểu đoàn 2 Pháo binh. Tôi còn gặp cả một thằng bạn cũ cùng học với nhau hết bậc trung học ở trường Nguyễn Trãi, Vũ Đức Giang, khi chúng tôi đang bị trói chung bằng một sợi dây điện dài. Tôi ngạc nhiên kêu lên.
- Giang, mày làm gì mà cũng bị bắt ở đây?
- Ơ Huy, cả chục năm mới gặp lại mày.
- Tao hỏi mày làm cái giống gì mà cũng bị bắt ở đây?
- Tao Thủy Quân Lục Chiến.
- Mẹ kiếp, cậu đếch tin, mày mà cũng dám giết người à? Mà sao ở Thủy Quân Lục Chiến, tao không gặp mày?
- Tao mới ra trường về Thủy Quân Lục Chiến khoảng nửa tháng nay.
- Mày bác sĩ à?

- Ừ, tao về tiểu đoàn 7.
- Tội nghiệp thằng bé, mày cũng sợ đời không có gió sương à?
Giang ngơ ngác.
- Gió sương gì? Cởi trần ngồi suốt đêm ngoài trời thế này mày bảo không bị sương à?
Trời sáng rõ.
Mấy tên Việt Cộng gác chúng tôi cầm súng đi qua đi lại trước cổng. Một tên đứng gác trên chòi canh. Dân chúng bu sát vào hàng rào tò mò nhìn chúng tôi. Nhiều người đã cầm sẵn trên tay rổ khoai lang khoai mì để bán cho chúng tôi.
Những người bị bắt trước tôi không bị cởi quần áo nên họ có tiền, và vì là lính nên không bị trói, ra sát hàng rào mua bán với dân chúng.
Bọn Việt Cộng cố gắng ngăn cản vụ mua bán nhưng không nổi, cuối cùng đành phải ngó lơ.
Nhiều người lính đem khoai sắn đến đút cho chúng tôi ăn.
Số sĩ quan chúng tôi cũng có đến cả trăm mạng, bị trói quặt cánh tay ra sau, nối tiếp nhau bằng sợi dây điện dài. Một số đã bị trói bằng dây kẽm vì không đủ dây điện. Lợi dụng lúc lộn xộn không có hàng ngũ gì, chúng tôi đã bàn với nhau.
"Nếu được đi chung với lính thì thôi, còn nếu bị dắt đi riêng ra phía biển, tức là bị đem đi bắn, chúng tôi sẽ cướp súng bắn lại"
Đằng nào cũng chết, cướp súng bắn lại ít ra cũng giết gỡ được vài mạng.
Phước râu, Khải máy, trung sĩ Khang cũng bu đến chỗ tôi ngồi. Tôi nói đủ cho mấy đứa nghe.
- Khang đứng lùi ra che mắt mấy thằng gác, thằng Khải xin miếng khoai đút tao ăn, còn thằng Phước ngồi xuống nới lỏng dây trói cho tao.
Tôi dặn thêm Phước râu.
- Nới lỏng vừa đủ để nếu cần, rút tay ra được. Lỏng quá dễ bị bể.
Bằng cùng một cách này, tất cả dây trói chúng tôi lần lượt đều được nới lỏng.
Những tin đồn về mấy ông tiểu đoàn trưởng của chúng tôi được loan truyền.
- Chính mắt thằng A thấy ông Cang bắn súng vào đầu tự tử.
- Chính mắt thằng B thấy ông Tiền tự tử chung với mấy người nữa bằng lựu đạn.
- Thằng C đã vuốt mắt cho ông Sử ở bờ biển sau khi ông ta tự bắn vào đầu.
- Chính mắt thằng này ...
- Chính tay thằng nọ ...
Những lời đồn đã làm chúng tôi hãnh diện, những lời đồn đã giúp chúng tôi thản nhiên ngồi chờ Việt Cộng dắt ra bờ biển. Nhưng rồi, quá nhiều lời đồn không giống nhau, có khi trái ngược hẳn nhau dần dần khiến chúng tôi nghi ngờ. Không lẽ một người mà vừa tự tử bằng súng, vừa tự tử bằng lựu đạn lại vừa trốn vào nhà dân mướn ghe, mướn tài công để chạy ra biển.
Tôi hỏi một người vừa nói với tôi là ông Tiền tự tử.
- Mày có trông thấy ông Tiền cầm súng bắn vào đầu không?
- Em không thấy nhưng thằng A nói chính thằng B trông thấy.
Tôi hỏi một người khác nói về ông Cang.
- Mày có thấy ông Cang tự tử không?
- Chính thằng tà lọt của ông Cang nói với em.
Tôi nghĩ bụng, lính đồn nhiều khi rất đúng, nhưng lúc này thực ra chỉ là để thỏa mãn một nhu cầu. Những lời đồn hiện đang được loan truyền chỉ có thưởng chứ không có phạt trong lúc này.
Khoảng 9 giờ sáng, Việt Cộng kiểm điểm số sĩ quan chúng tôi rồi bắt đi một hàng dọc ra khỏi cổng trụ sở ấp.
Trước khi đi, chúng tôi đã nhìn nhau ngầm ra hiệu.
Ra khỏi cổng trụ sở ấp, qua khỏi cổng chùa nằm ngay cạnh ấp, chúng tôi tập họp lại thành nhiều hàng ngang. Việt Cộng ra lệnh ngồi đợi. Đợi cái gì chúng tôi không biết.
Dân chúng vẫn bu quanh hàng rào để buôn bán. Lính tráng bị giữ trong trụ sở ấp vẫn ồn ào; tôi còn nghe cả tiếng ca hát nữa. Họ quả là những người thật vô tư.
Một người trong hàng chúng tôi lên tiếng.
- Yêu cầu các anh cho lấy trả chúng tôi quần áo.

Tên Việt Cộng đứng canh chúng tôi hống hách.
- Cái gì của chúng mày, quần áo gì của chúng mày. Tất cả mọi thứ là của nhân dân, chúng mày không có quyền đòi cái gì hết.
Chúng tôi cười ồ lên, nhiều người tranh nhau nói.
- Té ra người dân nào cũng là Thủy Quân Lục Chiến hết à?
Không hiểu tên Việt Cộng vì không hiểu câu nói hay vì không nghe rõ nên tiếp tục hùng hổ.
- Đến nước này chúng mày còn lôi Thủy Quân Lục Chiến ra dọa nữa hả? Ông cho chúng mày một tràng đạn xong đời chúng mày bây giờ.
Trong hàng lại ào ào lên tiếng.
- Bắn đi.
- Có giỏi bắn ngay bây giờ đi.
Trong lúc nói ào ào lên như vậy, mọi người chúng tôi tuy tay vẫn để quặt ra sau lưng nhưng đã rút ra khỏi dây trói. Tất cả đều ở tư thế sẵn sàng.
Tên Việt Cộng mặt mũi còn non choẹt, không biết phải có thái độ như thế nào trong hoàn cảnh này nên lính qua lính quýnh, tay nắm thật chặt khẩu súng chĩa thẳng vào chúng tôi, chân bước giật lùi mấy bước, mắt ngó dáo dác cầu cứu, mồm lắp ba lắp bắp.
- À, chúng mày làm loạn, chúng mày làm loạn.
Một tên Việt Cộng khác có lẽ cấp bậc lớn hơn từ trong chùa đi ra hỏi.
- Cái gì đấy đồng chí?
- Bọn này làm loạn.
Tên mới ra này nhìn anh em chúng tôi.
- Yêu cầu anh em giữ trật tự. Anh em cần gì cứ cho chúng tôi biết nhưng không được làm ồn ào.
- Chúng tôi yêu cầu trả quần áo lại cho chúng tôi.
- Được rồi, anh em ngồi đợi tôi cho người đi lấy.
Tên này quay vào chùa, cho thêm mấy tên nữa tăng cường để gác chúng tôi.
Những bàn tay đã rút ra khỏi dây trói, được ý tứ đút trở lại. Mấy người dân ôm từng ôm, từng ôm quần áo của chúng tôi bị vứt bỏ dưới bờ biển tối hôm trước lên để thành từng đống trước mặt chúng tôi.
- Yêu cầu cởi trói để chúng tôi mặc quần áo.
Tên Việt Cộng hùng hổ lúc nãy lại tiếp tục sừng sộ.
- Cởi trói để chúng mày làm loạn à?
- Không cởi trói sao mặc quần áo được?
- Mặc sao được kệ chúng mày.
Chúng tôi lại ào ào lên. Tên Việt Cộng có vẻ là cấp chỉ huy lại từ trong chùa đi ra, trông thấy đống quần áo.
- Sao chưa phát quần áo cho người ta, -quay sang phía chúng tôi, tên này nói tiếp-, các anh lại ồn ào cái gì nữa?
- Yêu cầu phát quần áo và cởi trói cho chúng tôi để chúng tôi mặc.
Tên này đứng suy nghĩ có vẻ lung lắm.
Tôi chờ đợi và suy nghĩ cũng không kém. Số phận của chúng tôi đã được quyết định sẵn, và quyết định như thế nào chúng tôi có thể đoán được tùy theo việc của chúng tôi được cởi trói hay không. Nếu không được cởi trói, chắc chắn chúng tôi sẽ bị bắn rất sớm. Còn nếu được cởi trói, không hẳn là chúng tôi sẽ không bị thanh toán nhưng thời gian còn hơi lâu, có thể là cuối ngày, có thể nửa đêm, có thể là phải đợi cho đến khi nào bọn chúng có đủ phương tiện mang chúng tôi đi xa, thật xa những người lính để họ không hay biết gì.
Quần áo cũng đã được mang vào trong vòng rào trụ sở ấp để phát cho lính. Quần áo chất đống trước mặt chúng tôi được ném đến từng người tuy chưa đủ. Như vậy chắc chắn chúng tôi sẽ được cởi trói, nhưng cũng chẳng ai cấm bọn chúng chỉ cởi trói để chúng tôi mặc quần áo rồi sau đó lại trói lại.
Tôi cười một cách đau khổ. Nếu cởi trói luôn, mọi chuyện sẽ tiến triển tốt đẹp, nhưng nếu bị trói

lại hóa ra chúng tôi lỗ vốn quá nặng vì hiện giờ trên nguyên tắc là chúng tôi bị trói nhưng trên thực tế, chúng tôi muốn rút tay ra lúc nào cũng được. Sau khi mặc quần áo xong, bị trói trở lại, chắc chắn tay chúng tôi sẽ bị trói thật chặt. Bị trói chặt cả trên nguyên tắc lẫn thực tế. Nếu bị đem đi bắn, khả năng chống cự của chúng tôi sẽ yếu hẳn đi, chưa chắc đã giết gỡ được tên Việt Cộng nào.
Tên chỉ huy có khuôn mặt cáo già, sau một hồi suy nghĩ đã ra lệnh cởi trói cho chúng tôi.
Cũng may, Việt Cộng cởi trói cho người ngồi ở đầu mỗi hàng, rồi sau đó chúng tôi lần lượt cởi trói cho nhau, nên bọn chúng không biết được là dây trói chúng tôi thực sự đã lỏng le lỏng lét.
Quần áo được phát sao mặc vậy nên trông chúng tôi rất tức cười. Tôi, tiểu đoàn 4 mặc áo có bảng tên của tiểu đoàn 3, thằng tiểu đoàn 3 mặc áo của tiểu đoàn 5; thằng to như trâu nước mặc áo quá nhỏ không thể cài cúc, thằng nhỏ con mặc áo rộng thùng thình, nếu đứng dậy ai cũng phải nghĩ là cởi truồng vì cái áo dài che luôn cả quần lót.
Chúng tôi chẳng thằng nào buồn đổi áo cho thằng nào, cứ vậy ngồi nhìn nhau khúc khích cười như một lũ con nít.
Chúng tôi bị trói trở lại. Quả thật là đau, đòi mặc quần áo chỉ là một cái cớ để được cởi trói, bây giờ mặc quần áo rồi, bị trói trở lại, chúng tôi chẳng còn nhờ được ai nới dây trói cả. Nhưng đã dự trù việc này nên lợi dụng lúc mặc áo, chúng tôi đã bứt đứt sợi dây điện ở nhiều khúc nên khi bị trói lần thứ nhì này, chúng tôi chỉ còn bị trói chung từng tốp vài ba mạng, xoay trở chắc chắn dễ dàng hơn là bị trói chung nhiều người vào một sợi dây dài.
Thua keo này bày keo khác! Bắt đầu có người đòi uống nước, đồng thời có người đòi đi đái, có người đòi đi ỉa.
Chúng tôi có cả một lực lượng lính hùng hậu không bị trói ở gần đó đang theo dõi chúng tôi, nên Việt Cộng dù có muốn cũng chưa dám hành hạ chúng tôi. Nước được đem ra và chúng phải bưng cho từng người chúng tôi uống. Những người đòi đi đái đi ỉa được cởi trói dẫn ra phía bờ biển. Chúng tôi tiếp tục đòi uống nước, đòi đi đái, đòi đi ỉa loạn xà ngầu lên. Bọn Việt Cộng phần cho người đi lấy nước, phần phải bưng nước cho chúng tôi uống, phần phải cởi trói dẫn chúng tôi đi đái đi ỉa, phần phải trói lại những người đi ỉa đái về, phần lại còn phải canh gác chúng tôi nhưng vì không đủ người nên nhiều người trong chúng tôi đã không kịp bị trói lại.
Cuối cùng có quyết định của tên chỉ huy là cởi hết dây trói chúng tôi, với điều kiện chúng tôi phải giữ trật tự, ngồi trong hàng. Muốn gì giơ tay xin từng người một.
Chúng tôi được cởi trói.
Ông sư bắt chúng tôi tối hôm qua từ trong chùa đi ra, đi dép vỏ xe, mặc áo lam già, vai khoác AK, đầu trọc lóc không mũ được che bằng cái khăn mù xoa buộc túm bốn góc, vừa cười vừa nói với chúng tôi.
- Chào anh em, anh em có khỏe không?
- Bị bắt mà khỏe mẹ gì!
- Anh em đừng nghĩ là mình bị bắt. Anh em phải lấy làm sung sướng vì mình được nhân dân và cách mạng giải phóng ra khỏi guồng máy chiến tranh xâm lược phản dân hại nước của bọn Mỹ Ngụy.
- Ông lầm rồi, chúng tôi chiến đấu để bảo vệ tự do, chúng tôi đâu có xâm lược ai.
- Anh em không xâm lược, anh em làm bia đỡ đạn cho bè lũ xâm lược. Tổ quốc đứng về phía chúng tôi. Bây giờ anh em về với nhân dân, cách mạng có nhiệm vụ phải bảo vệ anh em, lo lắng và giúp đỡ anh em. Anh em sẽ được giáo dục để trở về đứng cùng một chiến tuyến với cách mạng, với nhân dân. Anh em hãy theo gương trung đoàn 56 của trung tá Phạm Văn Đính, cách mạng đã đối xử một cách rất khoan hồng, lại còn cho giữ nguyên quân hàm cũ.
Người ngồi cạnh tôi, giơ tay lên vừa cười vừa nói.
- Vậy đồng chí cho xin điếu thuốc.
Nhà tu hành đang tươi cười "thuyết pháp", chợt sa sầm mặt xuống, chụp ngay cổ áo người vừa nói, giựt giựt mấy cái, vừa giựt vừa gằn từng tiếng.
- Ai là đồng chí với mày, mày là kẻ thù của tao. Không có chính sách khoan hồng của cách mạng thì mày đã toi đời rồi con ạ.

Chúng tôi ngồi nháy mắt nhìn nhau cười.
Dân làng gánh những thúng cơm đến phát cho chúng tôi. Mỗi phần ăn được chừng một bát cơm và một miếng cá khô gói trong lá chuối. Phần ăn dù ít cũng không đủ để phát đều cho tất cả chúng tôi. Lý do khá giản dị là không ai tưởng tượng nổi con số chúng tôi bị bắt đông đến như vậy.
Khoảng 2 giờ trưa, bọn Việt Cộng được tăng cường thêm bộ đội chủ lực đến, di chuyển tất cả tù binh chúng tôi ra phá Tam Giang đợi gọ để đi sâu vào trong đất liền.
Tại bờ phá, khi không còn bóng dáng người dân nào, chúng tôi bắt đầu được nếm mùi thổ phỉ, kẻ bị tước bút, người bị lột đồng hồ, kẻ bị tháo nhẫn, người bị gỡ dây chuyền. Nhiều tên du kích mặt mũi non choẹt, chừng mười lăm, mười bảy tuổi vác M-16, vác AK la hét, chửi mắng chúng tôi.
- Thằng này đeo nhiều bút chắc chắn phải là thằng chỉ huy cấp lớn, lột hết bút nó đi.
- Thằng này để nhiều râu chắc chắn phải là thằng sĩ quan, lột đồng hồ của nó ra.
Thôi thì có quá nhiều lý do “chính đáng” để chúng tôi bị lột sạch. Thậm chí đến sợi dây kim loại để đeo thẻ bài chúng tôi cũng bị lột với lý do là phương tiện chiến tranh của quân đội Ngụy.
Ưu tiên sĩ quan chúng tôi qua phá trước hết.
Trong khi tập họp đợi tất cả mọi người qua phá, một tên hình như là cán bộ chính trị đứng thao thao bất tuyệt với chúng tôi.
- Nào là quân đội nhân dân là quân đội bách chiến bách thắng dưới sự lãnh đạo sáng suốt của đảng.
- Nào là các anh là những người may mắn đã được nhân dân và cách mạng giải phóng khỏi gông xiềng của Mỹ Ngụy.
- Nào là chính sách khoan hồng nhân đạo của chính phủ lâm thời Cộng Hòa Miền Nam Việt Nam đối với tù tàn binh biết ăn năn hối cải.
- Nào là thành phố Đà Nẵng đang bị bao vây mọi mặt, mọi phía từ đường núi, đường bộ, đường biển đến vùng trời.
Một người đứng lên hỏi.
- Xin anh giải thích cho chúng tôi một số điều, thứ nhất hành động chôn người tập thể tại Huế trong trận tết Mậu Thân và bắn giết bừa bãi những người dân vô tội tại đại lộ kinh hoàng năm 72, thứ nhì, tại sao mang tiếng là xâm lược mà khi chúng tôi rút khỏi Quảng Trị và Huế, dân chúng lại bỏ chạy hết vào Đà Nẵng và Sài Gòn để tránh nạn Cộng Sản, thứ ba, anh giải thích thế nào về hành động quân đội nhân dân của các anh đã và đang cướp bóc ở bên kia phá, thứ tư, chúng tôi sử dụng súng đạn của đế quốc Mỹ hay mấy anh sử dụng súng đạn của Cộng Sản Nga, Tàu để tàn sát đồng bào, thứ năm...
Tên cán bộ chính trị Việt Cộng tức giận ngắt lời và ra lệnh cho bọn thủ hạ.
- Lôi cổ thằng ngoan cố này ra ngoài -quay sang chúng tôi, hắn gằn giọng- Các anh phải biết đảng và nhân dân chỉ khoan hồng cho người nào thực sự biết ăn năn hối cải, còn tên nào ngoan cố chỉ có hại vào thân thôi.
Nói xong, tên này hầm hầm đi ra ngoài.
Chúng tôi nghe một tiếng súng nổ ở phía phá Tam Giang.
Khi mọi người đã qua phá xong, chúng tôi bị dẫn đi dọc theo con đường đất quanh co hướng về phía quốc lộ 1.
Lúc nãy, ở bờ phía bên kia phá, chúng tôi được nếm mùi cướp bóc, thổ phỉ, và bây giờ trên con đường đất hai bên là ruộng, là lùm, là bụi này, chúng tôi được thưởng thức món giết người. Đoàn tù chúng tôi đi thất thểu trên đường, đoành một tiếng, một xác người ngã xuống bờ ruộng, đoành một tiếng, một xác người nữa ngã xuống bờ ruộng. Một người đi ngay bên cạnh tôi bị bắn vào đầu, máu và óc văng dính cả vào người tôi.
Trò bắn giết rất kỳ cục và khó hiểu. Những người bị bắn chết và những người không bị bắn - hay chưa bị bắn- đều không hiểu tại sao bọn Việt Cộng lại bắn người này mà không bắn người kia. Tại sao thằng Việt Cộng này không bắn người này mà bắn người nọ? Chúng tôi rất hoang mang nhưng lúc này không ai có phản ứng gì, mọi người vẫn cứ lầm lũi, thất thểu đi. Đói, khát,

mệt mỏi và luộm thuộm lếch thếch, chúng tôi đi, hoang mang không hiểu bao giờ đến lượt mình bị bắn.
Số người bị bắn mỗi lúc dĩ nhiên mỗi nhiều hơn. Tất cả lon lá đã được gỡ ra từ sáng, khi chúng tôi mới nhận được quần áo mang từ bờ biển vào. Râu ria trên mặt biểu hiệu cho chức cấp hiểu theo nghĩa Việt Cộng cũng không phải, vì nhiều người để râu, trong đó có cả tôi, không hay chưa bị bắn, nhiều người râu ria nhẵn nhụi đã bị bắn.
Mãi về sau, khi nghe được bọn Việt Cộng cầm súng đi tìm người để bắn nói chuyện với nhau chúng tôi mới vỡ lẽ ra. Những tên Việt Cộng nào đã từng bị tiểu đoàn Thủy Quân Lục Chiến nào đánh cho xất bất xang bang lúc trước, lúc này cứ đi tìm huy hiệu và bảng tên của tiểu đoàn đó mà bắn.
Người mặc áo có gắn phù hiệu của tiểu đoàn 5 không bị thằng Việt Cộng này bắn nhưng bị thằng Việt Cộng khác bắn. Người mặc áo có gắn phù hiệu tiểu đoàn 3 bị bắn bởi thằng Việt Cộng không bắn người mặc áo của tiểu đoàn 4.
Chúng tôi lột hết bảng tên và phù hiệu tiểu đoàn.
Cuộc bắn giết thưa dần rồi chấm dứt.
Chúng tôi bị đưa về căn cứ La Sơn nhốt tạm để sau đó, hạ sĩ quan và binh sĩ bị đưa nhốt ở Khe Tre, Nam Đông. Đám sĩ quan chúng tôi bị đưa về cây số 23, gần ngay chỗ Ban chỉ huy tiểu đoàn 4 ít ngày trước, đối diện với làng Đồng Lâm.
Khoảng giữa tháng Tư, chúng tôi bị đưa về trại tù binh chính thức nằm phía bắc Khe Sanh, sát biên giới Lào, ở ngay đầu nguồn sông Bến Hải.

Cali 85